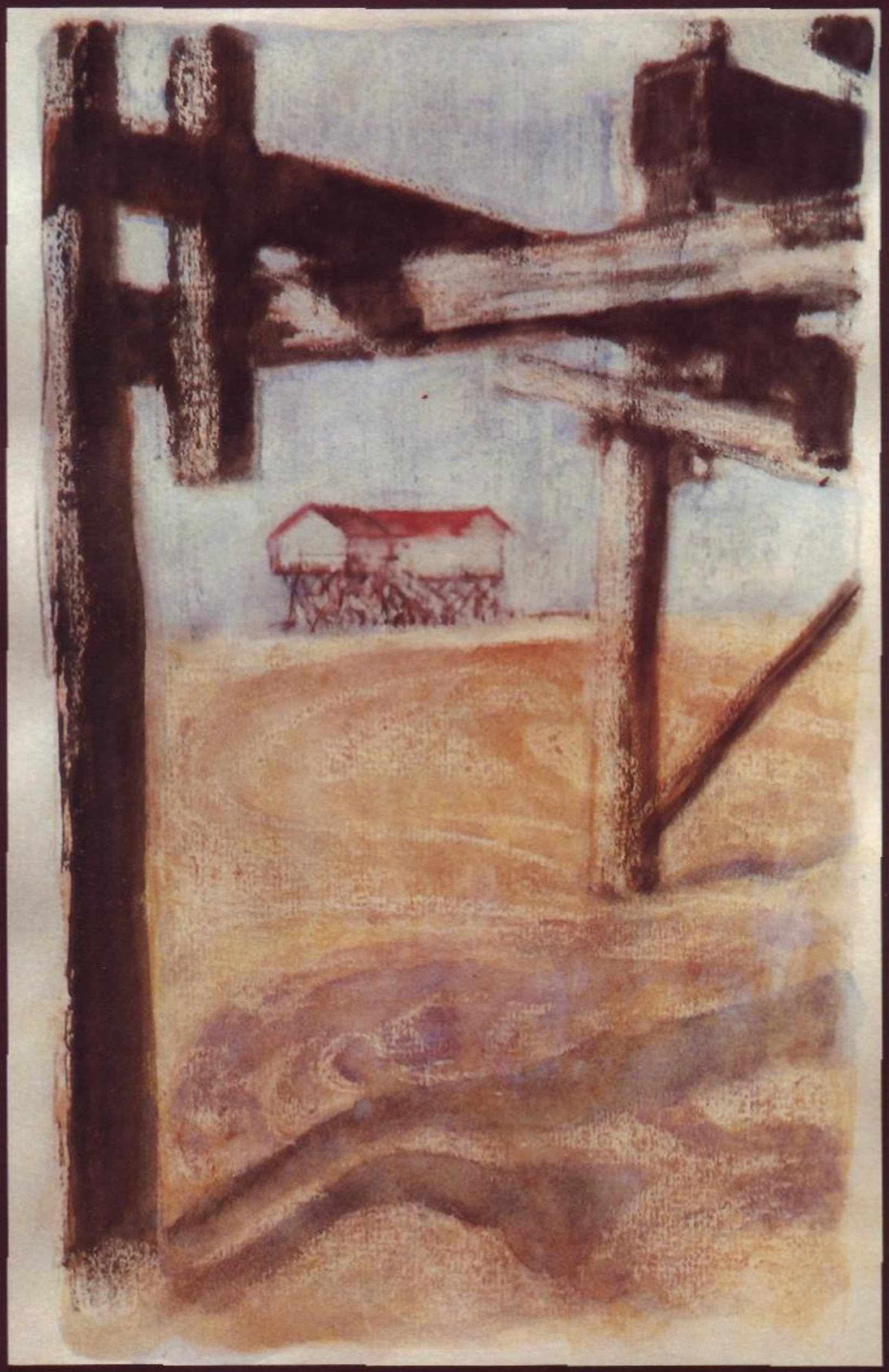
làng văn

94
Tháng 6.92



Sẽ phát-hành rộng-rãi, tháng 6.1992

loạt tham-luận của Nguyễn Hữu Nghĩa về

. Tiếp-tế thân-nhân tại quê nhà và du-lịch CSVN
. Chia cắt lãnh-thổ Việt-nam
. Hòa-hợp hòa-giải dân-tộc
. Nhận-diện văn-nghệ cải trói
. Viện-trợ cho Hà-nội
. Giao-lưu văn-hóa với CSVN
. Trường-hợp Trịnh Công Sơn
. Kinh-nghiệm Liên-sô và Đông Âu
. Trường-hợp Dương Thu Hương
. Phê-bình bản dự thảo sửa đổi hiến-pháp của CSVN

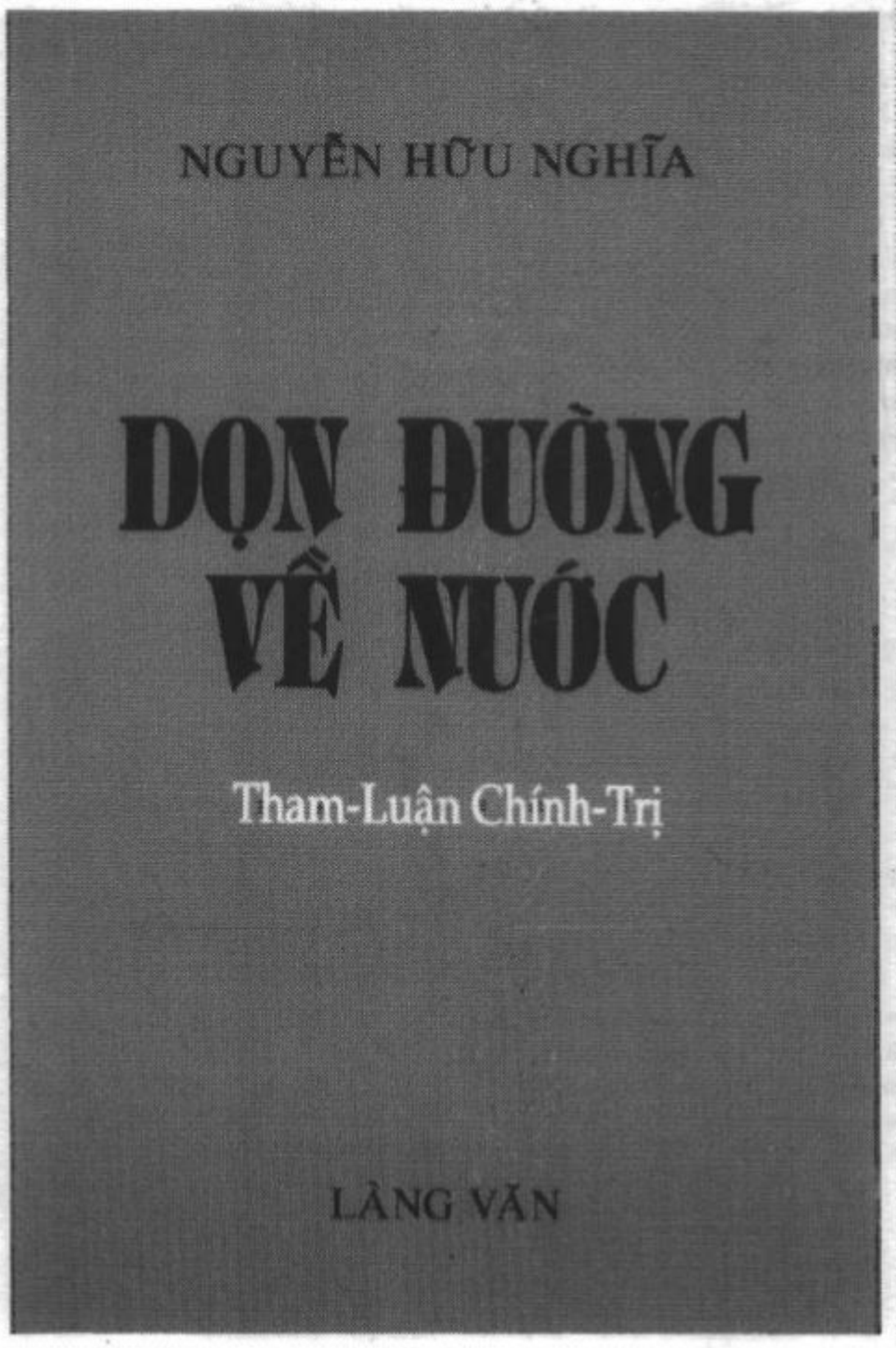
Phát-hành trong năm:

■DỌN ĐƯỜNG VỀ NƯỚC

tập 2:

- Đấu-tranh trong lòng địch
- Giải giới quân-sự
- Tháo-gỡ chính-trị
- Chiến-tranh nổi dậy
- Điều-kiện tiến tới bầu-cử tự do
- Phác-họa một thể-chế tương-lai cho đất nước
- Các vấn-đề thời-sự

■PHÊ-BÌNH HIẾN-PHÁP 1992 CỦA CSVN



TRUONG THI KIM ANH
NORWAY

làng văn

P.O. Box 310, Station "W"
Toronto, Ont., M6M 5B9, Canada
Tel. (416) 249-4195 / Fax: (416) 240-0342

Published 12 times a year
Second Class Mail Reg. No 8040
ISSN: 0832-1922 — LDN: 310578.

Volume 9 — No 93 — June 1992
(Toronto: May 15, 1992)

TRONG SỐ NÀY:

Tin vắn thế-giới 2
Tin Việt-nam 4
Phật-giáo VN va-chạm với nhà cầm quyền Hà-nội 6
CSVN mưu-toan thành-lập Hướng-đạo 7
Trong làng 10
Ngoài ngõ 14
Quốc-hội California tuyên-dương chiến-sĩ Võ Đại Tôn 18
Tin tị-nạn 19
Kết-quả giải Văn-học nghệ-thuật Làng Văn 91-91 20
NHỮNG BÀI THƠ ĐOẠT GIẢI VHNT LàNG VĂN 91-92:
Thơ Nguyễn Hưng, Lê Dã Sử 22
Thơ Hoàng Việt Thi, Kinh Tân 23
Thơ Hoài Việt, Trương Ái Minh, Bảo Trân, Tô Giang 24
Thơ Nguyễn Hưng 25
Thơ Tường Hùng, Hoàng Việt Thi 25
Thơ Hồng Hưng, Trần Quốc Thắng, Đan Hà 27
Những mảnh rời cần được ráp-nối lại, *Sơn Tùng* 28
Khác nhau một chữ, *Lãng Nhân* 31
Thơ Thúy Sơn 33
Cuộc khởi-nghĩa 18 thôn Vườn trầu, *Hứa Hoành* 34
Tạo dựng băng hình con rối, *Lương Thế Nam* 37
Tình muộn, *Nguyễn Ngọc Ngạn* 41
Thơ Cao Hoàng Nhân 45
Thơ Hồ Ông 48
Nói chuyện sách, *Võ Đình* 49
Thơ Vạn Giả 51
Dọc đường, *Đông Nghi* 53
Thơ Trần Huy Phương 57
XÓM CŨ:
Miếng ngon quê-hương, *Nguyễn Thanh* 58
Kinh Bắc cố xưa, *Bùi Xuân Đáng* 61
Thơ Nguyên Nghĩa 63
Giấc mộng bà già trầu, *Hồ Trường An* 64
Thơ Cao Tiêu 69
Gửi hương cho gió, Lê Thị Thấm Vân 72
Ngọc sáng trong hoa sen, *Nguyên Phong* 75
Thơ Hà Huyền Chi, Nguyễn Bá Dĩnh, Nguyễn Văn Ngọc 76
Thơ Vân Nương 78
Xếp Al Capone IV, *Lê Xuân Nhị* 80
Thơ Tuệ Nga 83
Thơ Phạm Quang Ngọc, Nguyễn Huy Phước 84
Thơ Thủy Trang 86
Bản cáo-trạng Tây-tạng, *Hoàng Lan* 89
Chân Quang, *Tự Tình* 94
Thơ Nguyễn Tư 96
Độc-giả thắc-mắc 100
Điểm sách 104
Diễn-đàn 106
Nhắn tin tị-nạn 112
Thư đi tin lại 114

Tranh bìa: Nguyễn Hứa Cẩm Phương

Chủ-nhiệm: Nguyên Hương
Chủ-bút: Nguyễn Hữu Nghĩa
Tổng Thư-ký: Hồ Trường An
Thư-ký tòa-soạn: Nguyên Nghĩa

Ban biên-tập:
Bạch Thái Hà—Bút Chì—Cao Tiêu—Cung Vũ
Diệu Tần—Dương Thượng Ngã—Đan Quế
Đào Trường Phúc—Đào Huy Đán—Đỗ Khánh Hoan
Hà Huyền Chi—Hoàng Chính—Hoàng Du Thụy
Lãng Nhân—Lâm Hảo Dũng—Lê Văn Lân
Ngô Nguyên Dũng—Nguyên Phong
Nguyễn Đức Bạt Ngàn—Nguyễn Văn Ngọc
Nguyễn Ngọc Ngạn—Phạm Quang Ngọc—Phạm Thăng
Tự Tình—Thái Văn Kiểm—Trường Sơn Lê Xuân Nhị
Tuệ Nga—Trần Thiện Hiệp—Trần Văn Tích—Võ Đình

Cộng-tác:
Bắc Phong—Bảo Chấn—Cao Bình Minh—Cao Xuân Lý
Cao Xuân Tứ—Đặng Thị Quế Phượng—Đoàn Tam
Đỗ Quý Toàn—Đông Nghi—Hàn Song Tường
Huỳnh Liễu Ngạn—Hoài Châu—Kha Huyền
Mai Kim Ngọc—Ngọc Hân—Ngọc Khôi—Như Chi
Ngô Du Trung—Nguyễn Bá Dĩnh—Nguyễn Đức Lập
Nguyễn Đức Tùng—Nguyễn Quốc Trụ—Nguyễn Văn Ba
Nguyễn Hải Hà—Nguyễn Huy Phước
Nguyễn Mạnh An Dân—Nguyễn Việt—Nguyễn Tư
Nguyễn Trung Tâm—Nguyễn Thị Vinh
Nguyễn Hữu Nhật—Phạm Hoàng Hộ
Quỳ Hương—Phùng Nhân—Thái Tú Hạp
Thủy Trang—Tô Kiều Phương—Trần Mộng Tú
Trần Quang Hải—Trần Vấn Lệ
Trịnh Gia Mỹ—Vân Nương—Võ Phiến

Minh-họa: Nguyễn Nhật Tân
Góp tranh:
Babui—Nguyên Khai—Nguyễn Đông—Nguyễn Tăng
Nguyễn Thị Hợp—Nguyễn Tường Quý—Phạm Thế Trung
Thái Tuấn—Vẹt—Vi Vi—Võ Đình—Vũ Thái Hòa

Nhiếp-ảnh:
Lê Quang Xuân—Cung Vũ

- *Văn-phòng đại-diện tại Âu-châu: Bạch Thái Hà*
  Anh: Hoài Châu *Pháp: Bạch Thái Hảo*
  Đức: Ngô Việt Dũng *Hòa-lan: Hồ Thị Chiến*
  Na-uy: Dương Kim
- *Văn-phòng đại-diện tại Á-châu: Đỗ Thông Minh*
- *Văn-phòng đại-diện tại Úc-châu: Phạm Quang Ngọc*
- *Đại-diện tại Hoa-kỳ:*
  Nguyễn Ngọc Thanh (Texas) Linh Phương (Floria)
  Nguyễn Hùng (Bắc Cali) Võ Thắng Tiết (Nam Cali)

GIÁ BÁO BÁN LẺ
Gia-nã-đại & Hoa-kỳ: $4 — Pháp: 30 quan
Anh: 2 bảng — Đức: 8 đức mã
Hòa-lan: 8 gulden — Đan-mạch: 25 krone
Úc: 8 úc-kim — Nhật: 600 yen

Giá báo dài hạn và giá biểu quảng-cáo: trang 111

tin vắn



KHÁNG CHIẾN A-PHÚ-HÃN NẮM CHÍNH-QUYỀN

Sau 14 hi-sinh xương máu, kháng chiến-quân A-phú-hãn đã lấy lại chính-quyền hôm 29.4 vừa qua. Học-giả Sibghatullah Mojaddidi, 62 tuổi, được Hội-đồng Kháng-chiến đề-cử vào nhiệm-vụ Chủ-tịch lâm-thời điều-khiển cơ-cấu chính-quyền để bắt tay ngay vào việc ổn-địdnh tình-hình sau khi đẩy lui quân-đội của chính-quyền thân Liên-sô trước đây ra khỏi thủ-đô Kabul.

Thủ-tướng Pakistan, ông Nawaz Sharif, đã cùng tổng-trưởng Ngoại-giao bay sang Kabul để ủy-lạo tân chính-phủ A-phú-hãn.

FIDEL CASTRO CHUẨN BỊ CHO BƯỚC ĐƯỜNG CÙNG

Báo *Diaros las Americas* loan tin, Fidel Castro, tổng bí-thư đảng Cộng-sản Cuba đang thương-lượng với nước Cộng-hòa Yemen để thuê dài hạn 99 năm một hòn đảo khá rộng của quốc-gia này, nằm trong Ấn-độ dương, để chuẩn-bị làm nơi ẩn-dật một khi tình-hình căng-thẳng đến nỗi phải từ bỏ chính-quyền.

Hòn đảo tên là Socotra, nằm giữa mũi Hảo-vọng và bán đảo Á-rập, có thể đồn-trú khoảng 1500 vệ-binh và gia-đình. Chung quanh đảo là núi rừng hiểm-trở, ở giữa là bình nguyên có thể trồng-trọt, chăn nuôi được, có sẵn một phi-trường nhỏ hầu như đang bỏ hoang.

Bài báo cho biết, Yemen thỏa-mãn với đề nghị 500 triệu mỹ kim tiền thuê đất, nhưng không đồng ý về con số vệ binh quá lớn.

Hiện nay tình-hình Cuba càng ngày càng xấu đối với chính-phủ cộng-sản. Của cải quốc-gia đã bị Fidel Castro tóm thâu, bòn rút trong mấy chục năm qua, mang ký-thác tại các ngân-hàng ngoại-quốc. Ngân-khố, ngoại-tệ quốc-gia khô kiệt, sản-lượng giảm-sút 1/3, số xe buýt giảm 1/2, xăng dầu khan hiếm khiến nông-gia phải dùng trâu bò kéo cày thay cho máy-móc, công-chức, sinh-viên phải canh-tác thêm để chống đói.

Vì chính-sách cấm-vận nghiêm-nhặt của Hoa kỳ, hiện nay Cuba chỉ còn giao thương với Trung cộng, Bắc Hàn và CSVN. Thị trường lớn nhất là Trung Cộng đang bị Hoa-kỳ chi-phối mạnh-mẽ.

Trong tháng 4 vừa qua, TT Hoa-kỳ George Bush hai lần tuyên-bố, ông bảo-đảm rằng tự-do dân-chủ sẽ tới với dân-tộc Cuba, và ông sẽ là tổng-thống Mỹ đầu-tiên sang thăm-viếng Cuba sau khi Fidel Castro từ bỏ chính-quyền. Nếu tái đắc-cử trong năm nay, ông Bush cũng chỉ làm tổng-thống thêm bốn năm nữa. Lời tuyên-bố của ông hàm ý rằng chế-độ Fidel sẽ đổ trong vòng 4 năm.

7 NƯỚC TIÊN TIẾN GIÚP NGA 24 TỈ MỸ KIM

Bảy cường-quốc kinh-tế gồm Hoa kỳ, Nhật bản, Đức, Anh, Ý, Pháp và Gia nã đại đã thoả thuận hôm 26.4, sẽ viện-trợ cho Nga 24 tỉ mỹ-kim để phục-hồi kinh-tế sau khi chế-độ cộng-sản cáo chung.

LIÊN-HIỆP-QUỐC TRỪNG-PHẠT LIBYA

Hội-đồng Bảo-an Liên-hiệp-quốc đã quyết-định cấm-vận hàng-không và vũ-khí Libya để trừng-phạt quốc-gia này vì họ không chịu giao 2 tên đặc-công đã phá nổ chiếc máy bay chở hành-khách của hãng Pan Am tại Lockerbie, Anh-cát-lợi năm 1988, giết 270 người.

Kể từ ngày 15.4, tất cả các nước đều phải chấm-dứt các đường bay ra vào Libya. Các nước Tây-phương còn giảm-thiểu số nhân-viên ngoại-giao tại Libya.

Hiện nay Libya sản-xuất được 1,5 triệu thùng dầu mỗi ngày. Dân-số Libya khoảng 5 triệu dân; ngoài người Á-rập, còn có gồm 1 triệu người Ai Cập, 14.000 người Ấn, 5000 người Anh, 1500 người Gia nã đại, 1000 người Mỹ, 1000 người Ý, 600 người Đức và 500 người Pháp.

TRUNG CỘNG CÔNG KHAI VI PHẠM LỆNH CẤM VẬN LIBYA

Các vệ-tinh Hoa-kỳ đã ghi nhận hôm 17.4, chiếc tàu San Jiang Kou mang cờ Trung Cộng đã chuyển xuống cho Libya hàng chục ngàn khẩu súng trường, đại-liên và cao-xạ phòng không.

Ngũ giác đài sợ Trung Cộng mếch lòng nên không trực-tiếp loan-báo về sự vi-phạm này, mà tiết-lộ tin-tức cho tuần-báo *Newsweek*.

Dù vậy, sau khi mẩu tin động trời này chạy trên báo, bộ Ngoại-giao Trung Cộng chống-chế rằng chiếc tàu này đã tới Libya trước khi lệnh cấm-vận có hiệu-lực (hôm 15.4).

Đây là một sự biện-bạch lấy lệ, có tính-cách khinh-thị khả-năng nhận-định của dư-luận. Lệnh cấm-vận Libya tuy có hiệu-lực từ 15.4, nhưng đã được Hội-đồng Bảo-an Liên-hiệp-quốc ban-bố hàng mấy tuần trước, từ khi chiếc San Jiang Kou chưa tiến vào Ấn-độ-dương, và dĩ-nhiên còn cách bến Libya rất xa!

PHONG TRÀO DÂN CHỦ TẠI TRUNG HOA LÊN CAO

Ba năm sau vụ đàn-áp tại Thiên An Môn, phong-trào đấu-tranh dân-chủ tại Trung-hoa lục-địa vẫn lên cao. Các xấp tài-liệu truyền-đơn in khổ nhỏ vẫn được lưu-hành

kín-đáo nhưng rộng-rãi trên toàn quốc, nhất là trong các hãng xưởng, đại-học.

Hiện nay, có tổng cộng 40 đảng cách-mạng, phối-hợp với hơn 100 hội kín với hơn nửa triệu thành-viên. Mạnh nhất là đảng Tự-do Dân-chủ Trung-quốc, với bản cương-lĩnh ghi rõ: *"không công-nhận các luật-lệ của Nhà nước cộng-sản"* và *"không loại bỏ giải-pháp đấu-tranh vũ-trang."*

ĐẶNG TIỂU BÌNH: SẼ DÙNG BẠO LỰC

Trong một một bài viết dài nguyên trang đăng trên *Nhân-dân nhật-báo* hồi tháng 4 vừa qua, Đặng Tiểu Bình, nhân-vật nhiều quyền-lực của Trung Cộng tuyên-bố sẽ không ngần-ngại sử-dụng vũ-lực để dẹp các vụ rối-loạn trong dịp kỷ-niệm 3 năm vụ thảm-sát Thiên-an-môn vào đầu tháng 6 này.

NHÀ HÀNG McDONALD BỊ KHỦNG-BỐ TẠI ĐÀI-LOAN

Đại công-ty McDonald đã tự đóng cửa toàn bộ 57 nhà hàng Mc Donald trên lãnh-thổ quốc-gia Đài-loan vì nạn nổ bom. Quân khủng-bố mở chiến-dịch triệt-hạ nhà hàng McDonald bằng cách cho đặt bom một loạt 6 nhà hàng này tại thủ-đô Đài-bắc trong hai ngày liền. Hai trái đã phá-hủy hai nhà hàng, gây thiệt-hại về nhân mạng và vật-chất, bốn trái khác được tháo-gỡ kịp thời.

Nguyên-nhân của vụ đặt bom vì công-ty McDonald từ-chối nộp tiền "bảo-vệ" 240.000 mỹ-kim cho quân khủng-bố.

Công-ty phải đóng cửa vì khách hàng không dám bước qua ngưỡng cửa các tiệm McDonald vì sợ họa lây.

Vụ nổ bom và đóng cửa này bị coi là quốc-nhục của Đài-loan. Thủ-tướng Đài-loan đã họp khẩn-cấp cùng Tổng Giám-đốc cảnh-sát để tiến-hành điều-tra, tìm ra hung-thủ bằng mọi giá.

CÁC ÔNG CLINTON VÀ BUSH THẮNG LỚN

Ông Bill Clinton đã được đảng Dân-chủ, và đương kim tổng-thống George Bush đã được đảng Cộng-hòa bầu làm làm ứng-cử viên tổng-thống của đảng.

Ngoài ra còn có 1 ứng-cử viên độc-lập là ông Ross Perot.

Người ta dự đoán ông Bush sẽ tái đắc-cử tổng thống Hoa-kỳ năm nay, nhưng ông Bill Clinton sẽ đánh bại ứng-cử-viên của đảng Cộng-hòa để bước vào tòa Bạch-ốc trong lần tranh-cử 4 năm tới.

LOẠN DA ĐEN Ở LOS ANGELES

Sau khi bồi-thẩm-đoàn Los Angeles tuyên-bố các cảnh-sát-viên "vô tội" trong vụ bạo-hành một người da đen, cộng đồng da đen đã nổi loạn tại thành-phố Los Angeles trong ba ngày, từ hôm 29.4 vừa qua.

Các toán nổi loạn đã gây ra 3000 đám cháy, đánh đập và bắn chết các người vô tội đi ngang khu-vực đang bị đốt phá, bắn vào cảnh-sát và lính cứu-hỏa. Nhân vụ nổi loạn, người da đen đã phá cửa sắt, cướp-bóc và khuân đồ-đạc của các tiệm buôn trong vùng, đa số do người Đại-hàn làm chủ.

Bạo-loạn đã lan-tràn từ khu phía Nam trung-tâm Los Angeles sang phố Đại-hàn, Hollywood và Tây Hollywood, Westwood, xuống tận Long Beach. Khói lửa và tro than mù-mịt không khác gì vụ quân Saddam Hussein đốt các giếng dầu ở Kuwait trước đây.

Hậu-quả của ba ngày nổi loạn là 57 người chết (trong đó có 7 người bị cảnh-sát và vệ-binh quốc-gia bắn chết), 2000 người bị thương (trong đó có 200 người bị thương nặng) và 3500 ngươi bị bắt. Thiệt-hại vật-chất lên tới 700 triệu mỹ-kim.

Chính-quyền quận Los Angeles phải ra lệnh giới-nghiêm 12 giờ mỗi ngày, kéo dài suốt tuần từ trong nhiều thành-phố.

Loạn da đen lan rộng sang 20 thành-phố lớn trên toàn quốc nước Mỹ như Cựu kim-sơn, Chicago, Nữu-ước, Dallas, Atlanta, v.v.

TT George Bush phải ra lệnh mang hơn 10.000 quân, kể cả vệ-binh quốc-gia, Thủy Quân Lục Chiến và các sư-đoàn Kỵ-binh tới chiếm lại Los Angeles, và ra lệnh dùng sức mạnh tái-lập trật-tự trên toàn-quốc.

Các vụ bạo-loạn và cướp phá giảm dần và dứt hẳn khi TT Bush kinh-lý Los Angeles hôm 6.5 vừa qua.

LOẠN DA ĐEN TẠI TORONTO

Loạn da đen sau đó lan sang thành-phố Toronto, Gia-nã-đại, nại cớ đòi hỏi công-lý tại Hoa-kỳ, và phản đối cảnh sát Gia-nã-đại đã nổ súng hạ-sát một thanh-niên da đen buôn ma-túy, khi anh ta rút dao kháng-cự.

Sau vụ biểu-tình của 1000 người da đen trước tòa lãnh-sự Hoa-kỳ, khoảng 300 thanh thiếu niên đã cướp phá các tiệm buôn dọc theo đường Yonge và Bay, ném bom xăng, đốt các thùng rác và ném đá vào kỵ-binh cảnh-sát và ngựa. Vài hôm sau, khi đám biểu-tình 1000 người họp tại Queen's Park, khoảng 100 tên vô-lại đã bắt đầu cướp-phá ở khu Dundas-Yonge. Cảnh-sát Gia-nã-đại tuy ôn-hòa nhưng hành quân có chiến-thuật và kỷ-luật, cộng thêm sự tiếp tay của dân-chúng (đủ các màu da), đã dập tắt ngay các vụ bạo-loạn ngay từ khi vừa bùng lên. Khoảng 50 người bị câu-lưu trong hai ngày làm loạn. Cộng-đồng da đen đã đánh mất sự ủng-hộ của công-chúng, khi họ ngang-nhiên phủ-nhận trách-nhiệm trong các vụ bạo-loạn này.

NGOẠI TRƯỞNG ĐỨC VỀ HƯU

Ngoại trưởng Hans Dietrich Genscher, 65 tuổi, người có công vận-động với mọi phía để thống-nhất nước Đức và xóa sạch vai-trò đảng Cộng-sản Đông Đức và toàn vùng Đông Âu, đã nộp đơn xin từ-

chức để về hưu hôm hôm 27.4, sau 18 năm làm bộ-trưởng.

ÁC-QUỶ CỦA THẾ-KỶ 20: LOPEZ

Cuối thế-kỷ 20, ác-quỷ đội lốt người xuất-hiện khắp nơi. Sau vụ Dahmer ở Hoa kỳ giết người ăn thịt, thế-giới kinh-hoàng vì vụ ác-quỷ Pedor Lopez ở Ecuador bắt-cóc, cưỡng hiếp và sát hại 350 thiếu-nữ.

Pedor Lopez, 41 tuổi, bị bắt giải tòa và bị kêu án 11 năm tù ở.

Trong cuộc điều-tra, Lopez nhận tội bắt-cóc, cưỡng-hiếp và hạ-sát 2 bé gái 12 tuổi, và dẫn cảnh-sát đi khai-quật lôi lên 53 tử-thi khác.

Trước tòa, Lopez khai thêm 57 vụ giết người của y trong nước Ecuador và 240 vụ khác ở hai nước láng-giềng là Peru và Colombia.

Các quốc-gia trên thế-giới đang lên án Ecuador về việc khinh thường mạng sống và an-ninh của các công dân lương-thiện bằng cách dung dưỡng tội-ác. Người ta chưa quên, trước Lopez, cũng tại Ecuador, một thanh-niên tên Daniel Camargo can tội bắt-cóc, hiếp dâm và giết chết 72 cô gái năm 1989, chỉ bị kêu án 16 năm tù ở.

SINH-VẬT GIÀ VÀ TO LỚN NHẤT

Hai nhà sinh-vật-học Toronto (Gia-nã-đại) vừa khám-phá một cái nấm khổng-lồ mọc trong rừng già ở Michigan, Hoa-kỳ. Cái nấm này to hơn thân-thể của loài cá voi xanh và cây cù-tùng *(séquoia)*, rộng bằng diện-tích của 23 sân bóng cộng lại (15 mẫu tây hay 37 mẫu Anh), sức nặng ước-lượng từ 10 tới 100 tấn. Cái nấm đã có mặt trên trái đất vào cuối thế-kỷ thứ 5 (trước triều-đại Lý Nam Đế ở Việt-nam), và sống-sót sau ít nhất một trận cháy rừng lớn.

Thêm một điều đáng nói là cái nấm này không độc, thuộc loại nấm mật, ăn được.

THỐNG-ĐỐC CUỐI CÙNG CỦA HƯƠNG CẢNG

Hôm 24.4, Anh-quốc đã bổ-nhiệm ông Chris Patten làm thống-đốc Hương-cảng thay ông David Wilson sẽ mãn nhiệm trong tháng 7 này.

Ông Patten, 47 tuổi, thuộc đảng Bảo-thủ đang cầm quyền tại Anh-quốc, là một chính-khách lỗi-lạc của quốc-gia này.



tin việt-nam

NẠN NÉM CHẤT NỔ XẢY RA KHẮP NƠI

Báo *Quân-đội nhân-dân* ngày 28.3 qua bài *Ném chất nổ, tội-phạm đáng quan-tâm*, đã nêu lên tình-trạng ném chất nổ hiện xảy ra khắp nơi trong nước.

Bài báo thuật lại tội-ác của trường-hợp Nguyễn Văn Thắng, một tay anh chị nhiều tiền án ở xã Khai-sơn (huyện Anh-sơn, Nghệ-an). Tỉnh Nghệ-an vốn nghèo, đất-đai cằn-cỗi không có tài-nguyên, dân-chúng sống khổ không đủ tiền nộp thuế cho Nhà nước, khiến mùa thuế nào cũng thiếu-hụt ít nhiều. Ủy Ban Nhân-Dân xã Khai-sơn phát-huy sáng-kiến, thu-dụng Nguyễn Văn Thắng làm nhân-viên thu thuế. Đã quen nghề cướp-bóc, nay lại cậy vào quyền-thế Nhà nước chuyển sang thu thuế, công việc cũng chẳng khác biệt bao nhiêu, Thắng làm ăn rất khá, và bỏ túi riêng 11 triệu đồng tiền thuế. Ủy Ban Nhân-Dân không cạy-gỡ lại được đồng nào bèn cắt Nguyễn Văn Huế, bộ-đội phục-viên, thay-thế. Thắng hận vì mất một nguồn lợi lớn, bèn trút mối căm-thù vào Nguyễn Văn Huế, người thay-thế y.

Chiều 18.10.91, Thắng ném chất nổ vào nhà Huế, làm sập toàn bộ một căn nhà ba gian, giết chết toàn bộ gia-súc, gia-cầm của nạn-nhân, may không chết người.

Bài báo tiết-lộ, trong vòng vài năm trở lại đây, việc mua bán chất nổ, cốt mìn, bộc-phá, lựu-đạn,... rất phổ-biến tại Việt-nam, chỉ cần có tiền là mua được tất cả. Do đó, các vụ ném chất nổ trả thù, khủng-bố đã xảy ra thường-xuyên, nhất là tại Bắc-thái, Vĩnh-phú, Hà-tây, Hà-nội.

Vụ nổ gần đây nhất xảy ra ngày 19.2.92 tại xã Hà Tây (huyện Sông Thao, Vĩnh-phú) khiến 3 người chết, 10 bị thương. Thủ-phạm là Nguyễn Văn Ông, khai là vì "chán đời."

Trong hoàn-cảnh đói-kém, loạn-lạc dễ xảy ra, nhất là ở một xã-hội thiếu đạo-đức và thừa súng đạn dưới chế-độ cộng-sản, tạo thành tình-trạng căng-thẳng, bất ổn trên toàn quốc.

ĐƯỜNG GIÂY ĐIỆN-THOẠI MỸ — CSVN

Chính-phủ Hoa-kỳ đang bãi-bỏ từng phần lệnh cấm-vận CSVN.

Sau khi bỏ lệnh cấm công-dân Hoa-kỳ du-lịch VN, hôm 16.4, bộ Ngoại-giao Mỹ bỏ lệnh cấm liên-lạc viễn-thông với CSVN.

Ngày 24.4, cơ-quan Kiểm-soát Viễn-thông Liên-bang Mỹ đã cấp giấy phép cho 3 hãng điện-thoại US Sprint, AT&T và MCI thiết-lập các đường giây viễn-liên với VN.

Hiện nay CSVN có 210 mạch điện-thoại nối ra ngoại-quốc, gồm 60 đường nối với Pháp và 150 mạch nối với Mỹ. Tiền điện-thoại gọi từ VN sang Mỹ là 17,60 mỹ-kim cho 3 phút đầu và mỗi phút sau đó tính thêm 4,90 mỹ-kim nữa.

VỤ ÁN TIỀN GIẢ

Tòa án nhân-dân thành Hồ đã xử án Lai Kam Yen tức A Dìn, Hoa-kiều mang quốc-tịch Anh-quốc, sống tại Hương-cảng, về tội in giả 1,5 tỉ đồng tiền Hồ, gồm toàn giấy 2000 đồng. Lai bị tù chung thân.

CSVN QUẢNG-CÁO KHÉO MỎ VÀNG VIỆT-NAM

CSVN đang mở chiến-dịch quảng-cáo khéo để lôi-cuốn tư-doanh ngoại-quốc đầu-tư vào Việt-nam để khai thác các mỏ vàng, hồng ngọc.

Trên trang nhất báo *Lao-động chủ-nhật* số ra ngày 12.4, CSVN giả vờ than-phiền rằng *"Tài-nguyên quý hiếm đang bị tàn-phá"*, nhưng kỳ thực để quảng-cáo cho các mỏ vàng và hồng ngọc lộ thiên.

Dưới câu hỏi được in đậm: *Đâu là những địa-chỉ* (để đào vàng), bài báo liệt-kê là: Hà Sơn Bình, Lục-yên (Yên-bái), Quỳ-hợp (Thái-nguyên), Hoàng Liên Sơn, Quỳ-châu (Nghệ-Tĩnh), núi Long-viên (Quảng-nam Đà-nẵng), Tây-sơn (Bình-định), các buôn Xây-dựng, Thống-nhất, Độc-lập A, hòn Một, hòn Vàng, Cheo-reo, suối Trầu, buôn Trầu, hòn O thuộc huyện Sơn-hòa và Sông Hinh (Phú-yên), xã Xuân-sơn thuộc huyện Vạn-ninh ở Khánh-hòa, núi Chùa (Nha-trang), Gia-lai Kontum, núi Tiên Cô (Di-linh), suối Nho, Mã-đà, Hiếu-liêm (Đồng-nai), Óc-eo (An-giang).

Cứ tin theo bài báo, thì cả Việt-nam là một kho vàng vĩ-đại. Tờ báo còn chụp in ảnh dân-chúng đang đào vàng ngọc. Có bức ảnh chụp hòn ngọc mới đào được, to bằng ngón chân cái, đã được... mài giũa xong xuôi trông rất hấp-dẫn.

Nếu thực-sự muốn bảo-vệ tài-nguyên, và nếu quả thực đào vàng ngọc dễ như thế, Nhà nước CSVN đã mang công-an, bộ-đội đến vây kín các kho vàng lại để chia nhau đào. Đằng này, loan-báo rầm-rộ với 68 triệu dân đang chạy ăn từng bữa, chắc-chắn Nhà nước phải nhằm một dụng ý khác. Dụng ý ấy hiện rõ trong đoạn tin này: *"Đến nay không dưới ba trăm thương-gia nước ngoài có mặt ở Hà-nội để mua và đặt vấn-đề liên-doanh khai-thác hồng ngọc... Mới đây, mỏ hồng ngọc lớn nhất nước ta đã bắt đầu được làm thí-điểm bán đấu giá, cứ một hecta giá 4,7 tỷ đồng."*

Thì ra thế. Bài báo viết, *"các địa-điểm đào vàng và hồng ngọc nhiều đến nỗi khó mà kể hết"* và cứ mỗi hecta cho người ngoại-quốc thầu khai-thác với giá 4,7 đồng, nếu "người ngoại-quốc" và "Việt-kiều" đều ngây-thơ cả, cứ vung tiền ra mua đất hoang để khai-thác, chẳng mấy chốc Nhà nước ta giàu to, chẳng cần phải lạy-lục "đế-quốc Mỹ" để xin bang-giao nữa!

VỊT ĐỒNG-NAI?

Báo VC *Đồng-nai*, số ra ngày 17.4.92 loan tin, ông Lý Quang Diệu, cựu thủ-tướng Tân-gia-ba là một người Việt, sinh quán tại Biên-hòa (Đồng-nai), con của ông Lý An (gốc Hoa) và bà Lê Thị Ngọc (người Mỏ Cày, Bến Tre).

Báo *Đồng nai* viết rằng tên cũ của Lý Quang Diệu là Lý Cẩm Xưởng. Dòng họ Lý bên nội của Lý Quang Diệu đã di-cư sang Việt-nam từ nhiều đời trước. Sau khi kết-hôn, bố mẹ của Lý Quang Diệu rời Trà-vinh, dọn về xóm Hàng Keo, làng Tân-lại, xã Bửu-long (Biên Hoà, Đồng-nai) và sinh ra ông.

Vẫn theo bài báo, anh em Lý Quang Diệu gồm tất cả 6 người, ông là con thứ nhì. Vì hoàn-cảnh túng-bấn nên bố ông đã cho ông làm con nuôi một thầy tướng số. Lý Quang Diệu theo bố nuôi về Trung-hoa năm mới 7 tuổi. Gia-đình họ Lý đã nhờ báo Đồng-nai nhắn tin để tìm lại người thân nhưng chưa có kết-quả.

Vụ Lý Quang Diệu là người Việt nhắc người ta nhớ lại trước đây báo VC cũng đã từng đăng tin TT Suharto của Nam-dương cũng là người Việt, và là cán-bộ Việt-minh trốn-lánh sang tận Nam-dương!

THÊM MỘT "BIỆT KÍCH VĂN-HÓA": NGUYÊN PHONG

Cộng-sản Việt-nam đã xếp Nguyên Phong, một trong các cây bút trụ-cột của *Làng Văn* vào thành-phần *"những tên biệt-kích văn-hóa tấn-công vào chủ-nghĩa xã-hội"* sau khi các cuốn sách Phật học của ông xâm-nhập quốc-nội. Đó là các cuốn *Hoa sen trên tuyết*, *Hành-trình về phương Đông* và *Đường mây qua xứ tuyết*. Trong số này, *Đường mây qua xứ tuyết* trước đây in từng kỳ trên *Làng Văn*, và sau đó in thành sách, tung vào quốc-nội.

Điều đáng nói là các cuốn sách này đều thuộc về lãnh-vực triết-học và thần-học, tối-kỵ với chủ-nghĩa vô-thần cộng-sản.

Báo *Công-an* xuất-bản tại thành Hồ ngày 26.3.92 đã đăng một bài dài của tổ phóng-viên Chính-trị, gọi các cuốn-sách nghiên-cứu Phật-học trên đây là *"những viên đạn bọc đường triết học"*, được sắp chữ lại bằng phương-pháp *typographie* và bí-mật xuất-bản trong nước.

Các "viên đạn" này được đồng-bào quốc-nội tiếp sức "bắn" vào cơ-quan lý-luận chính-trị của Trung-ương Đảng, không phải chỉ một viên, mà là một tràng, một lưới đạn.

Bài báo kêu thét lên rằng đó là *"một chuỗi đạn chiến-tranh tâm-lý của bọn thù-địch đưa về, bắn vào chủ nghĩa xã hội"* và vì thế Nguyên

Phong bị Nhà nước CSVN xếp vào hàng ngũ những "biệt kích văn hoá".

Trong chiến dịch chuyển lửa về quê hương của đồng bào hải ngoại hiện nay, CSVN tỏ ra lo ngại "lưỡi đạn" triết học này hơn cả. Bài báo viết *"đường lối chống chủ-nghĩa xã-hội của Nguyên Phong rất tinh-vi, nhẹ-nhàng, không ồn-ào như những tay chuyển lửa khác."*

Hiện nay, CSVN đã ra lệnh cho các cơ-quan quản-lý báo-chí và xuất-bản và công-an phối-hợp cùng các cơ-quan An-ninh nhân-dân lùng kiếm và tịch-thu được một số các tựa sách này, tuy-nhiên, lượng sách lưu-hành ngấm-ngầm hãy còn là một mối lo cho Nhà nước và những kẻ bám cứng lấy quyền-lực rách nát và chủ-thuyết lỗi-thời cộng-sản.

ĐẤT LỞ TẠI CHÂU-ĐỐC

Vào lúc 8 giờ 30 sáng 6.4, nạn đất lở đã đưa cả một khu phố tại Hồng-ngự, Châu đốc xuống dòng Tiền-giang, trong đó có cả ngôi nhà hai tầng dùng làm trụ-sở Hội-đồng Nhân-dân huyện.

Thoạt đầu, một vết nứt rộng 1 phân xuất-hiện ngay giữa mặt lộ Lý Thường Kiệt, chạy dài khoảng 25 thước. Một chị bán thuốc lá ở bên kia đường trông thấy sợ hãi tri-hô lên. Mọi người chưa kịp phản-ứng, vệt nứt há rộng ra rồi cả một khối đất rộng 700m vuông chuồi luôn xuống dòng sông phía sau dãy phố, tạo thành một cột nước khổng-lồ bắn lên cao rồi rơi xuống tung-toé như một cơn bão nhỏ.

Suốt ngày 6 và 7.4, đất tiếp-tục lở, vùi luôn ty Ngân-khố và nhà khách của Ủy-ban Nhân-dân huyện xuống sông.

Tổng-kết sơ-khởi của các đội cấp-cứu cho biết, 12 người chết vớt được xác, 8 người bị thương, thiệt-hại vật-chất khoảng 1 tỉ đồng tiền Hồ.

TẠT ÁT-XÍT TẠI ĐÀ-NẴNG

Lúc 7 giờ tối ngày 1.4, một vụ tạt át-xít xảy ra tại đường Trần Cao Vân, Đà-nẵng, gây thương-tích cho 5 người.

Nạn-nhân chính của vụ tạt át-xít là cô Hồ Thị Thu, thủ-phạm là chị ruột của cô, bà Hồ Thị Diễm. Nguyên-nhân gây ra tấn thảm-kịch chỉ vì ganh-tị.

Cả hai chị em sống chung trong cùng một căn nhà do bố mẹ để lại. Bà Diễm kém nhan sắc, chưa có chồng nhưng có con; cô Thu chưa lập gia-đình, xinh xắn, đảm-đang, sống bằng nghề bán thuốc lá lẻ cho khách qua đường.

Nhiều lần bà Diễm đòi bán nhà chia của, nhưng cô em do-dự không chịu. Đêm 1.4 nhân lúc thành-phố cúp điện, bà Diễm đổ át-xít ra ly dụ cô em uống, bảo là nước trà, nhưng cô Thu ngửi thấy mùi chua, không uống. Bà Diễm liền hất trọn ly nước vào mặt em.

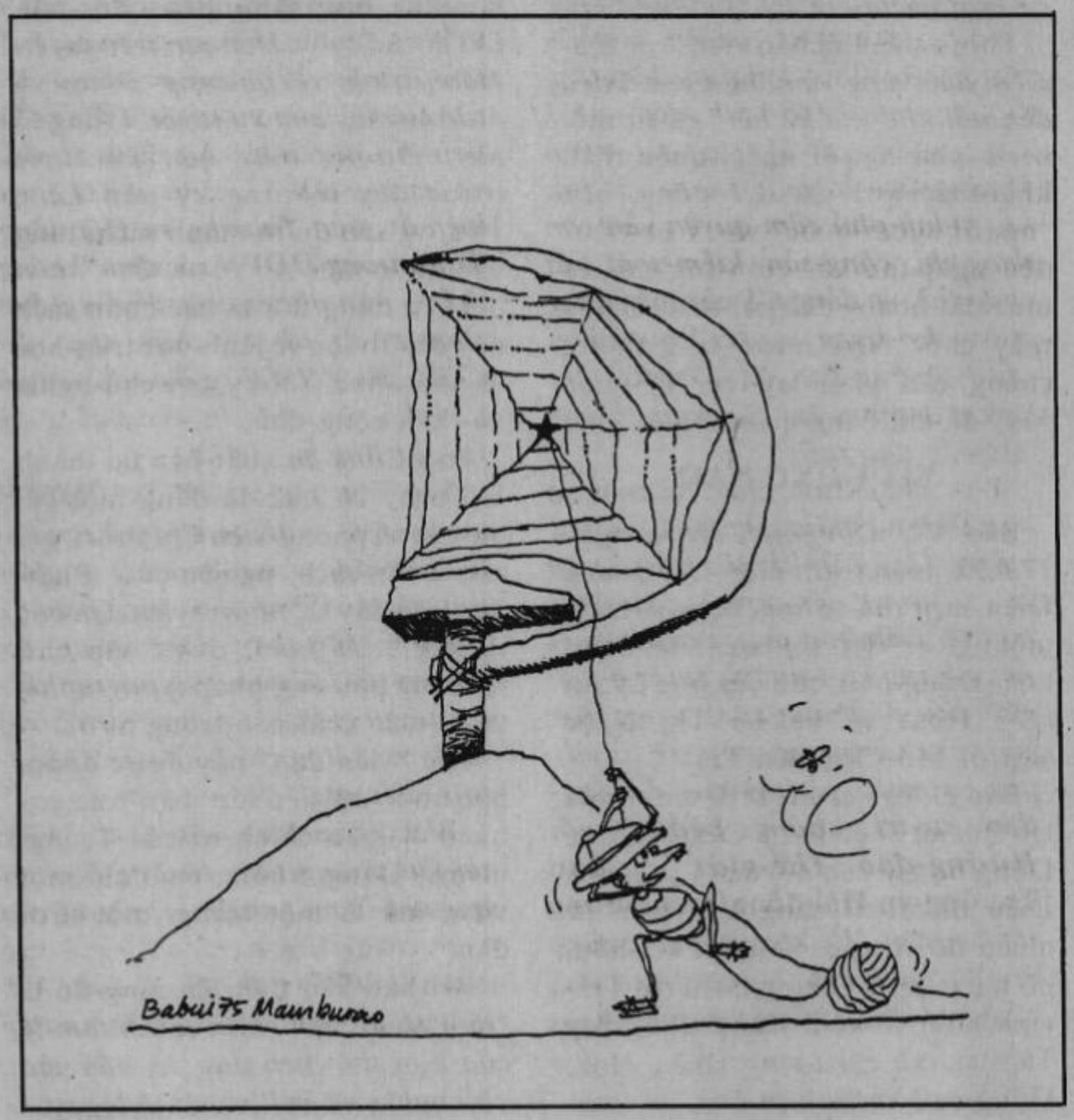
Át xít bắn sang làm bị thương một người khách mua thuốc lá. Cô Thu bị thương nặng ở mặt, sợ hãi chạy cuống-cuồng đâm vào bốn em nhỏ khiến các em bị phỏng lây. Hàng xóm là người đi đường đưa giúp cô Thu vào bệnh-viện. Thương-thế của cô rất trầm-trọng, e khó thoát chết.

Đây là vụ tát át-xít thứ nhì tại Đà-nẵng trong vòng một tháng.

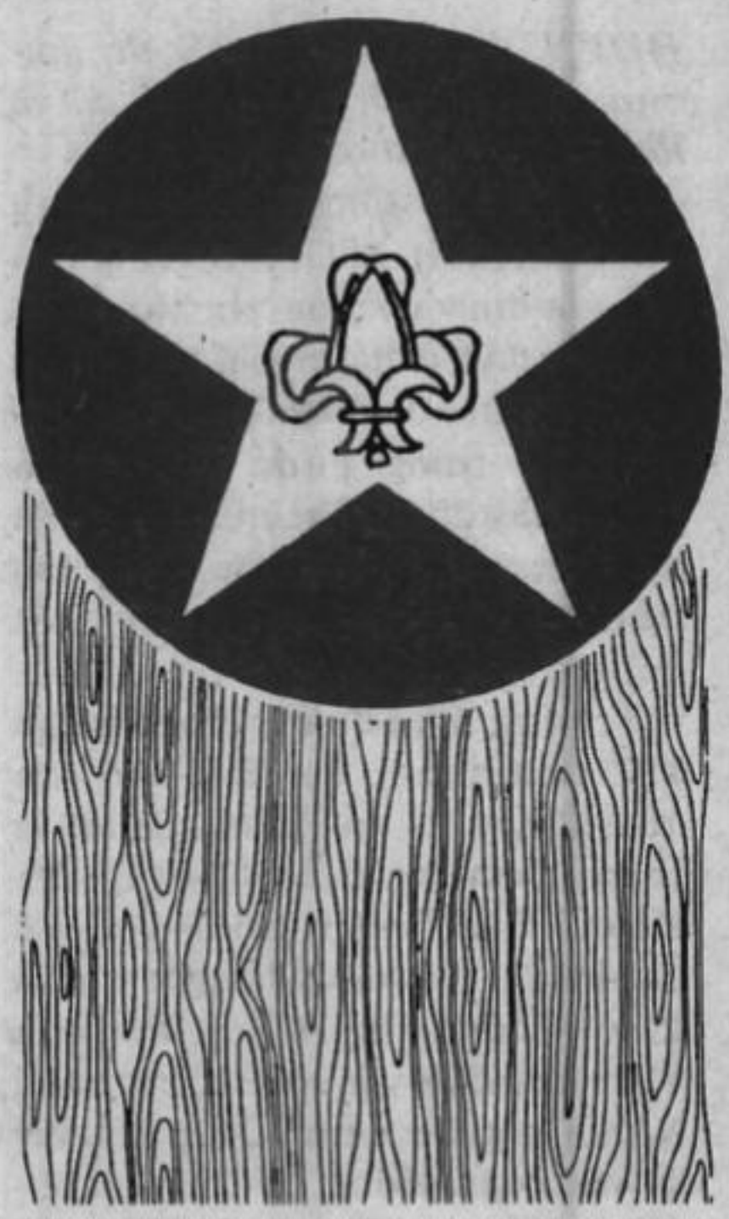
VÕ NGUYÊN GIÁP BỊ CÔ-LẬP

Tướng VC Võ Nguyên Giáp, 82 tuổi, người hùng của trận Điện Biên Phủ hiện đang bị các tướng đàn em ra lệnh quản-thúc tại gia.

Nguyên-nhân của vụ cô-lập này là vì từ ngày theo Liên-sô và Nguyễn Văn Linh hô-hào "đổi mới", tướng Giáp tiếp-tục lên án các tướng lũng-đoạn chính-quyền, trong khi Linh đã ngưng chỉ-trích từ khi bị gạt ra khỏi Trung-ương đảng.



Cộng-Sản VN Mưu-Toan Thành-Lập Hội Hướng-Đạo



Nhằm mục-đích tạo bộ mặt tự-do dân-chủ giả-hiệu để kéo dài chế-độ tàn-bạo tại Việt-nam, CSVN ráo-riết vận-động tái-lập tổ-chức Hướng-Đạo Việt-Nam cùng các các cơ-quan văn-hóa, thanh-niên và xã-hội có tính-cách dân-chủ khác.

Sau trại họp bạn mừng Quốc-khánh VC 2.9 năm 1991 trước đây, CSVN đã cử Hoàng Phương Thảo, Tổng Bí-thư Đoàn Thanh-Niên Cộng-Sản Hồ Chí Minh họp với hai cựu trưởng HĐ ở hải-ngoại là Nguyễn Quang Minh và Trần Tiễn Huyến sang Đại-hàn dự trại họp bạn Hướng-đạo Thế-giới.

Hà-Nội cũng đã sai Vũ Xuân Hồng, Bí-thư Thành Đoàn Hà-nội, đứng tên chung với Nguyễn Quang Minh, nộp đơn cho Văn-phòng Hương-Đạo Thế-Giới, xin tái-lập Hướng-Đạo Việt-Nam, vốn bị CSVN cấm hoạt-động từ 1975.

Cũng nên nói rõ, Hướng-Đạo là một phong-trào giáo-dục thanh thiếu-niên phát-triển rất mạnh tại các nước tự-do dân-chủ. Các nước cộng-sản đều nghiêm cấm Hướng-đạo hoạt-động. Việc CSVN đưa cán-bộ đảng đứng ra tái-lập phong-trào Hướng-Đạo là một mưu-đồ, chứ không do thiện-chí.

Văn-phòng Hướng-đạo Thế-giới tại Geneva, Thụy-sĩ đã đưa ra hai vấn-đề trong văn thư chính-thức trả lời Vũ Xuân Hồng về việc xin tái-lập Hướng-đạo Việt-nam, như sau:

- Thứ nhất: Nhà nước CHXHCN Việt-nam đã sẵn-sàng để chấp-nhận Mục-đích, Nguyên-tắc và Phương-pháp Hướng-đạo chưa?

- Thứ hai: Cho đến khi nào cơ-quan tối-cao của CSVN xác-nhận đảm-bảo tính độc-lập và phi chính-trị của tổ-chức Hướng-đạo VN, khi ấy Văn-phòng Hướng-đạo Thế-giới sẽ xét tới vấn-đề xin tái-lập.

Ngày 16.2.92, ban Thường-vụ Hội-đồng Trung-ương Hướng-đạo VN hải-ngoại cũng đã đưa ra bản nhận-định về việc xin tái-lập HĐVN trong nước, nội-dung tóm-tắt như sau: việc tái-lập HĐVN trong nước không nên quá hấp-tấp, vì *"theo như tình-hình hiện nay ở VN, việc tái-lập phong-trào Hướng-đạo là một rủi-ro rất lớn khi chính-phủ cầm quyền vẫn còn đang bị cộng-sản kiểm-soát rất chặt-chẽ, và đảng CS này hiện đang muốn lợi-dụng sự tái-lập phong-trào Hướng-đạo để biến-đổi các đoàn thanh-niên cộng-sản thành 'Hướng-đạo sinh.'*

Bản nhận-định nhắc lại một sự kiện lịch-sử đáng ghi nhớ và suy ngẫm: *"Tại Liên-sô cũ, CS đã một lần sử-dụng phong-trào Hướng-đạo để biến-hóa thanh-niên cộng-sản, nhưng Văn-phòng Hướng-đạo Thế-giới đã thành-công trong việc phá vỡ chủ-trương này, kể cả việc phá-vỡ một phong-trào Hướng-đạo tự-trị không liên-hệ với Hướng-đạo Thế-giới."* Ban Thường-vụ Hội-đồng Trung-ương Hướng-đạo VN kêu gọi các trưởng HĐVN hiện đang sống tại quê nhà cũng như các trưởng hiện sinh-hoạt tại hải-ngoại hãy đề cao cảnh-giác, đừng bị mê-hoặc bởi những âm-mưu đen-tối của CSVN.

Bản nhận-định nhắc rõ: *"Hội HĐVN đã bị cấm hoạt-động tại quê nhà từ năm 1975, các cơ-sở và tài-sản của hội trên toàn-quốc đã bị CS tịch-thu và các trưởng đã bị cầm tù và ngược-đãi." Trước những sự kiện ấy, ban Thường vụ Hội đồng Trung ương HĐVN xác định "không thể có một phong-trào Hướng-đạo chân-chính tại VN hiện nay nếu nhân-dân VN không được tự-do và dân-chủ, và nhất là nếu không có tín-ngưỡng và tâm-linh."*

Ban Thường-vụ HĐTƯ/HĐVN quan-niệm : *"Một khi VN được tự-do dân-chủ, cùng đi với việc giải-tán đảng Cộng-sản, các trưởng HĐVN sẵn-sàng làm sống lại phong-trào để cùng tiến tới việc cải-tạo và giáo-dục con em của chúng ta đã bị sa-đọa với chính-sách cộng-sản hiện nay."*

Bản nhận-định kết-luận: *"Việc tái-lập phong-trào Hướng-đạo tại quê nhà là một nhiệm-vụ chung của các trưởng Hướng-đạo VN, nhưng chúng ta không thể bị lợi-dụng bởi những cá-nhân, nhân-danh trưởng*

HĐVN, hợp-tác với CS để âm-mưu duy-trì nền cai-trị độc-tài và tàn-ác của CS."

Nhận-định sáng-suốt của ban Thường-vụ HĐTƯ/HĐVN khiến các gia-đình có con em tham-gia Hướng-đạo ở hải-ngoại tin-tưởng và yên tâm. Việc tái-lập Hướng-đạo VN trong nước trong tình huống này đã bất lợi, mà xét về mặt nhân-sự, những người đứng tên lãnh-đạo Phong-trào càng bất xứng.

Trưởng phái-đoàn "Hướng-đạo VN" tại trại họp bạn Đại-hàn vừa qua không ai xa lạ, mà chính là Hoàng Phương Thảo, Tổng Bí-thư Đoàn Thanh-niên Cộng-sản Hồ Chí Minh (Đỗ Mười là nhân-vật số 1 của Đảng thì Hoàng Phương Thảo là nhân-vật số 1 của Đoàn). Người nộp đơn xin tái-lập HĐVN là Vũ Xuân Hồng, Bí-thư Thành-đoàn Hà-nội. Thảo và Hồng là người của Đảng, chỉ có Nguyễn Quang Minh là Hướng-đạo sinh, nhưng lại là một Hướng-đạo-sinh đã bị khai-trừ ra khỏi hàng ngũ Hướng-đạo từ lâu.

Trong văn-thư khai-trừ ký ngày 3.7.1984, trưởng Trần Văn Khắc, Chủ-tịch Hội-đồng Trung-ương HĐVN viết: *"Nguyễn Quang Minh không còn xứng-đáng là một huynh-trưởng, một Hướng-đạo-sinh Việt-nam, vì đã không giữ đúng lời hứa Hướng-đạo, không thi-hành luật Hướng-đạo."* Bản văn đã dùng tới những chữ "bất trung, bất tín, bất xứng" để phán-định tư-cách của Minh.

Về mặt pháp-luật, Minh đã từng bị tòa-án Oregon (Hoa-kỳ) xử 8 tháng tù ở và 5 năm tù treo về tội biển-thủ ngân-quỹ của sở Nhân-lực *(Docket No CR 79-145)*.

Hướng-đạo là một tổ-chức hoàn thiện, đã đào-tạo cho quốc-gia những thành-phần lãnh-đạo ưu-tú, tất cả các anh chị em Hướng-đạo và gia-đình Hướng-đạo có nhiệm-vụ bảo-vệ uy-tín và danh-dự cho người Hướng đạo, trước âm mưu của một chế-độ phi-nhân và thành-phần tay sai cặn-bã.

Tang Lễ Đại Lão Hòa Thượng Thích Đôn Hậu Cùng Vụ Va-Chạm Giữa Phật-Giáo VN và CS Hà-Nội

Đại-lão Hòa-thượng Thích Đôn Hậu, Chánh Thư-ký xử-lý viện Tăng-thống Giáo-hội Phật-giáo VN Thống-nhất, tăng-sĩ cao-cấp nhất tại Việt-nam, đã viên-tịch tại Huế ngày 28.4.92 vừa qua, thọ 88 tuổi.

Việc cử-hành tang-lễ cho Hòa-thượng này đã là nguyên-nhân của các vụ va-chạm dữ-dội giữa Phật-giáo đồ miền Trung và Nhà nước CSVN, có thể dẫn tới một biến động mới giữa Phật-giáo và nhà cầm quyền, như đã từng xảy ra như 3 thập-niên trước đây.

Nguyên trước khi viên-tịch, Hòa-thượng Đôn Hậu đã ban pháp-dụ, yêu-cầu cử-hành tang-lễ cho ngài cách đơn-giản, bình-thường như tang-lễ của mọi tăng-sĩ khác, có tính-cách thuần-túy tôn-giáo, không chấp-nhận cho chính-quyền tới đọc điếu-văn, tuyên-dương hay ban-phát huân-chương này nọ. Tuân-hành pháp-dụ này, Phật-giáo-đồ đã dự-trù tổ-chức lễ nghi tang vào ngày 2.5; tuy-nhiên Nhà nước CSVN ra lệnh hoãn lại tới ngày 5.5 để Hà-nội kịp chuẩn-bị và cử ban Lễ-tang do Nguyễn Hữu Thọ, Phó Chủ-tịch Hội-đồng Nhà nước hướng-dẫn.

Quyết-định của Nhà nước CSVN có tính-cách can-thiệp vào nội-bộ Phật-giáo, đã bị tăng-ni, Phật-tử tại Huế phản-đối dữ-dội. HT Thích Nhật Liên, đại-diện các môn-đồ của HT Thích Đôn Hậu đã bắt đầu tuyệt-thực từ ngày 29.4 để phản-đối nhà cầm quyền Hà-nội. Tiếp theo, các đại-đức Thích Huyền Quang, Thích Trí Tựu và Thích Hải Tạng cũng bắt đầu tham-gia tuyệt-thực. Trong số các tăng-sĩ tuyệt-thực, Đại-đức Thích Trí Tựu tuyên-bố sẵn-sàng cúng dường pháp thân, tự-thiêu để bảo-vệ pháp-dụ của cố Hòa-thượng để lại.

Khi cuộc đấu-tranh bùng lên, tiếng vang vọng ra ngoại-quốc và các cơ-quan thông-tấn thế-giới đã có mặt ngay tại chỗ, khiến Hà-nội phải tìm cách giàn xếp êm đẹp.

Theo tin Pháp-tấn-xã, sau nhiều đợt thương-thảo, hai bên cùng nhượng bộ một phần. CS Hà-nội nhất-định cử Nguyễn Hữu Thọ đưa phái-đoàn điếu-trang tới dự, nại lý-do rằng *"sự hiện-diện của đại-diện chính-quyền là một điều bình-thường và cần-thiết vì Hoà-thượng*



Đại-lão Hòa-thượng Thích Đôn Hậu

Thích Đôn-Hậu là người đã tham-dự vào hai cuộc kháng-chiến chống Pháp và chống Mỹ." Tuy-nhiên, trước sự cương-quyết của nhà chùa, Nguyễn Hữu Thọ chỉ xuất-hiện trong 3 phút (thay vì 15 phút) và đọc *bản tưởng-niệm* thay vì *điếu-văn* trước linh-cữu của Hòa-thượng. Ngoài ra, nhà chùa yêu-cầu Nhà nước đừng đề-cập bất cứ một chức-vụ nào của Hoà-thượng trong chính-quyền, và đừng cấp bất cứ một bản tuyên-dương hay huân-chương nào.

Theo tin đài BBC, lễ an-táng (hay hỏa-táng?) diễn ra tốt-đẹp tại chùa Linh-mụ, với sự hiện-diện ngắn-ngủi của phái-đoàn Nhà nước.

Theo các nguồn tin Tây-phương, có khoảng 10.000 Phật-tử VN dự tang-lễ. Tất cả người ngoại-quốc đều bị công-an, cảnh-sát và bộ-đội ngăn-cản không cho tới gần.

Đại lão Hòa-thượng Thích Đôn Hậu nguyên là một trong số 13 tăng-sĩ đầu-tiên lên tiếng năm 1940 tại Huế, đòi cải-tổ sơn-môn Phật-giáo cho phù-hợp với nhu-cầu hoằng-pháp của thế-kỷ 20. Ngài từng là chủ-nhiệm nguyệt-san *Liên-hoa* của Giáo-hội Tăng-già, và giữ nhiều trọng-trách trong Phật-giáo tại miền Trung.

Sau vụ tổng tấn-công của VC tại Huế năm Mậu Thân 1968, khi rút lui, bộ-đội cộng-sản đã đem HT Đôn Hậu ra chiến-khu vào sau đó thấy pháp-danh của ngài xuất-hiện trong chức-vụ Phó Chủ-tịch Ủy-ban Trung-ương Liên-minh các Lực-lượng Dân-tộc, Dân-chủ và Hòa-bình VN, và là một trong 13 ủy-viên Thượng Hội-đồng Cố-vấn Chính-phủ Cách-mạng Lâm-thời (GPMN).

Sau 1975, CSVN quyết-định giải-thể Giáo-hội Phật-giáo VN Thống-nhất, thi-hành chính-sách kỳ-thị Phật-giáo, bắt-bớ, đàn-áp tăng-ni tín-đồ, chiếm đoạt các cơ-sở đại-học, văn-hóa, xã-hội và các cơ-quan từ-thiện của Phật-giáo, HT Đôn Hậu đã lên tiếng chống-đối, tạo thành phong-trào bảo-vệ đạo-pháp, lên cao nhất vào các năm 1977 và 1982. CSVN đã yêu-cầu Hòa-thượng về trú-trì tại chùa Linh-mụ ở Huế và không được can-dự vào những việc xảy ra bên ngoài khuôn viên nhà chùa.

Hiện nay, trước những tin-tức từ quê nhà dồn-dập đưa ra, liên-quan tới vụ tranh-đấu mới nhất của Phật-giáo miền Trung, các tổ-chức dân-quyền nhân-quyền Việt-nam đã báo-động với các tổ-chức nhân-quyền quốc-tế để ngăn-chặn bàn tay cuồng-bạo của cộng-sản..

Trong nước, khi xảy ra vụ tranh-chấp giữa CS và Phật-giáo miền Trung vì tang-lễ HT Thích Đôn Hậu, Nhà nước đã ra lệnh áp-giải Đại-đức Quảng Độ từ Sài-gòn trở ra Bắc, vì sợ ảnh-hưởng sâu rộng của ông trong quần-chúng miền Nam.

CÁN BỘ VĂN HÓA CS TRỊNH CÔNG SƠN CÓ MẶT TẠI MONTREAL

Trịnh Công Sơn, Ủy-viên biên-chế của Hội Văn-Nghệ Thành-Phố Hồ Chí Minh, cán-bộ phụ-trách toà-soạn tạp-chí *Sóng Nhạc* (của Hội Âm-Nhạc thành Hồ), hiện đang có mặt tài Montréal, Gia-nã-đại, với lý-do "thăm thân-nhân."

Đối với thành-phần hợp-tác với bạo-quyền CSVN như Trịnh Công Sơn, cộng-đồng Việt-nam đã tỏ ra cảnh-giác trước sự hiện-diện gần như lén-lút của anh ta tại đây.

Bản tin Truyền-thanh, Truyền hình của cộng-đồng Việt-nam tại Montréal phát đi ngày 2.4 nói rõ: *"Việt Cộng vẫn không ngừng phá-hoại hàng ngũ Quốc-gia, bằng cách tung thêm những kẻ nằm vùng trà-trộn vào nhằm phá-hoại cộng-đồng hải-ngoại. Chúng tôi được tin chính-xác Trịnh Công Sơn, nhạc-sĩ nằm vùng thập niên 60, 70 hiện có mặt tại Montréal. Chúng ta cần cảnh-giác, vì nhạc-sĩ này đã từng tiếp tay với Cộng-sản, ru ngủ dân miền Nam bằng những bài nhạc phản-chiến. Chúng ta sẵn-sàng phản-ứng nếu tên này dự-tính trí-thức vận hay nghệ-sĩ vận."*

Trong những ngày qua, Trịnh Công Sơn đã tìm cách móc nối với một ngôi chùa địa-phương, xin cúng dường một đêm văn-nghệ gây quỹ cho chùa, nhưng đã bị từ-chối.

Không xâm-nhập vào các cơ-sở tôn-giáo được, Trịnh Công Sơn tìm cách tới gần các nhân-vật tai mắt của cộng-đồng, bằng cách khơi-động tình bạn cũ và tình đồng hương.

Sau chùa chiền, mục-tiêu kế-tiếp của Trịnh Công Sơn là một người bạn cũ: BS Dương Hồng Huy. Ông Huy hiện là phó chủ tịch hội Y-Sĩ VN Tự-Do Thế-Giới và là ủy-viên liên-lạc của Hội Y-Sĩ VN Tự-Do tại Gia-nã-đại, cho nên nếu tiến tới gần được BS Huy, họ Trịnh sẽ mập-mờ gây ngộ-nhận là hội Y-Sĩ đón-tiếp anh ta.

Vì tình cảm yếu-mềm, BS Huy đã không suy xét kỹ, dự định tổ chức một buổi họp mặt tại tư gia vào tối ngày 19.4 để đóp tiếp Trịnh Công Sơn, một người tuy là bạn cũ nhưng hiện đang phục vụ cho một chế độ phi nhân, kẻ thù của toàn dân Việt.

Cộng-đồng người Việt, báo-chí và nhất là hội Y-Sĩ VN Tự-Do tại Montréal rất bất-bình vì thái-độ nông nổi của ông Huy. Trước sự sôi-nổi của dư-luận đồng-bào địa-phương, để tránh mọi ngộ-nhận đáng tiếc cho hội Y-Sĩ, BS Dương Hồng Huy đã chính-thức nộp đơn từ-chức, ra khỏi ban chấp-hành Hội Y-Sĩ VNTD Thế-Giới và Hội Y-Sĩ VNTD Montréal.

Không ai phủ-nhận tài-năng và sự-nghiệp âm-nhạc của Trịnh Công Sơn, nhưng cho đến ngày nào họ Trịnh còn hợp-tác với guồng máy bạo quyền để khống-chế nhân-dân, cản-trở sự tiến-hóa trào-lưu dân-chủ của nhân-loại, những người Việt còn nặng lòng với dân-tộc không thể dang tay tiếp-đón anh ta được, dù với bất cứ tư-cách nào.



trong làng

TÒA ĐÔ-CHÍNH PARIS TRAO HUY-CHƯƠNG CHO HỌC GIẢ THÁI VĂN KIỂM

Học-giả Thái Văn Kiểm, một trong các cây bút biên-khảo văn-hóa chủ-lực của *Làng Văn*, tiến-sĩ Văn-chương Pháp, hội-viên Hàn-lâm-viện Pháp-quốc Hải-ngoại, vừa được tòa đô-chính Paris trao Huy-chương Danh-dự của thủ-đô, trong một buổi lễ được tổ-chức long-trọng tại tòa đô-sảnh hôm 22.4 vừa qua.

Cùng nhận huy-chương với học-giả Thái Văn Kiểm còn có Linh-mục Déjeux (giáo-sư Đại-học Sorbonne), thi-sĩ Demeuze (thanh-tra đại-học) và 5 nhà văn đoạt giải Văn-chương Pháp 1992, là Jacques Paulin (người Québec), Joseph Yazigi (Liban), Mounsi (Algérie), Amadou Hamtaté Ba (Côte d'Ivoire) và Amkoullen (Sénegal).

Học-giả Thái Văn Kiểm đã thay mặt các văn-thi-sĩ nhận giải và huy-chương, cảm tạ ban tổ-chức, ông Đô-trưởng Jacques Chirac và nhà văn Edmond Jouve, Hội-trưởng Hội Các Nhà Văn Pháp-ngữ Quốc-tế (AIDELF), nhấn mạnh sự tin-tưởng nhiệt-thành vào sự hợp-tác văn-hóa giữa Pháp-quốc và các dân-tộc yêu-chuộng hòa-bình, tự-do dân-chủ trên thế-giới.

Nhân dịp này, ông Đô-trưởng Paris cũng ân-cần gửi lời thăm hỏi tới các văn-nghệ-sĩ Việt-nam ở hải-ngoại.

BỮA CƠM GÂY QUỸ, VĂN BÚT VN/ONTARIO

Trung-Tâm Văn Bút VN / Ontario đã tổ-chức thành-công bữa ăn gây quỹ hôm 5.4 vừa qua tại nhà hàng South Vietnam, số 444 Spadina Ave., Toronto.

Bữa ăn có 100 người dự, kéo dài 3 giờ đồng hồ trong không-khí văn-nghệ ấm-cúng và thân-mật.

Ngoài các món ăn làm nên tên tuổi nhà hàng South Vietnam của cựu dân biểu Nguyễn Văn Tiết, quí vị quan khách và văn-hữu của Văn Bút còn thưởng-thức phần văn-nghệ do các cây bút trong làng và thân-hữu đóng-góp, như Nguyễn Ngọc Ngạn, Nguyên Nghĩa, Song Hưởng, Dã Hạc, Dương Tử Giang, Lê Kim Ngân, Đàm Trung Phán và Nguyễn Hữu Nghĩa.

Trung-tâm Văn Bút VN / Ontario vẫn thường tìm cách giúp-đỡ anh chị em văn-nghệ-sĩ (không phải đảng viên CS) trong nước, ngoài việc sáng-tác và giới-thiệu sáng-tác mới để phát-huy nền văn-học lưu-vong Việt-nam.

VĂN BÚT VN / ONTARIO NÓI CHUYỆN VÀ RA MẮT SÁCH

Trung-Tâm Văn Bút Việt-Nam / Ontario sẽ tổ-chức sinh-hoạt mở rộng cho công-chúng vào lúc 1 giờ ngày Chủ-nhật 17.5.1992 tại Nhà hàng South Vietnam của cựu dân-biểu Nguyễn Văn Tiết, số 444 Spadina Ave., Toronto.

Buổi sinh-hoạt gồm ba phần: nói chuyện, ra mắt sách và văn-nghệ.

Phần diễn-thuyết do học-giả Việt Chi Nguyễn Hữu Quang đảm-trách, với đề-tài *"Bói Dịch"*. Học-giả Việt Chi nguyên giáo-sư Đại-học Khoa-học Sài-gòn, chuyên viết về kinh *Dịch* cho tờ *Journal of Chinese Philosophy* của Đại-học Honolulu, Hạ-uy-di, Hoa-kỳ. Ông hiện sinh sống tại Ottawa, và là phó chủ-tịch Trung-tâm Văn Bút VN/ Ontario tại Gia-nã-đại.

Về tác-phẩm ra mắt trong buổi sinh-hoạt này, là cuốn *Hồn tôi cũng muốn qua cầu gió bay*, tập thơ thứ tư của thi-sĩ Đắc Trung, do cơ-sở Làng Văn xuất-bản. Nhà thơ Đắc Trung là hội-viên của Hội Thi-Ca Hoa-Kỳ tại Philadelphia. Ông được giới yêu thơ và báo-chí Hoa-kỳ tại địa-phương ca-ngợi là một



Nhà văn Nguyễn Ngọc Ngạn

nhà thơ của lương-tâm và tình người. Nhà thơ sẽ có mặt trong buổi ra mắt để tặng chữ ký cho giới yêu thơ Việt.

Phần sinh-hoạt văn-nghệ bỏ túi sẽ diễn ra trong không-khí ấm-áp thường-lệ.

Ngoài học-giả Việt Quang và thi-sĩ Đắc Trung, Văn Bút VN Ontario còn đón-tiếp một số bạn văn từ xa đã ghi danh tham-dự buổi sinh-hoạt, như nhà văn Đông Nghi, họa-sĩ ViVi Võ Hùng Kiệt và các nhà thơ Thủy Trang, Nguyễn Bá Dĩnh từ Montréal tới.

Buổi sinh-hoạt mở cửa tự-do cho công-chúng, Văn Bút VN / Ontario hân-hạnh kính mời.

VĂN BÚT VÀ NHÂN-QUYỀN

Liên-Hội Nhân Quyền Việt-Nam ở Thụy-sĩ và thi-sĩ Hoàng Bảo Việt đã cho phổ-biến bản kêu-gọi vận-động can-thiệp cho anh em văn-nghệ-sĩ, nhà báo và trí-thức còn bị giam-giữ ở Việt-nam, như Tô Thùy Yên, Mai Trung Tĩnh, Vương Đức Lệ, Vương Tân, BS Nguyễn Đan Quế,..

Bản kêu-gọi được phân-phát trước cử-tọa 400 người, nhân buổi hội-thảo về *Những người cầm bút và nhân-quyền* do Trung-tâm Văn Bút Thụy Sĩ tổ chức hồi tháng 2 vừa qua.

Diễn-giả của buổi hội-thảo là bà Li Meiying, nguyên giáo-sư Pháp-văn tại Đại-học Bắc-kinh, hiện tị-nạn chính-trị tại Pháp. Bà tường-thuật những điều mắt thấy tai nghe về biến-cố Thiên-an môn, trong đó có rất nhiều sinh viên của bà đã gục ngã dưới lằn đạn của vệ-binh đỏ.

Diễn giả thứ hai là nhà báo Lek Hor Tan thuộc Tổ-chức Bảo-vệ Tự-do Ngôn-luận ở Anh-quốc. Ông phác-họa bức tranh nhân-quyền thế-giới và lên án chính-phủ Hà-nội đang ngoan-cố và mù quáng đeo-đuổi chủ-nghĩa cực-đoan Marxist Leninist, tiếp-tục đàn-áp văn-nghệ-sĩ và nhà báo Việt-nam.

Các tài-liệu được phân-phát trong buổi hội-thảo, ngoài bản kêu gọi của Liên Hội Nhân-quyền VN, còn có quyết-nghị của phái-đoàn Văn Bút Việt-Nam Hải-Ngoại tại Đại-hội Văn Bút thế-giới ở Vienne (1991), tài-liệu của Tổ-chức Ân-xá quốc-tế và của Văn Bút Thụy-sĩ.

VĂN BÚT BA-LAN BÊNH-VỰC NHÀ VĂN VN BỊ CS CẦM TÙ

Tờ *Gazeta* xuất-bản tại Toronto, Gia-nã-đại, bằng tiếng Ba-lan, trong số ra ngày 16.3.92 loan tin, Văn Bút Ba-lan đã tiếng bênh-vực 3 nhà văn, nhà thơ Việt-nam bị Nhà nước CSVN cầm tù, là các ông Đồng Văn Kha, Tô Thùy Yên và Nguyễn Văn Tân.

Ông Đồng Văn Kha (Thượng-tọa Thích Đức Nhuận), 65 tuổi, thi-sĩ kiêm khoa-học gia, giáo-sư đại-học, bị bắt năm 1984, kêu án 10 năm tù về "tội" âm-mưu lật-đổ chính-quyền nhân-dân. Hiện ông bị bệnh hai bệnh suyễn và loét bao-tử đe-dọa trầm-trọng tới tính-mạng.

Ông Tô Thùy Yên (tên thật Đinh Thành Tiên), 53 tuổi, thi-sĩ, dịch-giả kiêm biên-tập-viên, từng bị giam 13 năm (từ 1975), bị bắt lại từ 1990 về tội "liên-lạc văn-hóa với nước ngoài."

Ông Nguyễn Văn Tân, từng bị tù 12 năm (từ 1975), bị bắt lại từ 1990.

VĂN BÚT ĐỨC QUỐC MỜI NGUYỄN CHÍ THIỆN LÀM HỘI VIÊN DANH DỰ

Theo đề-nghị của dịch giả Bùi Hạnh Nghi, Đại-hội Văn Bút của nước Đức đã quyết-nghị đồng ý chính-thức mời thi-sĩ phản-kháng Nguyễn Chí Thiện gia-nhập Trung Tâm Văn Bút Đức quốc với tư-cách hội viên danh-dự.

Tập thơ *Tiếng vọng từ đáy vực* của Nguyễn Chí Thiện, qua bản dịch *Echo ans dem Abgrund* của Bùi Hạnh Nghi (tiến-sĩ văn-chương Đức) đã gây được nhiều tiếng vang rất tốt trong sinh-hoạt văn-học nước Đức.

DÒNG THƠ LƯU-LẠC

Tập thơ đẹp nhất trong tháng qua là *Dòng thơ lưu-lạc* của Nguyễn Bá Dĩnh và Thủy Trang, Phạm Việt Tuyền giới-thiệu, nhạc phổ của Đắc Trung và Phan Ni Tấn, tranh bìa của Nguyễn Nhật Tân, phụ-bản (họa) Vi-Vi và (ảnh nghệ-thuật) Cung Vũ, Làng Văn xuất-bản.



Thủy Trang



Nguyễn Bá Dĩnh

Cùng là những vần thương nhớ quê-hương, nhưng thơ Thủy Trang nhẹ-nhàng, kín-đáo, còn thơ Bá Dĩnh quay-quắt, nồng-nàn. Thủy

Trang nhớ mỗi thứ một chút:

Tôi nghe chút muộn chút phiền
Chút sầu chút tủi chút riêng ngập-ngừng.

Bá Dĩnh thì bầm dập đau-thương:

Thơ tôi màu huyết-dụ bầm
Bởi từ tim phổi âm-thầm dấy lên.

Nỗi buồn của Thủy Trang giấu kín trong lòng, kín đến nỗi chính tác-giả cũng tưởng mình đã quên:

Mấy năm tưởng đã vơi buồn...

Bá Dĩnh chẳng những không quên, chẳng những không giấu-giếm, buồn ra mặt chưa đủ mà còn phải khóc ra nước mắt:

Sao em không khóc bằng đôi mắt
Mà khóc âm-thầm trong đáy tim?

Tuy cung-cách phát-biểu khác nhau, nhưng đôi bạn thơ, và cũng là đôi uyên-ương trong cả hai thế-giới thi-ca và cuộc đời, có cùng một điểm để nhìn về: quê-hương đất nước. Cùng tâm-thức trở về, Thủy Trang trăn-trở *(đêm đêm trở giấc bên bờ mộng)*, Bá Dĩnh nôn-nao *(lòng bỗng xôn-xao sóng ngập tràn)*.

Sự trăn-trở và nôn-nao của Thủy Trang, Bá Dĩnh cũng là sự trăn-trở và nôn-nao của hàng triệu người Việt lưu-vong, trong đó có biết bao nhiêu người mang tâm-lực ra khai-phá, xây-dựng một lối về, về trong ánh-sáng tự-do, trong không-khí dân-chủ. Đó là những điều Bá Dĩnh, Thủy Trang không kết thành thơ, mà thực-hiện cụ-thể trong việc làm.

Dòng thơ lưu-lạc dày 96 trang, kèm 4 phụ-bản in offset bốn tuyệt đẹp, giá 8 mỹ-kim (10 gia-kim). Liên-lạc: Làng Văn.

VĂN XÃ I

Theo yêu-cầu của một số lớn bạn đọc, tòa-soạn đã in lại *Văn Xã* I (số đặc-biệt Xuân Canh Ngọ 1990). Tờ báo khổ sách, giấy trắng đẹp, 168 trang giá 5 mỹ-kim (5 gia-kim), nội-dung gồm các bài nghiên-cứu và sáng-tác như:

- *Lại nói về Tết* (Dương Thượng Ngã).
- *Ngày Tết chơi hoa* (Phạm Hoàng Hộ).
- *Trường đua mấy độ* (Trương Nghĩa).
- *Văn-phong, nhân-cách* (Võ Phiến).
- Thơ Cung Vũ.
- *Sơ-khảo về cây cảnh và giả sơn* (Lê Thị tâm và Đỗ Văn Luật).
- Thơ Cao Tiêu
- *Văn-học và y-học phương Đông với tuổi già* (Trần Văn Tích).
- *Thú chơi chữ triện* (Lê Văn Lân).
- *Tình-hình nghiên-cứu lịch-sử văn-học VN dưới chế-độ CS* (Nguyễn Hưng Quốc).
- *Hình ảnh mùa xuân trên tem thư VNCH* (Phạm Thăng).
- *Về bài viết cũ "Nguyễn Bính: những mùa xuân tha-hương"* (Đào Trường Phúc)
- *Tiệc xuân trong vườn đào lý* (Lãng Nhân).
- *Một món Tết cho Chín* (Võ Đình).

6 CUỐN SÁCH TRÌNH LÀNG TẠI PARIS

Như tin đã loan trên số trước, Văn-phòng *Làng Văn* Âu-châu sẽ trình làng 6 cuốn sách mới nhất của ba tác-giả: Nguyễn Ngọc Ngạn, Ngô Nguyên Dũng và Cung Vũ Nguyễn Hữu Nghĩa, vào lúc 2 giờ chiều chủ-nhật 21.6 tại hội-trường F.I.A.P., số 30 Rue Cabanis, quận 14 Paris.

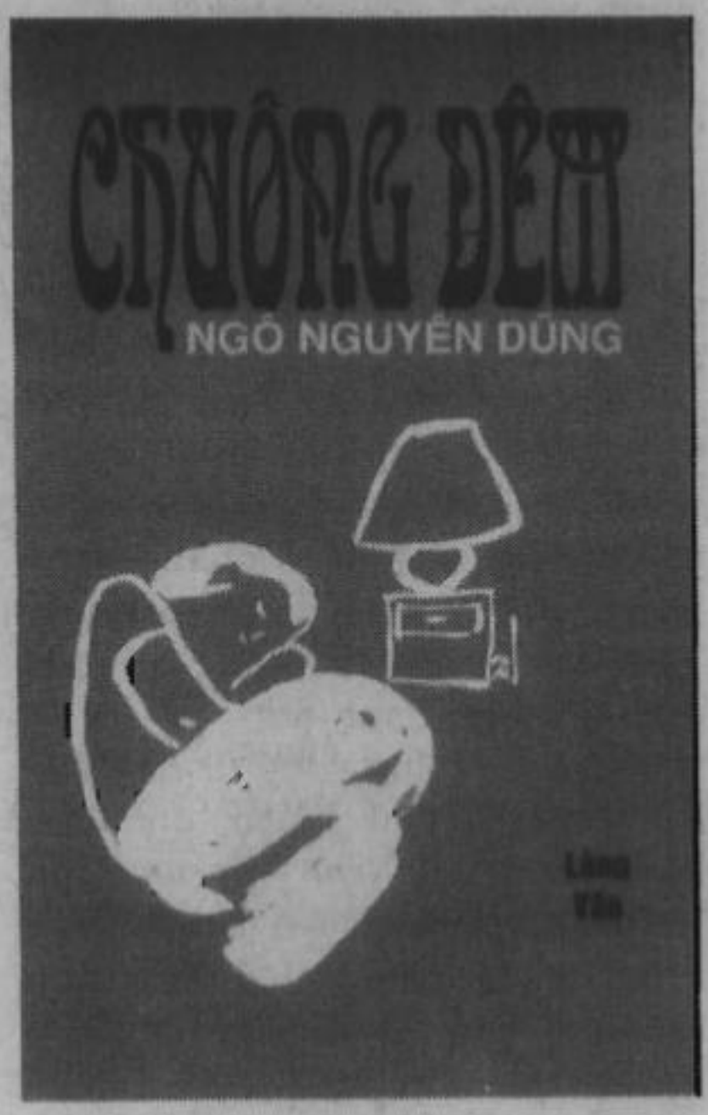
Các cuốn sách này gồm:

- *Chút ân-tình mong-manh*, truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Ngạn.
- *Chính-khách*, truyện dài của Nguyễn Ngọc Ngạn.
- *Tiếng núi*, truyện ngắn của Ngô Nguyên Dũng.
- *Chuông đêm*, truyện ngắn của Ngô Nguyên Dũng.
- *Nguyệt bạch*, thơ của Cung Vũ, và
- *Dọn đường về nước*, tham luận chính-trị của Nguyễn Hữu Nghĩa.

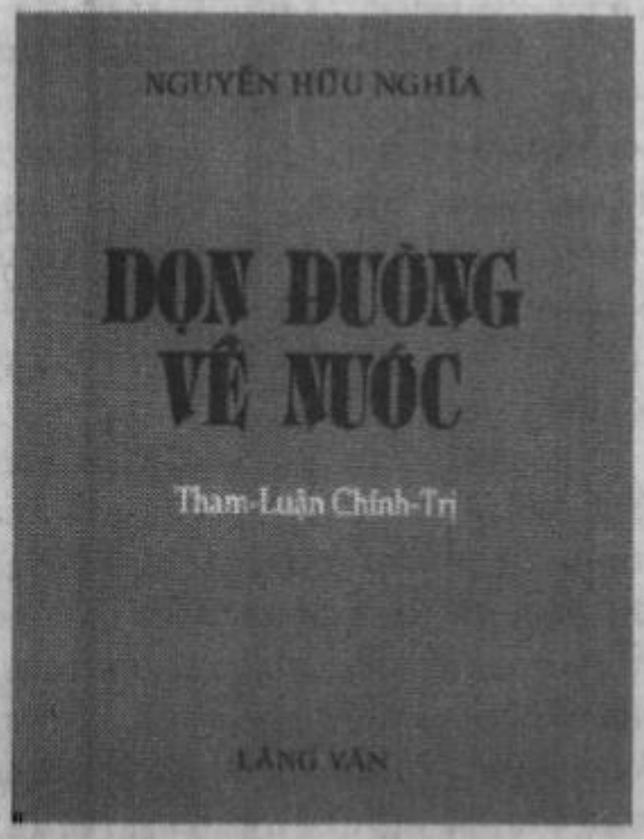
Tin giờ chót cho biết, các nhà văn Nguyễn Ngọc Ngạn (từ Toronto) và Ngô Nguyên Dũng (từ Dortmund) đã thu-xếp xong để sang Paris dự buổi ra mắt sách, cùng với Nguyễn Hữu Nghĩa và Nguyên Hương từ Gia-nã-đại sang.

Trong dịp này, ban tổ-chức sẽ dành một khoảng thời-gian để các tác-giả mạn-đàm cùng bạn đọc và thân-hữu về các vấn-đề văn-chương và thời-sự.

Văn-phòng *Làng Văn* Âu-châu kính mời quí độc-giả và văn-hữu







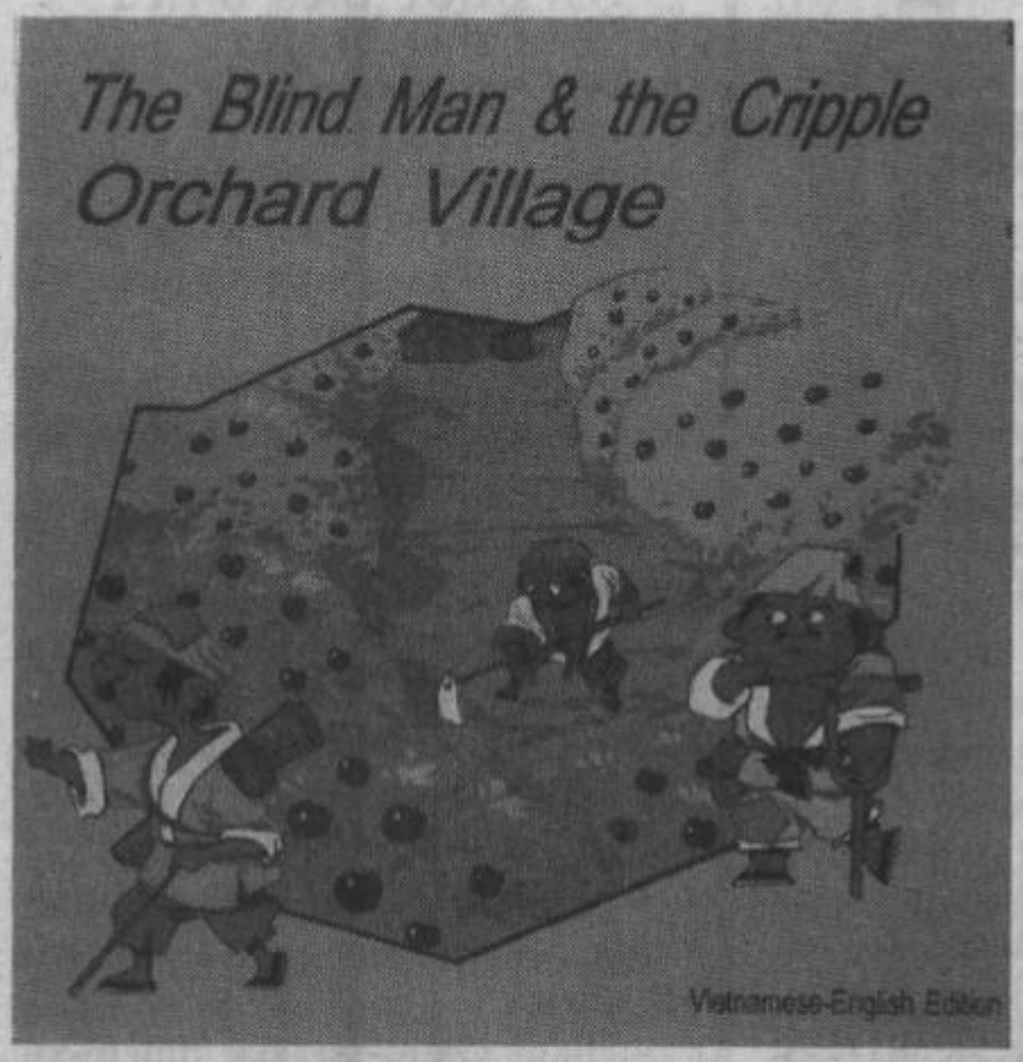


tham-dự đông-đủ. Ngoài phần tiếp-tân, Văn-phòng còn bày bán nhiều sách mới, với giá thân hữu (thấp hơn giá đề).

"SỰ MUÔN NĂM CŨ" TẠI HÒA-LAN

Theo lời mời của tòa-soạn, học-giả BS Trần Văn Tích sẽ ra mắt sách chung tại Hòa-lan. Buổi sinh-hoạt này do Văn-phòng Làng Văn tại Hòa-lan tổ-chức lúc 2 giờ trưa Chủ-nhật 28.6 tại Trung-tâm Văn-hóa Xã-hội Nieuwoord, Notengaarde 3 (3992 Jr-Houten). Như vậy, ngoài 6 tựa sách mới của Nguyễn Ngọc Ngạn, Ngô Nguyên Dũng và Cung Vũ Nguyễn Hữu Nghĩa, còn có *Sự muôn năm cũ* của Trần Văn Tích, với sự hiện-diện của các tác-giả.

TIN VUI CHO CÁC ĐỘC-GIẢ TRẺ





Nhằm mục-đích đáp-ứng nhu-cầu giải-trí bổ-ích của các độc-giả trẻ, cơ-sở *Wonder Kids Publications* dự-trù in 100 mặt sách song-ngữ Anh-Việt, phẩm-chất cao như sách Âu-Mỹ: bìa cứng, tất cả các trang đều in offset 4 màu. Đặc-biệt, phần chữ Việt do nhà văn Nguyễn Ngọc Ngạn dịch, thích-hợp mọi trình-độ Việt-văn.

Trong tháng 5 vừa qua, hai tựa sách đầu tiên đã in xong, mỗi cuốn gồm 2 truyện ngắn:

Cuốn 1: *The Blind Man & the Cripple (Anh mù và anh què)* và *Orchard Village (Làng cây ăn trái).*

Cuốn 2: *Celebrating New Year (Mừng năm mới)* và Miss Yuan-Shiau (Nàng Nguyên Tiêu).

Chuyện *Anh mù và anh què* kể lại tình bạn giữa hai người ăn xin, một mù, một què, nương tựa nhau mà sống.

Chuyện *Làng cây ăn trái* kể lại đời sống những người dân thôn-dã thật-thà, trong sạch.

Chuyện *Mừng năm mới* kể lại sự tích con Niên và nguồn gốc tục ăn Tết.

Chuyện *Nàng Nguyên Tiêu* kể lại sự tích bánh qui bằng bột gạo nếp.

Giá mỗi cuốn sách nói trên là 15 mỹ-kim (19,50 gia-kim), liên-lạc: Làng Văn.

CÁO LỖI

Vì sơ-suất của tòa-soạn, bìa *Làng Văn* 93 (tháng 5.1992) đã bị in sai là "tháng 4.1992" thay vì "tháng 5.1992". Xin tạ lỗi cùng quí độc-giả.

ngoài ngõ



TẨY CHAY JANE FONDA

Cộng-đồng Hoa-kỳ vùng East Tennessee, Hoa-kỳ đã tổ-chức tẩy-chay Jane Fonda khi bà ta tới Dollywood ở Knoxville để quay phim theo lời mời của ca-sĩ Dolly Parton. Lý-do của vụ tẩy chay là vì cô đào thượng-thặng này đã tiếp tay CSVN trong thời chiến cách đây gần 20 năm.

Quần-chúng Mỹ dù yêu-mến tài-nghệ của Jane Fonda cũng không thể làm ngơ trước hành-động phản-quốc của bà ta, đã chà đạp lên xương máu và danh-dự của những người cùng chung một xứ-sở.

Hàng chục cựu chiến-binh Hoa-kỳ và Việt-nam đã phân-phát các tờ giấy keo in hàng chữ *"Hanoi Jane"* cho người qua lại, và chỉ nội trong ngày hôm ấy, hàng ngàn chiếc xe hơi trong vùng đã mang hàng chữ này chạy khắp phố-phường, khiến Dolly Parton, chủ-nhân Dollywood phải ngỏ lời xin lỗi trước công-chúng.

Thái-độ hiểu biết của Dolly Parton và phản-ứng của quần-chúng Hoa-kỳ đối với Jane Fonda khiến cộng-đồng Việt-nam, nhất là những người vỗ-vập đón-rước Trịnh Công Sơn tại Montreal phải cúi mặt.

Điều đáng nói là cuộc chiến Việt-nam, đối với người Mỹ, đã kết-thúc từ 1973; còn cuộc đấu-tranh cho tự-do dân-chủ, cũng như nỗi khổ-đau do Cộng-sản gây ra cho dân-tộc Việt-nam vẫn tiếp-diễn hàng ngày.

VN QUỐC DÂN ĐẢNG HẢI-NGOẠI HỌP ĐẠI-HỘI

Việt-Nam Quốc Dân Đảng Hải-Ngoại đã họp Đại-hội kỳ 4 tại Houston, Texas trong ba ngày 10, 11 và 12.4 vừa qua.

Đại-hội đã thông quá cơ-cấu mới, bầu cơ-phận lãnh-đạo kết-hợp giữa hai thế-hệ.

Cơ-cấu tổ chức của Đảng hiện nay gồm có:

- Đại-biểu đoàn, có nhiệm-vụ nghiên-cứu đường lối, chính-sách. Thành-phần Đại-biểu đoàn gồm các ủy-viên Trung-ương và các đại-biểu do cơ-sở Đảng bầu ra.
- Ủy-ban Chấp-hành Trung-ương, có nhiệm-vụ quản-trị các cơ-sở Đảng.
- Ban Giám-sát có nhiệm-vụ giám-sát hoạt-động của các bộ-phận khác.

Ba bộ-phận này hoàn-toàn độc-lập với nhau.

Đại-hội đã bầu thành-phần lãnh-đạo Đảng, như sau:

- Bí-thư Ủy-ban Chấp-hành Trung-ương: Ô. Lê Thành Nhân, 41 tuổi (gốc Võ-bị, xuất thân Nhảy Dù, hiện là chuyên-viên điện-toán).
- Chủ-tịch Đại-biểu đoàn: GS Trần Trọng Sanh.
- Chủ-tịch ban Giám-sát: Ô. Lê Ninh (cựu dân-biểu, nguyên sĩ-quan VNCH).

Đại-hội đã trình-diện thành-phần lãnh-đạo mới trước quốc dân trong một buổi sinh-hoạt công-chúng, có sự chứng-kiến của các đảng-phái bạn như Liên-Minh Dân-Chủ Việt-Nam, Đại Việt Quốc Dân Đảng, Dân-Xã Đảng.

Địa-chỉ liên-lạc của Quốc Dân Đảng VNHN: P.O. Box 111924, Miami, FL 33111, USA.

HỘI-NGHỊ NAFEA VIỆT MIÊN LÀO TẠI HOA-KỲ

Hiệp-hội người Mỹ gốc Việt-Miên-Lào về Giáo-dục và Thăng-tiến (NAFEA — *National Association for Education and Advancement of Cambodian, Laotian and Vietnamese Americans)* đã họp đại-hội tại Cựu-kim-sơn vào cácngày 5,6 và 7.4 vừa qua với hơn 300 đại-biểu từ các nơi về dự.

Nhà văn Trà Lũ, chủ-tịch Văn Bút VN / Ontario, là diễn-giả duy nhất từ nước khác (Gia-nã-đại) được mời tới nói chuyện tại đại-hội, nói về *bảo-tồn và phát-huy ngôn-ngữ Việt-nam* (bằng tiếng Việt) và *Chính-sách đa-văn-hóa của Gia-nã-đại* (bằng tiếng Anh).

Ngoài nhà văn Trà Lũ, còn có các diễn-giả VN tại Hoa-kỳ, như các giáo-sư Nguyễn Đình Hoà, Huỳnh Đình Tế, Trần Thế Phiệt, Chung Hoàng Chương, Võ Kim Sơn, Nguyễn Ngọc Bích, v.v.

NGÀY DÂN CHỦ TỰ DO VÀ NHÂN QUYỀN VN TẠI DALLAS VÀ HOUSTON

Tổng Hội Cựu Tù-Nhân Chính-Trị CSVN đã tổ-chức thành-công *Ngày tự-do dân-chủ và nhân-quyền Việt-nam* ngày 25.6 tại Houston và 26.4 tại Dallas, thuộc tiểu-bang Texas, Hoa-kỳ, với sự tham-gia của 38 đoàn-thể xã-hội, chính-trị và tôn-giáo Việt-nam.

Buổi lễ tại Dallas tổ-chức tại Clarion Hall, qui-tụ 500 quan-khách.

Buổi lễ tại Houston tổ-chức tại đại giảng đường Đại-học Houston.

Diễn-giả chính của cả hai buổi lễ là ký-giả Al Santoli và ông Shepartol Lowman.

Ký-giả Al Santoli là người đã lột mặt nạ Bùi Tín trước đây, nêu rõ hậu-quả của việc giao-thương với Trung Cộng và Miến-điện, là đầu-tư của ngoại-quốc chỉ giúp thêm sức mạnh để các bạo-quyền này đàn-áp dân-chúng. Diễn-giả Al Santoli từng tiếp-xúc với Thượng-tướng VC Trần Văn Trà, vạch rõ thủ-đoạn tấn-công ngoại-giao của CSVN nhắm vào Hoa-kỳ trong các mùa bầu-cử, là lúc mà cả hai đảng Cộng-hòa và dân-chủ đều tránh

những thái-độ quyết-liệt về đối ngoại. Ông Santoli xác-nhận sức mạnh chính-trị của cộng-đồng Việt-nam. Ông kêu gọi mọi người liên-minh thành một khối cử-tri để có thể sử-dụng đúng mức sức mạnh này.

Diễn giả thứ hai, ông Shepard Lowman bày-tỏ mối quan-tâm của ông về thời-kỳ hậu cộng-sản tại Việt-nam, làm sao để mau-chóng phục-hồi kinh-tế và xây-dựng an-sinh xã-hội.

Tổng Hội Cựu Tù-Nhân Chính-Trị CSVN, do ông Huỳnh Công Ánh làm chủ-tịch, cũng tổ-chức *Ngày dân-chủ, tự-do và nhân-quyền Việt-nam* tại Nam Cali (ngày 24.5), Calgary (18.6) và Vancouver (19.6).

TRẦN QUANG HẢI "NGƯỜI QUỐC-TẾ"

TS Trần Quang Hải, nhà nghiên-cứu dân-tộc nhạc-học đã được tặng 8 bằng tuyên-dương quốc-tế. Trong số này, cơ-quan Who's Who Anh-quốc bầu ông là *"Người quốc-tế 1991"*, Who's Who Hoa-kỳ bầu ông là *Man of the Year* 1991, viện Tiểu-sử Hoa-kỳ bầu ông là *Sứ-giả vĩ-đại của sự thành-công*.

PHONG-TRÀO "NO HỒ" PHÁT TRIỂN TẠI ÂU CHÂU

Phong-Trào Quốc Dân Xóa Bỏ Huyền-Thoại Hồ Chí Minh đã phát-triển mạnh tại châu Âu. Cộng-đồng người Việt Tị-nạn tại Âu-châu đã thành-lập Ủy Ban Phá Bỏ Huyền-Thoại Hồ Chí Minh, thành-phần như sau:

Chủ-tịch: GS Lai Thế Hùng

Phó-chủ-tịch: Ô. Lê Văn Nam

- Tổng Thư-ký: Ô. Trần Văn Nam

Cố vấn-đoàn gồm Mục-sư Nguyễn Công Huấn và các ông Nguyễn Tấn, Thế Huy, Hoàng Hữu Triết và Vũ Ngọc Long.

Phong-trào "No Hồ" sẽ vận-động các nước Âu châu hưởng ứng chiến-dịch phá-bỏ huyền-thoại Hồ Chí Minh, tranh-thủ sự hậu thuẫn của Nghị-viện Âu-châu, Quốc-hội Âu-châu và Cộng-đồng kinh-tế Âu-châu và đồng-thời phát-triển hoạt-động trong cộng-đồng VN tại Âu-châu.

Địa-chỉ liên-lạc của "No Hồ" Âu-châu:

C/o Cộng-đồng Người Việt Tị-nạn Âu-châu

46 Av. Jean-Jaurès, 67100 Strasbourg, France.

CỰU ĐẠI-SỨ COLBY NÓI CHUYỆN TẠI PHÁP

Ông William Colby, chủ-tịch Hội-đồng Hoa-kỳ cho một nước Việt-nam tự-do, đã nói chuyện về đề-tài *Việt-nam, hôm qua và ngày mai* vào tối 13.4 tại phòng khánh-tiết Thượng-viện Pháp tại điện Lexembourg. Buổi thuyết-trình và dạ tiệc do Ủy Ban Quốc-Tế Trần Văn Bá tổ-chức, qui-tụ 200 quan-khách Việt, Pháp.

Ông Colby là trưởng lưới CIA tại Việt-nam (1959-1962), giám-đốc khối Viễn-đông bộ, bộ ngoại-giao Hoa-kỳ (1962-1968), đại-sứ Hoa-kỳ tại Việt-nam (1968-1971) và tổng Giám-đốc CIA (1973-1976). Ông là người am-tường về tình-hình Việt-nam hơn bất cứ một chính-khách Hoa-kỳ nào khác, và luôn luôn tranh-đấu cho một nước Việt-nam tự-do. Ông xác-định, quân-lực VNCH đã đẩy lui bộ-đội cộng-sản trong khi 500.000 binh-sĩ Hoa-kỳ rút khỏi cuộc chiến, trở về Hoa-kỳ.

Ông Colby đã đưa ra cuốn *Việt-nam, lịch-sử bí-mật của một chiến-thắng đánh mất*, vừa được dịch ra Pháp-văn, nhan-đề *Vietnam, histoire secrète d'une victoire perdue*, do nhà Perrin xuất-bản.

Ngày 28.6 tới đây, ông cùng TS Lê Phước Sang tổ-chức Hội-nghị Thế-giới của Hội-đồng Việt-nam Tự-do tại trụ-sở Quốc-hội Hoa-kỳ. Ông tiết-lộ, Hội-đồng Lãnh-đạo Việt-nam sẽ ra mắt trong Hội-nghị này. *(BTH)*

10 NĂM LỚP VIỆT VĂN CỦA CÔ MAI

Một buổi sinh-hoạt văn-nghệ đặc-biệt đã được tổ-chức tại hội-trường trường Trung-học Louis Le Grand, quận 5 Paris hôm 18.4 vừa qua, đánh dấu 10 năm liên-tục hoạt-động của lớp Việt-ngữ do cô Tôn-nữ Hoàng Mai đảm trách..

Suốt 10 năm, 10 niên-khóa, cô Mai đã giúp hàng ngàn học-sinh sửa-soạn thi tú-tài, lấy Việt-văn làm sinh-ngữ 1, trau-giồi thêm tiếng mẹ trong học-trình.

Chương-trình Việt-văn đã được bộ Giáo-dục Pháp chính-thức thừa-nhận như một sinh-ngữ để thí-sinh lựa-chọn trong các kỳ thi tú-tài, cử-nhân, cao-học và tiến-sĩ văn-chương. Đa-số học-sinh Việt-nam đều chọn Việt-văn làm sinh-ngữ 1 để đi thi tú-tài.

Lớp Việt-văn cũng là môi-trường thuận-lợi để học-sinh VN có cơ-hội gặp-gỡ, sinh-hoạt, trao-đổi kinh-nghiệm. Cũng từ lớp Việt văn này, các cựu học-sinh đã thành-lập các hiệp-hội văn-hóa, xã-hội và sinh-hoạt thường-xuyên như Thư-viện Diên Hồng, Xóm Én, Quang-Trung, Bắc Đẩu.v.v... *(BTH)*

HỘI-THẢO CHÍNH-TRỊ TẠI STRASBOURG

Nhân ngày giỗ Tổ, theo truyền-thống của hội Thân-hữu Người Việt Tị-nạn tại Strasbourg (Pháp) mời đại-diện các đảng-phái chính-trị tới tiếp-xúc cùng đồng-bào.

Năm nay, giỗ Tổ được tổ-chức hôm 11.4 tại trụ-sở Hội, với các diễn giả thuộc Mặt Trận QGTN GPVN, gồm BS Trần Đức Tường, các ông Nguyễn Ngọc Bảo, Hoàng Quốc Quân từ Paris tới.

Sau nghi-lễ giỗ Tổ cổ-truyền là phần thuyết-trình và thảo-luận.

Cụ Hồ Đắc Hóa mở đầu, nói về nguồn-gốc dân-tộc cùng công-nghiệp của tiền-nhân.

BS Trần Đức Tường nhận-định về hoàn-cảnh đen-tối của lịch-sử cận-đại và nói về mục-tiêu đấu-tranh của Mặt Trận QGTN GPVN.

Tiếp theo, phần thảo-luận đã diễn ra hết sức sôi-nổi. BS Trần Đức Tường đã trả lời cử-tọa về vấn-đề quản-lý tiền bạc và sự chia-

rẽ nội bộ của Mặt Trận, mà ông nhận-xét "do tham-vọng của Một vài cá-nhân."

Riêng câu hỏi "tướng Hoàng Cơ Minh còn sống hay đã hi-sinh cho đại-nghĩa ngoài chiến-trường", BS Tường cho biết ông không thể xác-định việc này vì ba lý-do: sợ làm nản lòng các chiến-sĩ đang chiến-đấu; vì không tin ở tin-tức do CS đưa ra và vì quan-niệm rằng cuộc chiến-đấu của Mặt Trận là chiến-đấu cho lý-tưởng chứ không phải cho cá-nhân tướng Minh.

GS Phạm Việt Tuyền đã kết-thúc buổi hội-thảo kéo dài hơn bốn giờ đồng hồ bằng lời cảm-tạ của ban tổ-chức và ngỏ ý ước mong sự chuyển-dịch của lịch-sử sẽ mau chóng hơn, nhờ lòng yêu nước của đồng-bào và nỗ-lực của các đoàn thể đấu-tranh. *(theo Y Lân)*

QUỐC HẬN TẠI WESTMINSTER, CALI: TRÊN 3000 NGƯỜI DỰ

Lễ Quốc-hận 30.4 năm nay đã được tổ-chức nghiêm-trang tại Asian Villages trước Văn-phòng Cộng-đồng Việt-nam vào chiều 25.4 với 30 đoàn-thể và 3000 đồng-bào tham-dự.

Buổi lễ có sự tham-dự của ông Thị-trưởng Westminster và các dân-biểu địa-phương, và đặc-biệt nhất là sự hiện-diện của Đại-tá Võ Đại Tôn từ Úc sang. Bài diễn-văn dài 30 phút của ông bị ngắt quãng nhiều lần vì những tràng vỗ tay nồng-nhiệt tán-trợ hành-động anh-hùng của ông trong công-nghiệp đấu-tranh lật-đổ bạo quyền cộng-sản.

Cuối cùng là phần văn-nghệ đấu-tranh do Việt Dũng, Diễm Hương và Hùng Cường phụ-trách.

GIỖ TỔ TẠI OTTAWA

Dù trời bão tuyết bất thường, đại-lễ Giỗ Tổ Hùng-vương do Hội-đồng Cộng-đồng Người Việt Quốc-gia vùng Ottawa-Hull tổ-chức hôm 11.4 tại Trung-tâm Người Việt, số 249 Rochester, vẫn thành-công tốt-đẹp.

Ông Vũ Xuân An, chủ-tịch ban Thường-vụ của Hội-đồng khai-mạc buổi lễ đúng 12 giờ trưa. Sau đó là phần tế tổ theo nghi-thức cổ-truyền kéo dài 45 phút, do hội Người Việt Cao-Niên đảm-trách.

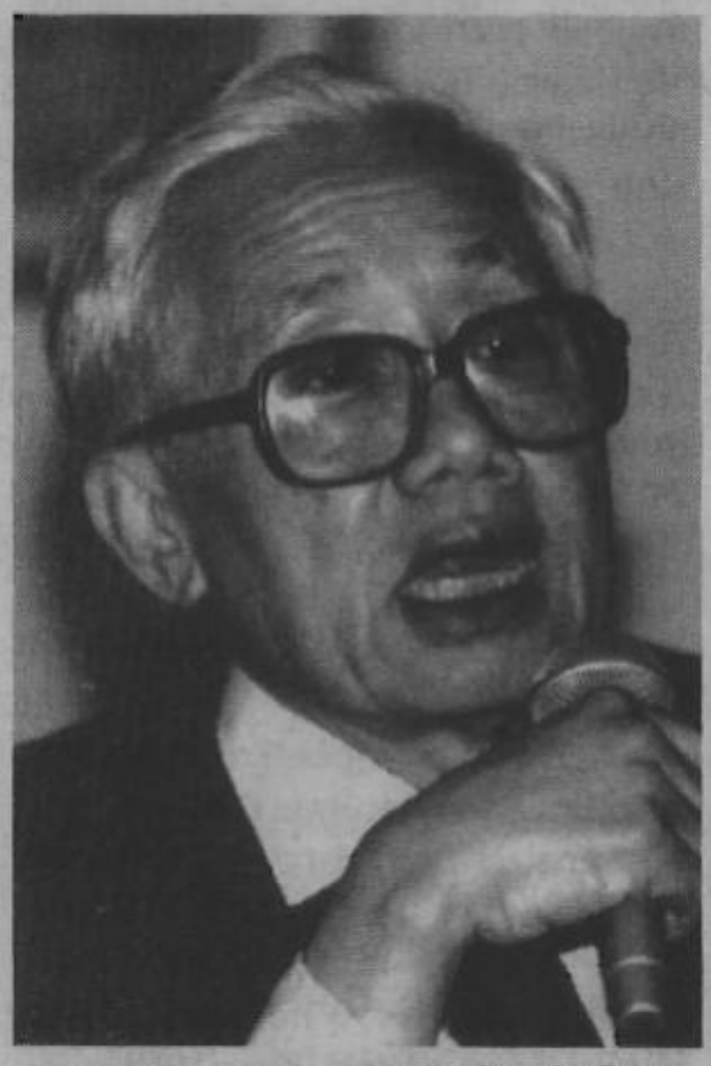
Linh-mục Trần Xuân Lãm, cộng-đồng Công-giáo Cornwall, cùng các cụ niệm hương trước bàn thờ Quốc Tổ.

XUỐNG ĐƯỜNG ĐẤU-TRANH CHO TỰ DO DÂN CHỦ VÀ NHÂN QUYỀN VN

Khoảng 300 đồng-bào thuộc các đoàn-thể Việt-nam đã biểu-tình trước trụ-sở Quốc-hội Gia-nã-đại hôm 2.5, sau khi làm lễ truy-điệu đồng-bào và chiến-sĩ hi-sinh vì lý-tưởng tự-do tại đài Kỷ-niệm Việt-nam (góc Preston & Somerset).

Sau đó đoàn biểu-tình kéo đến sứ-quán CSVN, đấu-tranh đòi hỏi tự-do dân-chủ và nhân-quyền cho toàn dân Việt-nam.

TS LÊ PHƯỚC SANG NÓI CHUYỆN TẠI TORONTO



TS Lê Phước Sang

TS Lê Phước Sang, chủ-tịch Hội-đồng Việt-nam cho một Việt-nam Tự-do tới nói chuyện tại Nhà hàng South Vietnam, số 444 Spadina hôm Thứ Bảy 16.5. Nhân



Hình-ảnh lễ Quốc Hận 30.4 tại Little Saigon California, Hoa-kỳ

dịp này, ông trình-bày về tình-hình đất nước và diễn-tiến công-tác chuẩn-bị cho Hội-nghị Việt-nam Tự-do tại trụ-sở Quốc-hội Hoa-kỳ vào tháng 6 này.

Buổi sinh-hoạt do Hội-đồng VNTD vùng Toronto tổ-chức, qui-tụ các thành-phần lãnh-đạo đoàn-thể địa-phương, quan-khách và đồng-bào.

LỚP PHẬT-HỌC PHỔ-THÔNG

Tịnh-thất Tịnh-Nghiêm sẽ khai-giảng lớp Phật học phổ-thông tại phòng 817, số 2247 Hurontario St., Mississauga (Ontario, Gia-nã-đại). Các lớp học do Thích-nữ Chơn Thành phụ trách, hoàn-toàn miễn-phí, tổ-chức hàng tuần vào ngày Chủ-nhật từ 2 tới 4 giờ, học-viên không cần phải ghi tên trước.

LỄ THƯỢNG-KỲ VNCH Ở GIA-NÃ-ĐẠI

Trong tháng 4 và 5 vừa qua, lễ Thượng-kỳ VNCH đã được tổ-chức nhiều nơi tại Gia-nã-đại.

Ngày 18.4, Mặt Trận QGTN GPVN tổ-chức lễ Thượng-kỳ tại tòa Thị-chính thành-phố Brossard, Québec.

Ngày 25.4, Mặt Trận QGTN GPVN tổ-chức lễ Thượng-kỳ tại tòa Thị-chính Toronto.

Ngày 26.4, hội Cựu Quân-nhận QL/VNCH tổ-chức lễ Thượng-kỳ tại tòa Thị-chính Toronto.

Ngày 3.5, Cộng-đồng Việt-nam Mississauga tổ-chức lễ Thượng-kỳ tại toà thị-chính Mississauga.

Các buổi lễ Thượng-kỳ năm nay đều thành-công và qui-tụ đông-đảo quần-chúng, biểu dương tinh-thần đấu-tranh cho tự-do dân-chủ của người Việt tại hải-ngoại.

GIA-NÃ-ĐẠI TUYÊN DƯƠNG 17 NGƯỜI VIỆT-NAM

Chính-phủ tỉnh-bang Ontario đã tuyên-dương 17 người Việt-nam sống trong tỉnh, trong một buổi lễ tổ-chức long-trọng tại Royal Thompson Hall hôm 8.4 vừa qua, dưới sự chủ-tọa của hai bà bộ-trưởng các bộ Công dân vụ và Văn-hóa Truyền-thông.

Trong số các cá-nhân xuất-sắc về thiện-nguyện, có BS Nguyễn Duy Sản, GS Nguyễn Văn Kỷ Cương, ông Trần Sáu, TS Trần Thị Châu, bà Đỗ Trọng Chu (khuê-danh Trần Thị Mầu), các ông Cao Thới Sơn, Đỗ Xuân Kỳ, Mai Quý Lịch, Đoàn Văn Đấu, Nguyễn Văn Chín, Nguyễn Văn Thiệt, thi-sĩ Song Hường, các bà Nguyễn Hữu Phương Khanh, Lưu Vân Khanh, Huỳnh Thị Kim và nữ-sĩ Nam Hải. Về thanh-thiếu-niên có cô Châu Xuân Thảo.

GIẢI THIẾU-NỮ VN MONTREAL 1992

Nhằm mục-đích gây quỹ thành-lập Trung-tâm Tuổi Vàng dành cho các cụ cao-niên tại Montréal, hội Phụ-nữ VN vùng Montréal đã tổ-chức giải Thiếu-nữ VN 1992 hôm 18.4 vừa qua tại Palais de Congrès, qui-tụ hơn 600 người dự.

Các thiếu-nữ đoạt giải năm nay gồm:

. *Giải Áo dài:*

- Hoa hậu: Nguyễn Tú Trinh.
- Á hậu: Nguyễn Ngọc Khánh

. *Giải Áo dạ-hội:*

- Hoa-hậu: Đào Thu Hiền.
- Á-hậu: Chử Mộng Mỹ Dung

. *Giải Duyên dáng:*

- Hoa-hậu: Phạm Thị Kim Tuyến.
- Á-hậu: Nguyễn Yến Phượng.

Chương-trình do nhà văn Nguyễn Ngọc Ngạn và cô Đỗ Cao Kim Anh điều-khiển.



Các thí-sinh dự giải Thiếu-nữ Việt-nam 1992 tại Montréal, Gia-nã-đại

Quốc-Hội Tiểu-Bang California Tuyên-Dương Chiến-sĩ Võ Đại Tôn

Hôm 7.5, Quốc-hội tiểu-bang California, Hoa-kỳ, đã làm lễ tuyên-dương công-trạng đấu-tranh cho nhân-quyền của chiến-sĩ Võ Đại Tôn, kể từ khi ông bỏ nước ra đi 17 năm về trước. Ông Tôn và phái-đoàn cũng đã đến đặt vòng hoa tại đài tưởng-niệm các chiến-sĩ Hoa-kỳ đã hi-sinh trong cuộc chiến trợ-giúp dân-tộc Việt-nam chống lại quân xâm-lăng cộng-sản.

Tại nghị-trường Quốc-hội ở Sacramento, trong phiên họp thường-lệ của các dân-biểu Hoa-kỳ, chiến-sĩ Võ Đại Tôn, qua một bài diễn-văn dài 15 phút, đã yêu-cầu chính-phủ Hoa-kỳ giữ nguyên lệnh cấm-vận đối với Cộng-sản Việt-nam, đừng hà hơi tiếp-xúc cho chế-độ phi-nhân đó trong lúc nó đang hấp-hối. Ông nhắc lại, máu xương của người Mỹ đã đổ trên mảnh đất Việt-nam vì dân-chủ tự-do; nếu người Mỹ không muốn cho những linh-hồn đó phải ngậm-ngùi tức-tưởi, xin hãy trợ-giúp những người Việt đang tiếp-tục chiến-đấu cho tự-do dân-chủ ngày hôm nay. Toàn-thể các dân-biểu trong hội-trường đứng dậy vỗ tay hoan-hô.



Chiến-sĩ Võ Đại Tôn

Trong mấy tuần-lễ cuối tháng tư, đầu tháng 5.92, phái-đoàn chiến-sĩ Võ Đại Tôn đã công-tác và sinh-hoạt tại các thành-phố lớn ở Nam, Bắc Cali, tiếp-xúc hàng chục ngàn đồng-bào, gặt hái cảm-tình tốt-đẹp và sự ủng-hộ nồng-nàn của quần-chúng.

Trước sự thành-công lớn-lao đó, CSVN đã ra lệnh cho cán-bộ nằm vùng tại Hoa-kỳ tung ra các tài-liệu và hình-ảnh xấu, nhằm mục-đích bôi-lọ và triệt-hạ uy-tín ông Tôn, với hi-vọng nhờ đó sẽ phá vỡ công-trình tranh-đấu của ông và chia-rẽ ông với cộng-đồng người Việt hải-ngoại.

Các tài-liệu này gồm một phần các bản tự khai mà người tù nào dưới chế-độ cộng-sản cũng phải viết, trước họng súng của kẻ thù, có người phải khai hàng ngàn trang giấy. CS còn tung ra bản sao "đơn xin ân-xá" và bài nhận tội của chiến-sĩ Võ Đại Tôn, cùng các tấm ảnh do công-an và cán-bộ CS áp-giải ông đi chụp tại công-viên Lenine, lăng giặc Hồ, ngồi uống bia với cô chiêu-đãi-viên công-an chìm của bộ Nội-vụ, v.v.

Những tài-liệu, hình-ảnh này không lung-lạc được ai, nhất là đối với những người đã có quá thừa kinh-nghiệm về những tiểu-xảo mà cộng-sản thường áp-dụng để khống-chế tinh-thần những người mà chúng không thể câu-thúc thân-thể được nữa.

Dưới áp-lực quá mạnh của các nước dân-chủ, CSVN buộc lòng phải trả tự-do cho ông Tôn, nhưng giàn dựng đủ các màn kịch để buộc ông phải làm theo ý muốn của họ. Có điều, Hà-nội đã đánh giá trình-độ dân trí của cộng-đồng hải-ngoại quá thấp. Tất cả những nỗ-lực của CS không gây được một tác hại nào cho ông Tôn. Trước sự chịu-đựng cay-đắng của một chiến-sĩ bị dày-vò nặn-bóp trong bàn tay của bạo-lực trước đây (hết đánh-đập hành-hạ rồi bắt mặc quần áo sang-trọng cười cười chụp hình), đồng-bào càng cảm-thông sâu-xa và khâm-phục sự kiên-trì của ông hơn.

Thất-bại trong âm-mưu câu-thúc tinh-thần chiến-sĩ Võ Đại Tôn, CS chuyển sang đe dọa bắt-cóc, ám-sát ông. Cán-bộ tuyên-vận của Hà-nội còn xuyên-tạc tin-tức, tìm cách quấy-rối, ly-gián để chặn đứng bước công-tác của ông. Tuy nhiên, chiến-sĩ Võ Đại Tôn không nao-núng. Trong cuộc chiến hiện-tại, ông nắm được một yếu-tố mà cộng-sản không nắm được: lòng dân.

Trong lúc lưới cán-bộ cộng-sản nằm vùng tại Hoa-kỳ tung ra các tài-liệu để triệt-hạ uy-tín chiến-sĩ Võ Đại Tôn thì các cơ-sở dân-vận của Hà-nội tại Gia-nã-đại rải truyền-đơn chụp mũ những người tổ-chức đón-tiếp ông là... cộng-sản.

Được biết, chiến-sĩ Võ Đại Tôn sẽ ra mắt tập thơ *Tiếng chim bên dòng thác Champy* và nói chuyện cùng đồng-bào Toronto vào lúc 1 giờ 30 sáng Thứ Bảy 6.6 tại Trung-tâm Cộng-đồng Cecil (góc Cecil và Spadina, Toronto). Buổi sinh-hoạt này do Trung-Tâm Văn Bút VN / Ontario tổ-chức, với sự yểm-trợ của Hội-Đồng Đại-Diện Người Việt Quốc-Gia vùng Toroto.

Ngoài ra, Văn Bút sẽ tổ-chức một buổi họp báo quốc-tế cho chiến-sĩ Võ Đại Tôn tại trụ-sở Quốc-hội tỉnh-bang Ontario vào lúc 11 giờ sáng Thứ Ba, 9.6 này.

tin tị-nạn



TÌNH-HÌNH NGƯỜI VIỆT TẠI ESTONIA

Sau khi quốc-gia Estonia lấy lại tự-do, đời sống của đồng-bào Việt-nam do Hà-nội gửi sang trong chương-trình lao-động hợp-tác trước kia, lâm vào tình-trạng cá mắc cạn. Phần lớn đều thất-nghiệp. Giới lao-động và cả sinh-viên người Việt đang được sắp-xếp để trả về cho CSVN.

Trước đời sống trở lại với xã-hội tự-do dân-chủ của Estonia và các nước trong khối Liên-sô cũ, đồng-bào Việt-nam bắt đầu so-sánh, suy-nghĩ, và phần lớn không muốn trở về với CS Hà-nội. Tuy-nhiên họ không biết gì về thủ-tục xin tị-nạn chính-trị, và ngay cả chính-phủ Estonia cũng chưa có qui-chế để chấp-nhận tị-nạn chính-trị.

Các sinh-viên du-học không thể về nước được vì không có tiền mua vé máy bay. Nhà trường không cho ở lại, nhưng không lo phương-tiện cho họ trở về.

Thanh-niên Việt-nam phải làm đủ cách để kiếm sống: làm thuê đổi công lấy thức ăn, hoặc chỗ ngủ qua đêm, buôn bán lẻ, buôn chui, buôn lậu (kể cả buôn lậu nguyên-liệu chế-tạo vũ-khí hạt nhân). Cũng vì vậy, tình-trạng kỳ-thị ngày càng tăng đối với cộng-đồng Việt-nam, tuy chưa tới mức trầm-trọng như ở Đức-quốc.

MÃ-LAI NGĂN-CHẶN BÁO VIỆT HẢI-NGOẠI

Nguồn tin ngoại-giao từ Mã-lai cho biết, tinh-thần người tị-nạn Việt-nam ở trại Sungei Besi rất căng-thẳng sau khi chính-quyền Mã ra lệnh tịch thu toàn bộ sách báo không cộng sản lưu hành tại thư viện và các lớp Việt-ngữ trong trại, và đồng-thời gia-tăng số lượng sách báo do CSVN xuất-bản.

Mọi người cảm thấy lạc-lõng, mất hướng. Một thông-dịch-viên tị-nạn than-thở, *"Dù sao, có báo hải-ngoại mà đọc cũng là một điều an-ủi. Người tị-nạn nhờ đó mà giảm bớt căng-thẳng, bớt có cảm-tưởng bị tù-tội, ngược-đãi; tinh-thần giao-hưởng với các làn sóng tâm-linh từ bên ngoài các hàng rào kẽm gai đưa vào. Liều chết sang tận đất tự-do rồi bây giờ hàng ngày phải trông thấy (không đọc) các tờ Tuổi Trẻ, Nhân Dân, Lao-Động, Công An,.. chúng tôi có cảm-tưởng bị phản-bội, hành-hạ tinh-thần, trong lòng như bốc lửa và mầm-mống nổi loạn nhen-nhúm trong lòng mỗi người."*

Để đối-phó với tình-trạng ngăn-chặn sách báo hải-ngoại, tòa-soạn *Làng Văn* nỗ-lực tìm thêm những đường giây mới để chuyển báo vào trại, kể cả việc nhờ lực-lượng đặc-nhiệm V.I.I. *(Task Force for Vietnamese Illegal Immigrants).*

MỘT VÀI CON SỐ TỴ NẠN Ở HƯƠNG-CẢNG ĐÃ HỒI HƯƠNG

Sau đây là một vài dữ-kiện về số về người Việt đã hồi-hương vì bị từ-chối quyền tị-nạn và không chịu nổi cảnh sống khắc-nghiệt tại các trại tù ở Hương-cảng:

- Hà-nội: 338 người.
- Hải-hưng: 275 người.
- Hải-phòng: 8645 người.
- Quảng-ninh: 3414 người.
- Thái-bình: 102 người.
- Huế: 415 người.
- Bình Trị Thiên: 865 người.
- Quảng-nam Đà-nẵng: 555.
- Đồng-nai: 338 người.
- Sài-gòn: 266 người.
- Các tỉnh khác: không có, hoặc dưới 10 người.

Tổng-cộng: 15.438 người.

Vì làn sóng tị-nạn bị đẩy lùi trở lại Việt-nam, nên số người vượt biển sang Hương-cảng đã giảm sút hẳn, từ 1.1.92 đến nay, chỉ có 112 người tới bờ bến mất tự-do này.*(tài-liệu chính-thức của Trần Thìn, ngày 4.3.92)*

BẠO-ĐỘNG Ở TRẠI THẠCH CƯƠNG

Vào lúc nửa đêm 9.4, một vụ bạo-động của người tị-nạn đã nổi lên ở trại Thạch-cương, Hương-cảng, kéo dài 27 phút.

Cảnh-sát Hương-cảng đã đàn-áp bằng lựu-đạn cay, bắt đượC 173 thuyền-nhân vượt trại.

Ông Lý Quang Hà, Ủy-viên cảnh-sát Hương-cảng than-phiền về tình-trạng đàn-áp thuyền-nhân tại các trại. Ông nói, pháp-luật và trật-tự cần được gìn-giữ, nhưng nhân-viên Trừng-giáo và cảnh-sát không nên điều-hành trại tị-nạn theo kiểu một trại tù.



Các em bé tị-nạn đòi hỏi công-lý

Tòa-soạn tặng báo
độc-giả tặng tem
GỬI BÁO SANG TRẠI CHO ĐỒNG BÀO TỊ NẠN

• *15 mỹ-kim (18 gia-kim) cho một năm 12 số báo gửi bằng đường thủy.*

• *Gửi chi-phiếu về Làng Văn, kèm theo địa-chỉ thân-nhân của quí vị tại các trại tị-nạn ở Á-châu và Âu-châu. Nếu quí vị không có thân-nhân, tòa-soạn sẽ chọn một số đồng-bào đứng ra nhận báo để chuyền tay nhau đọc.*

• *Danh-sách tặng báo dưới đây sẽ đăng liên-tục cho đến số báo tháng 12.1992, sẽ bắt đầu năm báo mới.*

• *Quí đồng-bào nhận báo mỗi khi sắp rời trại đi định-cư xin giới-thiệu cho tòa-soạn một địa-chỉ mới để tránh mất báo.*

GIÚP TEM GỬI BÁO CHO THÂN-NHÂN TẠI CÁC TRẠI TỊ-NẠN:

Kim Vân (Hoa-kỳ) tặng Vũ Công Minh (Nam-dương), Đào Thái Sơn (Nam-dương), Trần Thị Hồng Liên (Nam dương), Phan Thu Thủy (Mã-lai); **Nguyễn Phước Bảo Quý** (Úc) tặng Nguyễn Văn Hoạt (Hương-cảng) và Trần Như Minh Nguyệt (Mã-lai); **Võ Văn Hơn** (Gia-nã-đại) tặng Võ Minh Châu (Thái-lan); **Nguyễn Thanh Sơn** (Pháp) tặng Nguyễn Thị Thu Cúc (Nam-dương); **Vũ Kính** (Toronto) tặng Phạm Đình Chiến (Mã-lai); **Lê Văn Nhân Hậu** tặng Hà Hoàng Tuấn (Nam-dương) và Thư-viện chùa Vạn Đức (Phi-luật-tân); **D.T.N.Thanh** (Úc) tặng Lê Thị Ngọc Sương (Thái-lan); **Nguyễn Xuân Mai** (CA) tặng Sœur Pascale Lê Thị Trìu (Phi-luật-tân); **Ô. Thơm** (BC) tặng Phạm Văn Huy (Phi-luật-tân); **"Một người bạn"** tặng Hoàng Thị Kim Huệ (Thái-lan); **Trương Đình Tuấn** (MB) tặng Trương Đình Tiến (Nam-dương); **Thái Văn Trung Anh** (Toronto) tặng Vũ Kiều Trinh (Mã-lai); **Nguyễn Thị Trần Lục** (Kanata) tặng Lại Quốc Thái (Mã-lai); **BS Lương Thị Điệp** (PQ) tặng Nguyễn Thị Thu Thủy (Mã-lai); **Nguyễn Huy Phước** (NJ) tặng Đỗ Thị Dung (Mã-lai); **Trần Nhã** (PQ) tặng Phan Thu Hà (Thái-lan); **Lê Thanh Nam** (MB) tặng Phan Tưởng Vân (Phi-luật-tân); **Lâm Hoàng Dung** (CA) tặng Nguyễn Văn Thịnh (Thái-lan); **Vũ Mạnh Hùng** (VA) tặng Hoàng Lương (Thái-lan);

ĐỘC-GIẢ GIÚP TEM, TÒA SOẠN TÌM NGƯỜI NHẬN

Lê Chi Mai (Hoa-kỳ) tặng Việt Kiili (Estonia), Hoàng Lê Minh (trại tị-nạn Đông Đức cũ), LM Jan Stuyt (Mã-lai); **Phạm Xuân Thảo** (Gi-anã-đại) tặng Hồ Lê Sinh (Thái-lan); **Lê Ngọc Huè** (Đức) tặng Nguyễn Hùng Hậu (Nam-dương); **Phùng Đình Hiếu** tặng Thánh Thất Cao-Đài (Mã-lai); **Kim Vân** (Hoa-kỳ) tặng chùa Vạn Đức (Phi-luật-tân), LM Nguyễn Đức Hậu (Thái-lan), ĐĐ Thích Nguyên Đạt (Mã-lai), Trung-Tâm Mục-Vụ (Hương-cảng), Sœur Pascale (Phi-luật-tân), LM Nguyễn Trọng Tước (Phi-luật-tân); **Trương Thị Kim Anh** (Na-uy) tặng Bùi Văn Hải (Mã-lai), Nguyễn Văn Liêu (Mã-lai), Đỗ Văn Khiêm (Mã-lai), Phan Như Nghĩa (Thái-lan), Võ Văn Quân (Nam-Dương) và Dương Trọng Hùng Duy (Thái-lan); **Lê Thị Trúc** (Úc) tặng Trần Văn Hiếu (Nam-dương); Hoàng Giao (AB) tặng Phạm Xuân Đức (Mã-lai); **N.T. Khánh Hà** (Na-uy) tặng Thư-viện trại Sungei Besi (Mã-lai); **Trần Thị Hương** (BC) tặng Nguyễn Văn Tài (Phi-luật-tân) và Nguyễn Hồng Hoàng (Nam-dương) 2 tờ mỗi kỳ); **Trần Nguyễn** (AB) tặng Boy Scout Office (Phi-luật-tân); **M. Loan** (CA) tặng Thư-viện trại Sungei Besi (Mã-lai); **Photo Mỹ Lâm** (Toronto) tặng ĐĐ Thích Nguyên Đạt (Mã-lai); **Nguyễn Phước Thạnh** (Ottawa) tặng Phạm Thị Tuyết (Mã-lai); **Nguyễn Văn Thông** (MA) tặng Nguyễn Văn Thanh (Mã-lai); **Lâm Huệ Quân** (BC) tặng Nguyễn Minh Khánh (Mã-lai); **Nguyễn Thiện Sơn** (VA) tặng Phạm Văn Cương (Mã-lai); **BS Việt Thư** (PQ) tặng cho 20 địa-chỉ: Nguyễn Công Trứ (Mã-lai); Hoàng Thị Hương (Mã-lai); Hoàng Thị Tuyết Nhung (Mã-lai); Vũ Thị Yên (Mã-lai); Trần Thị Hoàng Yến (Mã-lai); Quách Văn Hến (Thái-lan); Võ Quý Tánh (Mã-lai); Huỳnh Mạnh Tùng (Mã-lai); Trần Đức Dũng (Mã-lai); Đỗ Kim Khánh (Mã-lai); Trần Văn Hiếu (Nam-dương); Nguyễn Hồng Quang (Thái-lan); Trương Hồng Sơn (Mã-lai); Đào Quỳnh Nga (Tiệp-khắc); LM Nguyễn Quang Vinh (Phi-luật-tân); LM Nguyễn Trọng Tước (Phi-luật-tân); Nguyễn Thị Mỹ Liên (Mã-lai); Phạm Xuân Thanh (Phi-luật-tân); LM Nguyễn Đức Hậu (Thái-lan); Hà Như Sương (Đức); **Thi-sĩ Đỗ Ngọc** (MA) tặng 4 địa-chỉ: Transit Library (Thái-lan); Hội Người Việt Dongrek (Thái-lan); Trần Duy Đợi (Nam-dương); Phan Như Phước (Thái-lan); **P. Vương** (NY) tặng Đặng Tú Lương (Phi-luật tân); **Nguyễn Đại Dương** (Paris) tặng Trần Hòa Nhã (Mã-lai); **Phan Thị Việt** (Hoa-kỳ) tặng Thư-viện chùa Vạn Đức (Phi-luật-tân); **Huỳnh Thúy Phượng** (Toronto) tặng Vũ Hoàng (Mã-lai); **Nguyễn Khôi Việt** (Paris) tặng Nguyễn Văn Khải (Mã-lai);

Kết-quả bộ môn Thơ giải Văn-Học Nghệ-Thuật Làng Văn 1991-1992 như sau:

• Giải nhất và giải nhì: không có.

• Giải ba: 50 mỹ-kim, một năm báo Làng Văn và tặng-phẩm văn-nghệ:

— *Giọt nước trong vĩ-đại* của Nguyễn Hưng, Long Beach, California, Hoa-kỳ.

• Các bài được giải khuyến-khích: một năm báo *Làng Văn* và tặng-phẩm văn-nghệ:

- *Ngục-tù đày-đọa* của Lê Dã Sử, Phần-lan.
- *Buổi phai sương* của Hoàng Việt Thi, Việt-nam.
- *Văn-tế Quốc Tổ* của Kinh Tân, Ontario, Gia-nã-đại.
- *Cuối đời* của Hoài Việt, trại Whitehead, Hương-cảng.
- *Trà quê-hương* của Bảo Trân (Lý Tuyết Mai), California, Hoa-kỳ.
- *Những bước chân người tù* của Nguyễn Hưng, California.
- *Tiếng mẹ ru* của Trương Ái Minh, Indianna, Hoa-kỳ.
- *Khắc một lời nguyền* của Tường Hùng (Nguyễn Hoài Nam), Virginia, Hoa-kỳ.
- *Đêm nghe quan họ* của Tô Giang, Saskatchewan, Gia-nã-đại.
- *Vạch cho con một nẻo quê nhà* của Hồng Hưng, California, Hoa-kỳ.
- *Người xưa* của Trần Quốc Thắng, Québec, Hoa-kỳ.
- *Đêm dậy chợt nghe đàn* của Hoàng Việt Thi, Việt-nam.
- *Quê hương* của Đan Hà, Thái Lan.

Một số trong các bài thơ trên đây sẽ được chọn đăng vào *Tuyển-tập Thơ Văn* giải Văn-học nghệ-thuật Làng Văn 1991-1992, ra mắt vào mùa thu năm nay.

Về số bài dự thi, tổng cộng có 273 bài thơ của 116 tác-giả từ 36 quốc-

Kết-Quả
Bộ Môn "Thơ"
Giải Văn Học Nghệ Thuật
Làng Văn 1991-1992



gia gửi về.

Kết-quả chính-thức trên đây căn-cứ trên phiếu điểm của quí vị giám-khảo:

- Thi-sĩ Cao Tiêu
- Thi-sĩ Vi Khuê
- Nhà phê-bình Nguyễn Hưng Quốc
- Thi-sĩ Cung Vũ.

• Kết-quả của bộ môn Truyện Ngắn sẽ công-bố trên số báo tới, vì một vị trong ban giám-khảo lâm bệnh và đang tịnh-dưỡng, tòa-soạn kính cáo và xin tạ lỗi cùng quí tác-giả dự thi.

HIỆN-KIM VÀ TẶNG-PHẨM NHẬN ĐƯỢC:

Làng Văn nhận được các sự ủng-hộ sau đây, xin trang-trọng cảm tạ quí đồng-nghiệp, ân-nhân, thân-hữu và độc-giả):

. *HIỆN KIM:*

- Tòa-soạn *Tự-chủ*, Nhật-bản..... 200 gia-kim
- Hội Cao-niên Việt-nam Toronto..... 100 gia-kim
- Nhà hàng South Vietnam, Toronto..... 100 gia-kim
- BS Nguyễn Tường Vân, Toronto..... 100 gia-kim
- DS Nguyễn Văn Cường, Montréal..... 100 gia-kim
- Nhạc-sĩ Mai Đẳng, 100 gia-kim
- Thi-sĩ Nguyễn Bá Dĩnh & Thủy Trang, Montréal ..... 100 gia-kim
- Độc-giả DT, Montréal100 gia-kim
- Độc-giả Nguyễn Hồng Văn, Toronto.....25 gia-kim
- Độc-giả Hồ Thị Thảo, California.....50 mỹ-kim
- Độc-giả Trần Hưng, Nhật-bản..... 10.000 yen

TẠM KẾT: 925 gia-kim, 25 mỹ-kim và 10.000 yen

. *TẶNG-PHẨM:*

- Tòa-soạn *Văn-nghệ trẻ*, Đức 3 năm báo
- Tòa soạn *Chiêu Dương*, Úc50 cuốn *Hoàng đế nội kinh*
- Nhà văn Nguyên Nghĩa, Toronto..... 10 cuốn *Chờ chết*
- Nhà văn Nguyễn Trung Tâm, Toronto..... 15 cuốn *Vũ môn*
- Nhà văn Diệu Tần, Cali10 cuốn *Trên bờ kinh An-hạ*
- Nhà văn Anh Vân, Cali10 cuốn *Lưới tình*
- Thi-sĩ Nguyễn-đức Bạt-ngàn, AB .....10 cuốn *Từ giã ngày*
- Thi-sĩ Hoài Việt, Pháp.5 cuốn *Làng xưa phố cũ* 2
- Thi-sĩ Huệ Thu, San Jose ... 10 cuốn sách
- Thi sĩ Nguyễn Bá Dĩnh & Thủy Trang ... 10 tập thơ *Ngọt ngào nỗi nhớ*
- Thi-sĩ Hoàng Xuân Thảo.... 10 cuốn *Khung trời quê-hương*
- Thi-sĩ Khải Chính, Toronto 10 cuốn *Nghĩa tình*
- Thi-sĩ Vi Khuê, VA.... 10 cuốn *Tặng-phẩm tình-yêu*
- Thi-sĩ Nam Man, Úc.. 10 cuốn *Thơ cù-nèo*
- Thi-sĩ Luân Hoán, Montréal: 4 cuốn *Đưa nhau về đến đâu* và 4 cuốn *Ngơ ngác cõi người.*
- Bạn Diệu Như Tăng Dũng. 10 cuốn *Hiền thư mầu-nhiệm*
- Độc-giả Lê Văn Thân, Pháp.1 năm báo *Làng Văn*
- Thi-sĩ Trịnh Gia Mỹ .. 10 cuốn *Mùa xuân yêu em.*

TẠM KẾT: 208 cuốn sách, 1 năm báo *Làng Văn* và 3 năm báo *Văn-nghệ trẻ.*

Danh-sách tặng-phẩm này sẽ in vào *Tuyển tập thơ văn giải Văn-học nghệ-thuật Làng Văn 1991-1992*, sẽ ra mắt vào mùa thu năm nay.

giọt nước trong vĩ đại

Giải ba

Bến xe tìm miếng sống
Người sĩ quan Cộng hoà
Có vầng trán kiêu hãnh
Đau khổ hằn bao la.

Tám năm tù gió, bão
Hiên ngang đứng bằng đầu
Khinh kẻ thù đê tiện
Sống, chết khác gì đâu.

Tấm thân tàn ra trại
Vợ bỏ đi lấy chồng
Các con đều thơ dại
Vốn liếng bàn tay không.

Bạo quyền luôn vây hãm
Quản chế không được rời
Chỉ định bắt cư trú
Dung thân không còn nơi.

Có lẽ nào khuất phục
Phải tự do sống còn
Quyết ở lì thành phố
Kiếm tiền nuôi lũ con.

Tôi tìm anh tại bến
Giữa chợ đời bon chen
Gặp vầng trán kiêu hãnh
Tôi mừng anh không hèn.

Nâng lên ly rượu đắng
Bạn bè ôn chuyện xưa
Mái quán nghèo mưa dột
Ướt bao cuộc đời thừa.

Đang sống mà như chết
Ta cần gì nữa đâu
Dằn mạnh ly rượu xuống
Hạo nhiên phải cao đầu.

Lệ đàn ông lặng lẽ
Đủ mặn làn môi khô
Giọt nước trong vĩ đại
Gợi xót xa biển, hồ.

nguyễn hưng
(Hoa kỳ)

ngục tù đày đọa

Giải khuyến-khích

Chúng ta có tội gì với tổ quốc?
Mà nhốt tù đến tóc bạc chưa thôi
Quên nhục vinh chìm dĩ vãng xa xôi
Sao đau khổ càng chất chồng hiện tại
Hồn bô lão từng nghìn đêm khắc khoải
Tuổi trẻ trai theo năm tháng tiêu tan
Đòi cháo cơm nên cơ thể suy tàn
Thiếu y dược khiến bệnh tình lây lất
Kẻ lưu đày tận cùng trời cuối đất
Người biệt giam trong khám tối mông lung
Kẻ khổ dịch chốn rừng núi chập chùng
Người lặn lội dưới sông hồ lạnh giá
Và đòn vọt còn quất đầu tơi tả
Và nắng mưa còn xối xả cuộc đời
Thay trâu cày làm ruộng lúa xanh tươi
Thế máy móc ủi lối đường đá sỏi
Ngày lao động đã sức mòn hơi mỏi
Đêm xiềng gông lại chà nghiến xương da
Kẻ ngất ngư dòng máu chảy khảo tra
Người gục chết giữa cuồng điên bão tố
Chiều tư lự ôm mối sầu vạn cổ
Đêm cô miên giấc ma quái chập chờn
Kẻ nhớ vợ hiền quê cũ cô đơn
Người thương con dại không ai bao bọc
Phố chờ anh mẹ ngậm ngùi than khóc
Mây mong tôi rong ruổi cánh chim trời
Bao giờ? Bao giờ về các bạn ơi?
Cửa tù ngục vẫn triền miên khoá chặt
Đời cứ thế dần trôi trong song sắt
Hai tay trơn gặm một khối căm hờn
Đau nỗi mình đau phận số giang sơn
Ai cám cảnh nhắn giùm người áo vải.

lê dã sử
(Phần Lan)

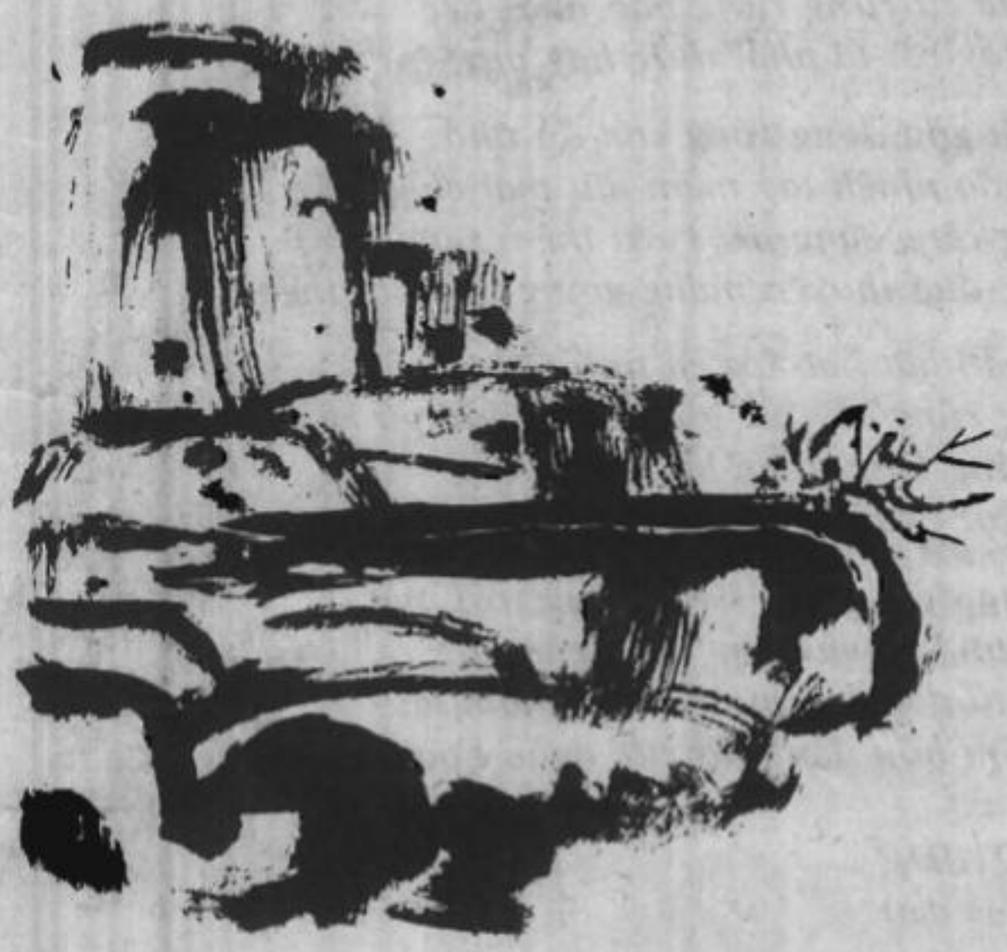


buổi phai sương

Giải khuyến-khích

màu cỏ úa đôi lần ghen cỏ biếc
buổi phai sương hờn đã dội sương về
ta thức ngủ một đời còn thấy tiếc
mỗi tàn đêm ngồi tắm giữa trăng khuya
sầu chưa đủ mà vui còn gượng gạo
cũng một đời ngang dọc gió mây suông
ta đã cạn hết hương nồng phù ảo
ôi những cơn nắng rớt giọt vô thường
tình cô lữ say cơn dài vạn lý
tự tình ca mấy độ hát cho mình
trên vó ngựa bụi hồng theo thủ thỉ
đôi mắt trầm giấc mộng cũng vừa quên
mưa chẳng vội trên ngàn hoa nội cỏ
mộng giang hồ thiêm thiếp đợi đôi chân
kìa đây đó trên con đường sơ ngộ
bóng ta rơi, rơi chậm xuống căn phần
xin thu lại chiêm bao mùa cố quận
tiếng đàn rung âm lạnh quyện âm nồng
ngày về lại ôm nỗi tình phiêu lãng
bờ mắt cay khóc tạ với hư không
từ lá biếc đến đời khô lá mục
vẫn nương nhờ trận gió thổi mơ màng
ta níu giữ gì đâu?
ờ, chỉ một
nụ cười say trong lễ hội trần gian.

hoàng việt thi
(Việt Nam)



văn tế quốc tổ

Giải khuyến-khích

Cúc cung kính bái đức quốc tổ Hùng vương
Hôm nay
Ngày mồng mười tháng ba
Năm Tân Mùi âm lịch
Lập đàn tràng nguy nga
Dâng niệm hương lễ tổ
Từ muôn trùng biển xa
Vọng về nơi quê nhà
Mong hiển linh tế độ
Cho trăm họ thái hoà.
Nhớ đến:
Công đức Quốc Tổ bao trùm nhật nguyệt
Hồng ân Quốc Tổ vầng vặc kiền khôn
Có vua thánh lại gặp tôi hiền
Có ngôi báu vương hầu kế thế
Có giang sơn Văn Lang một cõi
Có dòng giống con cháu Rồng Tiên.
Lấy lễ nghĩa chăn dân làm gốc, hai ngàn năm văn hiến, thao lược vang truyền.
Gieo nhân ái trị nước làm đầu, mười tám đời Hùng Vương, uy danh chói lọi.
Trải đến tiền Ngô... hậu Lê triều đại,
thịnh suy cơ tạo an bài,
Trong thời bình Chiêm... phạt Tống an bang,
uy vũ non cao vòi vọi.
Vẫn cảnh cũ sơn kỳ thủy tú bao la
Vẫn đất xưa nhân kiệt địa linh dòng dõi...
Mãi đến nay tổ quốc bị Hồ già phản nghịch,
đày nhân dân ly tán bôn ba!
Cho đến giờ đất nước bị cộng sản tiêu ma,
bắt bách tính gông cùm buộc trói!
Vận nước sung biến quá trầm kha!
Thế cờ phục hưng đang sáng chói.
Mong ơn Quốc Tổ hiển linh, phù hộ con cháu nội ngoại, khôi phục lại sơn hà.
Nhờ đức Hùng Vương tế độ, bùng lên anh em Nam Bắc, diệt trừ phùng cộng phỉ.
Tự do phục hồi vĩnh cửu, nhân quyền tôn trọng tối đa.
Kính xin Quốc Tổ anh linh giáng lâm chứng giám.
Thượng hưởng
Cẩn cốc.

kinh tân
(Gia nã đại)

cuối đời

Giải khuyến-khích

Cuối đời ra gặp biển xanh
Vẫn con sóng vỗ vô tình năm xưa
Cuối đời hết cả mộng mơ
Tuổi xanh nuối tiếc, ngẩn ngơ cuối đời
Nhân tình bạc trắng như vôi
Bạn bè phiêu bạc hết rồi còn đâu
Thơ xanh cho bạc mái đầu
Nhìn con sóng vỗ bờ đau, thương mình
Tròn xoe giọt nắng vô tình
Trong lòng tay bỗng giật mình biển đi
Từ trong thăm thẳm nghĩ suy
Thương nhau biết nói câu gì em ơi
Ta đành im lặng vậy thôi
Sống như chiếc bóng cuối đời lìa xa
Vườn thu phủ ánh trăng già
Chìm trong quên lãng, nhạt nhoà thương yêu
Lại bừng lên, tím biển chiều
Cánh buồm chở trái tim nhiều khổ đau
Dã tràng trong cát vùi sâu
Sợ con sóng biển bạc đầu xô tan
Tình yêu ứa lệ chứa chan
Cuối đời như một cây đàn chùng dây
Còn đâu ngày tháng đắm say
Xin em đừng khóc phút giây cuối cùng
Đã quen bóng lẻ lặng thầm
Trải bao cung bậc thăng trầm khổ đau
Con người xích lại gần nhau
Yêu thương bởi trái tim đau, cuối đời!

hoài việt
(Hương Cảng)

---

tiếng mẹ ru

Giải khuyến-khích

Ngọt ngào tiếng mẹ ru con
Đưa theo nhịp võng giọng buồn canh khuya
Ầu ơ hết nắng lại mưa
Con êm giấc ngủ võng đưa mẹ hiền
Tiếng ru ngày đó đâu quên
Ôi vòng tay mẹ dịu mềm làm sao
Khát khao nhịp võng thuở nào
Hình hài mẹ đã đi vào thiên thu
Mẹ còn để lại tiếng ru.

trương ái minh
(Hoa kỳ)

trà quê hương

Giải khuyến-khích

Em đến từ quê hương dấu yêu
Hành lý mang theo chẳng được nhiều
Quà xa em tặng, trà Đỗ Hữu
Cho người xứ lạ chút hương yêu.

Món quà mang nặng tình quê hương
Theo bước em qua vạn dặm đường
Vẫn đượm nồng thơm mùi sen ủ
Vẫn ngọt một tình quê mến thương

Nâng chén trà lên lệ bỗng sa
Thoáng trong đáy nước bóng quê nhà
Ẩn hiện sau làn hơi khói tỏa
Khơi dậy niềm đau tưởng đã qua

Uống cạn tình quê, một chén đầy
Nghe chừng nỗi nhớ vẫn chưa khuây
Trà xưa, người cũ, chừ tương ngộ
Quê cũ sao mờ xa bóng mây?

bảo trân
(Hoa kỳ)

đêm nghe quan họ

Giải khuyến-khích

Ai hát đấy lời dân ca quan họ
giữa đêm dài lay động cả hồn ta
tiếng hát ngân cao, vượt ngàn sóng gió
và âm vang như tiếng gọi quê nhà

từng nốt nhạc rót vào ta nối tiếp
như hạt mưa từng hạt tưới đồng khô
hồn ta cứ rưng rưng bao nuối tiếc
run rẩy rời ôi phải thực hay mơ?

ta bắt gặp dòng sông con đò nhỏ
em hồn nhiên tay mềm dịu mái chèo
trăng càng sáng nét cười thêm rạng rỡ
nước đưa thuyền mang giọng hát trôi theo

em vẫn hát bao lời ca tình tự
trăng cũng say mà gió cũng buồn vương
ta đứng lặng uống lời em tâm sự
ôi ngọt ngào như uống sữa yêu thương

cho ta được theo dòng sông trôi mãi
hỡi em yêu và tiếng hát ngân xa
tình ta dẫu sầu buồn đang thắm lại
và tâm hồn đang nở rực ngàn hoa.

tô giang
(Gia nã đại)

những bước chân người tù

Giải khuyến-khích

Những tưởng ra đi một tháng về
Lỡ lầm vì quỉ nói ta nghe
Trượng phu Từ Hải đâu ngờ được
Cái bẫy Hồ, Tôn quá não nề.

Chân thật lòng tin vốn Việt Nam
Máu xương ta tướng lãnh qui hàng
Bao nhiêu số phận vào tay quỉ
Có bấy nhiêu thằng ngất ngưởng sang.

Khởi sự tù xà lúc nửa đêm
Bỏ sau lưng phố ngủ êm đềm
Vết xe tâm sự khua đường vắng
Che bít bùng đâu thấy nắng lên.

Tội ác từ lâu soạn sẵn bài
Súng đạn kèm bắt nuốt và nhai
No nê tội ác căng đầy óc
Riêng bụng không no cứ đói dài.

Đất ở Long Giao đỏ máu tù
Hỡi Lê Đức Thịnh máu còn tươi
Vợ còn đi chợ, con đi học
Hay đã tan hoang hạnh phúc rồi.

Hỡi những anh em bị xích xiềng
Nhớ không bài hát của Tiên Sinh
Nhắc ta đứng thẳng không quì xuống
Đứng để mùa xuân dậy khắp miền.

Trăng thật vô tình trăng sáng ơi
Sáng soi chi chỗ lệ đầy vơi
Và thời gian nữa vô tình quá
Mầm lá vừa xanh thấy úa rồi.

Buổi ấy chia tay anh ở đâu
Hoàng Liên Sơn hay mũi Cà Mau
Hay về Phú Quốc, Buôn Mê Thuột
Một gánh gian truân rất đỗi giàu.

May mắn tôi còn ở lại Nam
Chúng đưa về nhốt Thành Ông Năm
Bọn ta no, đói đâu cần nữa
Miễn khỏi còng chân được dẫn làm.

Tân khổ bao nhiêu vị chán chường
Ngục trần gian bày cảnh đau thương
Tự do còn chút trong rào kẽm
Nhưng siết tương lai hết mọi đường.

Tôi lại chu du tới núi Bà
Tấm thân tù rạc chó kêu la
"Mười hai bến nước" nào trong, đục
Cứ thản nhiên mà cất tiếng ca.

Chân dạo rừng sâu ngắm lá xanh
Chút rau dại hái cũng nên canh
Sau mưa le mọc thành chông nhọn
Đâm nát lòng tôi, lòng các anh.

Mỡ hôi thành suối đất Kà-tum
Hoà máu oan khiên chảy chập chùng
Hễ chút nghi ngờ mưu thoát trại
Là đem bắn bỏ kẻ tay không.

Những ai chết được vậy là may
Vui nhé đời thôi hết đắng cay
Nắm xương vô định nhờ giun dế
Nhờ lá khô rơi lấp mộ đầy.

Bạo lực làm ta khuất phục đâu
Bước chân dò dẫm suốt đêm thâu
Tự do lẩn khuất sau biên giới
Đói lạnh cùng mưa, nắng dãi dầu.

Cái giá tự do rất ngặt nghèo
Chết hay xiềng xích sẽ kèm theo
Tự do và chết trong tầm đạn
Cứ vượt lên trên mọi hiểm nghèo.

Hết mấy mùa mưa tôi lại đi?
Tấm thân tù rạc biết làm chi?
Về đâu cũng ở trong rào kẽm
Cũng đói triền miên có sướng gì.

Xe chở tù qua những phố phường
Bỗng dưng lòng nhớ những người thương
Vợ nhà chạy gạo nuôi con đủ
Mấy đứa con thơ có đến trường?

Biết được đời như mây nổi trôi
Nhân tình thế thái bạc hơn vôi
Tự do, hạnh phúc không còn nữa
Một chút tin yêu cũng mất rồi.

Nhìn xem thế giới kiếp phù hoa
Thao thức nhiều đêm ta hiểu ta
Nghênh ngang số phận ta còn nắm
Sông, núi còn kia vẫn mặn mà.

Suối Máu nằm chơi thêm mấy năm
Hận thù đâu chỗ để thơ văn
Bài thơ viết thực không lời đẹp
Mong mỏi người sau bớt lỡ lầm.

nguyễn hưng
(Hoa kỳ)

khắc một lời nguyền

Giải khuyến-khích

Đã lâu rồi, vắng màu cờ tổ quốc
Mười sáu năm, tôi bị nhốt trong tù
Dọc dẫy Trường Sơn, lẫn cả khu Tư
Cùng chúng bạn, những người đồng cảnh ngộ
Dưới trận mưa rừng hay là thác lũ
Nước dâng cao, ngập mất dãy sàn tre
Những củ sắn rừng, vừa đắng vừa the
Làm đầu lưỡi của người tù bỏng cháy.
Quần áo rách, muốn che mà vẫn thấy
Bao hổ ngươi, trước mắt những cây rừng
Lấy dây nâu, buộc chặt chỗ chân sưng
Bởi vác nứa, từ núi cao về trại
Bọn nón cối, không chút tình thương hại
Nghĩa đồng bào, chỉ là những trò chơi
Hỡi giang sơn cẩm tú, mất đâu rồi?
Bao vẻ đẹp uy hùng thời dựng nước.
Bốn ngàn năm, bao lớp người đi trước
Đã vun bồi, cho tổ quốc thân yêu
Mà hôm nay, chỉ toàn cảnh tiêu điều
Bọn dốt nát, đang đóng vai bá chủ
Đẩy đồng bào trôi theo dòng thác lũ
Vì ngông cuồng, làm tan nát quê hương
Mẹ Việt Nam ơi, xin chớ tủi buồn
Đừng khóc mẹ, để thân gầy xơ xác
Chúng con hứa, quyết diệt phường gian ác
Cứu đồng bào, cho hết cảnh thương đau
Nét căm hờn, để rửa nhục về sau
Ba thế hệ sầu đau vì bọn họ
Có những người cha, lúc tàn hơi thở
Nơi rừng hoang, ứa lệ ngắm non sông
Có những người con, lệ ứa quanh tròng
Theo sau mẹ, trong những lần đấu tố
Ruộng có một sào, khép thành địa chủ
Trâu một con, cũng thành kẻ cường hào!
Thằng trèo me, chễm chệ ở trên cao
Anh đánh giậm, bỗng dưng lên chủ tịch
Chị quét chợ, tỏ uy quyền hống hách
Vén quần cao, ngồi kết án nhân dân
Đấy bức tranh, của lịch sử xoay vần
Những con rối đang múa may đấy mẹ
Đứng nhìn thế, chắc mẹ hiền nhỏ lệ
Thương đàn con viễn xứ, kiếp lưu đày
Có quê hương, nhưng bị cướp trắng tay
Trọng nghĩa cử, đóng vai người quân tử
Kẻ phản bội, tâm hồn thành quỉ sứ
Tiến vào thành, vơ vét của nhân dân
Cướp từ cái chăn, đến cả áo quần
Để chia chác, trong ngày mừng chiến thắng
Đại thắng mùa xuân, của Văn Tiến Dũng
Viết như mơ và bốc phét vô chừng
Một chút hào quang tan biến sau lưng
Giờ hối hận, bởi trái chanh hết nước
Trong sọt rác, chắc có nhiều mơ ước
Mơ thiên đàng trong thế giới người đui
Có biết không, sáu chục triệu con người
Đang nhóm lửa căm hờn trong huyết quản
Đang nối vòng tay, diệt trừ cộng sản
Để cờ vàng tổ quốc lại tung bay.

tường hùng
(Hoa kỳ)

đêm dậy chợt nghe đàn

Giải khuyến-khích

Đàn ai tiếng lạnh lùng rơi
rơi sương xuống cỏ rơi đời xuống vai
rơi em xuống cuộc tình dài
rơi tôi vào cõi gió bay điên cuồng
đàn ai tiếng tịch liêu buông
buông âm xuống nhịp, buông buồn xuống tim
buông tôi xuống đáy im lìm
đóa hoa đêm nở bên thềm phù hoa
đàn ai tiếng não nùng sa
sa em vào bãi phong ba dậy rồi
rồi sa tôi, lại sa tôi
sa tôi xuống cuối vòm trời lao đao
đàn ai tiếng nhọn như dao
đâm qua tôi ở nơi nào không hay
đâm em qua cuộc tình này
đâm con tim nhỏ loay hoay nụ cười
đàn ai hay tiếng đàn tôi
mà vang đến tận cõi người vô tri
mà kêu tiếng một thầm thì
nửa chừng đêm dậy ầm ì nghe rơi
đàn ai mà tiếng ngậm ngùi
mà như xé rách đất trời hoang vu
đàn ai vang cả thiên thu
nghìn sau thức dậy, nghìn xưa dội về
đàn ai động nhẹ cơn mê
rụng sầu tôi giữa trời khuya bàng hoàng
đàn ai như thở như than
nửa chừng đêm dậy tan hoang nỗi sầu
đàn ai như giọng kinh cầu
ru tôi vào cõi nhiệm mầu vô ngôn
đàn ai như nhớ như thương
tình xưa quạnh quẽ ngõ chừng còn đây
đàn ai rưng bóng đêm dài
giấc mơ còn với cơn say mịt mùng
đàn ai lạnh cả hư không
ở tôi và cõi phong trần một mai.

hoàng việt thi
(Việt Nam)

vạch cho con một nẻo quê nhà

Giải khuyến-khích

Con nhớ cha và cha nhớ con
Nửa vòng trái đất càng héo hon
Xứ lạ quê người đêm tuyết trắng
Lòng lạnh lùng không con hỡi con?

Ấm áp hồn cha chút nắng rời
Thời gian qua vẫn cứ qua thôi
Nhớ từng đêm trắng từng đêm trắng
Tóc trắng Tử Tư buổi tối trời

Tiểu sử thằng ngu, lịch sử đen
Máu xương đồng loại vẽ vời thêm
Ngày mai dân tộc sang trang mới
Tiểu sử thằng ngu phải xóa tên

Ngu sinh cái ác, ác sinh ngu
Ngu ác luân hồi suốt mấy thu
Ảo tưởng quang vinh ngời bốn cõi
Ác còn ác vẫn cứ sinh ngu!

Thái sơn sừng sững giữa can qua
Củng cố niềm tin con ở xa
Lấy bút làm gươm, gươm làm bút
Vạch cho con một nẻo quê nhà.

hồng hưng
(Hoa kỳ)

---

người xưa

Giải khuyến-khích

Chào anh nắng ấm
Xua chị đông buồn
Dù anh đến chậm
Còn hơn mất luôn!

Xin chào nàng mây
Phủ em mưa nhỏ
Làm ai ngất ngây
Đứng chờ ngoài ngõ

Chào bác gió lạnh
Làm se lòng ai
Chim non mỏi cánh
Ngày vui nhớ hoài

Xin chào người xưa
Mong người hãy nhớ
Một ngày đón đưa
Một thời đã lỡ...

trần quốc thắng
(Gia nã đại)

quê hương

Giải khuyến-khích

Quê hương giờ, nơi tù ngục
Cha con học tập mút mùa
Ở nơi rừng thiêng nước độc
Trong manh áo rách, gió lùa.

Quê hương là lần buôn lậu,
Mẹ về hớn hở reo vui
Chuyến này đi hàng trót lọt
Đủ tiền lên núi thăm nuôi.

Quê hương là đây, bãi rác
Nơi con xục xạo mong tìm
Chút thức ăn thừa, hôi thối
Mong dằn cơn đói qua đêm.

Quê hương vùng kinh tế mới
Chôn vùi tuổi nhỏ của con
Quanh năm khoai mì dằn bụng,
Tương lai thoi thóp mỏi mòn.

Quê hương giờ, con đường tối
Đi hoài chẳng hết bóng đêm
Toàn dân sống đời nô lệ
Lưng cong, đầu cúi, miệng im.

đan hà
(Thái Lan)

Những Mảnh Rời Cần Được Ráp-Nối Lại

Sơn Tùng

Gần đây có ba sự việc xảy ra riêng rẽ, có vẻ như không dính dáng gì đến nhau, nhưng đều có liên hệ đến cộng đồng người Việt lưu vong ở hải ngoại. Ráp nối ba sự việc đó lại với nhau, tìm hiểu ý nghĩa của nó, sẽ khai quang rất nhiều mây mù đang trùm phủ trên những sinh hoạt chính trị và văn học của người Việt Nam ở nước ngoài hiện nay.

Việc thứ nhất là bản hiến pháp "đổi mới" của Cộng sản Việt Nam. Việc thứ hai là một bài báo trong tạp chí *Cộng sản* về công tác lũng đoạn và khai thác khối người Việt sống ở ngoài nước. Việc thứ ba là sự vỡ tung của quả bong bóng Dương Thu Hương.

Hãy khởi đầu từ bản hiến pháp. Cũng như những người nông cạn từng trông đợi những thay đổi ngoạn mục trong Đại hội Đảng kỳ 7 của Cộng sản Việt Nam, nhiều người cũng chờ mong hiến pháp mới sẽ tạo ra một khúc ngoặt cho tình hình Việt Nam trong kỷ nguyên "hậu Liên sô". Nhưng, cũng lại như Đại hội Đảng, bản hiến pháp đổi mới của Cộng sản Việt Nam vừa được cái gọi là "quốc hội" nhất trí thông qua mà không có gì khác với bản hiến pháp 1980 về căn bản. Về chính trị, vai trò độc quyền lãnh đạo và cai trị của Đảng tiếp tục được tái xác nhận. Về kinh tế, quyền sở hữu đất đai của người dân vẫn tiếp tục bị tước đoạt. Thay đổi duy nhất có ý nghĩa trong bản hiến pháp đổi mới của Cộng sản Việt Nam là Trung quốc không còn bị coi là kẻ thù và "bá quyền xâm lược".

Cộng sản Việt Nam đã tung ra rất nhiều hỏa mù để che đậy cho cái "đổi mới" duy nhất trong bản hiến pháp sửa đổi 1992: cha đẻ Liên sô chết bất đắc kỳ tử, đảng Cộng sản Việt Nam đã tức thì quỳ gối thần phục và ôm chân cha nuôi Trung quốc sau hơn một thập niên kình chống như một kẻ thù chiến lược. Đảng Cộng sản Việt Nam do những người Bolshevik Nga đẻ ra nhưng đã được cưu mang dưỡng dục tại nước Tàu. Trong hai cuộc chiến tranh 1945-1954 và 1960-1975, Cộng sản Việt Nam không thể đạt được thắng lợi nếu không dựa vào "hậu phương lớn Trung quốc" và nếu không được Trung cộng trợ giúp dồi dào cả về vũ khí quân nhu cũng như cố vấn. Cộng sản Việt Nam không những chỉ học tập Trung cộng về chiến tranh (như chiến thuật du kích, chiến thuật biển người) và sao chép phương pháp tiêu diệt giai cấp cũ (cải cách ruộng đất, đấu tố...) mà còn bắt chước cả văn hoá Tàu cộng (như cách ăn mặc của cán bộ, những điệu ca múa, nhạc...). Trong ba thập niên (1945-1975), Cộng sản Việt Nam trông giống cha nuôi hơn là cha đẻ. Liên hệ với Trung quốc được Hà Nội trân quý bợ hót là tình đồng chí "cùng chung chiến hào" và gắn bó keo sơn như "môi với răng". Nhưng, sau khi chiếm được miền Nam, do mâu thuẫn quyền lợi tại Campuchea và do áp lực của Liên sô, Cộng sản Việt Nam trở mặt chống Bắc Kinh và ký hiệp ước liên minh hẳn với Mạc Tư Khoa.

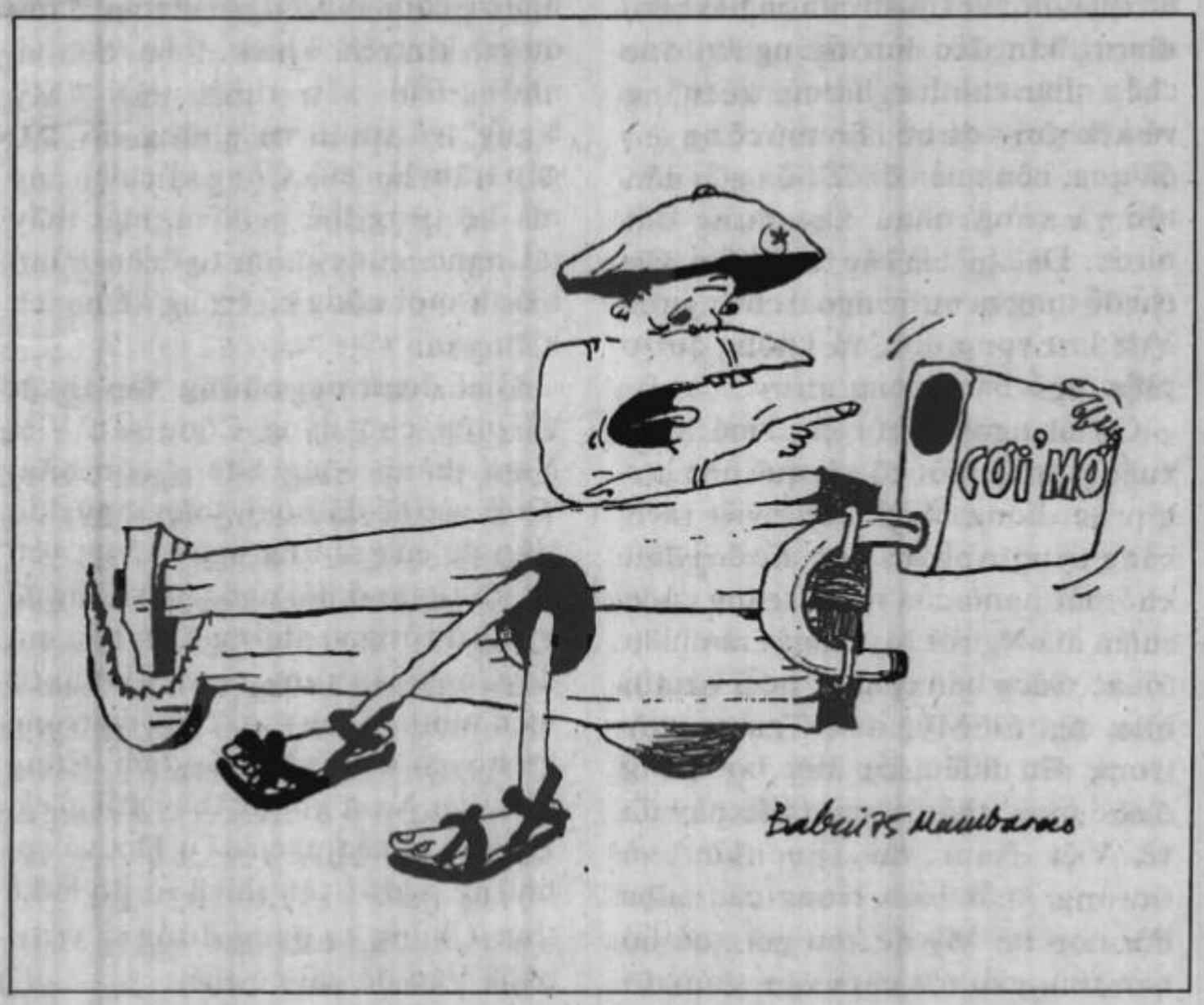
Hành động tráo trở này của Cộng sản Việt Nam đã bị Bắc Kinh "dạy cho một bài học" rất đau với trận chiến tại sáu tỉnh biên giới miền Bắc năm 1979. Cuộc đánh nhau chí tử giữa hai nước Cộng sản lân bang là một cú nặng cho phong trào Cộng sản quốc tế và đã làm cho đảng viên ở cả hai phía hoang mang. Cộng sản Tàu bị Cộng sản Việt tố cáo là "bọn xét lại", "bọn bành trướng Bắc Kinh" theo chủ nghĩa "Sô-vanh nước lớn", và ghi hẳn vào hiến pháp 1980 là "bá quyền Trung quốc xâm lược", là kẻ thù chiến lược của Việt Nam, đứng trên cả đế quốc Mỹ trong bảng xếp hạng. Có lẽ những người cầm đầu đảng Cộng sản Việt Nam tính toán rằng, theo hẳn Liên sô trong vài năm, Việt Nam sẽ trở thành một Ba Lan hay Tiệp Khắc ở châu Á, một nước Cộng sản văn minh hiện đại, hơn hẳn bố nuôi lạc hậu và "xét lại" phía bắc. Nhưng, Liên sô đang trên đường đi xuống vào thập niên 1980, không giúp nổi Hà Nội thực hiện giấc mơ rồ dại "tiến mau tiến mạnh lên chủ nghĩa xã hội". Đồng thời, mất sự trợ giúp của Trung quốc, lại còn bị "bọn bá quyền Bắc Kinh" tung đòn độc phá hoại kinh tế cộng thêm với gánh nặng Campuchia, và thất bại trong việc cầu thân với kẻ thù cũ Hoa kỳ, Cộng sản Việt Nam đã tự dẫn mình vào con đường phá sản. Sự sụp đổ của khối Cộng sản Đông Âu và Liên sô lại càng bất ngờ, không khác nào chuyện trời sập đối với những cái đầu "xơ cứng" ở Hà Nội.

Trong cơn nguy ngập hiện nay, Cộng sản Việt Nam phải chọn lựa giữa hai con đường: tự dân chủ hoá theo trào lưu thế giới để chủ nghĩa Cộng sản teo nhỏ dần tại Việt Nam, hay ngoan cố đi theo con đường cũ và lại quy phục tìm chỗ dựa vào Trung quốc, "người lãnh đạo" duy nhất còn lại của chủ nghĩa Cộng sản? Cũng như mười hai năm

trước, Bộ Chính Trị CSVN đã chọn một quyết định sai lầm. Thay vì mở mắt, hy sinh tự ái, buông nhả đặc quyền, đưa Việt Nam trở lại cộng đồng thế giới, nhóm người nắm quyền sanh sát trong đảng đã quay lại trơ trẽn ôm chân "bá quyền Trung quốc xâm lược". Mô thức "độc quyền chính trị và cải cách kinh tế" của Bắc Kinh được Hà Nội lựa chọn, sao chép. Dù không ngớt khoa trương tinh thần độc lập và óc sáng tạo, Cộng sản Việt Nam luôn luôn chứng tỏ rất nghèo nàn sáng kiến và thích làm nô lệ. Lúc nào cũng tìm một kiểu mẫu sẵn có để bắt chước và tìm một quan thầy để nương tựa. Trong buổi hoàng hôn của chủ nghĩa Cộng sản hiện nay, Hà Nội lại nhìn thấy "bọn bành trướng Bắc Kinh" như một quan thầy vĩ đại để lãnh đạo những nước Cộng sản còn lại trong kỷ nguyên "đổi mới kinh tế". Việc sửa đổi hiến pháp chỉ là một cớ để Hà Nội xóa bỏ dấu vết kình chống Bắc Kinh, và điều chỉnh cái vệ tinh Việt Nam đi vào quỹ đạo Trung quốc. Nói là "đổi mới" nhưng chỉ là trở lại với cái cũ. Cũ với dân trong nước và cũ với người Việt lưu vong ở hải ngoại.

Trong tạp chí *Cộng sản* số 435 tháng 3.1992, có đăng một bài, nhan đề "Làm tốt công tác vận động cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài". Tác giả bài này là Bình Minh, theo thông lệ là bút hiệu của một cấp lãnh đạo hay một cán bộ cao cấp nắm vững chính sách đường lối của Đảng. Bài viết đó rất ăn khớp với những cái được gọi là "đổi mới" tại Việt Nam, và chỉ thể hiện cái "xơ cứng" trong cách nhìn cách nghĩ và cách làm của tập đoàn lãnh đạo Đảng. Qua bài báo nói trên, như cái tựa đề đã nói gần đủ, Đảng vẫn coi khối người Việt ở hải ngoại hiện nay như một tập thể Việt kiều nằm trong bàn tay thao túng và khai thác của Đảng như trước, dù đã thú nhập mập mờ ngay ở phần mở đầu: *"Từ tháng 5.1975, do tác động của những yếu tố khách quan và chủ quan, cộng đồng này đã phát triển nhanh chóng và biến đổi sâu sắc về số lượng và tính chất"*. Đảng vẫn chỉ coi những người theo Cộng sản ở hải ngoại là những "Việt kiều yêu nước", còn những tổ chức khác là "phản động, chống đối đất nước". Những người không phải "Việt kiều yêu nước" và cũng không "phản động" là thành phần quần chúng đông đảo được Đảng nhắm vào để vận động, khai thác.

Bài báo viết về kế hoạch vận động ấy như sau: *"Công tác vận động người Việt Nam định cư ở ngoài nước là một bộ phận trong công tác vận động quần chúng của Đảng. Nó góp phần tập hợp các lực lượng yêu nước, tiến bộ, tự giác ủng hộ con đường mà dân tộc ta đã lựa chọn, góp phần làm thất bại mọi thủ đoạn lôi kéo cộng đồng người Việt Nam ở ngoài nước chống lại Tổ Quốc... Vận động kiều bào tự nguyện đóng góp ngày càng có hiệu quả vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước. Kiên trì thuyết phục, cảm hoá, làm cho kiều bào hiểu rõ và ủng hộ sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta. Chúng ta chủ trương mở rộng quan hệ với mọi tổ chức và cá nhân người Việt Nam ở ngoài nước, không phân biệt xu hướng chính trị, thành phần xã hội, tôn giáo, dân tộc, miễn là họ không chống lại sự nghiệp cách mạng của dân tộc ta. Chúng ta không thành kiến, hẹp hòi với những người có lỗi lầm trong quá khứ, nếu hiện tại họ không có hành vi chống phá cách mạng. Coi trọng công tác vận động cá biệt đối với những người có vị thế xã hội cao ở các nước cư trú, có uy tín trong quần chúng, trong các tôn giáo, các nhà khoa học, các nhà kinh doanh lớn, trên cơ sở thu hút được sự ủng hộ của đông đảo quần chúng kiều bào"*.



Cộng sản Việt Nam không "hoà giải dân tộc", không thay đổi "con đường cách mạng" đã đưa đất nước tới hố sâu nghèo đói và thù hận, không nhìn nhận một sai lầm tội lỗi nào của Đảng. Đảng vẫn khẳng định đó là "con đường mà dân tộc ta đã lựa chọn", và chỉ... khoan hồng nhân đạo tha thứ cho những kẻ "có lỗi lầm trong quá

khứ" nay đã tự giác, thôi chống phá cách mạng, để "tự nguyện đóng góp... vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước". Đảng đặc biệt chiếu cố, móc nối lôi kéo "vận động cá biệt đối với những người có vị thế xã hội cao", để dùng những người này làm hạt nhân (hay cò mồi) thu hút quần chúng. Do đó, mấy năm gần đây ở hải ngoại, chúng ta thấy một số cựu tướng tá, quan quyền "ngụy", trí thức, nhà văn, nhà báo... đang mang danh "tị nạn Cộng sản" bỗng trở lưỡi tuyên bố thôi chống Cộng, đi về Việt Nam để xây dựng đất nước. Cùng lúc đó, chúng ta lại thấy những bộ mặt thân Cộng nằm vùng ở miền Nam trước 30.4.75 lần lượt xuất hiện ở hải ngoại, đặc biệt là tại Mỹ, và lại tiếp tục tung ra những luận điệu thân Cộng hơn xưa. Chỉ có một thay đổi nhỏ là trước kia họ kịch liệt chống Mỹ, nhưng nay lại "thân Mỹ hơn Ngụy", đúng với đường lối mới của Đảng.

Đối với "đồng đảo quần chúng kiều bào", ngoài việc mở cửa cho về thăm quê hương, gia đình để ve vãn và thu lợi, bài báo viết về kế hoạch kiều vận như sau: *"Tăng cường thông tin giữa trong và ngoài nước, mở rộng giao lưu trao đổi văn hoá phẩm, nâng cao công suất các phương tiện thông tin đại chúng đến tận từng vùng xa trên thế giới. Tạo điều kiện cho nhiều đoàn nghệ thuật, các tổ chức triển lãm văn hoá Việt Nam, các nhà văn hoá trong và ngoài nước gặp gỡ, đối thoại..."* Kế hoạch này đi kèm với chỉ thị: *"Cần phê phán kịp thời các nhận thức mơ hồ, các quan điểm lệch lạc; đấu tranh chống các hoạt động thù địch, các âm mưu chống phá đất nước của bọn phản động lưu vong ở nước ngoài"*. Thực chất của kế hoạch này không gì hơn là tung sách báo, băng nhạc, băng video từ trong nước ra hải ngoại và ngăn chận sách báo văn hoá phẩm từ hải ngoại về nước, trừ sách báo văn hoá phẩm do "Việt kiều yêu nước" sản xuất.

Các kế hoạch "vận động người Việt Nam ở nước ngoài" trên đây có thể chỉ là mặt nổi, vì những kẻ cầm đầu đảng Cộng sản Việt Nam tuy đầu óc "xơ cứng" và ù lì lại rất thiện nghệ về các ngón độn thổ và những đòn tiểu xảo biến hoá muôn hình vạn trạng. Họ không u tối tới nỗi không nhìn thấy rằng đã bị mất lợi thế trên "mặt trận hải ngoại". Những tổ chức do chính Hồ Chí Minh gây dựng nên ở nước ngoài từ nửa thế kỷ trước, quan trọng nhất là tại Pháp, nay đang phân hoá và tan rã. Những người bỏ nước ra đi sau ngày 30.4.1975 đã "bỏ phiếu bằng chân" chống lại chủ nghĩa Cộng sản, không dễ bị đánh lừa bằng những sách báo, phim ảnh tuyên truyền mang nhãn hiệu Đảng. Kể cả những người vì lý do tình cảm, kéo nhau về Việt Nam thăm gia đình xứ sở, đại đa số đã tự động trở thành những cái loa phản tuyên truyền chống Đảng. Đối với thành phần quần chúng này, Đảng chỉ có thể lũng đoạn và khai thác bằng những đòn ngầm đánh vào tình cảm tự nhiên, không cảnh giác.

Một số nhà văn ở trong nước "được cho phép phản kháng" đã đồng loạt viết về đề tài cuộc chiến đã qua, nói về tội ác của cả hai bên, nhưng kín đáo hướng người đọc chấp nhận chính nghĩa của kẻ thắng và kêu gọi xoá bỏ hận thù. Chuyện đã qua, nên quên đi để hoà giải dân tộc và cùng nhau xây dựng đất nước. Đặc biệt là các tác phẩm này chỉ để tung ra nước ngoài cho người Việt lưu vong đọc, và không được phép phổ biến trong nước.

Ở hải ngoại, một chị "me Mỹ" xuất thân là một cô gái quê học lực lớp ba, bỗng nhiên cũng viết sách bằng tiếng Anh kể lại cuộc đời đau khổ bất hạnh của mình trong cuộc chiến mà Người Mỹ đã gây ra nhiều tội ác. Sách bán chạy vì hợp với thị hiếu người Mỹ, được giảng dạy trong rất nhiều lớp học, và đang được quay thành phim. Bà này đã về Việt Nam vài chục lần, và thường xuất hiện trong các cuộc hội họp tại Mỹ để kêu gọi xoá bỏ hận thù, giải tỏa cấm vận, giúp đỡ dân Việt Nam đang đau khổ mà người Mỹ có một phần trách nhiệm. Có thật người đàn bà quê mùa ít học này là tác giả của cuốn sách đang tạo nhiều ảnh hưởng có lợi cho Cộng sản Việt Nam trong một số không nhỏ quần chúng Mỹ? Có thật Dương Thu Hương đã viết một cách tự do những tác phẩm chối bỏ cuộc "nội chiến" đã qua và kêu gọi xoá bỏ hận thù được quảng cáo khá ồn ào ở hải ngoại?

Để đạt những mục tiêu nhất định, không có điều gì mà những người cầm đầu đảng Cộng sản Việt Nam không làm. Người Việt Quốc gia đã có rất nhiều bài học về những thủ đoạn của Cộng sản. Trong lãnh vực văn học, người ta không quên nhà văn nằm vùng Vũ Hạnh năm 1965 đã nhận lệnh Đảng bịa ra một nhà văn Ý tên là A. Pazzi để ký trên cuốn *Người Việt cao quý* ngấm ngầm tạo tinh thần bài Mỹ. Những người vồ vập đề cao Dương Thu Hương ở hải ngoại có lẽ đang còn cảm thấy "rát mặt" vì cú tát "Tự Bạch". Dù sao, vì chưa ngoa vụng về, Dương Thu Hương cũng đã sớm để lộ chân tướng: một công cụ trong kế hoạch kiều vận. Một số người cầm bút ở hải ngoại đang được khuyến khích thêu dệt về những cái xấu dưới thời "Mỹ Ngụy" và tránh né những cái xấu gấp trăm lần của Cộng sản hiện nay mà họ từng thể nghiệm, mắt thấy tai nghe, cũng đang tự biến mình thành một công cụ trong kế hoạch kiều vận.

Giai đoạn mà những xảo thuật đã giúp cho đảng Cộng sản Việt Nam thành công không còn nữa. Thời và thế đã hoàn toàn thay đổi. Vấn đề của những người Việt yêu chuột tự do ở hải ngoại là không để bị lạc đường vì những đám hỏa mù do Cộng sản tung ra và không tự biến mình thành một công cụ trong kế hoạch kiều vận của địch. Cộng sản Việt Nam không thay đổi gì cả. Họ vẫn là kẻ thù của Tự Do, và coi những người yêu thích tự do là kẻ thù. Chúng ta đang đứng ở vị trí nào? Vấn đề chỉ có thế. □



Khác Nhau Một Chữ...

Lãng Nhân

Nọ Lâm Thanh với Lâm Tri
Khác nhau một chữ hoặc khi có lầm
Kiều (2881)

Chỉ tội vạ là ở cái chữ Nôm! Thứ chữ này sáng chế từ đời Trần: mỗi chữ Nôm dùng hai chữ Hán, một làm nghĩa, một làm âm. Thí dụ: tiếng Nôm "trên" thì dùng chữ "thượng" làm nghĩa, chữ "liên" làm âm; tiếng "dưới" dùng chữ "hạ" làm nghĩa, chữ "đới" làm âm. Ngoài ra không có dấu nào chỉ năm thanh khác nhau: nặng, sắc, huyền, hỏi, ngã, tùy người đọc đoán ra tiếng mình cho là đúng!

Nguyên bản truyện Kiều viết bằng chữ Nôm, hiện không còn ai giữ được. Chỉ biết có những bản khắc trên gỗ, là

- bản Phường (tức là bản Hoa-Đường) của Phạm Quý Thích, khắc ở phố hàng Gai, Hà Nội, năm 1820.
- bản Thúy Kiều truyện tường-chú (Chiêm-Vân) năm 1866.
- bản Kinh, khắc tại Huế theo lệnh vua Tự Đức (1871).
- bản Kim Vân Kiều tân truyện (Duy Minh thị) năm 1875.
- bản Đoạn Trường Tân Thanh, Kiều Oánh Mậu, 1902.
- bản Kim Vân Kiều tân tập, Chu Mạnh Trinh, 1906.

Và những bản đã in chữ quốc ngữ:

- bản Kim Vân Kiều truyện, Trương Vĩnh Ký, 1875.
- bản Truyện Thúy Kiều, Bùi Kỷ-Trần Trọng Kim, 1925.
- bản Truyện Kiều Chú-Giải, Vân Hạc, 1952.
- bản Truyện Thúy Kiều Khảo-Lục, Vũ văn Kính & Bùi Hữu Sủng, 1971.
- bản Truyện Kiều, Nguyễn Thạch Giang & Hà Huy Giáp, 1972.

Bây giờ chúng ta thử xem câu Kiều thứ 264:

Vi lô hiu hắt như màu... ngươi

xem chữ thứ 7 thì thấy:

- bản Trương Vĩnh Ký chép: Khẩy
- bản Bùi Kỷ-Trần Trọng Kim: Khởi
- bản Vũ Văn Kính: Khơi
- bản Nguyễn Thạch Giang: Khoi
- bản Vân Hạc: Khảy

bấy nhiêu chữ đều do chữ Nôm ghép hai chữ Hán *kỷ* và *giới*! Hai chữ này nếu có thể đọc là *cợt* thì thành *cợt trêu*, thuận tai thuận nghĩa biết bao!

Do những điểm mà chúng tôi gọi là chất-chưởng của chữ Nôm, xin trình bạn đọc mấy chữ còn hồ nghi trong Kiều:

1. Câu thứ 166:

Rốn ngồi chẳng tiện, dứt về chỉn khôn!

Ba chị em *bộ hành* chơi xuân, ở chỗ *ngổn ngang gò đống* gặp chàng Kim xuống ngựa tới chào nơi bãi cỏ, thì ghế đâu mà *ngồi*, không lẽ cùng ngồi xổm với nhau? Nên tôi e hai chữ ấy là *rộn người* có nghĩa là làm bận rộn người ta thì chẳng tiện chút nào...

2. Câu 2755:

Láng giềng có kẻ sang chơi

Bấy giờ *"đầy vườn cỏ mọc lau thưa, Song trăng quạng quẽ vách mưa rã rời, trước sau nào thấy*

bóng người" thì ông láng giềng sang chơi với ai ở đây? Chỉ có chàng Kim không thấy ai, nên mới tìm sang ông láng giềng, mà cũng không dám hỏi ngay sợ lộ sự mình nên mới "lân la" hỏi hàng xóm, nên tôi tưởng câu 2755 là

Láng giềng, có ghé sang chơi
lân la mới hỏi... chủ từ vẫn là chàng Kim thì nghe như phải nghĩa hơn...

3. Câu 2843:

Tuy rằng vui chữ vu qui
"Vui này đã cất sầu kia được nào,
Khi ăn ở lúc ra vào, càng âu duyên mới, càng dào tình xưa"...thì rõ là nỗi vui của chàng Kim, chứ không phải của Thúy Vân. Vậy, sao lại *vu qui?* Sao không *xướng tùy* cho đúng hơn? Một đại nho như cụ Tiên Điền không lẽ lại lầm. Hay là sau này diễn ra quốc ngữ sai chăng?

4. Câu 32:

Nghề riêng ăn đứt hồ cầm một trương

Mấy chục năm trước, cư sĩ Đồng Giang có chỉ cho tôi: chữ "một" không đúng, mà là chữ "Ngải" họ của *nhạc sĩ Ngải Trương*. Chữ "Ngải" và chữ "một" gần giống nhau nên dễ lộn. Tôi không kịp hỏi rõ thì cư sĩ đã khuất bóng. Đến khi ra hải ngoại, ngồi buồn nhớ lại chuyện xưa, tôi nhờ bạn Nguyễn Ngọc Trí ở thư viện Luân Đôn tìm giùm xem có bản Kiều nào nói đến *Ngải Trương*, thì sau đó nhận được bản sao của mấy trang Kiều mà giáo sư Huỳnh Sanh Thông dịch ra Anh văn, thì quả có ghi:

Nghề riêng ăn đứt hồ cầm Ngải Trương

Song giáo sư Huỳnh chỉ chú vắn tắt: Ngải Như Trương là một nhạc sĩ đời Hán. Tôi hỏi cặn kẽ thì giáo sư cho biết đã thấy điểm này trong bài *"Vài điều nhận xét về mấy câu trong Kiều"* trong cuốn kỷ yếu của trường Viễn Đông Bác Cổ *"Tạp bút về Nguyễn Du nhân dịp kỷ niệm 200 năm sinh nhật (1765)"* có bài viết của bác sĩ Nguyễn Xuân Chữ. Bác sĩ giải thích:

"Về câu *'Nghề riêng ăn đứt hồ cầm một trương'* chữ 'một' hình như đã bị đọc sai từ chữ 'Ngải' vì hai chữ viết gần giống nhau. Nguyên Ngải Như Trương đời Hán là tay giỏi về hồ cầm. Trong *Nhạc phủ thi tập* có ghi: Ngải Như Trương đứng bậc nhất về sử dụng đàn Hồ. Trong câu thơ trên, Tiên Điền tiên sinh nói lên bản ý: về hồ cầm thì Thúy Kiều 'ăn đứt' Ngải Trương, nhạc sĩ hồ cầm nổi danh nhất về thời Hán.

5. Vẫn chữ Nôm, trong câu:

Dấu xưa xe ngựa hồn thu thảo

trong bài *Thăng Long hoài cổ* của bà Nguyễn Thị Hinh, làng Nghi Tàm, phu nhân một viên hồi ấy tri huyện Thanh Quan:

Tạo hoá gây chi cuộc hí trường
Đến nay thấm thoát mấy tinh sương
Lối xưa xe ngựa hồn thu thảo
Nền cũ lâu đài bóng tịch dương
Đá vẫn trơ gan cùng tuế nguyệt
Nước còn cau mặt với tang thương
Ngàn năm gương cũ soi kim cổ
Cảnh đấy, người đây, luống đoạn trường

Chúng ta thấy bốn câu thực và luận đều nói về cảnh vật bày ra trước mắt: lối xe ngựa, thu thảo, nền lâu đài, bóng tịch dương, đá trơ gan, nước cau mặt... Do đó ta thấy chữ "hồn" của "thu thảo" hơi lạc lõng vì trừu tượng, và nếu "lối xe ngựa" có làm ta nghĩ đến câu Kiều *"dấu xe ngựa đã rêu lờ mờ xanh"* ắt ta sẽ thấy rằng nhiều bạn có lý khi đổi chữ "hồn" ra chữ "hằn" hình dung xác thực hơn:

Lối xưa xe ngựa 'hằn' thu thảo

6. Lại chữ Nôm, trong câu thơ Yên Đổ

Một chiếc thuyền câu bé tẻo teo

Xin nhắc lại bài *Mùa thu câu cá:*

Ao thu lạnh lẽo nước trong veo
Một chiếc thuyền câu bé tẻo teo
Sóng biếc theo làn hơi gợn tí
Lá vàng trước gió khẽ bay vèo
Từng mây lơ lửng trời xanh ngắt
Ngõ trúc quanh co khách vắng teo
Tựa gối, ôm cần, lâu chẳng được
Cá đâu đớp động dưới chân bèo

Cách sách giáo khoa đều chép hai chữ "teo". Quốc ngữ thì viết như nhau, nguyên văn chữ Nôm không rõ có khác nhau chút đỉnh không, chứ nếu hệt như nhau thì là trùng vần, phạm luật. Vấn đề này gây thắc mắc: không lẽ cụ Tam Nguyên lại lầm cẩm... Riêng tôi xin lạm trình thiển ý: *xin thêm một dấu huyền* để khỏi tranh chấp. Thêm dấu huyền vào "teo" trên thành "tèo", vừa hết trùng với vần "teo" ở câu 6 mà không sai nghĩa, vì ta thường nói "tẻo tèo teo" thì rút lại "tẻo tèo" không những vô hại, mà còn cứu vãn hai câu đầu về nhạc điệu nữa: trong câu đầu, những chữ *ao thu, trong veo*, và *teo* ở câu sau đều là thượng bình thanh, không ổn, đổi *teo* thành *tèo*, hai câu sẽ xuôi tai ngay:

Ao thu lạnh lẽo nước trong veo
Một chiếc thuyền câu bé tẻo tèo

7. Vẫn cụ Yên Đổ, trong bài *Khóc Dương Khuê:*

Bốn câu cuối tôi chép theo một tập biên khảo cũ:

Bác chẳng ở, dẫu van, chẳng ở



Tôi không thương, dẫu nhử, nào thương
Tuổi già, hạt lệ như sương
Hơi đâu chắp lấy hai hàng chứa chan

Sau này, xem cuốn *Quế Sơn thi tập* do chính hậu duệ của thi sĩ công bố, *"Tôi không thương dẫu nhử nào thương"* lại đổi là *"Tôi tuy thương, lấy nhớ làm thương"*, tôi không dám cho là chép sai, song tôi ngờ trong nhà cho *"không thương dẫu nhử nào thương"* là trực tiệt, là vô tình, nên sửa cho dịu bớt.

Nghĩ như vậy, e là không trúng ý tác giả. Chúng tôi lạm cho ý này có thể diễn tả như sau: "Tôi mà không thương thì có nhử cách nào, cũng vẫn không thương nhưng *'tuổi tôi tính còn hơn tuổi bác, tôi lại đau trước bác mấy ngày, mà sao bác vội về ngay, nghe tin tôi cũng chân tay rụng rời!'* Tôi thương lắm chứ, song thương mà không khóc được: tuổi già nước mắt không thành giọt, chỉ còn như hơi sương, như hạt bụi hơi sức đâu mà chắp lại cho chứa chan! Không chứa chan mà là khóc đấy, ai biết cho nỗi già nua khô khốc mà vẫn ăm ắp chân tình...

Đọc câu *"dẫu nhử nào thương"* tôi chợt nhớ câu *Cung Oán "Ví sớm biết lòng trời đeo đẳng, Dẫu thuê tiền cũng chẳng buồn tênh"*, chữ "tênh" này vô duyên bao nhiêu thì lại đắc địa bấy nhiêu ở câu *"lòng ngán ngẩm buồn tênh mọi nỗi"*. Hay là *"dẫu thuê tiền cũng chẳng buồn tênh"* thì "tênh" này dùng theo nghĩa "tênh hênh".

8. Đến ông Tú Xương trong bài *Mất ô:*

Một hôm đến chơi nhà một cô đào, sáng dậy tìm ô để về mà không thấy đâu, thắc mắc ngâm:

Hôm qua anh đến chơi đây
Giầy, chân anh dận, ô, tay anh cầm
Rạng ngày, vừa trống canh năm
Anh dậy, em hãy còn nằm trơ trơ
Tìm ô, ô mất bao giờ
Hỏi em, em cứ ậm ờ không thưa
Nữa rời rày nắng mai mưa
Lấy gì đi sớm, về trưa, với tình?

Em trả lời ngay, cong cớn:

Chiếc ô là của mấy mươi
Ngắn ngày, xin chớ dài lời làm chi
Nắng thì nắng cũng có khi
Mưa thì mưa cũng có kỳ mà thôi
Ví bằng anh có thương tôi
Thì xin anh cứ đội trời anh lên
Hay là anh quyết bắt đền
Thì đây tôi sẵn cái đền... bằng ba!

Thuật lại câu chuyện, là một bạn nhà nho vốn người phong nhã, tránh những tiếng không được thanh thú nên đọc trạnh bốn tiếng sau ra "cái đền bằng ba", không dè chữ "đền" ở câu dưới lại điệp với chữ "đền" câu trên! Thực ra nguyên câu của cô đào là

Thì đây: tôi có cái mền bằng da

9. Và đến câu đối Tết:

Thịt mỡ, dưa hành, câu đối đỏ

ba hình dung từ rõ rệt: thịt mỡ chứ không phải thịt nạc; dưa hành chứ không dưa cần, dưa cải; câu đối đỏ chứ không nền trắng hay vàng. Bởi vậy, đối lại, cũng phải có hình dung từ cho chọi. Nên mới đối:

Nêu cao, pháo nổ, bánh chưng xanh

nêu cao chứ không thấp, pháo nổ chứ không xì, bánh chưng xanh chứ không xám màu tro.

Ấy vậy mà thấy trong mấy sách giáo khoa, về đối lại là:

Cây nêu, tràng pháo, bánh chưng xanh

nêu và pháo không có hình dung từ cho rõ bóng dáng, thành ra màu xanh của bánh chưng đứng lễ loi, lơ láo..

* * *

Ngày xuân năm sớm, thôi, đao to búa lớn xin dành cho các nhà chính khách, kẻ già nua này chỉ "tri kỷ vụn" với bà con trong làng vậy thôi, cho qua khi loạn tới vạn khi bình... □

---

vân ảnh hạ trì

Thiên cao thanh mãn huy,
Nhất phiến bạch vân phi,
Cố nhân hà khứ xứ?
Niên niên ngã bất tri.
Kiến vân ảnh hạ trì,
Đán tưởng nhữ lai chi.
Phong dao hoàng diệp lạc,
Vân tản ngã sầu bi.

thúy sơn

bóng mây đáy nước

Trời cao xanh ngắt mênh mông,
Nhìn chòm mây bạc lang thang gợi buồn,
Xa nhau mười mấy năm tròn,
Năm năm thương nhớ mỏi mòn chờ ai.
Nhác trông đáy nước bóng mây
Ngỡ rằng hình bóng của người ngày xưa.
Lá vàng một chiếc gió đưa,
Tan hình mây trắng lòng chua xót buồn.

thúy sơn



Cuộc Khởi-Nghĩa 18 Thôn Vườn Trầu

Hứa Hoành

HỐC MÔN, BÀ ĐIỂM ĐẤT CÁCH MẠNG

Sách cũ gọi 18 thôn vườn trầu là "thập bát phù viên" tức Hốc Môn, Bà Điểm, vùng trọng điểm trồng trầu, cau, thuốc lá, là ba thứ cần thiết hàng ngày hồi cuối thế kỷ trước.

Đây là những vùng đất cao ráo gọi là đất gò, rỏ phèn, loại đất cát pha, phù hợp với loại cây trầu, thuốc. Cho đến đầu thế kỷ 20, Hốc Môn, Bà Điểm, Quán Tre, Gò Vấp... hầu như là những nơi chuyên canh tác các loại thổ sản kể trên. Người Việt từ miền ngoài đến đây lập nghiệp từ cuối thế kỷ 17. Họ chọn các gò cao để cất nhà, làm rẫy. Ngày nay vùng nầy còn nhiều địa danh mang dấu vết đất giồng và đất gò như: Ngã Ba Giồng, Gò Vấp.

Gò Vấp là một giồng cát cao ráo, được người Việt đến định cư rất sớm. Gò nầy có nhiều cây vấp, một loại danh mộc, gỗ cứng, dùng xẻ ván bắc cầu. Khi mới đến, Pháp bắc cầu Kiệu và cầu Trương Minh Giảng bằng sắt, phía dưới lót ván bằng cây vấp. Vùng nầy được khai thác thành thuộc dưới thời tổng trấn Lê Văn Duyệt và đã có nhiều đơn vị hành chánh lâu đời như Tân Thới, Xuân Thới... Mặc dầu không có sông lớn, nhưng người địa phương đã biết sáng tạo một kỹ thuật lập vườn: đào mương lên liếp để trồng trầu, cau:

Trồng trầu thì phải khai mương,
Làm trai hai vợ phải thương cho đồng. Ca dao

Nơi nào trồng thuốc lá, trồng rẫy, họ dùng gàu múc nước giếng bằng hệ thống đòn bẩy, cho đến nay kỹ thuật nầy vẫn còn được áp dụng. Vùng đất giồng cao ráo nầy ngày trước là nơi người Miên sống tập trung trước khi người Việt từ miền ngoài tràn xuống. Dân Miên thích ăn trầu rang. Nơi nào có người Miên ở nhiều như Sóc Trăng, Trà Vinh, nghề bán trầu rang rất phát triển. Thế kỷ trước, ngoài lúa gạo, trầu cau là nguồn lợi quan trọng của dân vùng Đồng Nai, Gia Định. Trầu cau là món ăn cần thiết hàng ngày, và nhứt là trong dịp giao tiếp. "Miếng trầu là đầu câu chuyện". Ở Gia Định, khách tới nhà, trước tiên dâng trầu thuốc, bất luận sang hèn. Nhiều bà ăn trầu luôn miệng. Nếu nhịn một buổi họ than lạt miệng, buồn miệng, khó chịu, cũng như đàn ông ghiền thuốc. Người Việt và người Miên gặp nhau một điểm: ăn trầu. Đối với dân Việt, miếng trầu còn là vật tiêu biểu cho lễ nghi trong các đám cưới, đám hỏi.

Hốc Môn, Bà Điểm, Gò Vấp là quê hương của trầu cau. Ca dao địa phương mấy mươi năm đã nhắc tới:

Chim chìa vôi *bay ngang đám* thuốc,
Cá bãi trầu *lội tuốt mương* cau.

Dân số Gia Định càng ngày càng đông, nhu cầu về trầu càng ngày càng lớn. Những ai đã từng ở đường Lê Văn Duyệt, Trương Minh Giảng Sài gòn ba, bốn mươi năm trước, chắc chắn không thể quên tiếng xe bò lọc cọc chở trầu, cau và đồ hàng bông từ Hốc Môn, Bà Điểm xuống bán ở các chợ Sài gòn. Cứ mỗi sáng sớm, khoảng 4 đến 5 giờ, xe bò, xe ngựa chở rau cải, nện tiếng vó lọc cọc xuống mặt đường tạo nên một âm thanh quen thuộc, buồn buồn.

Đến thập niên 1930, Hốc Môn, Bà Điểm vẫn còn là nơi trồng nhiều thuốc gò, gọi là thuốc Hốc Môn, nổi tiếng khắp lục tỉnh. Có lúc để phản đối chánh phủ thực dân đánh thuế quá nặng, chỉ trong một đêm, dân Hốc Môn dám nhổ bỏ cả 4 đến 500 mẫu thuốc! Dân Hốc Môn là những người có đầu óc, thêm những tay anh chị nổi tiếng trong giới giang hồ như Ba cán búa, Hương thân Ngà, nổi tiếng một thời. Đất Hốc Môn, Bà Điểm là nơi có truyền thống cách mạng, dân chúng có tinh thần yêu nước rất cao, mà gia tộc của nhà ái quốc Nguyễn An Ninh là một tiêu biểu. Thân phụ ông Ninh là Nguyễn An Khương, một nhà nho và học giả, dịch cả chục bộ truyện Tàu, là người đầu tiên tham gia phong trào Đông Du và Duy Tân ở miền Nam. Cụ là mạnh thường quân, giúp tiền bạc, phương tiện ăn ở cho nhiều nhà cách mạng. Nguyễn An Cư là chú ruột Nguyễn An Ninh, nho học uyên thâm, một thầy lang nổi tiếng vùng Hốc Môn, trị hết nhiều bịnh nan y và sáng chế ra thứ rượu thuốc danh tiếng mãi đến ngày nay: thuốc rượu 39. Nguyễn An Ninh là một nhà ái quốc thuần túy, vì dân vì nước quên mình. Có người ở Gia Định kể lại rằng, trước khi chu cấp tiền bạc cho con qua Pháp du học, cụ Nguyễn An Khương dẫn con là Nguyễn An Ninh đến trước Lăng Ông Bà Chiểu ở Gia Định thề rằng: "Học thành tài để phụng sự đất nước, chớ không được tham danh lợi để phản bội dân tộc", rồi cụ mới cho đi. Nhờ vườn trầu nho nhỏ, bà vợ Nguyễn An Ninh đã chắt chiu nuôi gia đình để chồng rảnh rang hoạt động. Có lúc gia đình Nguyễn An Ninh rước gia đình Nguyễn Thế Truyền từ Pháp về, cung phụng đầy đủ. Nguyễn An Ninh còn đem cụ

Phan Chu Trinh về nhà săn sóc thuốc men cho đến ngày cụ Phan từ trần.

TÌNH HÌNH NAM KỲ NĂM 1884-1885

Pháp chiếm Nam kỳ xong năm 1867 thì 20 năm sau họ xây dựng một khám đường kiên cố tại đường Gia Long bây giờ, mãi đến ba năm sau mới hoàn thành. Bài phú *Gia Định thất thủ* đã vẽ lại cảnh ảm đạm của những năm đó:

Ngậm ngùi thay! Ba bốn lần Gò Vấp, cây cỏ khô, thân thể cũng khô.

Bát ngát nhẻ! Mười tám thôn vườn trầu, hoa trái rụng, người đời cũng rụng.

Phong trào Cần Vương khởi phát từ Hà Tĩnh ở Trung kỳ nhưng cũng vang dội đến trong Nam. Vùng biên giới Châu Đốc vào năm 1884-1885 có nhiều biến động đáng nhớ. Ông hoàng Si-Vatha liên kết với nghĩa quân Việt ở biên giới nổi lên đánh phá đồn bót Pháp. Đây là nhóm "Tứ ân hiếu nghĩa" của ông Năm Thiếp đã làm Pháp điên đầu. Giữa năm 1885, nghĩa quân và đồng bào làng An Định họp cùng người Miên ở biên giới đánh chiếm đồn Pháp ở Phú Thạnh. Tham biện Châu Đốc đưa quân lên cứu viện tỏ ra hết sức lúng túng vì chiến thuật du kích. Phong trào kháng chiến lẻ tẻ ở Nam kỳ còn kéo dài mấy năm sau làm cho Pháp thiệt hại khá nhiều. Phía đông, vùng Hốc Môn, Bà Điểm chưa bao giờ yên ổn.

Mới chiếm được Nam kỳ, Pháp ra sức khai thác và bóc lột dân bản xứ tàn nhẫn. Nhiều sĩ phu lẩn tránh, không chịu hợp tác. Do đó, Pháp tìm một số người Việt làm quan cấp nhỏ, bổ nhiệm vào các chức vụ quan trọng, hay hương chức hội tề. Dân chúng bị làm sưu liên miên để đắp đường, đắp lộ, xây cất công sở, không còn thì giờ làm ruộng làm rẫy mưu sinh. Ngoài ra họ còn phải đóng thuế thân, thuế huê lợi rất nặng. Ta hãy nghe một bài vè xuất hiện năm 1885, mô tả hoàn cảnh bi đát của dân chúng thời đó. Bài vè này do ông Lương Văn Nên (1857-1938) ghi lại trong gia phả, có lẽ là một trong những áng văn cổ nhứt Nam kỳ:

...

Đêm năm canh, giấc ngủ chẳng an
Ngày sáu khắc lo xâu (sưu) cùng thuế.
Qua năm Dậu (1885) gẫm âu quá tệ,
Khổ người dân như khúc gỗ tròn
...

(Vè quản Hớn)

CUỘC KHỞI NGHĨA 18 THÔN VƯỜN TRẦU

Vào những ngày trước Tết năm 1885, có một cuộc khởi nghĩa của đề đốc đàng cựu là Nguyễn Văn Bường, còn gọi là Đề Bường. Ông lãnh đạo một nhóm nghĩa quân phần lớn là dân Hốc Môn, Bà Điểm, Gò Vấp đang đêm kéo về phá Khám Lớn Sài gòn. Trong cuộc đánh khám lần nầy có người làm nội ứng cho Bường, hẹn nửa đêm 31.1.1985 sẽ nổi lửa đốt khám gây rối loạn đặng Đề Bường thừa thế tấn công từ bên ngoài. Rủi thay, kẻ làm nội ứng tính sai ngày, mới đêm 22.1 đã nổi lửa đốt khám nên bị bại lộ. Quân của Đề Bường kéo về tới Bình Hoà thì bị phục kích chận bắt. Cuộc khởi nghĩa tan rã và Đề Bường cùng một số nhơn vật đầu não bị hành quyết liền sau đó. Do cuộc khởi nghĩa thất bại nầy, tại Hốc Môn, cha con Phủ Ca mở cuộc khủng bố để tìm bắt những kẻ tham gia khởi nghĩa.



Trước khi nói đến cuộc khởi nghĩa của Quản Hớn, chúng tôi xin nói qua tiểu sử Đốc phủ Ca.

Trần Tử Ca là người đồng thời với Tổng đốc Trần Bá Lộc và Huỳnh Công Tấn, đã giúp Pháp rất đắc lực trong các cuộc đàn áp nghĩa quân khởi nghĩa ở Nam kỳ. Tài liệu nói về Phủ Ca rất hiếm, gần như không có vì ông chết sớm, cũng như Tấn. Phần lớn những chi tiết về Trần Tử Ca rút từ quyển *The French presence in Cochinchina*

and Cambodia 1859-1909 của Milton Osborn.

Năm 1859, Gia Định thất thủ. Tàn quân Việt lo củng cố lại bằng cách lập phòng tuyến chiến lược từ Thuận Kiều cho tới đồn Chí Hoà. Bấy giờ Ca làm phó tổng, còn chiến đấu trong hàng ngũ nghĩa quân. Đến khi đồn Chí Hoà thất thủ, Ca bỏ chạy, rồi sau đó trở về đầu thú Pháp. Thuở trước báo *Đông Dương tạp chí* binh vực cho hành động của những nhơn vật này như sau: *"Nhà nước Lang-sa danh chánh ngôn thuận, đủ oai quyền mà bảo hộ cho dân, cho nên ông ấy (phủ Ca) mới thực lòng đầu thuận nhà nước Lang-sa mà chuyên lo việc cứu dân trong cơn biến loạn...?"* (ĐDTC, ngày 5.11.1914, dẫn lại của *Việt Nam tạp chí*, do Hà Mai Phương chủ trương).

Trở lại thân thế, người ta được biết Trần Tử Ca và Đỗ Hữu Phương là những nhà giàu bản xứ trước khi người Pháp đến. Dưới cái nhìn của họ, muốn bảo vệ quyền lợi và tài sản, cần phải có sự che chở của người Pháp. Đến nay, họ đã có một sản nghiệp lớn lao nhờ ruộng đất và cho vay lấy lời. Nếu tiếp tục trung thành với triều đình Huế, quyền lợi không được bảo vệ, đôi khi còn bị tước đoạt và bị kết án. Vì lẽ đó, họ chọn con đường ra hợp tác với tân triều.

Sinh quán tại Hốc Môn, huyện Bình Long, tỉnh Gia Định, Trần Tử Ca, một trong những người ra công tác được Pháp tin dùng từ đầu. Lúc ngồi huyện Bình Long, Ca nổi tiếng hung dữ, đàn áp đẫm màu các cuộc khởi nghĩa mà hắn gọi là "quân hoang dã phá rối trị an". Một năm sau ngày ra làm việc cho Pháp, Ca cải đạo, theo Thiên Chúa giáo để lấy lòng tin của Pháp.

Trần Tử Ca có hai hoạt động đáng ghi nhớ. Đó là đi theo Vial, giám đốc nội vụ, thị sát các tỉnh vừa mới chiếm cuối năm 1867, và lúc đảm nhiệm chức tri huyện Vĩnh Trị, sau nầy là quận Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long, đã xử một cường hào ác bá cướp đất của dân chúng.

Phủ Ca, Phủ Tường và Trương Vĩnh Ký xuất hiện trước công chúng lần đầu tiên ở Sài gòn năm 1866, nhơn vụ phát thưởng cho một cuộc đấu xảo. Vừa chiếm nốt ba tỉnh còn lại của Nam kỳ, giám đốc nội vụ Vial mở cuộc thị sát, xem xét tình hình an ninh để tìm cách đối phó, nhưng gã che dấu mục đích này bằng cách bảo là để tìm hiểu nguyện vọng dân chúng hầu cải thiện. Vial cũng tìm hiểu xem có thể thâu thuế bằng tiền mặt thay vì bằng lúa hay không. Muốn vậy phải có một người bản xứ, am tường mọi vấn đề đi kèm. Người đó là Trần Tử Ca và một viên thông ngôn tên John Liễu. Ca rành đường đi nước bước, chỉ dẫn, giải thích và tiếp xúc với một số người Việt ở Bến Tre, Trà Vinh, Rạch Giá, Sóc Trăng...

Đây là lần đầu tiên một viên chức dân sự Pháp có dịp đi thăm các tỉnh Nam kỳ để có ý niệm tổng quát về sinh hoạt dân chúng. Có một điều ngạc nhiên là khi tàu Vial ghé Cầu Ngang thì quân Pháp vẫn còn giao tranh với nghĩa quân. Theo lời viên chỉ huy quân Pháp tại đây thì "Tất cả dân chúng trong làng đều theo phiến loạn".

Lúc trở về Ca được bổ nhiệm ngồi quận Vĩnh Trị, dưới quyền tổng đốc Đỗ Hữu Phương đang trấn nhậm tại lị sở Vĩnh Long vừa mới tiếp thu của Phan Thanh Giản. Lúc ngồi chủ quận Vĩnh Trị, Ca xét xử một vụ cướp đất của Tổng Dõng, một tên cường hào ác bá ngày nay nhiều người lớn tuổi còn nghe tiếng. Dõng phạm nhiều tội ác, chiếm đất đai hai làng Bình Thắng, Bình Tho hơn 250 mẫu, mượn tiền dân chúng 512 đồng không trả (lúc đó vàng 10 đồng một lượng). Dõng còn cưỡng hiếp mẹ hoặc vợ nạn nhơn, những người mà hắn tình nghi bỏ theo nghĩa quân. Dõng bắt luôn những người ấy làm tôi tớ cho mình, cho cả vợ bé. Ai muốn làm hương chức làng phải hối lộ hắn từ 5 quan trở lên, nếu không thì bị phạt roi, phạt trượng. Khi nhận đơn tố cáo của dân chúng các làng Tân Long Hội, Mân Thít, Ca gọi Dõng đến nhưng hắn lánh mặt khiến Ca phải thân hành đến Mân Thít, nay là Cầu Mới, và Bưng Trường, nay là cầu Vĩ, để gặp Dõng. Sau khi điều tra, Ca đề nghị tịch thu cây súng của Dõng, đày Dõng lên Trảng Bàng (Tây Ninh) một năm để ăn năn. Nhưng rốt cuộc cũng không nghe thống đốc trừng phạt Dõng, có lẽ đã tha Dõng vì hắn lập nhiều công trạng cho Pháp. Về sau, lúc gần 60, Ca về quê nhà sống tại Hốc Môn cho đến khi Quản Hớn khởi nghĩa giết chết. Bài *vè Quản Hớn* có nhắc lại những hành động của Phủ Ca:

Thuở đàng cựu, chúa làm cai phó tổng,
Ở một ngày một lộng,
Lầu ba từng lại có võ môn,
Nhựt nhựt thường kiểng đã trống rung,
Xe song mã sướng đà quá sướng.
Dân bần tiện lòng kia chẳng tưởng,
Ép lấy dầu nộp thiếu, thâu đa...

Ca có hai người con trai đều làm hương chức hội tề, quyền hành rộng rãi. Nhơn khi ruồng bố những người đã tham gia cuộc phá khám của Đề Bưởng, họ tha hồ bắt bớ, tra tấn, đánh đập để khảo của:

Hai chàng con đốc phủ Ca,
Xóm làng bắt hết khảo tra sự tình.
Ai ai đều cũng thất kinh,
Trẻ già lo sợ như hình cò ma.
.....
Làm oai: kẻ trói người xiềng,
Dẫn về trường bố cho liền của quan.*
Ai mà muốn chối tai nàn,
*Bạc cây** đem nộp, mới an thân mình.*
Kẻ làm thì đã ưng tình,
Người không cũng bắt hành hình dữ thay.
Kẻ thì kết án lưu đày,
Người thì chém giết, xứ rày Hốc Môn

(Vè Quản Hớn)

Lợi dụng tình thế truy lùng "quân hoang dã", gia đình Phủ Ca tha hồ bắt bớ, tra khảo, đánh đập dân lành tàn nhẫn. Ai có của đút lót

mới được an thân. Tức nước vỡ bờ. Chỉ một tháng sau cuộc khởi nghĩa Đề Bường thất bại, Phan Công Hớn, hương quản trong làng cùng một số tay chân bộ hạ nửa đêm bao vây dinh Phủ Ca. Tương truyền trước đó một ngày, Hớn cho đem nộp rất nhiều đậu phọng còn nguyên vỏ để làm bồi cho lửa mau cháy khi nghĩa quân vào phóng hoả. Dân chúng hưởng ứng rất đông. Nghĩa quân la ó vang dậy cướp tinh thần mặc dầu họ chỉ có giáo mác. Một số trèo vào trong phủ đánh nhau với gia nhơn và nổi lửa đốt dinh. Đậu phộng bốc cháy mạnh. Hai con Phủ Ca nhanh chân trốn thoát bằng cửa hậu, Ca bị bắt và bị hành hình tại chợ Hốc Môn. Trong nhóm quân khởi nghĩa có sự tham gia của Thiên Địa Hội. Quản Hớn và 70 nghĩa quân chiếm công sở Hốc Môn, dinh Phủ Ca và thề quyết tử. Trưa hôm sau, viện binh Pháp tới, bao vây bắn giết hàng trăm người, còn bắt được hơn 40 người, trong đó có Quản Hớn. Tất cả những người bị bắt được đem ra xử tại toà án Gia Định ngày 12.9.1885, trong đó có 37 người bị án: 14 án tử hình và 23 án lưu đày tại Côn đảo. Các án bị tử hình, trong đó có Phan Công Hớn, bị đem hành quyết tại chợ Hốc Môn.

Cuộc nổi dậy có tính cách tự phát này của dân chúng Hốc Môn đã làm rung động chế độ thực dân ở Nam kỳ. Dư luận dân chúng sau đó đã được phản ánh qua bài vè:

Quản Hớn dầu chết cũng rạng danh,
Vì trừ được tham quan ô lại,
Quan đốc phủ thác đà cũng phải,
*Khai lục tuần địch thể giá vua****
Theo tân trào phá miễu, đốt chùa... □

Chú thích:

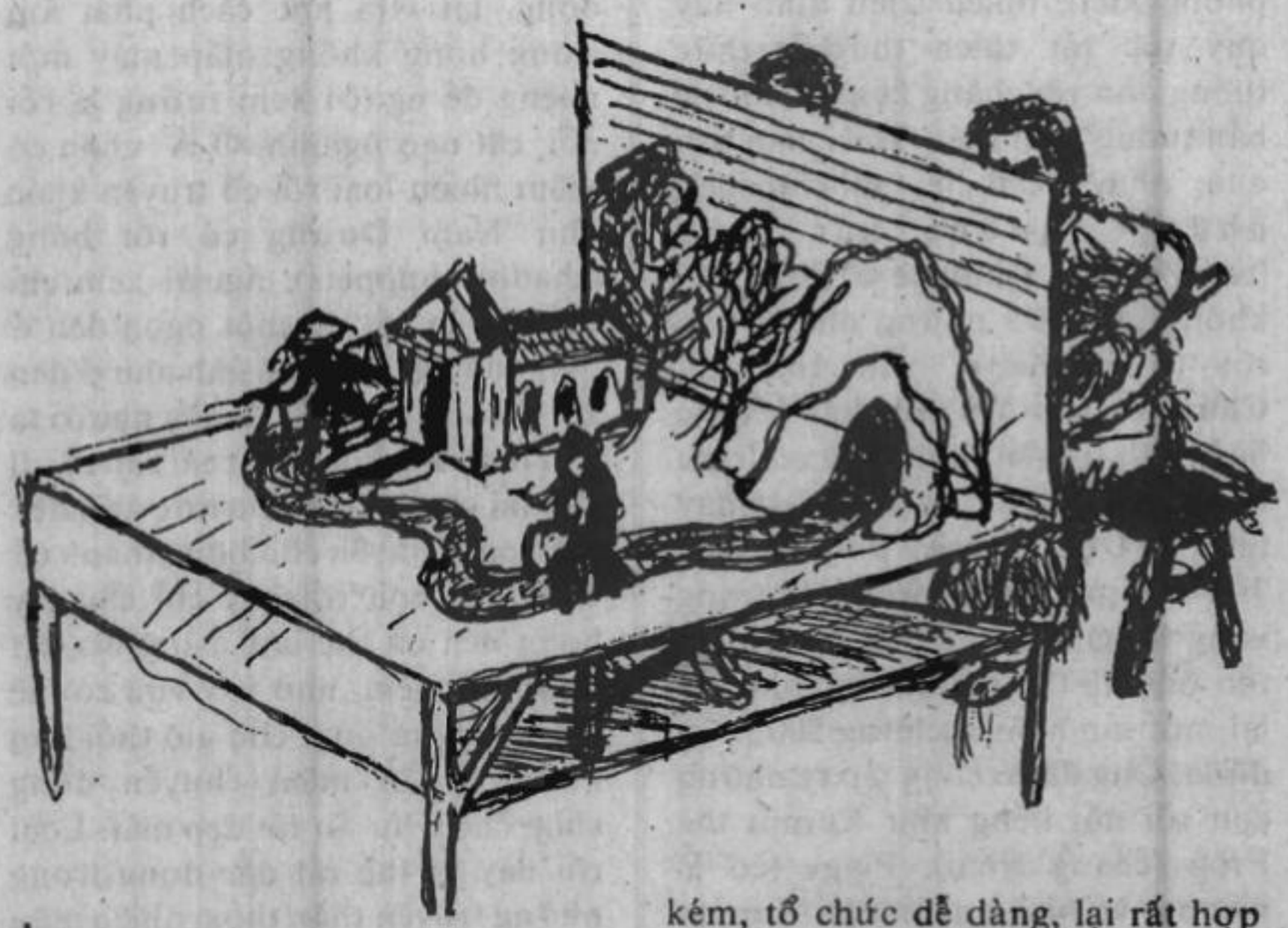
* Trường bố: dinh bố chính, chỉ dinh quận của Phủ Ca. Về sau trường bố là toà hành chánh.

** Bạc cây: tức tiền đồng, tiền kẽm và bạc nén, bó lại thành từng cây.

*** Phủ Ca tổ chức ăn mừng lục tuần (60 tuổi) long trọng như vua chúa.

Tạo Dựng Băng Hình Con Rối

Lương Thế Nam



Trong các thú giải trí của quần chúng xưa nay, có lẽ không có thú vui nào sánh được với cầm ca kịch nghệ. Sự thành công của bộ môn nghệ thuật này nằm ở chỗ nó trực tiếp đập vào hai giác quan siêu đẳng của con người là mắt và tai. Bao giờ và nơi đâu, bất cứ nơi nào cũng đầy dẫy những ban nhạc, những gánh hát nổi tiếng, rồi kỹ nghệ điện ảnh ngày nay thực đã cực kỳ phồn thịnh, lấn át tất cả các địa hạt giải trí khác.

Thực vậy, điện ảnh đã trở nên quá vĩ đại nên chỉ còn là sản phẩm hầu như độc quyền của các công ty đồ sộ trong những nước giàu mạnh. Với các công ty ít vốn hay với cả những hội đoàn nghiệp dư chỉ cần mua vui nội bộ hơn là khai thác doanh thương, thiết tưởng vẫn có được một ngành tương tự như kịch ảnh mà không quá tốn kém, tổ chức dễ dàng, lại rất hợp với quần chúng thiếu nhi và bình dân, đó là bộ môn diễn tuồng con rối.

Làm tuồng con rối, so sánh với kịch nghệ diễn bằng những tài tử người thật, dĩ nhiên kém hẳn về phần tinh tế điệu bộ, cử động nhưng ngược lại nó cũng có nhiều lợi điểm cả về thực tế tổ chức lẫn về nghệ thuật. Về tổ chức thì nó rất ít tốn kém. Về nghệ thuật, con rối có thể làm rất ngộ nghĩnh mà người thực không sao đạt nổi. Về phương diện này, chỉ có bộ môn hoạt hoạ mới đáng là địch thủ lợi hại của nó. Tuy vậy, sự tạo dựng một phim hoạt hoạ cũng rất công phu và tốn kém. Hơn nữa, một khi đã vẽ xong thì phim hoạt hoạ sẽ thành một tác phẩm nguyên hình, bất biến ví như một dĩa hát hay một băng nhạc đã thu xong. Còn diễn con rối thì như một ban nhạc sống, tuy cùng một

bản nhạc ấy nhưng mỗi lần chơi vẫn có những diễn biến hơi khác; do đó mà đi xem múa rối, dù vẫn tuồng tích ấy, ta có thể nhận thấy một vẻ gì mới lạ.

Xét qua về lịch sử con rối, ta thấy những lợi điểm trên đã khiến con rối có một chỗ đứng bất khả thay thế trong việc giải trí, không cứ ở nước ta mà còn ở nhiều nước khác. Ở Âu Tây, vào thời quân chủ phong kiến, nhiều triều đình hay quý tộc rất thích thưởng thức tuồng con rối chẳng kém gì những bản tuồng kịch thật. Thời gian trôi qua, những tên hề (polichinelle), những phường hát rong (troubadour, trouvère ở Pháp) đã không còn nữa nhưng những con rối (marionnette) vẫn tồn tại. Chứng cớ là ở Mỹ, trên hầu hết các băng tần truyền hình, đều có trình chiếu những phim con rối. Gần đây tại Nữu Ước, nhà làm phim con rối Jim Henson (1936-1990), chỉ trong vòng 10 năm, từ một tài sản khiêm tốn ông đã trở thành triệu phú, để lại một sản nghiệp chừng 200 triệu đô-la. Ông đã có công tạo ra những con rối nổi tiếng như Kermit the Frog (chàng Nhái), Piggy (cô Ỷ nương) và nhiều nhân vật Muppet khác. Ông còn có sáng kiến đem tuồng Muppet vào việc giáo dục con trẻ, vì vậy các video của ông đã vượt biên giới Mỹ sang nhiều nước văn minh khác.

Ở Việt Nam, cho đến những năm giữa thập niên 30, người ta vẫn thường thấy những phường "múa rối nước" đi trình diễn ở các hội hè, đình đám. Ngay tại Hà Nội, đã có lần hoạ sĩ Mạnh Quỳnh tổ chức trình diễn thứ múa rối đặc biệt này của dân tộc mà so với nhiều kiểu múa rối khác của ngoại quốc, nó xem ra sắc sảo hơn nhiều.

Nếu vận dụng sáng kiến, ta có thể đưa ngành con rối đến những trình độ rất cao. Vì thế mà trên thế giới đã phát sinh nhiều kiểu con rối tài tình. Phổ biến nhất từ trước tới nay vẫn là loại con rối kéo dây (string puppets), dùng cách gạt, kéo những dây chằng mà tạo ra những cử động. Một loại tương tự là con rối que đẩy (rod puppets). Loại con rối xỏ tay (hand or glove puppets) thì chỉ có bán thân rối và cái đầu với hai tay làm như một cái bao tay để xỏ tay vào rồi cho ba ngón giữa làm đầu, ngón cái và ngón út làm hai tay để cử động. Loại rối xỏ tay còn được cải tiến thành loại *ventriloquism* ở Mỹ, trong đó người ta vừa dùng tay cho rối cử động, lại vừa học cách phát âm trong họng không mấp máy môi miệng để người xem tưởng là rối nói, rất ngộ nghĩnh. Ở Á châu có thêm nhiều loại rối cổ truyền khác như Nam Dương có rối bóng (shadow puppets), người xem chỉ thấy bóng rối do một ngọn đèn ở phía sau hắt lên màn ảnh như ở đèn kéo quân của ta. Loại này người ta gắn hình rối ở đầu một cái cần rồi dí gần lại sau màn ảnh trước ánh đèn mà xoay chuyển cho bóng thành cử động. Vì con rối này chỉ cần lấy bóng nên có thể làm bằng bìa cắt hoặc vải mềm, nhờ vậy vừa có thể múa rối vừa quạt cho gió thổi làm những phần mềm chuyển động chập chờn hư ảo rất đẹp mắt. Loại rối này vì thế rất đắc dụng trong những truyện thần thoại nhiều màu sắc tôn giáo. Ở Nhật Bản có loại người rối (Bunraku puppets) to bằng người thật nhưng cử động điệu bộ phải có diễn viên mặc toàn đồ đen nấp ngay sau lưng điều khiển.

Trở lại với múa rối nước của Việt Nam. Sự đặc biệt của ta là diễn tuồng rối trên mặt nước, mục đích là để đẩy những cần đẩy, kéo những dây chằng ở ngầm dưới nước cho đỡ thấy chướng. Hơn nữa, các ngoại cảnh có thể thả nổi trên mặt nước mà que gạt vẫn được tự do điều gạt bên dưới dễ dàng, và sóng nước tạo thêm phần linh động. Cái lợi lớn nhất của múa rối Việt Nam chính là ở chỗ sân khấu rộng rãi, khán giả nhìn được cả một khoảng chiều sâu bao la (nhờ những cần đẩy dài) trong khi ở các tuồng rối ngoại quốc, vì phải tùy thuộc vào hai cánh tay người múa (puppeteer, puppet operator) nên sân khấu chỉ nhỏ hẹp trong tầm tay với mà thôi; còn so với loại rối xỏ tay thì làm gì có sân khấu sâu rộng mà chỉ còn là những lớp phong cảnh xếp tiếp chập nhau, chừa ra những khe giữa để con rối nhô lên cho khán giả thấy được, vì thế trông rất tức mắt, không thoải mái. Đến loại rối bóng thì tất cả chỉ là màn ảnh và bóng đen, vấn đề ngoại cảnh không thể đặt ra được, còn rối Bunraku thì đấy chỉ là một loại kịch bằng người thực rồi.

Vào năm 1964 tại Việt Nam, trên tạp chí *Sáng dội miền Nam*, một tờ báo khổ lớn in trên giấy láng rất đẹp, tôi có đem nhiều ý kiến cải tiến thêm ngành múa rối nước của ta, ngày nay tôi vẫn tiếp tục có ý định đó, tôi đã bỏ ra gần bốn năm với bao nhiêu ngàn giờ cặm cụi thử nghiệm, tôi đã thấy được một số thành quả khả quan, vậy xin mạo muội trình bày cùng độc giả, rất mong có vị nào hưởng ứng, hoặc làm theo hoặc tùy đấy mà cải tiến thêm, để đặt nền hay khai thác một bộ môn giải trí có nhiều tiềm năng đặc biệt này, nhất là vào thời đại bây giờ, nhờ kỹ thuật điện ảnh và video giúp phần thực hiện được dễ dàng.

Trước tiên, thiết tưởng hãy đặt mục đích gần đã, đó là việc tạo dựng một sân khấu khiêm tốn khả dĩ đủ mua vui cho một cộng đồng vừa phải, rồi đến khi nào đã nhiều kinh nghiệm kỹ thuật và nghệ thuật thì việc tiến lên trình chiếu video cũng không đến nỗi khó khăn.

Tôi còn muốn đưa ngành múa rối nước của ta lên cạn, nghĩa là ta không còn diễn rối trên mặt nước theo cách cổ truyền, mà là cho diễn trên một sàn gỗ sân khấu hẳn hoi để loại bớt những nhếch nhác do sóng nước vấy lên không sao tránh được. Hơn nữa cũng cần phải có mặt sàn vững chắc để đặt lên đó những hình vật ngoại cảnh như lâu đài, đình tạ, cầu cống, núi non, hang động, suối khe, cây cỏ... vì chính những cảnh vật này làm tăng sự ngoạn mục không ít cho vở

tuồng. Nếu con rối marionnette của Tây phương thường thiện nghệ về diễn những cảnh thuộc bài trí trong phòng (bởi lẽ các dây kéo đều từ trên cao, chỗ bàn tay người điều khiển thả xuống, dây sẽ dễ vướng vào ngoại cảnh như nhà cửa, cây cối) thì con rối của ta dễ diễn vào những cảnh ngoài trời hơn (vì các dây đều mắc từ dưới cần lên và cần thì lại đặt ngầm bên dưới sàn gỗ nên không vướng víu gì cả).

Tất nhiên loại con rối này chỉ di chuyển được trong những con đường khoét thủng sẵn trên sàn mà ta sẽ dùng vải màu lông dài che bớt đi cho đẹp mắt. Sân khấu ở đây có thể rất rộng nhờ ở độ cần dài đưa rối tới được những điểm ngoài xa tầm tay với. Cần lại có thêm càng chống cho rối đứng vững để ta có thể buông tay ra nghỉ đỡ mỏi hay để làm những công việc cần thiết khác, nhờ thế mà sự tập tành nghệ thuật múa rối không đến nỗi khó khăn lâu dài như tập nghề diễn rối Tây phương.

VẤN ĐỀ ĐẠO DIỄN

Một vở tuồng người thực cũng như vở tuồng múa rối, muốn thành công cần phải dựa vào nhiều yếu tố qua nhiều giai đoạn thực hiện với những tầm quan trọng khác nhau. Không kể yếu tố đầu tiên là tuồng tích (truyện), yếu tố tính tình của các nhân vật cũng rất quan trọng, chính yếu tố này tạo cho vở tuồng một không khí cá biệt. Thí dụ: không khí hài hước, thần thoại, đạo hạnh, xã hội.v.v... Người đạo diễn chính là kẻ giữ trọng trách tạo nên không khí ấy, đem lại linh hồn cho vở tuồng vậy.

Vậy, khi một cốt truyện đã được kịch tạc gia phân cảnh và trao sang tay đạo diễn, ông này phải tùy liệu mà lựa chọn nhân vật, cá tính sao cho thích hợp và nổi bật, gây ấn tượng mạnh, đập vào thị hiếu của người xem. Tất nhiên phương tiện càng dồi dào thì việc đạo diễn càng tinh tế và dễ dàng hơn.

Cũng như nhà đạo diễn kịch ảnh, người thực hiện phải bỏ công tìm tòi diễn viên, ngoại cảnh, âm nhạc, y phục.... sao cho thích hợp và đặc sắc, thì một đạo diễn tuồng con rối cũng vậy. Ông ta phải thấy trước những loại rối nào cần thiết để giao cho thợ khéo thực hiện hoặc tìm trong những thứ có sẵn trên thị trường, nhất là ở các tiệm bán đồ chơi trẻ em hay trong những cửa hàng quà biếu (gift shop).

Óc thẩm mỹ và trí tưởng tượng cũng như kinh nghiệm sẽ giúp người đạo diễn có những quyết định tinh tế và lựa chọn khôn ngoan, thể hiện tài ba của mình. Sau đây tôi xin trình bày một số kỹ thuật làm con rối với những động tác thông thường.

DỤNG CỤ, VẬT LIỆU

Nói chung thì đa số những dụng cụ thợ mộc, thợ sắt, thợ sơn đều cần dùng đến cả, song thiết yếu căn bản thì chẳng là bao. Nếu có thêm những dụng cụ tân tiến thì việc thực hiện con rối sẽ nhanh chóng và hoàn mỹ hơn; còn không có cũng chẳng sao, chỉ mất thêm thì giờ và cần khéo léo, kiên nhẫn hơn.

Dụng cụ căn bản là:

1. Ba cái cưa cỡ vừa, loại kéo tay hay chạy máy cũng được (riêng tôi, tôi ưa thứ kéo tay hơn để đỡ ồn, nó thích hợp cho quang cảnh một phòng tư gia nhỏ):

a. Một cái cưa gỗ loại cưa lá để pha gỗ hay xẻ gỗ (backsaw).

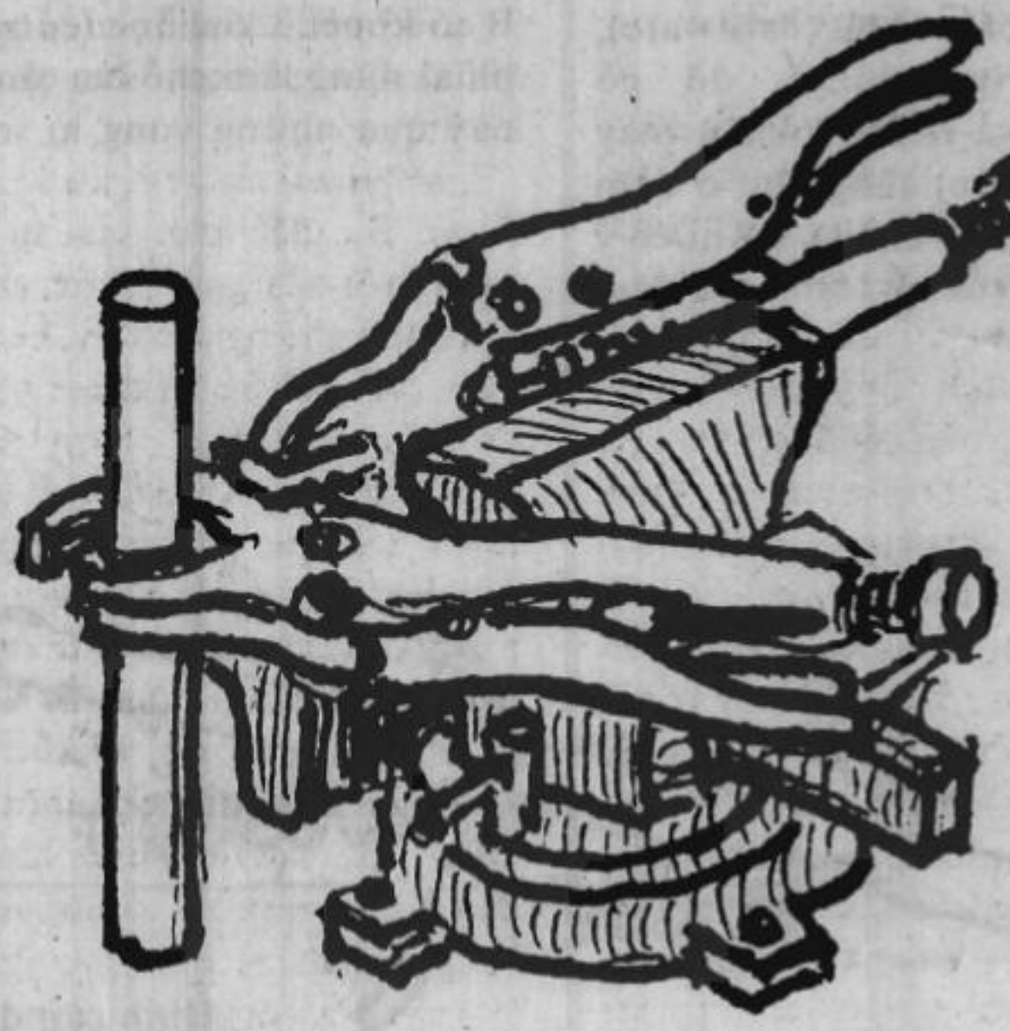
b. Một cái cưa sắt (hacksaw) để cưa sắt và các gỗ cứng hoặc cần cưa mịn hay cưa những khe mỏng.

c. Một cái cưa nhỏ (choping saw) như cưa thợ bạc, có thể cắt luôn gỗ hay sắt dễ dàng, lại cũng tiện để cắt lượn những hình nhỏ.

2. Một cái khoan tay hay khoan máy, với những mũi khoan (drill bit) loại nhỏ nhất (cỡ từ 1/16 inch trở lên). Nếu có bệ khoan (drill press) hay giá khoan (drill guide) càng hay. Loại khoan quay tay hình chữ U (brace) và những mũi khoan gỗ hình lá xoắn (auger bit) rất ít khi phải dùng tới.

3. Một số kìm (pliers) như kìm thường (mũi cá sấu), kìm mũi nhọn, kìm cắt dây kẽm; loại kìm kẹp mũi hình cá voi (grip locking plier) thì cần phải hai cái để kết hợp với ê-tô (vise) thành một dụng cụ cầm giữ (holder) các vật dụng khác rất tiện lợi, vừa chắc vừa đỡ tốn công vặn ốc.

4. Một cái ê-tô cỡ vừa để dùng với loại kìm kẹp nói trên (xem hình). Nên chọn thứ có kèm sẵn đe (anvil).



5. Một số giũa nhỏ và lớn (files). Hiện thấy có bán những bộ giũa nhỏ gồm đủ loại cần thiết giá rẻ mà rất tiện dụng.

6. Ngoài ra cũng cần một cái búa nhỏ và vài cái vặn vít (screw drivers) loại thường hay loại parker.

7. Nên có một cái kéo cắt sắt (snips); còn những dụng cụ quá thông thường như kim lớn, giùi (awl) cũng nhiều khi cần tới.

Về vật liệu: Khó thể kể hết được, vì từ một miếng nhựa mỏng đến miếng vải cũ, miếng nhôm, miếng mốp (foam) hay một đoạn dây đồng, một mảnh gỗ nhỏ... cái gì cũng sẽ có lúc phải dùng đến. Cho nên tốt hơn cả là ta nên có một vài cái hộp để gặp vật gì khả dụng thì cứ trữ vào đó mà dùng sau này. Xin hãy nhớ câu "vật khinh, hình trọng" các cụ ta thường nói, vì sẽ có rất nhiều thứ khi cần tới ta không biết mua ở đâu nữa, ấy thế mà chỉ cần bới trong đống đồ tầm tầm đó là có thể thấy ngay.

Nói đến mua vật liệu thì thường nhất là những ống nhôm hay ống đồng nhỏ, những lá kim khí, những que gỗ tròn, những ống nhựa dài (ống dẫn nước) hoặc những đinh ốc thật nhỏ (machine screws), những đinh khoen nhỏ (washers) bằng kim khí hay cao su.

Chỗ mua dụng cụ và vật liệu là các cửa tiệm bán đồ sắt (hardware), ống nước (plumbing), đồ gỗ (lumber) và cả đến đồ khâu may (fabrics, couture) cũng như ở tiệm đồ điện tử (electronics)... Khi có ý niệm về con rối rồi, làm đến đâu, tùy theo công việc, ta sẽ đoán được nơi nào có thể cung cấp mà tìm mua.

BẮT TAY VÀO VIỆC

Công việc làm con rối chỉ là những việc thủ công, cần nhẫn nại và ít nhiều khéo léo chứ không cần bắp thịt, vì thế tôi nghĩ nó rất thích hợp với những vị trọng tuổi đã về hưu, thừa thãi thì giờ để có thể lấy đó làm nguồn giải trí và vận động, chẳng khác gì việc chăm sóc bonsai hay đắp hòn non bộ.

Trước tiên, xin hãy tạo cái cần tay để làm chỗ mắc con rối, vừa là chỗ kéo dây cho nó cử động diễn trò. Sân khấu có thể để làm sau, khi đã sắp sửa xong xuôi những con rối và hầu hết các vật liệu trang bị cho ngoại cảnh.

Cần con rối làm bằng loại ống nước bằng nhựa (loại nhỏ); cần một đoạn chừng 90cm cho sân khấu trung bình, và độ 70cm nếu nhỏ hơn (xem hình).

Cần gồm 5 phần:

* Phần A là một ống làm trụ cắm rối. Ống dài khoảng 22 cm bằng đồng, đường kính (1.2); một đầu ống có vặn chặt một đinh bu-lông cỡ vừa, đầu tròn nhẵn để làm chân chống (B), một đầu A bỏ trống nhưng cần tìm lò so C vừa cỡ thả vào bên trong. Phía ống gần với ốc B có khoét 3 khe dọc (cùng về một phía) dùng làm chỗ lùa các dây sau này qua những vòng lò so C nằm bên trong ngang đó.

* Phần D là cần đẩy làm bằng ống nhựa nước (90-70cm). Một đầu có khoét lỗ để gắn ống A vào. Muốn gắn cho chắc nên xẻ một khe dọc nhỏ rồi dùng khoen ốc xiết (hose clamp) E xiết lại ở đầu.

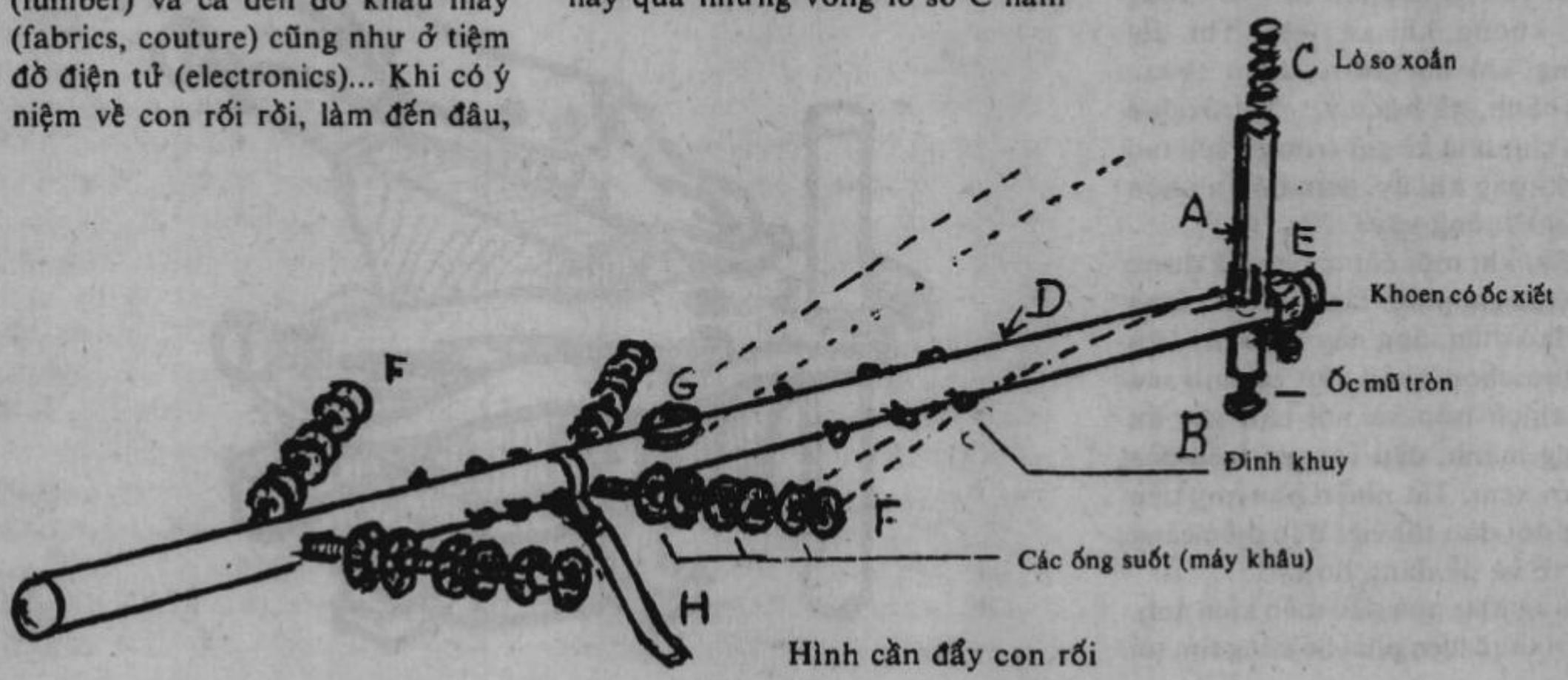
* Ở các đoạn giữa và cuối cần D có vặn mấy hàng đinh khuy (screw eyes) làm chỗ luồn dây, tương ứng với mỗi hàng lại có một chiếc bù-lông dài vặn xéo xuyên qua cần D. Mỗi bù-lông như thế mang nhiều ống suốt máy khâu (chừng 3 hay 4 cái) để dùng làm ròng rọc kéo dây múa rối sau này:

* Ở mặt phía trên chỗ giữa cần D có gắn thêm một bánh ròng rọc nữa (pulley) G để làm chỗ kéo cho rối quay hướng về bên phải hay bên trái.

* Vào khoảng gần giữa cần D có gắn chân chống H để khi buông tay, cần vẫn giữ ống trụ A không đổ. Mục đích để ta rảnh cả hai tay mà xoay cùng lúc nhiều ống suốt trên (F) hầu kết hợp thành những cử động phức tạp hơn.

Ghi chú: Vị trí của mỗi ống suốt trên F phải tương ứng với mỗi đinh khuy trên cần A, có nghĩa là phải vặn khuy sao cho sợi dây kéo có chiều thẳng góc với trục ống suốt, nếu không dây dễ trật ra khỏi suốt khi xoay chuyển (xem hình).

(còn 1 kỳ nữa)



Hình cần đẩy con rối

Làng Văn 40

Tình Muộn

Nguyễn Ngọc Ngạn

Ra khỏi văn phòng luật sư, ông Bài dìu vợ bước lại dưới tàn cây phong cổ thụ bên lề đường, hồi hộp mở tấm *cheque*, giơ ra dưới ánh nắng, trố mắt nhìn cho kỹ một lần nữa những con số màu đỏ in đậm nét, ghi món tiền bồi thường tai nạn mà cả hai vợ chồng kiên nhẫn đeo đuổi từ cả hai năm nay. Bảy mươi sáu ngàn năm trăm đô-la. Cái gia tài quá lớn mà nếu không nhờ chiếc xe vận tải buổi trưa hôm ấy cán nát bàn chân của bà Bài, thì cả đời bà chắc chẳng bao giờ dành dụm nổi.

Bà còn nhớ như in mọi diễn tiến xảy đến với bà hôm đó. Bà đứng ở ngã tư con phố nhỏ, bên cạnh vài người chờ xe buýt. Ngọn đèn xanh vừa bật lên, bà lao nhanh xuống đường để băng sang bên kia, định ghé tiệm tạp hoá mua cho chồng lọ cà phê. Không ngờ từ phía trái của bà, một chiếc xe vận tải lớn đang trên đà quẹo mặt, không kịp thắng. Nó lừng lững ép sát vào lề đường, mấy bánh sau cán hẳn lên hè phố. Giá như bà vẫn còn đứng nguyên ở vị trí cũ, thì thân xe có thể cũng đã quệt mạnh vào người bà rồi. Huống chi bà lại bước hẳn xuống lòng đường, cắm đầu tiến tới. Có người nào đó đã hét lên và túm lấy lưng áo bà giật mạnh, làm bà ngã ngửa về phía sau, cứu sống bà trong chớp mắt. Tuy vậy hai bánh sau của chiếc xe vận tải vẫn tàn nhẫn nghiến lên một bàn chân của bà và từ đó để lại dấu tích tàn phế cho đến hết đời.

Những cơn đau nhức buổi đầu rồi cũng qua đi. Những bước đi chập choạng, nương nhờ cây gậy gỗ bọc nhôm, sau gần hai năm cũng quen dần. Ngay hôm tai nạn xảy ra, người ta đã khuyên bà tìm một luật sư chuyên môn để nhờ lập thủ tục đòi bồi thường. Hai vợ chồng lo lắng lắm, bởi không nói được câu tiếng Anh nào, dù đã sống ở Canada đến hơn năm năm. Ba đứa con gái đều ra riêng từ lâu, ít khi ngó ngàng tới bố mẹ. Ông Bài phone cho Diễm, cô gái đầu lòng mà ông cho là khôn ngoan nhất nhà để hỏi ý kiến. Diễm hững hờ bảo bố gặp đại luật sư nào cũng được. Họ lo cho mình, họ lấy tiền chứ có ai làm miễn phí đâu mà phải chọn lựa! Vẫn biết thế, nhưng khả năng tiếng Anh của cả hai vợ chồng chỉ đạt tới mức *"Good morning"* là hết cỡ, làm sao trình bày nổi đầu đuôi tai nạn cho luật sư nghe! May quá, cậu con trai người hàng xóm tốt bụng chỉ cho ông Bài văn phòng luật sư Baker, có thông dịch viên thường trực nói tiếng Việt, tháo cho hai vợ chồng một gánh nặng đeo đẳng suốt mấy tháng trời.

Hệ thống pháp luật Canada vốn được tiếng là nghiêm chỉnh, ít có những tổ hợp luật sư thông đồng với các bác sĩ bất lương, chuyên xúi người ta đụng xe rồi chế ra đủ các chứng bệnh tâm thần để đòi hãng bảo hiểm bồi thường một cách quá đáng như bên Mỹ. Luật sư Baker tiếp ông bà Bài lần đầu trong văn phòng, đọc qua xấp hồ sơ do nhân viên phụ tá vừa hoàn tất, rồi cặn kẽ giải thích:

— Từ khi qua Canada, bà không đi làm ngày nào, chỉ lãnh *welfare* và ở nhà chính phủ. Như vậy, điều đầu tiên là bà không thể đòi bồi thường thiệt hại về lợi tức được, mà chỉ có thể đòi bồi thường về thiệt hại cơ thể mà thôi. Luật tỉnh bang ấn định mức bồi thường tối đa cho những trường hợp tương tự như bà là hai trăm ngàn đồng. Nhưng dĩ nhiên hãng bảo hiểm không bao giờ trả tới con số đó.

Baker dừng lại để phụ tá Nguyễn Vượng thông dịch cho thân chủ, rồi giảng tiếp:

— Thủ tục đòi bồi thường sẽ trải qua hai giai đoạn. Trước hết, đại diện hãng bảo hiểm và tôi sẽ cố gắng để đạt đến một thoả thuận mà không cần phải ra toà. Dĩ nhiên phần tôi, tôi sẽ đòi tối đa cho bà, bởi tôi có 15% hoa hồng trong tổng số tiền họ bồi thường. Nhưng phần họ, họ sẽ cố giảm xuống càng ít càng tốt. Mỗi lần họ đề nghị trả bao nhiêu, tôi sẽ hỏi ý kiến của bà. Bà có bằng lòng thì tôi mới nhận. Giai đoạn thứ hai là, nếu hai bên không đạt được sự thoả thuận, thì sẽ phải kéo nhau ra nhờ toà phân xử. Nhưng như vậy thì bà sẽ phải chờ thời gian khá lâu, thường là hai ba năm.

Nghe Vượng dịch lại, ông bà Bài cúi đầu nửa mừng nửa lo, đưa mắt nhìn nhau chia sẻ. Một lúc khá lâu, lấy hết can đảm, ông Bài mới dám nhờ Vượng hỏi giùm một câu:

— Theo kinh nghiệm của ông thì trường hợp bà vợ tôi, ông nhắm họ sẽ đền cho bao nhiêu?

Luật sư Baker gật đầu đáp ngay:

— Khoảng bảy chục đến một trăm ngàn là tối đa.

Bà Bài thở mạnh, hớn hở cám ơn. Con số ấy đã lớn quá rồi, ra toà làm gì cho lôi thôi, mất thì giờ! Bà nở nụ cười mãn nguyện, nhìn chồng gật đầu rồi vịn tay vào thành ghế đứng dậy. Sực nhớ ra hoàn cảnh của mình đáng lẽ không bao giờ được tỏ ra thoải mái trước mặt luật sư, bà vội nhăn nét mặt, biểu lộ sự đau đớn thường xuyên của vết thương, đồng thời loạng choạng bước những bước thật khó khăn ra cửa. Trước lúc đến đây, bà đã tự dặn lòng là phải đóng kịch như thế, phải gia tăng sự khổ sở lên gấp bội

để khêu gợi nỗi thương cảm của luật sư, hy vọng từ nỗi thương cảm ấy, Baker sẽ nỗ lực tranh đấu cho bà nhiều hơn. Bà không biết điều đó hoàn toàn thừa thãi, bởi Baker đứng về phía bà, đại diện cho bà. Đòi tiền cho bà chính là đòi cho cả ông ta nữa. Vả lại, cấp độ tàn phế của bà chỉ hoàn toàn căn cứ trên các báo cáo của bác sĩ. Bà khóc hay bà cười cũng chẳng thay đổi được gì!

Rồi thời gian trôi qua rất chậm. Bà Bài sống lẫn lộn giữa những chán chường và hy vọng. Món tiền sắp lãnh mà bà đoán tối thiểu cũng cỡ năm chục, làm bà thoáng vui. Nhưng bàn chân khập khiễng nhắc bà sự mất mát không thứ gì bù đắp nổi. Đã mấy năm nay, bà vẫn ấp ủ niềm mơ ước lớn lao nhất đời là trở về thăm xóm cũ vào một dịp lễ, Tết hay cúng đình chẳng hạn, để trong họ ngoài làng, già trẻ lớn bé tụ tập lại, nghe các vị trưởng tộc long trọng xướng danh bà như một vị ân nhân vĩ đại của toàn xã Hoà Mục, Biên Hoà. Chỉ cần tưởng tượng ra những người đồng hương chân lấm tay bùn suýt xoa vây quanh bà để thăm hỏi và bày tỏ lòng ngưỡng mộ, bà Bài đã thấy run lên vì cảm động. Nhưng niềm vui ấy lại nguội ngay khi bà thở dài nhìn xuống bàn chân biến dạng của mình. Về làm gì nữa! Có vinh quang gì khi mới ngoài năm mươi đã phải đi bằng ba chân!

Tính ra mất gần hai năm, khám bác sĩ, chiếu điện khoảng bốn lần, đi tới đi lui văn phòng luật sư, nhờ Nguyễn Vượng giục giã, cuối cùng Baker mới thông báo cho bà biết hãng bảo hiểm sau mấy lần bàn qua tính lại, đã đưa ra giá cao nhất là chín chục ngàn, không thể hơn được nữa. Thông dịch viên Nguyễn Vượng thay vì chỉ cần điện thoại, đã thân hành đến tận nhà và tha thiết bảo ông bà Bài:

— Ông bà nên nhận, đừng đòi hỏi thêm nữa. Như tôi đã có lần thưa với ông bà, lẽ ra họ chỉ đền cho bà có năm chục ngàn thôi. Nhưng tôi thông cảm hoàn cảnh của ông bà, tôi phải nói mãi, hãng bảo hiểm mới cho bà đến chín chục ngàn. Trừ 15% tiền luật sư và... một ít chi phí cho tôi, tính ra cũng còn đến hơn bảy mươi ngàn. Hãng bảo hiểm không trả hơn nữa đâu! Nếu ông bà không chấp nhận thì đành chờ toà án. Mà đợi toà thì có khi đến vài năm sau mới xử, ông bà sẽ tốn thêm tiền luật sư mà chưa chắc kết quả đã khả quan hơn!

Dĩ nhiên bà Bài hoan hỉ gật đầu, xoa tay rối rít cảm ơn Vượng. Bà không thể chờ được nữa, sợ họ đổi ý, rút xuống thì nguy to! Tháng tháng nhận tấm *cheque* trợ cấp an sinh xã hội ít ỏi, chưa tiêu sắm gì đã hết nhẵn. Huống chi từ ngày què chân, bà không còn ngồi dán những con thú nung bằng đất sét để lãnh thêm tiền mặt như bà vẫn làm từ vài năm nay cho một công ty sản xuất đồ trang trí ở ngoại ô. Lợi tức mỗi lúc một eo hẹp hơn trong khi vật giá



không hề dừng lại. Bà bảo Vượng:

— Gia đình tôi đội ơn ông và ông luật sư đã giúp đỡ. Tôi xin nhận!

Vượng tỏ lượng bao dung:

— Về phần tôi, đáng lẽ gặp người khác, luôn luôn tôi lấy 5%, tức là bà phải trả tôi bốn ngàn rưỡi. Nhưng riêng ông bà, tôi hiểu hoàn cảnh khó khăn của ông bà, thôi thì cứ coi như người trong nhà, tôi xin ông bà ba ngàn thôi!

Ông Bài đau nhói trong bụng, nhưng không dám để lộ ra nét mặt. Vợ ông mất một bàn chân, chạy ngược chạy xuôi đến hai năm, lãnh mấy chục ngàn mà phải chia bớt cho cả luật sư lẫn người phụ tá. Nhưng bà Bài thì lại nghĩ khác. Dưới mắt bà, Vượng chính là hình ảnh một người đức độ xả thân lo cho người khác mà suốt đời bà không thể quên ơn. Ông Bài nén tiếng thở dài, run run hỏi Vượng:

— Thưa ông, ông bảo sao chúng tôi nghe vậy. Nhưng bao giờ thì chúng tôi nhận được tiền?

Vượng vênh mặt tự tin:

— Ông bà bằng lòng thì tôi bảo luật sư làm *cheque*. Chỉ nội vài ngày là có tiền.

Bà Bài sốt ruột:

— Vậy thì nhờ ông làm ơn nói giúp với ông luật sư là chúng tôi bằng lòng.

Vượng hăm hở gật đầu và kể công thêm:

— Ngày ấy, giá ông bà nghe lời tôi, bỏ ra năm ngàn, tôi sẽ kiếm cho bà một tờ giấy chứng nhận là bà đang đi làm lúc xảy ra tai nạn, thì chắc chắn hãng bảo hiểm phải bồi thường cả phần thiệt hại về lợi tức cho bà. Ít ra cũng cả trăm ngàn nữa!

Ông Bài phân bua:

— Cám ơn ông có lòng chỉ bảo. Nhưng ông nghĩ xem, chúng tôi chạy đâu ra một lúc năm ngàn bạc! Mà ông lại bảo là phải đưa tiền trước!

Bà Bài cười nhũn nhặn:

— Thưa ông, vợ chồng tôi vẫn nhớ lời ông. Nhưng quả thật là túng quá!

Vượng đứng dậy, hồ hởi bắt tay ông Bài rồi quay nhanh ra cửa, lớn tiếng hứa hẹn:

— Vài hôm nữa có *cheque*, tôi sẽ phôn cho ông bà!

Vượng chui vào xe, khoan khoái thở mạnh và lao đi. Làm việc cho luật sư Baker lãnh lương tháng từ ba năm nay, Vượng luôn luôn rình chờ mọi cơ hội, tận dụng mọi mánh khoé để moi thêm tiền của đồng hương theo kiểu gà què ăn quẩn cối xay! Trông mặt mà bắt hình dong, những người Việt thiếu may mắn phải đến văn phòng Baker, nếu hoàn toàn yếu kém tiếng Anh như ông bà Bài, thì chắc chắn sẽ ít nhiều nạp mạng cho Vượng. Gã qua mặt cả luật sư Baker, đôi khi thông dịch láo lếu để hù dọa thân chủ hòng kiếm lợi cho mình. Mỗi lần Baker sai Vượng đưa bà Bài đi tái khám theo lời yêu cầu của hãng bảo hiểm, Vượng luôn luôn vòi vĩnh để ăn tiền hai đầu, mặc dầu đó là việc của gã do luật sư chỉ định. Ngoài bữa cơm trưa thịnh soạn do ông bà Bài khoản đãi trong một tiệm ăn Tàu, Vượng còn tính tiền giờ đi thông dịch và cẩn thận tính luôn cả tiền đậu xe, bắt họ phải trả. Hoặc hôm nào rộng lượng lắm, gã không lấy tiền mặt thì cũng sẽ bảo thằng thân chủ biếu tạm gã chai rượu mạnh làm quà. Những kẻ không may phải nhờ cậy đến Vượng sẽ thấy ngay cái biệt tài của gã là lúc nào mở miệng ra cũng nói toàn chuyện nhân nghĩa, xót tình máu mủ theo kiểu "giá đặc biệt cho người đồng hương" thường thấy đăng trên các trang quảng cáo. Nhìn bà Bài khập khiễng bước tới bước lui trong căn nhà chính phủ nghèo nàn như vậy mà gã vẫn thản nhiên đòi món tiền bất chính ba ngàn đồng thì quả xứng đáng là kẻ đảm lược hơn người!

Ba hôm sau, Vượng điện thoại gọi ông bà Bài đến văn phòng nhận *cheque*. Baker bắt Vượng cắt nghĩa rõ với thân chủ là chi phí luật sư đã trừ đi rồi. Phần còn lại, 76,500 đô-la hoàn toàn là của bà Bài. Hai vợ chồng khúm núm cảm ơn rồi ông Bài buột miệng hỏi Vượng:

— Thế còn phần của ông đã trừ trong này chưa?

Vượng tái mặt, vội kéo tay ông Bài và gạt đi:

— Luật sư bận lắm. Còn đến mấy người khách đang chờ ngoài kia. Ông bà về đi, tôi sẽ lại nhà, nói chuyện sau!

Ông Bài cuốn tròn tấm *cheque*, giữ chặt trong lòng bàn tay rồi vợ chồng dắt dìu nhau ra cửa. Lần đầu tiên từ ngày đến Canada, hôm nay ông Bài nảy ra ý định kêu taxi về nhà, thay vì đón xe buýt như thường lệ. Trong khi chờ đợi, ông run run mở tấm chi phiếu, giơ lên cao, nhìn lại cho rõ xem có phải đúng là bảy mươi sáu ngàn hay chỉ có bảy ngàn sáu! Bà Bài tựa lưng vào gốc cây phong cho đỡ mỏi chân và nhắc chồng cất ngay tấm *cheque* đi để đề phòng bất trắc:

— Về nhà hẵng xem. Mở ra đây làm gì, nhỡ đứa nào nó giật mất thì làm sao!

Ông Bài nghe lời vợ, nhét vội vào túi sau, cài nút lại và ưu tư hỏi:

— Mình còn phải trả cho ông Phong ba ngàn nữa kia đấy. Vị chi là mất đi tất cả mười tám ngàn năm trăm! Nhiều quá!

Bà Bài chép miệng:

— Vẫn biết là nhiều, nhưng không nhờ người ta lo liệu giúp thì mình biết đằng nào mà mò! Chữ nghĩa không có, cái đơn còn chả biết điền, kiện cáo ai! Không có ông Vượng và ông luật sư, chửa vị tất hãng bảo hiểm đã đền cho mình đồng bạc nào! Ông cứ có cái tật được voi đòi tiên! Hôm ấy, cái xe vận tải nó húc vào tôi, giá nó bỏ chạy thì cũng đành chịu chứ biết kêu vào đâu!

Nói câu ấy, bà Bài nhớ lại một tai nạn tương tự đã xảy đến với bà cách đây hơn mười năm tại quê nhà lúc hai vợ chồng còn làm nghề trồng rau muống ở Biên Hoà. Bà gánh rau ra chợ, đi cặp sát lề đường. Chiếc xe công an có lẽ gặp công tác khẩn trương, phóng quá tốc độ, quẹt mạnh vào thúng rau, hất bà văng xuống con rạch nước cạn lởm chởm đá. Hai gã công an

đã toan bỏ đi, nhưng chẳng hiểu sao lại lùi xe lại và bước xuống đỡ bà dậy. Một gã ân cần lấy miếng giẻ lau xe, buộc vết thương trên trán bà cho máu ngưng chảy, đồng thời hỏi thăm vài câu để biết chắc bà còn sống. Chỉ cần thế thôi, bà đã cảm động lắm, không dám đòi hỏi thêm gì nữa. Xe công an đụng mà chỉ bị thương, đã là một cái may. Họ lại cũng không bắt về bót để hỏi cung lôi thôi, càng thấy phúc nhà to lớn hơn! Hai gã lên xe tiếp tục phóng đi. Bà ngồi nghỉ một lúc rồi lê ra đường, nhặt lại những bó rau xếp vào thúng, thất thểu gánh ra chợ.

Đem so sánh tình trạng ấy với Canada, bà thấy xứ sở này quá ưu đãi con người. Mất có một bàn chân mà được bồi thường gần một trăm ngàn, phàn nàn gì nữa! Bà bảo chồng:

— Cái ông Vượng ấy mới thật là tốt bụng! Lo việc gì cũng đến nơi đến chốn! Theo đuổi giúp mình suốt hai năm trời!

Ông Bài cũng tin là Vượng tốt, nhưng ông vẫn thấy tiếc tiền. Thà rằng họ trừ luôn cả phần của luật sư và Vượng, rồi đưa *cheque* cho ông, có lẽ ông đỡ đau xót hơn là bây giờ đã nắm món tiền lớn trong tay, rồi lại phải véo ra ba ngàn trả cho Vượng.

Buổi chiều hôm ấy, hai vợ chồng đang chuẩn bị bữa cơm đặc biệt để ăn mừng kết quả thì Vượng ghé thăm. Chuyện gì dính đến tiền bạc, gã đều chu đáo và nhanh nhẹn. Từ văn phòng luật sư, gã đến thẳng đây để chúc mừng ông bà Bài, đồng thời nhắc khéo món nợ ba ngàn như gã đã căn dặn từ trước. Nhìn thức ăn bầy đầy trên bàn, Vượng hơi thất vọng vì nhà có khách, hoặc ít ra con cái bà Bài kéo về tụ họp chăng? Nói chuyện tiền bạc với ông bà Bài, dĩ nhiên gã không muốn có bất cứ ai bên cạnh, ngoại trừ chính khổ chủ. Bà Bài khập khiễng kéo ghế mời Vượng ngồi, năn nỉ gã ở lại ăn "bữa cơm dưa muối với vợ chồng chúng tôi!". Vốn tính... bình dân, Vượng ít khi từ chối tiệc tùng hay quà cáp. Gã ngồi xuống ghế, nhìn vào bếp và ướm thử:

— Khách khứa nào mà cỗ bàn linh đình thế này?

— Không, có ai đâu! Tiện đi ngang phố Tàu, tôi mua ít thức ăn đổi món...

Vượng thở phào cầm đũa, thân tình chia sẻ nỗi vui của thân chủ mà gã cho là vừa trúng số. Bà Bài luôn miệng mời mọc, giục Vượng ăn uống và tỏ ý hối hận là không biết trước Vượng đến thăm để mua thêm vài món cao lương mỹ vị, cho xứng bữa tiệc khoản đãi ân nhân! Vị sự áy náy ấy, cho nên Vượng chưa kịp nhắc, bà đã tự ý lên tiếng hẹn chắc ngày mai ra ngân hàng đổi tiền để trả ba ngàn cho Vượng. Mà bà nhớ ơn Vượng cũng phải. Bởi vì cách đây gần một năm, khi hãng bảo hiểm gửi cho văn phòng luật sư Baker bản *offer* đầu tiên, đề nghị chỉ bồi thường bà Bài năm chục ngàn, Vượng đã lặng lẽ photo lá thư ấy mang ngay đến, dịch cho thân chủ nghe. Với bà Bài, năm chục ngàn đã quí lắm rồi. Bà đưa mắt hỏi ý chồng và cả hai toan bằng lòng thì Vượng chỉ chiết ngăn lại:

— Xin bà đừng nhận! Ông bà chịu khó kiên nhẫn chờ thêm một thời gian. Tôi bảo đảm sẽ đòi thêm cho bà ít nhất cũng khoảng hai chục ngàn nữa! Luật sư thì muốn ông bà nhận số tiền này. Nói riêng với ông bà, ông ấy muốn cho xong việc để còn lo những vụ án lớn, nhiều tiền hơn. Nhưng ông bà là người đồng hương, tôi có bổn phận phải lo đến nơi đến chốn! Tôi khuyên bà đừng nhận!

Hai vợ chồng cảm động trố mắt nhìn Vượng. Gã bồi thêm:

— Tôi quí ông bà như người trong gia đình, nên tôi mới bỏ thì giờ theo đuổi vụ này. Chứ nếu không thì tôi chỉ việc bảo luật sư viết chi phiếu cho ông bà theo đề nghị của hãng bảo hiểm là xong. Ông bà cứ an tâm. Đích thân tôi tuần tới sẽ đi họp với luật sư của hãng bảo hiểm, trình bày hoàn cảnh khó khăn của ông bà và đòi họ phải bồi thường thêm. Tệ lắm ông bà cũng phải lãnh được bảy tám chục ngàn. Chứ nếu chỉ có năm chục, trừ hết chi phí, thì đâu còn bao nhiêu!

Ông Bài chớp mắt phân trần:

— Thôi thì trăm sự nhờ ông! Nhưng ông có chắc là sẽ được thêm không? Nếu chắc thì chúng tôi mới chờ. Còn không thì chúng tôi đành nhận năm chục ngàn vậy. Ông cũng hiểu là hoàn cảnh chúng tôi túng bấn lắm!

Vượng giơ tay nhấn mạnh:

— Chính vì tôi biết hoàn cảnh của ông bà chẳng khá giả gì. Cho nên nếu bỏ mấy chục ngàn thì uổng quá! Tôi cam đoan với ông bà, ít lắm cũng phải được thêm hai chục ngàn!

Dĩ nhiên Vượng không nói sai. Bởi trong bất cứ cuộc tranh tụng nào về bồi thường tai nạn, bao giờ cái *offer* đầu tiên hãng bảo hiểm đưa ra cũng là con số rất khiêm tốn mà họ biết trước phía bên kia sẽ không chấp thuận. Họ làm thế để câu giờ, để đôi bên cò kè bớt một thêm hai, kéo dài thủ tục giấy tờ càng lâu càng tốt, gỡ gạc tiền lời do món tiền bồi thường đem lại. Theo kinh nghiệm nghề nghiệp, Vượng biết chắc, từ cái *offer* thứ nhất đến số tiền đề nghị cuối cùng bao giờ cũng chênh lệch dăm ba chục ngàn. Nhờ vậy gã mới mạnh miệng hứa chắc sẽ đấu tranh để đòi bồi thường thêm cho thân chủ. Kỳ thực gã không cần đòi, mà dĩ nhiên gã làm gì được quyền đòi, món tiền bồi thường cũng sẽ tăng lên.

Bà Bài thì không thể biết được điều đó, cho nên bà nhìn Vượng bằng ánh mắt cực kỳ thán phục và biết ơn. Và kể từ đó bà không còn nghĩ nhiều đến luật sư Baker nữa. Nguyễn Vượng mới chính là vị cứu tinh của gia đình bà.

Hôm nay thì quả đúng như lời Vượng đã hứa. Từ năm chục ngàn, hãng bảo hiểm đã trả bà đến chín mươi ngàn, gần gấp đôi con số ban đầu. Cái khoản tiền thặng dư ấy ở đâu mà ra, nếu không nhờ công lao trời biển của Vượng! Giá hôm ấy bà nóng ruột, không nghe lời Vượng thì thiệt thòi biết bao nhiêu! Bà dự trù nay mai sẽ mang ba ngàn

tiền mặt cùng với hai chai Cognac trịnh trọng đến biếu Vượng để tỏ chút lòng thành của kẻ biết trước biết sau.

Tàn bữa tiệc, trời đã tối hẳn, Vượng chếnh choáng đứng dậy ra cửa. Bà Bài chống gậy chạy theo, khẩn khoản nói:

— Xin ông đừng cho ai biết là tôi vừa lĩnh tiền bảo hiểm...

Dù đang ngà ngà say, Vượng cũng đủ bình tâm để nghiêm nghị đáp:

— Xin bà an tâm điều đó. Vả lại, chính tôi, tôi cũng định nói với bà là bà đừng cho ai biết bà đã trả tôi ba ngàn tiền lệ phí...

Đây là mối lo gan ruột của Vượng. Đến tai luật sư Baker thì gã khó sống. Gã ngưng lại một chút, cố tìm một lời giải thích:

— Nếu người ta biết tôi bớt cho bà, chỉ lấy ba ngàn, thì những khách hàng khác sẽ phân bì... Tốt hơn, bà đừng nhắc gì đến tôi cả!

Bà Bài gật đầu lia lịa. Vượng đã dặn bà một điều thừa thãi. Chính bà là người cần giấu kín việc có tiền, thì nhắc đến Vượng để làm gì! Bà cúi chào Vượng một lần nữa rồi đứng vịn tay vào cánh cổng, chờ chiếc xe Vượng lao hẳn ra đường, mới loạng choạng quay vào phụ chồng dọn dẹp.

Buổi tối, hai người ngồi bên nhau trên chiếc sofa phủ tấm vải xanh đã hằn lên nhiều mảng thâm đen vì lâu ngày không giặt. Ông Bài trầm ngâm rất lâu, có lúc quên cả bà vợ bên cạnh. Chiếc ti-vi lải nhải hò hét trước mắt, ông nhìn trừng trừng nhưng không để ý. Đời người chả có lúc nào thật sự được thanh thản! Họa may là khi xuôi tay nằm xuống! Năm năm nay vợ chồng ông sống hoàn toàn bằng trợ cấp xã hội. Sổ ngân hàng không bao giờ lên quá con số ba trăm. Chút ít tiền mặt bà Bài kiếm được bằng nghề thủ công thì chia vụn ra, nhét dưới nệm giường hoặc sau cánh cửa tủ. Trợ cấp an sinh xã hội là quyền lợi chính đáng của người nghèo, nhưng hôm nay vợ chồng ông không còn nghèo nữa bởi vừa ôm về đến gần một trăm ngàn đồng, dù rằng là món tiền đổi một bàn chân của bà Bài. Cái vốn khổng lồ mới mẻ này vừa làm nẩy sinh trong đầu ông Bài một câu hỏi sinh tử, là gửi món tiền bảo hiểm này ở đâu để vừa an toàn, vừa để sở Xã Hội không biết, bởi ông không muốn giã từ *welfare*! Kiến thức về xã hội bên này, ông hiểu rất hạn chế, cái đúng cái sai. Nhưng có một điều ông biết chắc là chính phủ sẽ cúp trợ cấp nếu khám phá ra ông có tiền. Gửi ngân hàng thì ông không thể đứng tên. Mà giấu tiền ở nhà thì vừa nguy hiểm vừa không có lợi. Chơi hụi vào thời buổi này lại càng không nên. Chỉ nội mối lo nơm nớp bị giật cũng đủ đau bao tử mà chết! Đúng là bài toán nát óc lần đầu trong đời ông phải đối phó.

Bà Bài khom người rót tách trà hoa nhài pha đậm, bưng lên trao cho chồng và dè dặt hỏi:

— Ông đã báo tin cho con Diễm chưa?

Ông Bài buồn bã:

— Thì chắc cũng phải nhờ nó đứng tên gửi tiền ngân hàng, chứ giao cho ai được bây giờ!

Mất bà Bài thoáng vui. Ngay từ lúc nhận tấm chi phiếu ở văn phòng luật sư, bà đi nghĩ đến Diễm, đứa con gái đầu lòng mà bà có ý định cho nó năm ngàn. Nhưng bà chưa dám nói ra vì biết chồng có thể nổi giận. Bà định chờ một dịp nào thuận tiện, khi ông Bài vui vẻ, bà sẽ gợi chuyện và thuyết phục chồng. Bây giờ nghe ông Bài dự tính nhờ Diễm đứng tên gửi tiền, bà đồng tình ủng hộ ngay:

— Chẳng ai bằng người trong nhà! Ông tính thế là phải. Con Diễm lại kín miệng...

Rồi bà nhoài người, với tay nhấc điện thoại:

— Để tôi bảo nó sáng mai lại đưa

khắc thơ lên đá

Rừng chuyển động, suối gầm tung sỏi đá
Núi vươn lên vách dựng ngút mây trời
Điên đảo hoa thiêng bạo tàn cỏ lá
Biển khói đèo sương lộng gió muôn khơi

Hang động cháy cuồng chân loài dã thú
Gỗ thét uy linh đá vỡ kinh hoàng
Thăm thẳm muôn cao đỉnh trời thác lũ
Lửa mê điên rừng rực bốn phương ngàn

Sừng sững còn mây tượng người đá tạc
Dáng thâm nghiêm in bóng xuống tinh cầu
Lòng vững chắc như trường thành cô độc
Nhật nguyệt hai vầng soi rực muôn sau

Hồn ngự đó, đỉnh Trường Sơn lửa ngụt
Mặt biển Đông sôi sục máu kình ngư
Tay thép đó, vùng khai sơn phá thạch
Bạt đá bên trời khắc nét di thư

Sông núi vẫn cuồng điên mây phẫn nộ
Tự nghìn xưa bão rớt vũng biên thùy
Bia đá vẫn nghìn sau bừng sáng tỏ
Nét bút thần rừng rực lửa hùng uy.

cao hoàng nhân



ông với tôi ra ngân hàng.

Ông Bài vội xua tay ngăn vợ, miệng nói "khoan đã" và lại thừ người ngồi suy nghĩ. Ông vốn mất thiện cảm với đứa con gái đầu lòng từ khi nó trái lời ông, lấy người chồng thua nó đến gần mười tuổi. Ngày xưa, Diễm là tay hòm chìa khoá của gia đình này từ lúc còn buôn bán trong nước cũng như hai năm ở trại tị nạn. Sang Canada, Diễm đi làm một thời gian rồi không may hãng mộc đóng cửa. Thất nghiệp, cô theo học lớp Anh văn ESL và bất ngờ tiếng sét ái tình xảy đến rất mau. Mối tình đầu đến muộn ở tuổi xấp xỉ ba mươi cuồng nhiệt dị thường như muốn đền bù quãng đời đã mất. Diễm nằng nặc đòi lấy Đường ngay, dù Đường cũng mới vừa từ Việt Nam qua theo diện đoàn tụ, chưa có chút sự nghiệp nào cả. Ông bà Bài lớn tiếng phản đối. Diễm khăn gói dọn ra, mướn nhà chung sống với người tình trẻ. Ông bà Bài bàng hoàng đến cả năm trời bởi trong lòng còn mang nặng lề lối suy nghĩ cổ truyền, xấu hổ với xã hội vì con mình tự ý "theo trai"! Nỗi buồn ấy vừa nguôi ngoai thì lại đến cô thứ hai, hai mươi bốn tuổi, tự dưng bỏ nhà dọn sang tỉnh khác lập nghiệp, không cho gia đình biết địa chỉ liên lạc. Cô đi đến nửa năm, ông bà Bài mới khám phá ra con mình chung sống với một người đàn ông lớn tuổi, có vợ con còn kẹt lại ở Việt Nam.

"Nhà này hết phúc rồi!". Ông Bài não nuột kêu lên và sụt sùi tiếp: "Người ta thường bảo, con gái nhờ đức cha! Tôi dầu chẳng có đức, nhưng cả đời có làm điều gì khuất tất đâu mà hai đứa con tôi khốn khổ làm vậy!"

Ông Bài tủi thân than thở thành lời để cùng vợ chia sẻ nỗi đắng cay, dù rằng trên thực tế, việc hai đứa con ông dọn ra theo người tình, không có gì đáng phải bi lụy như thế! Chẳng qua là vì quan niệm hôn nhân bảo thủ đã làm tâm trí ông ray rứt một cách không cần thiết. Mà trời hình như có ý chọc tức ông, cho nên cô con gái út xinh đẹp đang học lớp 13, niềm hy vọng cuối cùng của ông, bỗng dưng cũng đắm chìm trong một cuộc tình rất lạ: Cô dẫn về nhà thằng kép Jamaica đen thui như cột nhà cháy! Đến nước này thì ông Bài chẳng những gần như uất nghẹn, mà ngay cả bà vợ cũng muốn lăn ra chết giấc. Tiếc thay cây quế giữa rừng! Bà nghiến răng trèo trẹo, chan hoà nước mắt, chửi con ngu muội, đâm đầu vào thằng mọi Phi châu! Bà không hiểu nổi tại sao cái hình ảnh "thằng Tây đen" ghê gớm như thế mà con gái bà có thể gần gũi được! Có đêm đang nằm ngủ, bà choàng bật dậy, mồ hôi vã ra như tắm chỉ vì trong cơn chiêm bao, bà vừa nằm mơ thấy mình bế đứa cháu ngoại giống hệt như Mike Tyson! Ở bên này đâu có cần "diện con lai" nữa! Bà thao thức ngồi chờ sáng rồi bỏ ra một ngày, thăm hỏi, sục sạo đi tìm thầy địa lý về ếm lại căn nhà để gia đạo được bình yên. Thầy chê hướng nhà lâm vào tuyệt địa, khuyên bà bán đi, dọn đi chỗ khác. Nhưng nhà của chính phủ, bán thế nào được! Thầy ngẫm nghía một lúc rồi đổi ý, bảo bà không cần phải dọn đi vì thầy thừa khả năng xoay chuyển vận số.

Chuyện dị đoan đôi khi lại xảy ra trùng hợp, khiến bà hết lời ca ngợi môn phong thủy cổ truyền. Chẳng biết có phải nhờ sức mạnh huyền bí của tấm gương tròn gắn ở trước cửa ra vào hay không mà tự dưng con gái bà giã từ thằng Tây đen, quay về với... dân tộc! Và cái khoảng thời gian bà bị xe vận tải cán là lúc cô út vừa lao vào một cuộc tình mới. Ngữ, người yêu thứ hai của cô cũng chả có gì nổi bật để thiên hạ chú ý. Anh chỉ là nhân viên *part-time* ở một siêu thị, vừa làm vừa học. Cô chưa muốn làm đám cưới bởi cô cần chung sống vài năm để tìm hiểu! Ông bà Bài tuy chẳng bằng lòng cái kiểu "tìm hiểu" thiếu đạo đức ấy, nhưng cũng không gay gắt phản đối, bởi chỉ riêng việc đứa con vừa thoát khỏi vòng tay đen đủi của gã Jamaica đã là điều hạnh phúc lắm rồi, không nên đòi hỏi quá nhiều!

Kinh nghiệm cuộc đời cho thấy, trong bất cứ gia đình nào thì rốt cuộc cha mẹ cũng nương dựa con gái nhiều hơn con trai. Con trai có nhiều cơ hội để thành tài, mang lại niềm hãnh diện tinh thần cho cha mẹ, nhưng con gái thì thường hiếu thảo hơn, gần gũi và trợ giúp thật sự cho mẹ cha, nhất là lúc tuổi già. Ông thầy địa lý cả quyết với bà Bài là trong ba đứa con của bà, chỉ có cô đầu lòng là mai sau sẽ cúc cung phụng dưỡng và là nguồn an ủi duy nhất cho bà trong quãng đời xế bóng. Câu nói ấy trở thành nỗi ám ảnh thường xuyên trong trí bà và kể từ ngày ấy, bỗng dưng bà ác cảm với hai đứa sau, để dành gần hết tình thương cho riêng Diễm. Bà tha cho cô cái tội lấy "kép nhí", đồng thời bất cứ việc gì xảy ra trong nhà, bà cũng gọi điện thoại hỏi ý kiến, dù rằng trước mắt, chưa có dấu hiệu gì chứng tỏ là Diễm nặng tình với bố mẹ hơn hai đứa em. Mỗi khi nghe chồng phàn nàn về Diễm, bà thường nhắc:

— Ông cứ mắng nó mãi đi! Rút cục lại nhờ nó cho mà xem! Thầy Khải đã bảo thế mà lại!

Ông Bài chỉ hứ một tiếng rồi cười khẩy. Chuyện bói toán nghe qua cho vui thôi, chứ tin lời thầy số quá đến độ con yêu con ghét thì mang tội với trời, bởi con nào cũng do mình sinh ra.

Ông Bài uống cạn cốc nước, quay sang bảo vợ:

— Hay là nhờ con Thảo đứng tên gửi tiền ngân hàng. Dù sao chữ nghĩa nó cũng khá nhất nhà.

Bà Bài cũng biết cô út đã học xong trung học, nghĩa là hơn hẳn Diễm và Hạnh về tiếng Anh, nhưng thầy bói đã dặn rồi, chỉ có Diễm là tay hòm chìa khoá thôi. Bà kiếm cớ gạt đi:

— Nhờ đứa nào chả được! Nhưng tôi đã bảo ông là chỉ có con Diễm kín mồm kín miệng mà thôi. Cái Thảo nó trẻ người non dạ, lại lắm bạn bè, nhỡ nó hở ra cho người ta biết là mình có tiền, đến tai sở Xã hội thì khốn!

Ông Bài thuận tai ngồi yên. Bà

Bài nhìn chồng, rồi với tay nhấc ống điện thoại. Trước khi quay số, bà dịu dàng hỏi ý chồng:

— Tôi cho nó năm ngàn, ông nhé?

Ông Bài đã toan phản đối, nhưng chợt nhìn xuống bàn chân tàn phế của vợ, ông bùi ngùi thở dài và đáp:

— Tiền của bà, bà muốn làm gì thì làm!

Dứt câu, ông bỏ vào phòng tắm, tắm, chuẩn bị đi ngủ.

Sáng hôm sau, mới hơn tám giờ, bà Bài đã nghe tiếng đập cửa. Từ trong bếp, bà chống gậy vội vã bước ra, thấy Diễm hớn hở đứng trên bậc thềm còn Đường thì đang loay hoay khoá xe. Bà nhăn mặt nói nhỏ với Diễm:

— Tưởng con đi một mình chứ? Mang cả nó theo làm gì! Đã dặn là đừng cho người ngoài biết cơ mà!

Diễm trấn an mẹ:

— Không sao đâu mẹ! Anh ấy cũng như con. Con bảo gì, anh ấy cũng nghe!

Hai mẹ con kéo nhau vô thẳng trong bếp bàn chuyện. Đường đứng tần ngần một lúc ngoài sân, rồi cũng theo vào, nhưng ngồi đợi ngoài phòng khách. Ông Bài bưng tách nước trà ra và hỏi cho có chuyện:

— Hôm nay anh không đi làm ư?

Đường lễ phép đáp:

— Thưa con đã đi làm đâu! Vẫn còn đang học, mùa hè này mới xong.

Ông Bài hững hờ nói "thế à" rồi lặng lẽ ngồi bên cạnh, nhâm nhi tách trà nóng. Bên trong, tiếng xầm xì nhỏ to của hai mẹ con vọng ra, xem chừng nghiêm trọng lắm. Đường thấy buồn cười về thái độ của bà mẹ vợ. Chuyện gì bà cũng chỉ bàn riêng với Diễm, coi như Đường không dính dáng gì đến cái gia đình này. Nhưng rồi bất cứ chuyện gì bà bàn với Diễm, thì Diễm cũng lại phun ra cho Đường biết, không thiếu một chi tiết nhỏ. Thế thì thà rằng hai mẹ con cứ việc thảo luận ngay trước mặt Đường, có đỡ mất thì giờ hơn không! Bà Bài luôn luôn dặn Diễm: "Con không được cho ai biết". Rồi Diễm, sau khi kể với Đường, cũng nhắc lại nguyên văn câu thủ tục đó: "Anh không được cho ai biết". Thành ra mọi thứ riêng tư của bà Bài mà bà tưởng là bí mật lắm, thực ra Đường đều thấu suốt từ trong ra ngoài.



Hai mẹ con bàn bạc một lúc rồi bà Bài kết luận:

— Tao giữ là giữ cho mày chứ đứa nào lọt vào đây nữa! Bố mày với tao già rồi, có tiêu pha gì đâu. Tiền *welfare* chính phủ cấp, tằn tiện một tí thì cũng chả thiếu. Thôi, cứ bỏ hết cả vào nhà băng mà lấy lãi. Mai kia tao nằm xuống rồi, mày muốn làm gì thì làm!

Bà nói câu ấy theo thói quen thôi, chứ thật ra bà mới năm mươi lăm tuổi, biết chừng nào mới chết được để trao gia tài lại cho Diễm. Huống chi bản tính bà vốn rất chặt chẽ về tiền bạc. Thương Diễm lắm, vì tin lời thầy bói, bà mới can đảm ngắt ra mười ngàn, chứ hai đứa em của Diễm đâu có đụng vào tiền của bà được. Thậm chí cô út Thảo ở ngay đây, cuối tuần vẫn thường về chơi mà bà vẫn giấu chuyện lãnh tiền bảo hiểm.

Diễm hớn hở bước ra phòng khách, tiến lại ngồi sát bên Đường. Ngay chiều nay, cô sẽ đưa Đường đi đổi xe. Mỗi lần chạy ngang khu trưng bày của hãng bán xe Honda ở gần nhà, Đường vẫn hay tạt vào, thèm thuồng ngắm nghía chiếc Prelude hai cửa màu trắng đục, mặc dầu trong túi không có đồng bạc nào. Diễm xót xa lắm, chỉ mong trúng số để chiều ý Đường. Chính cô cũng thấy cần có chiếc xe *sport* cho hợp với tâm hồn trẻ trung của mình. Mười ngàn dĩ nhiên không mua nổi, nhưng cô sẽ có cách moi dần tiền của mẹ. Cô nói vọng vào bếp:

— Còn sớm lắm mẹ ạ. Chưa ngân hàng nào mở cửa đâu!

Rồi cô đặt tay lên vai Đường, âu

yếm đề nghị:

— Hay là em làm trứng ốp-la cho anh ăn sáng nhé?

Giọng nói ấm áp có pha chút nũng nịu của Diễm làm ông Bài rất ngứa tai. Ông biết đó là tâm lý chung của những người đàn bà lấy chồng ít tuổi, thường có những ngôn từ, cử chỉ cố tình làm ra vẻ trẻ trung, lâu dần thành thói quen mà chỉ có người ngoài mới nhận thấy. Ngược lại, bên cạnh Diễm, Đường ngồi bệ vệ, nghiêm túc. Bộ ria mép lưa thưa không che dấu nổi nét mặt non choẹt lúc nào cũng cố gắng tỏ ra đạo mạo để thiên hạ đừng nhìn rõ sự chênh lệch tuổi tác giữa hai người. Vốn đã không ưa Đường, ông Bài lại càng ác cảm với điệu bộ kịch cỡm mà ông cho là giả tạo một cách lộ liễu ở thằng con rể bất đắc dĩ.

Có tiếng bà Bài từ trong bếp:

— Ông vào tôi nhờ cái này tí!

Ông Bài đặt tách nước xuống và đứng dậy. Bà vợ đang bóc lạc ở bàn ăn, chờ chồng lại gần, thì thầm bảo:

— Nó xin tôi mười ngàn mua xe! Thôi cũng được! Lọt sàng xuống nia, đi đâu mà mất!

Ông Bài không tiếc, nhưng cứ nghĩ đến việc con gái ông mấy năm nay cắm đầu làm hai *job* để nuôi thằng con nít kia đi học, ông rất bực bội. Ông đoán chắc vụ xin tiền mua xe hôm nay cũng do chính nó xúi bẩy và ông nhói buồn vì con gái mình tuổi đã trên ba mươi mà vẫn ngu dại vì một thằng nhãi ranh! Bà vợ lại tiếp:

— Con Diễm thế mà khôn, ông ạ! Nó bảo tôi là, tuy đứng tên nó cả, nhưng nên chia tiền ra, gửi mỗi nhà băng một ít. Ngộ nhỡ ngân hàng này sập tiệm, thì còn có ngân hàng kia, chứ bỏ cả vào một chỗ, rủi mất là mất tất!

Ông Bài gật đầu nhất trí ngay. Chính ông cũng đã lo xa như thế. Những ngày chờ tiền bảo hiểm, ông đã thăm dò và nghe bảo ở Canada có năm nhà băng lớn nhất là Royal, Montreal, Commerce, Nova Scotia và Toronto Dominion, ông sẽ ngắt ra, bỏ vào mỗi ngân hàng một hai chục cho an toàn. Gửi một chỗ nhiều quá rủi họ quỵt mất thì hai vợ chồng chỉ có nước ôm nhau mà chết! Ông ngồi xuống chiếc ghế đối diện vợ và bảo:

— Thế bà đã tính toán xong cả chưa? Rút ra bao nhiêu tiền mặt, và gửi ngân hàng bao nhiêu?

Bà Bài nói cho hết ý, nhân tiện để ca ngợi kiến thức của Diễm:

— Với lại nó bảo phải gửi dài hạn một năm trở lên, tiền lãi mới cao.

Ông chồng cắt ngang:

— Tôi biết rồi. Hôm qua ông Vượng cũng bảo thế... Nhưng tôi hỏi bà đã tính xong cả chưa? Đừng để ra đến ngân hàng rồi lẫn lộn, thừa thiếu cũng chả biết!

Bà Bài vanh vách đáp:

— Có gì mà phải cộng trừ. Mười ngàn cho con Diễm, ba ngàn trả ông Vượng. Tôi lấy sẵn độ năm trăm tiêu vặt. Thứ bảy này tôi định làm bữa cơm đãi ông Vượng, gọi vợ chồng con Diễm với con Thảo về ăn luôn thể. Xong rồi tôi mới đưa cho ông Vượng ba ngàn với biếu ông ấy cặp rượu!.. Vị chi tất cả là mười ba ngàn rưỡi. Còn lại chẵn sáu mươi ba ngàn gửi ngân hàng!

Ông Bài ngước nhìn đồng hồ thấy đã hơn chín giờ, ông giục vợ rửa tay, thay quần áo rồi cả nhà kéo nhau ra xe.

*
* *

Nhân viên ngân hàng tính toán rất nhanh trên computer rồi xoay người lại nói với Diễm:

— Tiền bà gửi định kỳ, lẽ ra ngày 4 tháng 11 mới đáo hạn. Nhưng như bà đã biết, Bank Commerce chúng tôi có hai loại GIC, một loại *open* và một loại *closed*. Bà gửi loại *open* cho nên rút ra bất cứ lúc nào cũng được. Hai chục ngàn của bà, nếu để đến đúng hạn thì chúng tôi trả bà thành hai mươi hai ngàn. Hôm nay bà lấy ra thì bà mất ba tháng tiền lời, tổng cộng là 478 đô-la.

Diễm đưa mắt nhìn Đường rồi cùng hăm hở gật đầu. Nhằm nhò gì mấy trăm bạc tiền lời đó! Rút được hai chục ngàn là đạt mục đích rồi. Nhân viên ngân hàng cẩn thận hơn, tiếp tục giảng cho Diễm:

— Giả như ngày ấy bà gửi tiền loại *long term* cố định, không thể rút ra trước khi đáo hạn, thì bà cũng vẫn có thể dùng món tiền bà gửi làm bảo đảm để vay của chúng tôi một món tiền tương đương với số tiền đó.

Điều này thì không lạ. Nó giống như cầm đồ mà thôi. Chính Diễm đã làm rồi. Cô mua cho Đường chiếc Honda Prelude, dĩ nhiên phải kèm theo bảo hiểm, sắm sửa vài thứ lặt vặt để hai vợ chồng lột xác, tính ra hơn ba chục ngàn rồi. Đường đã học xong *college*, chưa có việc làm. May quá, Diễm cũng thất nghiệp mấy tháng nay, vợ chồng sống những ngày thảnh thơi, rong chơi khắp thành phố. Cô bảo nhân viên ngân hàng:

— Ông cho tôi rút tiền, ông cứ việc trừ tiền lời. Tôi đang cần lắm...

Nhân viên ngân hàng gật đầu đứng dậy, vui vẻ nói *"Excuse me"* rồi bước ra khỏi phòng riêng để làm thủ tục trả tiền cho Diễm. Còn lại hai người, Diễm âu yếm bảo Đường:

— Về Việt Nam độ một hai tháng thôi anh ạ! Đi chơi như thế cũng đủ rồi. Em nghe người ta bảo, tốn chừng mươi ngàn là thoải mái lắm... Xong chuyến này, trở lại Canada, chắc phải kiếm cái gì làm ăn, anh nhỉ! Cứ rút mãi tiền của mẹ em ra mà tiêu thì chỉ vài tháng nữa là hết sạch! □

---

vô thường

nổi trôi
giữa chốn bể dâu
trùng trùng tám hướng
thành sầu
bủa vây
buồn buồn
ngó xuống chỉ tay
hoá ra tâm đạo
đổi thay
vô thường.

hồ ông

Làng Văn 48



Nói Chuyện Sách

Võ Đình

Tôi có viết ở đâu đó rằng mấy chục năm về trước, xuất dương du học, tôi có đem theo một tập thơ chép tay. Tập thơ đó, ngày nay tôi vẫn còn. Thỉnh thoảng gặp lại quyển vở nhỏ, lòng tôi vừa buồn rầu vừa sảng khoái. Buồn vì hoàn cảnh đất nước, từ thuở thiếu niên của mình, đã khó khăn như vậy. Một thằng bé mê thơ mà phải cặm cụi kiếm giấy, kim, chỉ, đóng tay một quyển vở, rồi loay hoay thu lượm đây đó những bài thơ đương thời, để rồi về khuya, khi cha mẹ đã đi ngủ (vì sợ cha mẹ mắng là phung phí thì giờ học bài, làm bài), ngồi nắn nót chép lại. Cực nhọc như vậy chứ đâu có được như sau này, tạt vào một tiệm sách mà lựa, mà chọn, thơ tiền chiến, thơ kháng chiến, thơ tự do, tượng trưng, không thiếu thứ gì.

Buồn rầu như vậy, nhưng tôi vẫn có được cái vui. Vui thấy sự yêu thích say mê của mình. Mấy chục năm trôi qua, chứng nào vẫn tật ấy. Yêu thơ văn, sách vở, sướng chớ!

Tập thơ chép tay này, không phải chỉ có những tuyệt tác. Có những bài thật hay. Cũng có những bài thật tầm thường. Mặc, chép tuốt. Ở cái tuổi gọi là "hoa niên" đó, người ta chỉ biết ham hố, chưa biết lựa chọn.

Tập thơ nhỏ bé, mong manh, cũ kỹ này, như vậy là nó đã đi theo tôi bốn mươi mấy năm trời. Nói rằng bởi vì tôi quí nó, không đúng. Về hình thức, đấy chỉ là một quyển vở đóng tay, nghèo nàn, vụng xấu. Bên trong, được dăm ba bài hay, thì cũng có năm bảy bài xoàng. Tôi không quí nó, vậy mà tôi vẫn giữ nó. Tôi giữ nó vì tôi không đành lòng vứt bỏ nó. Đã có lần tôi nghĩ rằng ngày nào tôi quyết đoạn tuyệt với nó thì tôi sẽ không vứt nó vào sọt rác. Tôi sẽ đóng một cái hòm nhỏ mà chôn nó. Hay, dễ hơn, tôi sẽ châm lửa, hoả táng nó.

Trong mấy chục năm trời, đất nước tang thương, đồng bào thống khổ, tôi cứ vướng víu mãi tập thơ hèn mọn này, lòng thấy bất nhẫn làm sao! Trong đời, bao nhiêu lần dọn nhà, tôi đều đem nó đi theo, một cách hơi bệnh hoạn. Đã bao lần tôi cầm nó trong tay, ngần ngừ thật lâu, rồi chặc lưỡi, tự nhủ: Bỏ! Rồi lại thôi, không bỏ. Tôi đã cất giữ nó như một người cụt mất bàn tay, lại lấy tay mà ngâm rượu hay phơi khô. Rồi kè kè đem theo bên mình. Tập thơ chép tay này, đâu có quí báu gì. Nó chỉ được giữ lại vì nó là một phần thân thể của tôi.

*
* *

Không phải tôi chỉ nặng nợ với tập thơ chép tay nhỏ mọn ấy. Tôi còn gắn bó trong mấy thập niên với một số sách vở khác đáng cất giữ hơn. Những sách vở có giá trị hơn, cả nội dung lẫn hình thức. Căn nhà tôi đang ở hiện nay, bàn ghế đồ đạc chẳng có gì đáng giá. Quí chăng là mấy kệ sách. Kệ thường, chính tôi mua gỗ về đóng lấy. Tôi đóng kệ thật cao, sát với trần nhà, để khỏi phí chỗ. Tầng cao nhất của cái kệ cao nhất, muốn với tới phải bắc ghế, là nơi tôi đặt những cuốn sách mà tôi nghĩ, một cách rất võ đoán, rằng không ai, ở hải ngoại, ngoài tôi ra, có được. Những ấn bản, sách truyện, thơ, từ hồi tiền chiến.

Sau 54, ở Sài gòn có in lại một số sách này. Ở Paris, cũng có in lại. Hiện nay, ở Cali, Texas, không

thiếu gì. Nhưng những sách của tôi là những ấn bản *gốc*, những bản in ở Hà Nội ngày xưa, những năm 30, 40. Những sách này, tôi sẽ cất giữ mãi. Ngày nào không cất giữ được nữa, tôi chưa biết tôi sẽ làm gì, nhưng chắc chắn là tôi sẽ không đóng quan tài đem chôn, hay chất củi hoả táng. Bởi lẽ tôi không có quyền làm như vậy, như tôi đã có ý muốn làm với tập thơ mỏng chép tay của tôi.

Tập thơ chép tay, tôi biết nó ở đâu đến. Chính tay tôi đóng quyển vở nhỏ, chính tay tôi chép thơ. Còn những cuốn sách kia, sách dầy, chữ in đàng hoàng, làm sao mà tôi có được, thật tình bây giờ tôi không còn nhớ.

Tôi chỉ biết là chúng không ở tiệm sách mà ra. Lý do dễ hiểu: Ở tất cả thành phố Huế hồi đó chỉ có mỗi một tiệm sách. Mà tiệm sách ấy thật ra bán giấy bút, mực miếc cho học trò nhiều hơn là bán sách. Mà có sách chăng nữa, thì cũng chỉ dăm ba cuốn đang ăn khách như *Ba bờ xương khô* của Vũ Anh Khanh. Làm gì có được những cuốn như đã lọt vào tay tôi.

Những sách này cũng không phải là do "tủ sách gia đình" mà ra. Cha tôi là người có đầu óc nhưng không phải loại mê sách. Văn chương quốc ngữ, ngoài Khái Hưng ra, ông chê tuốt. (Đến nay tôi vẫn chưa nghĩ ra, vì sao ông "chịu" Khái Hưng mà lại hững hờ với Nhất Linh). Thỉnh thoảng thấy ông đọc *Constellations*, tuyển tập phổ thông của Pháp, hay một cuốn trinh thám của Le Blanc. Thế thôi. Cho nên không có "tủ sách gia đình".

Có nói ra, mới nhớ. Bây giờ, tôi có thể thú thật rằng trong số sách quí của tôi, có năm mười cuốn đến từ tay ông anh rể. Dạo đó, những năm cuối thập niên 40, anh T. "theo" chị cả tôi. Anh là một công chức trẻ, nhưng chúng tôi biết anh còn là một "nhà văn" vì anh đã từng đăng báo một hai bài đâu đó. Sáng chúa nhật, anh đến nhà xin phép được dắt chị tôi... "đi chợ". Anh mặc sơ-mi trắng, quần tây trắng, măng xăn-đan trắng. Chị H. mặc áo vân vàng, quần trắng, đi guốc. Hai anh chị cúi đầu chào cha mẹ tôi, rồi bước ra ngõ, với chiếc xe đạp sáng loáng của anh T. dắt đi... ở giữa! Ý tứ đến thế là cùng. "Đi chợ" chỉ là một cách nói. Hai anh chị đi ra cửa Đông Ba, ngược đường Phan Bội Châu, quày ra Trần Hưng Đạo, vô cửa Thượng Tứ, xuống đường Đoàn Thị Điểm. Hết. Thế là về đến nhà. Xong buổi du ngoạn. Anh T. trả chị tôi về nhà, rồi ấp a ấp úng vài câu chi đó, rồi xin rút lui. Và để lại cho thằng em vợ tương lai một hai cuốn sách.

Những cuốn sách đó, anh T. nói, và tôi đồng ý, là cho mượn. Nhưng trong đáy lòng thằng bé 14, 15 tuổi, đã nổi lên cái máu tham. Từ thuở đó, tôi đã biết rằng những cuốn sách anh T. đem cho mượn (rõ ràng là a. để làm điệu với chị tôi, và b. để mua chuộc cảm tình của tôi!), khi đã vô tay tôi rồi thì kể như "một đi là không trở về". Cứ cái đà đó, một số sách của anh T. đã lọt vào tay tôi. Rồi anh T. và chị tôi làm đám cưới. Cưới được chị H. xong, anh T. quên tuốt mấy cuốn sách. Còn tôi thì một hai năm sau đó đi Tây. Hành lý chỉ có hai cái va-li. Một cái chứa áo quần và các thứ vặt vãnh khác. Cái kia chứa toàn sách. Va-li sách đó, tôi ôm kè kè suốt mấy chục năm nay.

Khi chúng ta nói *yêu sách*, thật ra là chúng ta muốn nói yêu cái gì đó nằm ở bên trong. Yêu lời văn, câu thơ trong sách. Yêu cái tư tưởng, cái tình tiết trong sách. Chúng ta cũng yêu sách như một đồ vật đẹp: cái gáy da nạm chữ vàng, cái giấy tốt, cái chữ in sắc sảo, vân vân. Sách gì khác không biết, chứ nếu chỉ nói về những cuốn sách Việt Nam tôi ôm ấp bấy lâu nay, thì tôi không yêu chúng vì những lý do đó.

Về mặt hình thức, đa số là những cuốn sách nghèo khổ trông thấy! Giấy xấu, in ấn lem nhem. Có cuốn mất cả bìa, thằng bé là tôi mấy mươi năm về trước đã lấy giấy cứng dán lại, rồi nắn nót viết nhan sách theo lối chữ in, lòng thầm mong vớt vát lại được chút nào cái trang trọng đã mất. Giấy rách phải giữ lấy lề!

Còn về mặt nội dung, thì ngoại trừ vài ba cuốn sách thật có giá trị, phần lớn còn lại, "trung bình" không phải là một sự đánh giá khe khắt lắm. Vì thế, cũng dễ hiểu thôi, nếu ngày nay tôi còn cất giữ đám sách này, nhưng tôi không còn mân mê, ngắm tới ngắm lui, đọc đi đọc lại nữa. Tôi chỉ cất giữ chúng như những di tích.

Nếu tập thơ chép tay tôi đã nói đến trên là một phần của chính thân thể tôi thì những cuốn sách chữ in này là những phần thân thể của quê hương, đồng bào tôi. Hỏi lòng nào mà tôi không cất giữ?!

*

* *

Bạn đọc, đặc biệt những vị chưa tới... 60, ai là người đã được cầm trong tay cuốn *Nửa chừng xuân* của Khái Hưng, do Trung Bắc Tân Văn, 61-3 rue de Coton (Phố Hàng Bông?) Hà Nội xuất bản năm 1934? Tựa của Nguyễn Tường Tam. Tranh minh hoạ của Đông Sơn (Đông Sơn?) Bên trong, có ghi rõ: Đã xuất bản *Hồn bướm mơ tiên* (hiện bán hết) của Khái Hưng, 0$40. *Vàng và máu* của Thế Lữ, 0$45. *Anh phải sống* của Nhất Linh & Khái Hưng, 0$45. *Nửa chừng xuân* của Khái Hưng, 0$75. Và sắp



in: *Mấy vần thơ* của Thế Lữ, 1$00. Xin các bạn trẻ nhớ cho: dấu $ là đồng VN, chứ không phải đô-la đâu đấy nhé!

Có bạn đọc nào đã từng thấy cuốn *Gánh hàng hoa* của Khái Hưng & Nhất Linh, Đời Nay xuất bản? Trên bìa có hình con phụng dang hai cánh. Không thấy ghi năm xuất bản, nhưng cứ xét giá tiền 0$60 thì chắc rằng cuốn này ra đời suýt soát cùng một thời với *Nửa chừng xuân* thôi.

Cuốn *Gánh hàng hoa* của tôi còn quí ở một điểm khác. Vô giá. Trang bên trong, trang có nhan sách, góc trên, bên phải, có chữ ký mực xanh của Khái Hưng. Nét bút thong dong nhưng gân guốc, dứt khoát. Tác giả đã ký sách vào dịp nào, ký cho ai, để làm gì? Có chữ ký sao không có lời đề tặng? Tại sao chỉ có chữ ký của Khái Hưng mà lại không có chữ ký của đồng tác giả là Nhất Linh? Hay bản đó là của riêng Khái Hưng, và ông đã ký vào để giữ lấy cho mình, không ai khác có thể cầm nhầm? Bản *Gánh hàng hoa* có chữ ký đó, đã vào tay ai, hồi nào? Làm sao nó lại lọt vào tay tôi?

Nhân nói đến sách do nhà Đời Nay xuất bản vào những năm 30, 40, cũng nên khai thêm ra vài ba cuốn khác. Như *Lửa thiêng* của Huy Cận, Xuân Diệu đề tựa, Tô Ngọc Vân trình bày tuyệt đẹp. In năm 1940. Như *Đời mưa gió* của Khái Hưng & Nhất Linh, 1934. Như *Trống mái* của Khái Hưng, 1941. *Mấy vần thơ* của Thế Lữ, in năm? *Bức tranh quê*, tập thơ của Anh Thơ (giải thưởng Tự Lực Văn Đoàn; khuyến khích về thơ), Tô Ngọc Vân trình bày, 1941. *Con đường sáng* của Hoàng Đạo, 1940. *Hoa niên*, tập thơ của Tế Hanh, 1945. Những cuốn sách in giấy bồi, chữ chì sắc nét. Cầm trong tay mà thương!

Cũng năm 1945, chỉ vài tháng trước Cách Mạng Tháng Tám, Đời Nay còn cho ra đời, có lẽ cuốn cuối cùng của Đời Nay Hà Nội, *Hoa vông vang* của Đỗ Tốn. Trong lời tựa, Nhất Linh viết: "Xem những truyện trong *Hoa vông vang*, tôi không thể không đem Đỗ Tốn ra so sánh với một nhà viết truyện ngắn khác: Thạch Lam. Tôi thấy hai nhà văn này có nhiều chỗ giống nhau lắm, và tôi tin chắc Đỗ Tốn sẽ là một Thạch Lam thứ hai của văn giới nước ta". Đỗ Tốn giống Thạch Lam, điều này có thật. Có thể xem Đỗ Tốn như một Thạch Lam thứ hai. Cũng đúng. Nhưng tiếc thay, sự so sánh chấm dứt ở đây. Tuy Thạch Lam mất sớm, năm ông mới 32, ông cũng đã để lại mấy tác phẩm có tầm vóc như *Nắng trong vườn, Gió đầu mùa, Sợi tóc*. Còn Đỗ Tốn thì nghe đâu, sau *Hoa vông vang*, không còn viết lách gì đáng kể nữa. Đáng tiếc, và đáng thương. Cuốn sách của Đỗ Tốn mỏng, chữ in nhoè nhoẹt, giấy bản xấu dính vào nhau, phải giở từng trang hết sức cẩn thận. *Hoa vông vang* chấm dứt một thời, thời của *Hà Nội băm sáu phố phường*.

Các sách do nhà Đời Nay, dĩ nhiên là quí lắm. Sau này, tôi có thấy một số được in lại. Giấy tốt hơn, bìa màu, nhưng khó coi. Loè loẹt, "quê". Phải công nhận rằng, nửa thế kỷ về trước, sách Đời Nay, phần lớn là tác phẩm của những cây bút Tự Lực Văn Đoàn, được in và trình bày thật đẹp. Giản dị, nghiêm túc, thanh nhã, chắc là công lao của các hoạ sĩ như Tô Ngọc Vân, Nguyễn Đỗ Cung.

Nói đến hoạ sĩ, phải nhắc đến Trần Văn Cẩn, người minh hoạ cho tập *Thơ Thơ* của Xuân Diệu, Huy Xuân xuất bản, 1940. *Có phải A-phòng hay Cô-tô/ Lá liễu dài như một nét mi/...* Hồi nhỏ, tôi ngắm đi ngắm lại nét bút của ông Trần Văn Cẩn. Tôi cố tìm hiểu tại sao những nét bút không tả thực chút nào mà lại hấp dẫn tôi mạnh mẽ như vậy. Tôi cố tìm hiểu, nhưng không có ai chỉ cho tôi thấy được. Về sau, ở Pháp, làm quen với *Art Nouveau*,

---

đổi thay

Đêm ngà ngọc ươm vàng năm tháng cũ
ngày trân châu gieo hạt nắng thủy tinh
ta sẵn sàng trong cân đai áo mão
đón đưa ai sao trơ trọi một mình.

Tàn cơn lũ gia tài ừ khánh tận
kiểm điểm xem tài sản xót trong lòng
từng phiến vỡ gõ nhịp sầu tâm tưởng
buồn hay vui cùng trời đất mênh mông.

Đường hôm mai vẫn tối tăm nguyên vẹn
những hôm qua đang phảng phất hoang tàn
ngày tiếp ngày soi võ vàng hò hẹn
chấn động đời dìm cơn mộng tan hoang

Con tim héo quằng giữa vùng sa mạc
đốt thiêu chơi những mạch sống ươm mầm
rồi trở về một hoàn toàn đã khác
quên mất tiếng cười, lưu lạc trăm năm.

vạn giả

một trào lưu mỹ thuật và trang trí thịnh hành ở Âu châu từ thập niên cuối thế kỷ XIV và đầu thế kỷ XX, tôi mới biết là té ra con đường "Nghệ Thuật Mới" này đã chạy qua tận Việt Nam! *Art Nouveau* sống không lâu, mà rồi sau ông Trần Văn Cẩn, cũng chẳng thấy có ai vẽ như vậy nữa.

Đã nói *Thơ Thơ*, thì phải nói *Gửi hương cho gió* của Xuân Diệu, Thời Đại xuất bản 1945, cũng do Trần Văn Cẩn trình bày thật trang nhã. *Lời thơ vào tập* bắt đầu với những câu nhiều người ngày nay còn thuộc:

Tôi là con chim đến từ núi lạ
Ngựa cỏ hát chơi
Khi gió sớm vào reo um khóm lá
Khi trăng khuya lên ủ mộng xanh trời
....

Ngoài những sách Đời Nay ra, tôi còn mang theo những cuốn khác khá hiếm hoi: *Lều chõng* của Ngô Tất Tố, Mai Linh xuất bản, 1941. *Trường đời* của Lê Văn Trương, Tân Dân xuất bản, 1940. *Điêu tàn* của Chế Lan Viên, không ghi nhà và năm xuất bản, nhưng chắc chắn là một ấn bản "nguyên thủy". *Lỡ bước sang ngang* ("Tặng chị Trúc thân yêu"!) của Nguyễn Bính, Hương Sơn xuất bản, 1949. Và vô cùng đặc biệt, vô cùng quí báu, một cuốn sách thật đẹp, cả nội dung lẫn hình thức: *Vang bóng một thời* của Nguyễn Tuân, Thời Đại xuất bản, 1943. Sách có những tranh minh hoạ, mộc bản tuyệt vời của Nguyễn Đỗ Cung.

*
* *

Những cuốn sách cũ, tôi cất ở từng kệ cao nhất của cái kệ cao nhất trong nhà. Vì ích kỷ. Những năm niên thiếu, tụi nhóc chúng tôi thường đọc cho nhau nghe bốn câu "thơ" của một tác giả vô danh:

Có tiền mua sách để mà coi,
Tới mượn không cho nói hẹp hòi,
Quân tử (gì gì đó, quên...)
Mất công cho mượn, mất công đòi!

Bài thơ thuộc loại "thơ thẩn", nhưng... chí lý. Hồi bé, vì lòng tham mà tôi có được mấy cuốn sách. Về sau, vì ích kỷ mà tôi còn giữ được chúng cho đến ngày nay. Hiện giờ thì theo thời gian cái tham đã phôi pha, còn cái ích kỷ... nên được giảm khinh: các sách nêu trên đều đã được in lại, ai muốn đọc xin cứ ra tiệm sách. Tôi chỉ còn nhột nhạt về vài cuốn. Những cuốn rất ít người đã được đọc. Và cũng chẳng thấy có ai in lại, phổ biến rộng rãi. Có lẽ vì không phải loại sách dễ ăn khách.

Khó dễ gì, tôi không đoan chắc. Tôi chỉ biết rằng hồi bé tôi mê như điên. Như cuốn *Quán Nải* của Nguyên Hồng, Tân Dân xuất bản, 1943. Văn khúc mắc, cứng cỏi, thô lậu. Mà rất hay. Đây là một trong những cuốn tôi quí nhất. Như một cuốn khác, đã quí nay còn quí hơn vì nó cho tôi cơ hội làm quen với một bạn văn chưa từng gặp.

Đầu năm 1986, đọc *Làng Văn*, thấy tin thân phụ nhà thơ Vũ Kiện ở Gia-nã-đại, tức là nhà văn Tam Lang Vũ Đình Chí, qua đời ở Việt Nam. Thời gian đó, tôi cũng mang đại tang cha mẹ, nên bỗng thấy xót xa cùng người không quen. Tôi viết mấy chữ thăm Vũ Kiện. Anh đáp lễ với một bài thơ chép tay, có mấy câu đơn sơ mà cảm động:

Chiều hăm chín Tết nhận thư anh,
Dòng chữ chia buồn với tấm tranh,
Anh vẽ bên trời thung lũng tuyết,
Như lệ cùng rơi khóc phụ thân.
(....)
Anh khóc cha, tôi cũng khóc cha,
Mình bao năm giã biệt cha già,
Những đứa con lỡ thành lãng tử,
Mất nước còn đau nỗi nát nhà.
(....)

Được Vũ Kiện cho thơ, tôi không có thơ để tặng lại, bèn gửi biếu anh bản sao một bài của ông cụ thân sinh ra anh, một bài mà chính Vũ Kiện cũng chưa bao giờ được đọc. Đó là *Ba trang sổ cũ* của Tam Lang, trong cuốn *Viết báo* của bốn tác giả: Tam Lang, Phạm Cao Củng, Hoàng Cư, Phùng Bảo Thạch, với chân dung các tác giả bởi Sĩ Ngọc, Ngày Mai xuất bản, Hà Nội, 1944. Phải chăng tôi đã cất giữ cuốn *Viết báo* mấy chục năm trời để sau này nhà thơ Vũ Kiện — đến nay tôi vẫn chưa gặp mặt — được đọc một bài chưa từng đọc của ông cụ thân sinh ra mình?

*
* *

Ngoài những sách đã nêu tên trên, các kệ gỗ của tôi ngày đêm còn ôm ấp nhiều sách Việt Nam khác. Phần lớn xuất bản ở miền Nam Việt Nam sau 54. Ở Mỹ, Pháp, Úc, sau 75. Ấy, không phải chỉ có sách hay mà thôi. Xoàng cũng có. Cả đời, tôi chỉ có một đôi lần có đủ can đảm vất đi một cuốn sách xoàng.

Nghĩ cho cùng, tôi đâu chỉ yêu sách vì sách hay. Sách hay, cố nhiên, vì tác giả hay soạn giả có tài. Còn những cuốn, số phận hẩm hiu, sách xoàng vì người viết kém. Nhưng sách đâu phải chỉ là những tờ giấy có in chữ, được đóng lại thành tập, rồi chui vào nằm trong một cái bìa. Sách còn là những con người: những nổi chìm, xuôi ngược, những trăn trở, băn khoăn, những đớn đau cũng như những hoan lạc của cuộc đời.

Tôi yêu sách Việt Nam với một tình yêu thắm thiết, không so đo, tính toán. Sách Pháp, sách Anh, sách Mỹ, tôi cũng có nhiều, nhưng tôi đâu có yêu chúng đến như vậy. Phải chăng bởi vì tôi yêu sách Việt Nam cũng như tôi yêu quê hương, đồng bào tôi. Đã từ lâu, tôi đọc được ở đâu đó một câu của William Faulkner, văn hào Mỹ quốc, mà nhớ hoài. Càng ngày tôi càng thấm thía lời ông: "Đất nước tôi, quê hương tôi, thì tôi yêu. Yêu không phải vì thế này hay vì thế kia; yêu, mặc dù tất cả. Yêu không phải vì những cái quí, cái đẹp, mà yêu bất kể những cái kém cỏi, lỗi lầm".*

□

---

* "It's my country, my native land and I love it. You don't love because: you love despite; not for the virtues, but despite the faults".

Dọc Đường

Đông Nghi



Luân tới nhà ga trung ương đúng 9 giờ 29 phút. Nhìn lên bảng chỉ dẫn, chuyến tàu đi Kingston khởi hành lúc 10 giờ 15 sẽ bắt đầu ở *track* 19. Luân bước lại chỗ tập trung. Mới chỉ có vài người đang đứng chờ với hành lý lỉnh kỉnh bên cạnh. Luân nhìn quanh tìm điện thoại, chợt nhớ ra mình không có đồng 25 xu nào trong túi.

Quầy bán sách báo lẫn lộn với kẹo bánh, sô-cô-la, chip. Luân chọn số *Reader's Digest* mới nhất. Những đồng 25 xu thối lại kêu leng keng trong túi như một nhắc nhở, kêu gọi. Trạm điện thoại xoay chung quanh những tấm chắn bằng plastic trong veo. Tiếng người đàn ông da đen cười hô hố. Luân nhấc phone, quay số:

— Allo, Hằng đó hả? Anh đây.

— Anh đang ở đâu đó?

— Nhà ga trung ương. Anh đến đây lúc 9 giờ 29 phút.

Bên kia đầu dây Hằng ngưng lại, giọng thoáng bâng khuâng:

— Đúng là cái số Hằng không được tiễn anh đi. Hồi sáng Hằng phone lại nhà, Cường nói anh đi rồi. Hằng lái xe ra métro chờ đến 9 giờ không thấy anh đâu hết, đành đi về.

Luân cười. Tiếng cười cố che dấu một xúc động trong lòng.

— Thôi cô ơi, anh biết cô đâu muốn cho anh đi đâu. Vì thế nếu cô ra tiễn chắc chắn là anh thi rớt.

Hằng cười giòn giã ở bên kia đầu dây:

— Ừ thôi anh đi luôn đi. Về đó rồi... xa mặt cách lòng...

— Đó, đó... chưa chi đã kết tội người lương thiện.

Hằng im lặng. Cái phone trong tay Luân bỗng nhiên nặng hơn. Luân thở dài, hình dung khuôn mặt đầm đìa nước mắt, giọng nói ướt sũng buồn rầu. Đêm trôi lãng đãng những nghẹn ngào của một nguy cơ chia cách. Hằng ơi, anh làm sao được! Không có gì phải ân hận cả. Chúng ta đã chọn lựa. Chúng ta đã đánh đổi cả mạng sống, cả sự nghiệp để ra đi. Chỉ có điều anh đến đây thì mọi việc đã khác. Đã lắng đi những xúc động thương cảm của di tản năm 1975, đã cạn sạch lòng nhân đạo sau đợt xuất cảng người năm 1979. Bây giờ chỉ còn lạnh lẽo những danh từ "di dân", "đoàn tụ". Người ta không hiểu nổi tại sao 16, 17 năm rồi vẫn còn thuyền nhân. Những người chỉ thấy chiến tranh trên ti-vi, chỉ biết bom đạn trong phim ảnh, sách báo. Và đối với họ, cộng sản có gì khủng khiếp lắm đâu. Hãy xem anh chủ tịch đảng Cộng sản Mỹ, một anh da đen tầm thường như hàng nghìn hàng vạn anh da đen khác ở khắp Hoa kỳ. Và đảng Cộng sản Mỹ cũng hiền lành biết bao với những hô hào trống rỗng, những xách động ngây thơ. Họ đâu có một Nhã Ca ngậm ngùi với *Đêm nghe tiếng đại bác*, đau thương với *Giải khăn sô cho Huế*. Họ đâu có Dương Nghiễm Mậu nghiệt ngã trong *Địa ngục có thật*, và một Phan Nhật Nam phẫn uất căm hờn với *Mùa hè đỏ lửa*. Họ chỉ có Jane Fonda, chỉ có Walter Cronkite, Salisburry. Những tên phản chiến bẩn thỉu cho một mưu đồ đen tối. Họ chỉ biết *Việt Nam, thiên sử truyền hình* đầy dẫy những phóng đại, xuyên tạc và bôi lọ, chứ có bao giờ rơi nước mắt trong cái nghiến răng cắn chặt căm thù của phim *Chúng tôi muốn sống*. Ôi những người Tây phương ngây thơ! Không thể trách họ được. Họ sinh ra từ một nước giàu có, trưởng thành trong hoà bình, thì dĩ nhiên họ phải mù tịt về những thảm kịch mấy mươi năm xảy ra trên đất nước người.

— Allo, sao Hằng im lặng thế?

Tiếng nói bùi ngùi, cái mũi chắc đã đỏ và khoé mắt đang long lanh.

— Ừ thôi anh đi đi, chúc anh may

mắn.

— Cám ơn Hằng, thôi *bye* nghe.

*
* *

Luân bước trở lại tập trung. Mọi người đang dồn nhau thành một hàng dài. Những người da đen ăn mặc sặc sỡ, tay xách những túi hành lý ồn ào xô đẩy nhau tới trước. Luân cau mày khó chịu. Thật tình Luân không có một ý nghĩ kỳ thị nào trong đầu cả. Tôi có phải là người da trắng đâu, có phải là dân bản xứ đâu, cũng chỉ là một người khách không mời, một kẻ tạm dung tội nghiệp. Nhưng nhìn những người da đen này, tự nhiên tôi nhớ đến người da đen đứng xin tiền hằng ngày ở métro Plamondon, đầu tóc bẩn thỉu, áo quần xốc xếch. Hằng ngày lên xuống métro, tôi đều gặp hắn. Đứng ở một góc khuất đầu cầu thang cuốn, tiếng kêu xin như lời cầu kinh nhàm chán. Một lần, tôi thấy hắn vạch quần, tiểu trơ tráo trên cầu thang. Tôi quay mặt kinh tởm.

Tiếng người con gái đứng phía trước làm Luân giật mình:

— Xin lỗi, nhờ ông trông giùm mấy cái túi xách của tôi. Một phút thôi, tôi sẽ trở lại.

Luân mỉm cười đồng ý. Người con gái đi một lúc rồi quay trở lại với gói *chip* trên tay.

Luân làm quen:

— Cô đi đâu vậy?

— Kingston.

— A, tôi cũng đi đến đó. Chúng ta cùng chung một đường.

Người con gái cười, im lặng, bốc từng miếng khoai chiên bỏ vào miệng. Tiếng thông báo trên loa vang vang yêu cầu hành khách đi Toronto và Kingston chuẩn bị lên tàu. Mọi người di chuyển về phía trước, xuống những bậc thang bê-tông, vào chỗ tàu đậu.

Luân chen chúc giữa những người da đen cao lớn, cố len vào cái cổng nhỏ cạnh đường rầy. Con tàu nằm dài trong bến. Vài nhân viên hoả xa trong đồng phục đỏ sậm đang đứng hướng dẫn mọi người.

Luân bước lên toa tàu. Thắng tắp những hàng ghế sang trọng không kém gì trên phi cơ. Những ghế đầu tiên đã được giữ chỗ trước. Luân bước sâu vào trong. Vài người đang bận bịu sắp xếp hành lý. Người con gái lúc nãy ngồi một mình, bên cạnh là chiếc ghế trống. Thấy Luân, nàng mỉm cười. Luân đọc thấy trong nụ cười đó sự mời mọc. Tại sao không? *Hi*, Luân gật đầu chào rồi đặt va-ly xuống, ngồi bên cạnh nàng.

Tàu bắt đầu rời bến, trôi êm ái ra khỏi ga. Luân quay sang người con gái. Cô bé khép hai chân vào thành tàu, bấm nút cho lưng dựa nghiêng ra sau, và ngả người ngồi thoải mái. Gương mặt trẻ, vầng trán thông minh, bướng bỉnh. Nét ngây thơ của lứa tuổi 18, 20 lấp lánh trong ánh mắt nghịch ngợm che dấu đằng sau hai hàng mi đen cong vút. Dù dáng dấp rất Tây phương nhưng Luân có cảm giác cô bé không phải là người Âu Mỹ. Luân hỏi nhỏ:

— Cô đi hay về Kingston?

Người con gái quay lại tỏ vẻ không hiểu. Luân cười nhẹ, giải thích:

— Tôi muốn hỏi cô đến Kingston để đi học, đi làm hay về thăm gia đình?

— A, tôi về thăm bố và chị tôi. Họ ở đó 5 năm rồi.

Luân móc trong túi ra địa chỉ người bạn:

— Cô biết chỗ này là đâu không?

Người con gái nhìn vào tấm giấy, lắc đầu:

— Rất tiếc, tôi không biết. Tôi ít khi ở đó. Mỗi lần về, bà chị tôi ra đón đưa về nhà nên tôi không biết nhiều.

Luân nói cám ơn rồi mở va ly lấy quyển *Reader's Digest*.

Tàu đã ra ngoại ô Montreal. Bên ngoài khung cửa sổ, những cánh đồng bát ngát tuyết, trắng xoá. Những thây cây khẳng khiu trơ trụi, lô xô giữa tuyết trắng những vệt đen xám nhạt nhoà. Người nhân viên hoả xa mang cà phê ra mời.

— Không, cám ơn. Xin cho tôi một ly coca.

Cô bé trả lời rồi quay sang Luân, hỏi:

— Ông đi Kingston làm gì?

— Tôi đi thi. Hồi ở quê nhà tôi đã đi làm, nhưng sang đây tôi không được hành nghề mà phải học lại, thi lại.

— A, bố tôi cũng thế. Ông ấy là kỹ sư, sang đây cũng không làm gì được.

— Tôi hiểu. Thế cô ở đâu đến Canada?

Gương mặt người con gái bỗng nhiên buồn rầu, đôi mi sụp xuống những hồi tưởng.

— Lebanon. Ông có nghe về quê hương tôi không?

— Có, tôi biết nhiều về Lebanon. Đêm hôm qua tôi xem trên ti-vi, Beirut vẫn mịt mù khói súng.

— Ừ, người ta vẫn đang chết ở đó. Chiến tranh là một sự độc ác phải không ông?

— Và ngu xuẩn.

— Vâng, ngu xuẩn. Tôi không hiểu sao người ta không thể sống với nhau trong hoà bình!

Luân cười gượng gạo. Còn tôi, tôi hiểu tại sao. Nhưng có ích gì đâu? Chiến tranh vẫn xảy ra ở đâu đó trên hành tinh này. Dù bây giờ cộng sản hầu như đã tan rã, và chiến tranh lạnh đã chấm dứt.

— Có muôn ngàn lý do để người ta đánh nhau. Ở nước tôi cũng vậy.

Người con gái tò mò nhìn Luân:

— Xin lỗi, ông ở đâu đến đây?

— Việt Nam. Cô biết Việt Nam không?

— A, Việt Nam! Tôi có nghe và đọc về Việt Nam. Nước ông cũng như nước tôi, chiến tranh kéo dài triền miên.

— Ở nước cô, người Công giáo đánh nhau với người Hồi giáo. Còn ở nước tôi người quốc gia đánh nhau với người cộng sản.

Cô bé gật gù:

— Ừ, có trăm ngàn lý do để người ta chém giết nhau. Đâu phải chỉ vì tôn giáo, đâu phải chỉ vì ý thức hệ... Tôi nghĩ quyền lực là lý do chính yếu. Ông biết không, thuở nhỏ gia đình tôi ở Beirut. Tôi sinh

ra và lớn lên ở đó. Bố tôi là kỹ sư, mẹ tôi dạy học. Tôi có một người chị và một người anh. Chúng tôi sống rất hạnh phúc. Mỗi chúa nhật cả nhà tôi đi lễ. Chúng tôi là người Công giáo lâu đời. Chúa dạy chúng tôi yêu thương đồng loại. Và người Hồi giáo cũng là người Lebanon. Thế mà chiến tranh đã xảy ra. Mẹ tôi, anh tôi đã chết trong những trận pháo kích triền miên. Bố tôi đi nhặt xác họ trong đống gạch vụn của nhà tôi. Tôi không nhìn ra mẹ tôi. Một đống thịt bầy nhầy, một vũng máu loang lổ. Lúc đó tôi 10 tuổi. Tôi không hình dung được mẹ tôi đã chết. Tôi nghĩ Chúa đã mang bà đi đâu đó, lên thiên đường chẳng hạn, và tôi được cha Vermont giảng là thiên đường vui lắm. Tôi nói với bố tôi, tôi muốn được theo mẹ tôi lên thiên đường và lăn ra khóc ầm ĩ. Bố tôi buồn rầu ôm tôi vào lòng dỗ dành. Còn chị tôi, lớn hơn tôi 5 tuổi, đứng lặng lẽ bên quan tài mẹ, tóc tai rũ rượi, hai mắt mở thao láo, sững sờ.

Giọng người con gái đều đều, buồn bã. Những xúc động chắc đã lắng xuống, chìm sâu. Nhưng làm sao quên? Phải không? Tôi cũng vậy. Tôi nhớ. Những ngày tù khủng khiếp, những đòn tra tấn độc ác. Tôi nhớ. Cái chết treo lơ lửng trên đầu đêm mộng du trốn trại cải tạo. Cái chết oằn oại những ngày đói khát lang thang trên biển. Cái chết như định mệnh, như món quà của Satan mấy mươi năm đầy dẫy tang thương. Tôi nhớ. Tôi muốn hét lên, tôi nhớ.

Luân kìm mình lại. Cô bé bên cạnh đã im lặng. Mái tóc xõa dài phủ một nửa gương mặt Trung Đông đã lim dim mắt ngủ.

Con tàu tăng tốc độ. Tiếng động cơ rầm rì, xoa dịu, dỗ dành. Luân cũng nhắm mắt ngủ. Muốn quên đi tất cả để tâm hồn có một chút bình yên. Nhưng câu chuyện cô bé ám ảnh Luân. Thành phố đổ nát tan hoang trong bom đạn. Người đàn bà chết tức tưởi trong nhà. Những cái xác nát bét và vũng máu loang lổ. Mấy mươi năm chiến tranh, Việt Nam đâu thiếu những thảm kịch đó. Còn kinh hoàng hơn. Huế. Cổ thành Quảng Trị. Đại lộ 13. Địa ngục An Lộc. Thế tại sao bây giờ tôi không nhắm mắt được vì câu chuyện nhỏ này? Ừ, một câu chuyện nhỏ, trong hàng trăm ngàn oan trái đã đổ xuống thân phận con người. Người ta đang muốn quên đi. Người ta đang muốn lấp liếm tội lỗi để còn trâng tráo nắm bắt tay nhau. Những bàn tay đẫm máu và những bàn tay bẩn thỉu. Những kẻ đang cố duy trì quyền lực và những kẻ đang thèm khát lợi danh. Nhưng những câu chuyện nhỏ vẫn còn đó. Đầy dẫy trên mặt đất, nhất là ở đây, nơi chốn của những tạm dung, tị nạn.

Tàu dừng lại ở ga Cornwall. Năm ba người lục tục bước xuống. Vài người khệ nệ khuân hành lý lên tàu. Nắng lấp lánh ngoài cửa sổ toa tàu. Cái lầu nước đàng xa mù trong những đụn khói toả ra từ mấy cái ống khói ở thị trấn bên đường. Cánh đồng vẫn bát ngát tuyết, và rừng cây rải rác những cái bóng khẳng khiu trơ trọi buồn rầu.

*

* *

Khói tỏa lên lãng đãng từ những mái nhà ở đàng xa. Buổi sáng lành lạnh cái cảm giác vật vờ của một đêm không ngủ. Tiếng động cơ gầm gừ, ngần ngại. Con đường phía trước lặng lẽ, nhưng đầy dẫy những nguy cơ dấu mặt. Người tài xế quay lại, tiếng nói nổ ra những dồn nén, uất ức:

— ĐM, mấy ông mấy bà im giùm chút được hông? Làm gì mà om sòm vậy? Tui chạy đường nầy mười mấy năm rồi, chỗ nào yên chỗ nào không tui biết mà.

Giọng nói trầm xuống, tiếp tục lầm bầm nguyền rủa:

— ĐM cứ đặt mìn đắp mô hoài, chết ai hỏng thấy chỉ thấy chết đàn bà con nít...

Tôi ngồi ghế bìa, bên mặt là bà cụ già. Đôi mắt lõm sâu vào, gò má nhăn nheo. Mái tóc bạc búi gọn, vài sợi loà xoà hai bên mang tai. Cái áo bà ba đen nhàu nát phủ bên ngoài cái áo túi trắng đã ngả màu cháo lòng. Bà cụ mở giỏ trầu cau, bàn tay run run khi têm vôi vào lá trầu vàng héo. Cái miệng móm trệu trạo. Cái đầu lắc lắc. Tiếng nói đứt quãng. Mô Phật, cầu cho tai qua nạn khỏi...

Chiếc xe chầm chậm lách qua những khoảng đường lỗ chỗ ổ gà. Đây là khúc nguy hiểm nhất trên quốc lộ 4. Du kích từ những khu vườn rậm rạp của Cai Lậy, Cái Bè bò ra. Những phát súng bắn sẻ. Những trái mìn nội hoá. Con đường tan nát dấu vết đào đường đắp mô. Và những chuyến xe nổ tung lên trong thảng thốt, kinh hoàng. Đa số là xe đò. Thận trọng, chậm chạp lết qua, thấp thỏm sợ hãi né tránh. Nhưng làm sao được! Cái ranh ma quỷ quyệt. Cái xảo trá bịp lừa. Trái mìn chôn xuống, phủ đất lên. Cái lốp xe cầm tay lăn qua, như đã có một chuyến xe bình yên qua đó. Và người tài xế, dò mắt tìm kiếm dấu hiệu an toàn đã cán bánh xe lên nơi chốn định mệnh chung cho những phận người khốn khổ. Có một định mệnh chung cho hàng chục người không? Có số phần chung cho hàng trăm hàng ngàn người chết uất ức tức tưởi không? Có. Cái cộng nghiệp của những đời người. Nhưng bà cụ già hom hem, nhưng chị đàn bà ôm đứa bé èo uột sau lưng tôi, mấy mươi người khách đàng sau, người tài xế, và tôi nữa, đã tạo nghiệp như thế nào để bây giờ cùng ngồi trên chuyến xe với nỗi lo sợ bàng hoàng? Tôi không biết. Tôi muốn có được cái thành tâm của bà cụ già để tự trấn an mình bằng câu kinh cầu đơn giản. Lạy Trời lạy Phật cho tai qua nạn khỏi.

Một tiếng nổ các bụp trong vườn. Vài loạt đạn veo véo bắn tung toé sỏi đá trước đầu xe. Người tài xế hét lên:

— Bà con ngồi đâu ngồi đó, đừng chộn rộn nghe. Mấy ổng bắn mấy người lính đàng trước chớ không bắn mình đâu. Hồi sáng sớm đã có xe sư đoàn 7 mở đường rồi. Bà con yên tâm.

Mặc dầu trấn an như thế nhưng người tài xế cũng thắng xe lại, đưa tay vuốt mồ hôi trán, thở hổn hển. Vẻ mệt mỏi, chán chường cộng với sự lo âu giấu giếm. Tôi hỏi nhỏ:

— Nhắm được không bác tài? Hay là mình ngừng luôn ở đây đi. Chờ có đoàn xe nào qua rồi mình theo cũng được.

Người tài xế cáu kỉnh ngắt lời:

— Đâu được cậu, bộ muốn chết sao nấn ná ở đây. Dìa Sài gòn sớm chừng nào đỡ lo chừng đó.

Tôi yên lặng, cố gắng tin vào cái kinh nghiệm mười mấy năm của người tài xế. Tôi nhìn lên đầu ông. Đã hai thứ tóc. Từng tuổi đó chắc thời thanh niên ông đã lăn lộn trong những hỗn loạn của du kích, Việt Minh, những cay đắng của vô bưng, về thành. Cái huyền thoại kháng chiến xếp lại, và đời sống tẻ nhạt của một thất vọng, sụp đổ kéo dài những năm 50 đến bây giờ là định mệnh lủng lẳng nối chết trên từng tấc đường đi tới. Tôi cảm thấy những sợi tóc bạc mệt mỏi của ông đang kể về quá khứ, cảm thấy những sợi tóc đen khô cằn của ông đang nói về hiện tại. Và tôi, người thanh niên sinh viên miền Nam không chọn chỗ cho mình ra đời, được may mắn ném vào cái xã hội tuy băng hoại nhưng còn quí giá gấp ngàn lần hơn xã hội miền Bắc. Tôi đã biểu tình, đã chống đối. Độc tài không phải là điều chúng tôi mơ ước. Độc diễn lại càng là một lố bịch thách thức. Nhưng chúng tôi không tranh đấu cho chủ nghĩa xã hội, không tung hô chuyên chính vô sản như một vài người trí thức Công giáo, Phật giáo đã ngây thơ hay cố tình ca tụng. Họ là những kẻ bất mãn, đứng ở bên này sự thật nhìn cái huyền thoại đàng xa mà tự vẽ vời để đánh lừa mình và lừa dối người khác. Lịch sử đã kết thúc sau này với quà tặng đích đáng cho những kẻ hoạt đầu đó.

Bà cụ già đã ngồi thụp xuống sàn xe từ lúc nào. Chị đàn bà cũng đang loay hoay với đứa con trong lòng. Và mọi người tự động nằm bò ra sàn xe, sợ hãi, tránh né những lằn đạn từ một chỗ nào ở mí vườn xa mút. Những loạt đạn bây giờ lại bắn tung toé ra phía sau. Người tài xế nghiến răng:

— ĐM chạy luôn. Tư à, mầy còn đàng sau đó hông mậy?

Tiếng người lơ xe thở hổn hển:

— Tới luôn đi chú. Mấy ổng bắn rát quá. Coi bộ hỏng êm rồi.

Chiếc xe chồm tới. Quai hàm người tài xế bạnh ra. Hai mắt trợn trừng nhìn xuống mặt đường phía trước. Tôi ngồi xổm cạnh bà cụ già, ngước mặt nhìn. Thân xe rướn tới rùn rùn, chắc đang cố bương lên một ổ gà nào đó. Người tài xế giật cần số, động cơ gầm lên rền rĩ. Đầu óc tôi trống rỗng. Sự sợ hãi đã làm tê liệt mọi suy nghĩ. Tôi không còn thắc mắc sau khi chết sẽ đi về đâu, hay sống để làm gì nữa. Những vấn nạn siêu hình đó chỉ có trong sách vở, trong những phòng họp sang trọng đâu đó bên Âu châu, Mỹ châu. Còn ở đây, cái chết kề cận, gần gũi và có thật. Như địa ngục có thật ở Huế, như nỗi kinh hoàng bủa vây từng phút giây úp chụp xuống An Lộc, Bình Long. Ở đây cũng không có anh hùng dũng sĩ hay hèn nhát gì cả. Tôi có thể đứng thẳng lên, leo lên mui xe, phất cao lá cờ, đỏ hay vàng! Và như thế có phải anh hùng không? Hay chỉ là một thằng mất trí? Bà cụ già bên cạnh tôi sống đã bao nhiêu năm rồi. Có từng là em nuôi, chị nuôi trong kháng chiến Nam bộ, có phải là mẹ chiến sĩ trong vùng giải phóng hay chỉ là một người mẹ đáng thương của một anh lính nghĩa quân xấu số đã nằm xuống trong một trận công đồn? Bà đã sống qua bao nhiêu thời kỳ, đã yêu thương, đã oán thù, đã đau khổ, đã hạnh phúc. Bây giờ tiếc nuối gì nữa mà nằm bẹp trên sàn xe trốn tránh những phát đạn oan khiên? Tiếng đứa trẻ khóc ằng ặc trong bàn tay bóp chặt của chị đàn bà. Nín đi, nín đi con, mấy ổng kìa! Tôi chợt muốn cười. Làm như mấy ổng là ông chằn ông kẹ gì đem nhát trẻ con. Mà đâu chỉ trẻ con, người lớn nghe nói tới cũng đã xanh mặt cuống cuồng. Sự khủng bố, bạo động kéo dài đã tạo ra phản xạ có điều kiện. Và người dân miền Nam, những thị dân hiền hoà khiếp đảm trước một kẻ thù dấu mặt độc ác.

Tôi không còn thì giờ để cười. Những phát đạn đã nhắm vào chính chiếc xe đò. Tiếng kim khí rách toạc làm sởn gai ốc. Một người nào đó ở đằng sau trúng đạn rú lên đau đớn. Tiếng kêu khóc vang lên ầm ĩ, hỗn loạn. Người tài xế bậm môi đạp hết ga. Chiếc xe phóng đi như một con thú điên.

Và tiếng nổ. Tiếng nổ thảng thốt như từ một cõi nào vọng tới, lùng bùng hai lỗ tai, hất tôi ngã vào cơn mê hoảng âm u. Chiếc xe tung lên, gẫy vụn ở giữa, lật qua một bên ruộng. Tôi không còn biết gì nữa. Những tràng đạn vẫn nổ, giòn giã như những tràng cười ngạo nghễ của Satan...

* * *

Tiếng cười làm Luân giật mình nhìn ra đằng trước. Hai nhân viên hoả xa một nam một nữ mặc đồng phục đang ngồi ăn. Câu chuyện nhộn nhịp những tiếng cười thống khoái, vô tư. Có thể họ là hai người yêu nhau, có thể họ chỉ là hai người bạn, nhưng đời sống bình yên ở một góc thiên đường này xa lạ biết bao với những phần địa ngục khác cũng trên cùng hành tinh. Luân nhớ đến câu nói của cô bé Lebanon. Tôi không hiểu sao người ta không thể sống với nhau trong hoà bình? Có thể chứ. Đấy, đời sống trước mặt đấy. Hãy trận trọng cô bé ạ. Cô đã đánh mất tuổi thơ của mình để tìm thấy chốn tạm dung độ lượng này. Hãy sống và hãy yêu thương nó. Những bất công nho nhỏ chỉ là những thử thách đời thường để hãnh diện vượt qua. Luân nói với cô bé hay tự vỗ về mình? Một sinh viên Việt Nam khi vượt biên đến Đức, đã biên thư về cho mẹ: Bây giờ thì con hoàn toàn tự do. Tương lai ở trong tay con. Và con đang bắt đầu lại đời mình. Vâng, tôi cũng bắt đầu lại đời tôi. Từ những năm 40. Có chậm trễ gì đâu. Người ta có tới 100 năm để sống cơ mà. Tôi lạc

quan quá hả? Ừ, tại sao không? Quá khứ là những trang sử đã lật qua, không phải để quên đi, để hoà hợp hoà giải, mà là để học hỏi. Tôi không tha thứ cho tội ác. Nhưng phải bắt đầu một cái khác. Tốt đẹp hơn. Từ những đổ nát của lịch sử, từ những tan rã của tâm hồn. Ngồi than khóc hoài cho những thảm kịch đã qua có ích gì đâu! Tự do, dân chủ không phải tự nhiên mà có được.

Cô bé Lebanon đã thức giấc, quay sang Luân cười ngượng ngập.

— Phần ăn trưa của cô đó. Đêm qua cô không ngủ hả?

— Không. Nhưng tôi có thói quen mỗi khi lên tàu là phải ngủ một giấc.

Luân quay lại với tờ *Reader's Digest* trong tay và tiếp tục đọc bài báo *Inside China's prison for profit*. Một người đàn ông Tàu bị giam 19 năm trong những trại tù Trung cộng, thoát được sang Mỹ, bây giờ đang trở lại. Không phải để "tìm chất liệu viết văn", cũng không phải để tìm vui trên thân xác những người con gái nghèo khổ tại quê nhà. Anh trở lại để phanh phui cho thế giới nhìn thấy tội ác của cộng sản trên quê hương anh. Với cái máy ảnh dấu kín trong người, khi giả dạng nhà buôn, khi làm dân địa phương, Harry Wu đã tìm về những địa ngục đốt cháy mười mấy năm tuổi trẻ đời anh. A, thì ra vẫn còn có những người can đảm. Harry Wu biết chắc nếu anh bị bắt lại là muôn năm. Tù ngục và chết chóc. Nhưng anh không sợ. Đời sống đôi khi là thừa thãi nếu người ta không hoàn tất được những nung nấu trong lòng. Phải không?

Harry kể về những trại cưỡng bách lao động, những trại tập trung khổ sai. Con người như con vật. Những hình phạt man rợ. Những tra tấn bệnh hoạn. Và trên cùng là cái băng đảng ma quỉ. Cộng sản thì ở đâu cũng vậy. Rập một khuôn. Cũng những danh từ đẹp đẽ, những sơn phết loè loẹt, che đậy những tội ác kinh tởm, bẩn thỉu.

Bức ảnh một góc nhà tù hiện ra trong ống kính của người đàn ông Tàu dũng cảm. Cái lô cốt bằng gạch đỏ sừng sững trên tường thành căng dây kẽm gai. Quen thuộc quá. Hình như tôi đã thấy ở đâu rồi thì phải. Ở Rạch Giá? Ở Bến Tre? Không, ở khám lớn Vĩnh Long. Ừ, quen quá. Nhưng không phải. Khám lớn Vĩnh Long cũ kỹ hơn nhiều. Hai tầng cửa sắt. Mở ra những tự do bát ngát bên ngoài, mở ra những sinh hoạt bình thường nhộn nhịp. Một buổi chiều đã mở ra trước mặt Luân. Tên công an xô Luân bước vào, và cánh cửa đóng lại. Đóng lại những lo âu, căng thẳng sau lưng. Đóng lại những hy vọng, dự phóng liều lĩnh. Chấm dứt một quãng đời và bắt đầu một cuộc sống khác. Cuộc sống của những con thú người. Trần truồng, bẩn thỉu, đói khát, thèm thuồng. Thèm từng giọt ánh sáng trong bóng tối xà lim. Thèm từng miếng đường chảy rớt xuống nền xi-măng đen bóng mồ hôi từ trùng điệp đời tù. Anh cố vấn chiến khu nằm cạnh anh sư đoàn trưởng. Anh bác sĩ ngồi chồm hổm cạnh bác nông dân già. Tất cả, tất cả quay cuồng trong trận đồ bát quái lừa bịp của B2.

Này, tỉnh dậy đi. Anh nằm mơ hả? Anh thấy gì mà la hét kinh hoàng vậy? Người Luân lạnh toát, mồ hôi đầm đìa. Đêm thẳng thốt ngọn đèn lù mù trên nóc xà lim. Đêm vật vã cái nóng của mùa hè nhiệt đới. Thôi im đi. Có ai muốn nghe anh đâu. Không, hãy để cho tôi nói. Tôi không có can đảm về Việt Nam phanh phui tội ác bọn chúng, như Harry Wu, nhưng ở đây để cho tôi nói chứ. Thôi quên đi. Hãy để cho người ta sống. Hãy để cho người ta yên ổn lương tâm. Ăn nhậu chó gì được khi anh cứ kê tủ đứng vào miệng người ta như thế này... đồ quá khích!

Luân im lặng. Một người nào đó rêu rao rằng chúng tôi ẩn ức tâm lý. Kể về những thảm kịch, ve vuốt nỗi đau quá khứ như con chó liếm vết thương mình. Như tên khổ dâm hễ hả khoác lạc trong cơn đau đớn dày vò. Luân im lặng. Tranh luận với những người đó thà nói chuyện với cái đầu gối còn hơn. Tôi không than vãn. Tôi nhắc nhớ. Tôi nhắc cho chính tôi và cho con cháu tôi. Có một thời, tội ác đã được tôn vinh như thế. Căm thù là đạo đức, và những kẻ sát nhân là anh hùng. A, cái phạm trù triết học (!) này xa lạ biết bao với chúng ta, cũng như nơi chốn mệnh danh là lương tâm nhân loại đã là chỗ hình thành những quyết định điên cuồng khát máu dã man. Và bây giờ, vẫn ở đó, cái ngu dốt và ngoan cố vẫn ngự trị. Làm sao quên? Ngay cả bọn họ cũng có quên bao giờ đâu? Hay nghe Bùi Tín cao ngạo ca tụng chủ nghĩa cộng sản. Hãy xem Dương Thu Hương miệt thị bôi bẩn người lính cộng hoà. Làm sao quên? Cả nỗi đau và lòng kiêu hãnh. Anh thử xem. Trừ phi anh mất trí. Trừ phi thời gian làm thoái hoá đi những tế bào não như Alzheimer. Đấy, tôi sợ điều này. Vì vậy mà tôi cứ nhắc đi nhắc lại. Cho mình. Để không bao giờ quên.

*

* *

Tàu đã tới ga Kingston. Luân thu xếp hành lý, bỏ quyển sách vào va-ly, mang găng đội mũ. Mấy ngày nay trời đột nhiên trở lạnh. Có lẽ là đợt rét cuối cùng để chuyển sang mùa xuân. Đã giữa tháng ba rồi còn gì. Khi bước vào trong nhà ga, Luân quay lại tìm cô bé Lebanon. Định chúc cô một cuối tuần hạnh phúc với gia đình. Nhưng cô bé đã bỏ đi đâu mất. □

nhớ

Trời hôm nay không nắng
vì có đám mây giăng
nhớ em, anh quên áo
nên nỗi buồn đóng băng.

trần huy phương

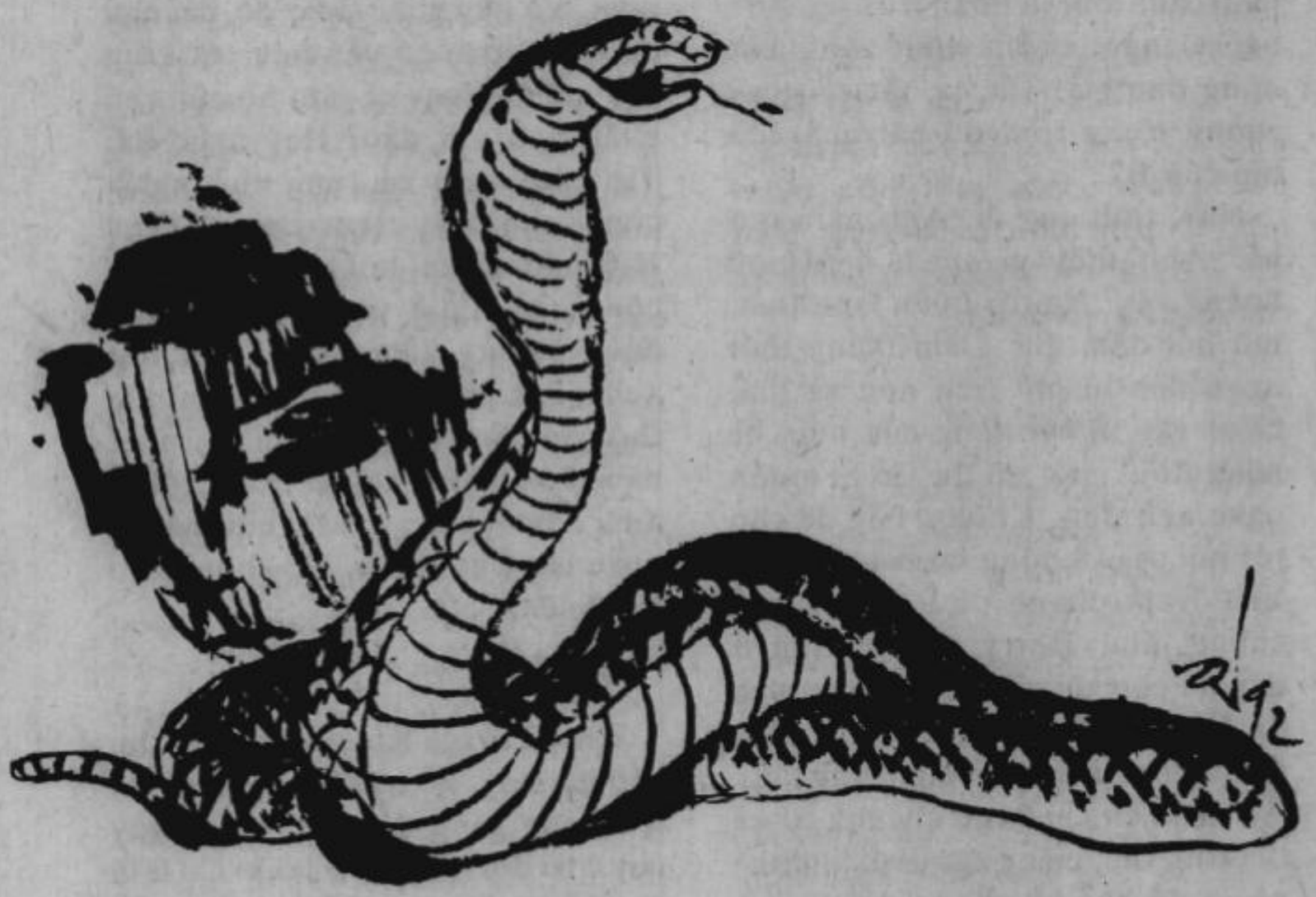
xóm cũ

LTS.—Để gợi lại, chia-sẻ và giữ-gìn những kỷ-niệm của đời người bên cạnh nét đẹp quê-hương, tòa-soạn xin mở mục "Xóm Cũ" để chào-đón các bài viết về phong-thổ, con người, phong-tục tập-quán, đất nước quê-hương. Hãy ghi-chép lại, trước khi kỷ-niệm chìm sâu. Hãy phơi trải, trước khi lớp bụi thời-gian phủ mờ ký-ức. Viết về Một lượm lúa, một cánh vạc, một câu hò, một ngôi miếu, một cảnh chùa, một dòng sông, một trái núi, một bờ kênh nơi bạn đã ra đời, lớn lên hay đã thắt chặt một mối tình đằm-thắm. Hãy sớt chia, để được gìn-giữ. Các bài viết trong mục này sẽ được chọn-lọc và lần-lượt in thành sách, lưu lại đời sau.

Xin mời bạn lên đường, đưa ngòi bút trở về Xóm Cũ...

Miếng Ngon Quê-Hương

Nguyễn Thanh



RẮN HỔ ĐẤT, RẮN MÁI GẦM

Ở Việt Nam, trong các loại rắn chỉ có rắn mái gầm và rắn hổ đất có nọc độc giết người mau lẹ. Nông dân đã mô tả đặc tính này qua câu:

Mái gầm tại lỗ, rắn hổ về nhà

nghĩa là nọc độc rắn mái gầm cực mạnh, nếu bị cắn, nạn nhân sẽ chết liền tại chỗ, còn bị rắn hổ cắn thì chậm hơn, về đến nhà mới chết.

Ở quê khi xưa còn nhiều rừng bụi, nơi sanh sản của các loài rắn rít, trú ẩn gây tai họa cho nhà nông không ít. Nhưng sau này, vì dân số ngày một gia tăng, đất đai được phát hoang để trồng trọt nên rắn rít không nơi trú ẩn, phải rút vào đồng xa ruộng sâu.

Rắn mái gầm không lớn con lắm, dài tối đa 5, 6 tấc, lừ đừ chậm chạp. Da rắn màu vàng đen, sanh sản ít, hay ẩn mình dưới lớp lá khô cây mục, đống rơm khô cho trâu bò ăn, hoặc vũng nước đục chỗ hang cua, hang còng nơi bờ sông mé rạch để chờ bắt cá. Nông dân bị rắn mái gầm cắn là vì vô ý đạp nhằm rắn, hoặc khi thò tay vào hang cua hang còng bắt cá gặp rắn khoanh mình nằm đó.

Vì rắn mái gầm quá độc nên khi bắt được rắn, không ai dám ăn thịt. Họ nổi lửa lên đốt, thiêu hủy hai hàm răng chứa nọc độc rồi đem quăng xuống sông hoặc đem chôn.

Rắn hổ lại khác. Cũng thời rắn hổ nhưng có ba bảy loại: hổ hành vảy xanh láng, lúc nào cũng toát ra mùi hành nồng nặc; hổ mây vảy to đen trắng xen lộn, giống vỏ trái mây; hổ chuối vảy xám; hổ đất vảy đen; hổ ngựa hay rượt mồ người; hổ lửa... Ngoài các loại hổ đất, hổ mang có nọc độc giết người, mấy loại hổ kia không mấy nguy hiểm. Khi nông dân bị rắn cắn, họ ví như chó cắn vậy thôi, chỉ cần lấy dao dâu xắt chuối heo ăn liếc trên dấu răng 7 lát là xong.

Nọc độc rắn hổ đất có khả năng giết người trong nửa giờ, nhất là loại rắn hổ ba khoang, mình láng mướt như thoa mỡ, cổ có ba khoang vàng. Rắn hổ thường sống nơi vườn cây bụi rậm, sanh sản nhiều, mỗi năm lột da một lần. Thức ăn của rắn là chuột, cóc, ếch, nhái, cá; đôi khi rắn hổ còn liều lĩnh bò vào sát hè nhà bắt gà con, vịt con mới nở.

Rắn hổ đất tuy có nọc độc giết người nhưng thịt rắn lại ngon tuyệt hảo. Ai từng nếm qua một lần đều biết rắn hổ là mồi đưa cay hấp dẫn cho dân làng nhậu. Thịt rắn hổ

thơm ngọt, chế được nhiều món ăn rất ngon như tiềm thuốc bắc, nấu cháo đậu xanh, xé phay trộn rau răm củ hành, xào lăn bún tàu củ hành nước cốt dừa, bầm xào xả ớt xúc bánh tráng, hay khìa với nước dừa xiêm...

"Rắn hổ nó bổ về dương", đây là câu cửa miệng của các tay nhậu thuộc "hội ve chai" trong làng. Đúng hay sai chưa biết, nhưng máu rắn hổ hoà tan với rượu trắng được nhiều người cho là rất hiệu nghiệm trong việc trừ phong giải nhiệt, chỉ cần uống một ly nhỏ cỡ "xây chừng" là ngủ một lèo đến sáng.

Thỉnh thoảng, khi nông dân hốt được trọn ổ rắn hổ mới nở cỡ 5, 7 con dài chừng 1 tấc, to bằng cây viết Bic, họ đập chết rồi đem về rửa sạch, ngâm vào keo rượu trắng với vài vị thuốc bắc để uống trị phong thấp nhức mỏi.

Đồng Tháp Mười từ xưa vẫn là nơi hoang vu lùm bụi cây cối um tùm, quanh năm không dấu chân người, là môi trường thuận tiện để hổ đất sanh sản, tăng trưởng mau lẹ. Có con sống lâu năm to bằng cườm chân, dài 6, 7 thước, nặng 4, 5 kí. Mỗi năm đến mùa nước nổi, hang ổ bị ngập lụt không nơi nương trú, rắn bò lên các lùm cây, quấn mình xà nẹo nhau một chùm năm bảy con nằm phơi nắng và đón mồi, chờ nước rút sẽ trở về hang ổ.

Nông dân các vùng lân cận như Long Xuyên, Rạch Giá, Cai Lậy, Mộc Hoá.v.v.. đến mùa nước nổi dâng cao chưa cày cấy được, họ rủ nhau năm, bảy xuồng vào miệt Đồng Tháp Mười đâm rắn hổ, đem ra chợ bán lấy tiền tiêu. Họ phải chuẩn bị cơm nước cho hai ngày vì đường xa, phải ngủ đêm trên xuồng.

Xuồng lướt nhẹ trên ngọn cỏ chìm dưới mặt nước. Từ xa họ đã trông thấy những con rắn hổ to lớn nằm đan mình vào nhau phơi nắng ấm. Xuồng từ từ cặp nhẹ vào bụi rậm vừa tầm tay phóng chĩa. Họ ngắm nghía, lựa con nào lớn đâm trước. Rồi a-lê, một hai ba, họ hè nhau đâm một lượt. Những mũi chĩa thiện nghệ cùng lúc phóng tới tấp vào mình rắn. Bị trúng thương, rắn quần quại phản ứng dữ dội, cố dùng thân mình bẻ gẫy mũi chĩa, đầu rắn cất cao như bàn nạo dừa, le lưỡi phun khè khè mổ tới tấp về phía trước trông thật khiếp đảm. Nhưng dù có phản ứng mạnh, rắn cũng không làm sao bẻ gẫy được mũi chĩa sắt kiên cố. Những con còn lại nghe động, hoảng sợ phóng mình xuống nước lặng lẽ trốn mất.

Mỗi mũi chĩa dính một con. Ngạnh chĩa quá chắc, rắn không thể sút ra được. Họ dùng lưỡi câu bắc hoặc cây sào đè đầu rắn xuống mạn xuồng, lấy kềm nhổ răng có nọc độc liệng đi, xong lấy kim chỉ may bít miệng rắn lại bỏ vào giỏ. Chỉ trong hai ngày, họ bắt được khá nhiều rắn bỏ đầy các giỏ, bò lểnh nghểnh trông phát ớn, để hôm sau mang ra chợ bán. Khi khách hàng trả giá xong, anh bán rắn đưa tay vào giỏ bắt. Rắn khè một cái và mổ tới tấp vào tay anh nhưng vì đã bị bẻ răng, may miệng nên rắn không còn nguy hiểm nữa.

Vào những năm 1925-1926, một con rắn hổ dài 1 thước 4, nặng 3 kí giá 7 cắc bạc, dư dả cho mười tay nhậu đánh chén một bữa ngon lành. Người dân miền sông Hậu được ăn thịt rắn đều đều trong ba tháng mùa nước nổi.

CÁ RÔ

Cá rô là loại cá nước ngọt, nhỏ, vảy cứng, xương rắn, hay rạch ngược dòng nước, rất được ưa chuộng. Cá rô trải qua ba thời kỳ tăng trưởng: rô mén, rô lứa và rô mề.

Vào mùa mưa, khi nước vừa ngập đồng ruộng chừng vài tấc thì loại rô mén nhỏ bằng ngón tay cái, từ các mương cống sông rạch tràn ra ruộng lúa cả bầy cả lũ để kiếm mồi.

Trong những năm chiến tranh, dân Sài gòn ít khi dám đi xa, sợ Việt cộng đắp mô đào đường phục kích, nên họ giải trí bằng cách đi câu cá rô quanh quanh nơi vùng lân cận như An Lạc, Bình Chánh, Gò Đen, Bà Điểm, Bà Quẹo.v.v...

Muốn câu cá rô, ta xuống chợ Cũ đường Hàm Nghi, đặt mua những lưỡi câu ngạnh do thợ chuyên môn sản xuất. Vì là đầu mùa mưa toàn là cá rô mén nên ta phải chọn lưỡi câu thật bé để cá ngoạm vừa miệng. Đồng thời ta nên đặt mua luôn một mớ trứng kiến vàng cũng do người bán lưỡi câu cung cấp. Trứng kiến vàng là mồi ngon hẩu nhất của rô mén, hơn cả mồi trùn cơm hay trùn hổ.

Rô mén rất háu ăn, khi nước vừa ngập ruộng chúng tràn lên đồng xoi rỉa theo gốc lúa kiếm mồi cả bầy cả lũ. Lưỡi câu móc mồi vừa quăng xuống, rô mén đua nhau đến tranh ăn, xuyên qua làn nước trong vắt trông rõ mồn một. Vào một ngày cuối tuần đẹp trời, một người có thể câu được từ 100 đến 150 con cá rô mén.

Rô mén vì mới nở nên nhỏ con, thịt thà chẳng bao nhiêu, nếu đem đánh vảy chặt bỏ kỳ vi thì không còn gì. Ta phải có cách khác: dùng cát to hột để vào rổ chà xát cho rô mén tróc hết vảy, đoạn rửa sạch bắc lên chảo mà chiên với bơ Bretel cho thật vàng, sắp ra dĩa bàn, đem chấm nước maggie hay mayonnaise hoặc cuốn bánh tráng rau sống chấm nước mắm tỏi ớt thì không gì ngon bằng. Cá nhỏ, nên nhai luôn cả xương xẩu dòn rụm mà không sợ mắc cổ.

Cũng thì thửa ruộng ấy, cũng địa điểm này nhưng chỉ vài tháng sau khi trời mưa già, cá rô mén trở nên rô lứa, trung bình lớn bằng ba ngón tay kẹp lại. Lúc này cá đã lớn, rất khôn nên ít chịu ăn mồi. Mỗi ngày ta chỉ câu được năm, bảy chục con là nhiều. Rô lứa khá nhiều thịt nên ta có thể chế biến nhiều món như chiên, nấu canh hoặc kho...

Rô mề loại lớn kêu là cá rô chúa, con lớn nhất bằng bàn tay xoè, nhưng quanh vùng thủ đô rất hiếm loại này. Muốn câu rô mề, ta phải chịu khó đi sâu vào vùng Hậu Nghĩa, Đức Hoà, Đức Huệ... là nơi giáp ranh Đồng Tháp Mười bao la

bát ngát. Nơi nhiều cá rô mề nhất thuộc các tỉnh lỵ ven Đồng Tháp như tam giác tỉnh Long Xuyên-Cần Thơ-Rạch Giá, miệt thứ Láng Sen, Cờ Đỏ, kinh Xà No, Chương Thiện.v.v...

Muốn câu cá rô mề ta phải chuẩn bị mồi. Trước đó một bữa, ta tìm bắt một mớ cào cào, châu chấu, dế.. là những món hấp dẫn cá rô mề nhất. Khi loại côn trùng này bay nhảy trên cành cây ngọn cỏ, rủi rớt xuống mặt nước thì lẹ như chớp, cá rô mề phóng mình lên đớp nghe cái chóc. Vì thế ta phải rộng sống mớ mồi cào cào châu chấu này trong lồng dây chì để khi thả mồi xuống nước, con mồi còn dãy dụa linh động hầu hấp dẫn cá.

Sắp đặt một chuyến đi năm, ba xuồng cho có bạn, mỗi xuồng có ít lắm là hai người, đem theo hàng chục lưỡi câu phòng hờ khi cá ngoạm mồi rút sâu vào gốc cây ngầm dưới nước, giựt mạnh sẽ bị đứt dây. Chuẩn bị cơm nước cho một ngày đường và phải khởi hành thật sớm, từ 2, 3 giờ sáng sao cho khi đến địa điểm câu, trời còn mát. Sáng tinh sương mát, cá rô mề hay lên mặt nước đớn mồi nên dễ câu, đến trưa trời nắng nóng, cá rút vào các rễ cây bụi cỏ nên ít ăn mồi. Địa điểm nào có đầm sen trũng sâu, nước ngập khỏi đầu là nơi qui tụ nhiều cá rô mề.

Cần cẩn thận, thấy cá đớp mồi đừng nên giật câu ngay. Phải chờ cho cá lôi nhợ câu đi xa, lúc đó hãy giật mạnh thì không bao giờ xẩy được. Thích thú nhất là khi ngắm con cá rô mề mập ú, vảy đen ánh ửng màu tía, vùng quẫy tìm đường thoát, được gỡ lưỡi câu, bỏ vào giỏ rộng sống nơi be xuồng. Ăn cá cũng thích nhưng câu được cá mới càng thích thú hơn.

Câu từ sáng sớm đến xế chiều khi trời ngả bóng, thâu hoạch được một rộng lớn cá rô mề, ta nhổ sào trở về, không quên hái một mớ bông sen về cúng hay ướp trà, gương sen cho trẻ con ăn rất mát; nhổ một mớ bông súng về ăn với mắm kho, nhổ mớ củ co và vớt mớ trái ấu nổi lềnh bềnh về luộc ăn bùi như hột mít.

Cá rô mề lớn con, thịt dai, thơm và ngọt, chế biến được nhiều món ăn khác nhau, đại khái như:

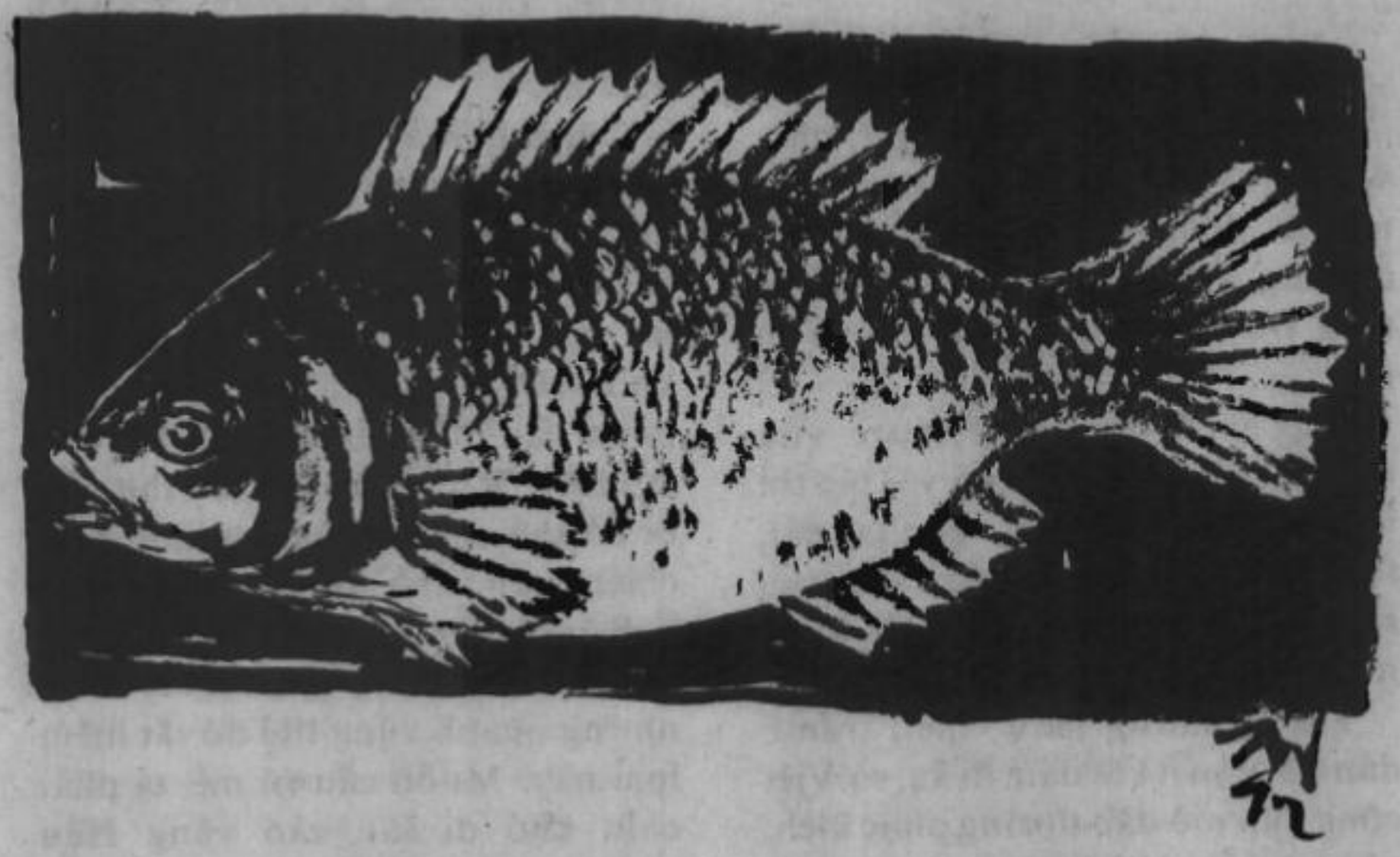
* Rô mề nướng: Bắt cá rô mề làm vảy cạo nhớt cho sạch, mổ bỏ ruột cá nhưng phải giữ lại đùm mỡ trắng và mề cá lớn bằng ngón tay cái (rô mề) vì hai thứ nầy là phần ngon nhất của con cá. Rửa cá cho sạch. Chặt cành tre tươi chẻ đôi cặp gắp cá lại, để trên ngọn lửa than nướng chín. Ta phải theo dõi trở bên cho đều. Khi cá chín vàng, mình cá nứt nẻ tươm mỡ thì lấy xuống, sắp ra dĩa, giầm nước mắm hòn tỏi ớt mà ăn thì tuyệt hảo, hết nồi cơm lúc nào không hay.

* Rô mề kho tộ: Làm cá cho kỹ, rửa sạch để vào tô sành (đá) lớn, chứa được 5, 7 con một lúc, ướp tỏi, mỡ, tiêu, hành, nước mắm, đường, bột ngọt cho vừa ăn, xong bắc lên lửa than cháy liu riu, đừng để ngọn lửa quá lớn, lửa táp hôi khói không ngon. Canh chừng đến khi nước cạn sền sệt đáy, ta chế mỡ nước, rắc tiêu sọ và hành lá, đem xuống ăn với cơm gạo nàng hương thì ngon tuyệt. Muốn hưởng trọn vẹn mùi vị cá rô mề kho tộ, ta chỉ nên ăn một món này mà thôi.

* Rô mề nấu ngót: Bắt cá rô mề lớn, mập làm sạch như trên. Xong, lấy một soong nhôm to đun nước cho thật sôi, nêm chút bột ngọt và nước mắm cho vừa ăn, để sôi chừng vài dạo hãy bỏ cá vào. Trở cá cho đều, khi cá vừa chín tới mới bỏ cà chua xẻ đôi, rau tần ô, hành lá cắt khúc và tiêu sọ rồi múc ra ăn.

* Rô mề muối sả ớt: Cà làm sạch, lấy dao bén khứa hai bên thân cá độ ba hay bốn lát thấu tới xương, đoạn đâm củ hành, tỏi cho nhuyễn, trộn với sả ớt, bột nghệ, ướp sương sương với muối bọt để cách đêm, chờ cho cá thấm muối, ngày hôm sau ta mới lấy ra chiên vàng. Món này tuy quê mùa nhưng cũng không kém phần ngon miệng.

Muốn tìm lại mùi vị quê hương, ta có thể ra các tiệm thực phẩm Á Đông, mua các loại cá nước ngọt đông lạnh nhập cảng từ Thái Lan. Tôm cá tuy to nhưng không làm sao thơm ngon như tôm cá quê hương. Không biết có phải vì thủy thổ hay vì tâm tình ta luôn luôn nhớ về đất cũ? □



Kinh Bắc Cổ Xưa

Bùi Xuân Đáng

Trong giang sơn gấm vóc đất Việt, mỗi địa phương có một vẻ đẹp riêng, độc đáo. Cảnh quang thiên nhiên Kinh Bắc (Bắc Ninh) là một cảnh quang đa dạng và phong phú. Nó có đồng ruộng mông mênh, có vùng trung du rộng thoáng và có cả núi rừng trùng điệp. Kinh Bắc tuy không có biển, nhưng như để bù đắp vào chỗ thiếu hụt đó, thiên nhiên ưu đãi tặng cho một hệ thống sông ngòi dầy đặc, và gió biển đông thổi lộng vào đến tận vùng Yên Thế, Hiệp Hoà. Mỗi vùng trong ba vùng địa lý tự nhiên của Kinh Bắc có một cảnh vật với những màu sắc, âm thanh và hương vị khác nhau.

Từ Hà Nội muốn sang Kinh Bắc, du khách phải vượt sông Nhị. Bởi vậy nhà thơ Kinh Bắc Nguyễn Tư Giản (1823-1890) đã giới thiệu với bạn mình, nhà thơ Gia Định Nguyễn Thông (1827-1894) về quê hương mình như sau: *"Nhà tôi ở bắc Nhị hà, quê hương của bạn lại là Cửu Long"*. Từ đấy mở ra một vùng đất nước lâu đời với nhiều di tích cổ kính như đình, chùa, miếu mạo, đền, lăng, thành, quách...

Tại thôn Á Lữ xã Đại Đồng Thành vẫn còn lăng và bia của Kinh Dương Vương. Khu lăng này gợi nhớ về tập thể những nông dân đầu tiên khai phá lưu vực sông Hồng, thành lập những ruộng Lạc (Lạc điền) trên mặt đồng bằng Bắc bộ. Đó chính là những ông Đồng khổng lồ (bóp chết rắn, cắn nát núi, húi sạch rừng, bưng ngang lũ) trong buổi bình minh của lịch sử dân tộc. Đền Đổng Xung Thiên Thần Vương ở xã Phù Đổng, đền thờ mẹ ông ở Thị Cầu, di tích võ công ông còn ở khắp vùng Võ Ninh Trâu Sơn, ghi dấu mãi hình ảnh vĩ đại của người anh hùng giữ nước.

Kinh Bắc xưa kia là một trong những vùng thể hiện sinh động và phong phú nền văn minh sông Hồng. Từ thế kỷ thứ ba trước công nguyên, vùng này đã là nơi đô hội. Những sự kiện lịch sử dựng nước và giữ nước đầu tiên đã gắn chặt kinh đô Cổ Loa với vùng Vũ Ninh. Sau Cổ Loa 3, 4 thế kỷ, các thành thị Luy Lâu và Long Biên lại vang bóng một thời bởi nó là nơi giao tiếp thương mại và văn hoá nối liền với Ấn Độ, Đông Nam Á và Trung Hoa; nơi thể hiện bản lĩnh văn hoá dân tộc trong cuộc đấu tranh trực diện với chính sách đồng hoá dai dẳng và dã man của Bắc phương, đồng thời tiếp thu tinh hoa của các nền văn hoá đó. Đây cũng là nơi dồn tụ nhiều cuộc nổi lên đòi độc lập của dân ta dưới sự chỉ đạo của Hai Bà Trưng (40), của Lý Nam Đế (541). Vùng quê này đời đời ghi nhớ võ công hàng chục nữ tướng của Hai Bà; các làng ven sông Cầu thờ anh hùng Trương Hống, Trương Hát, tướng của Triệu Việt Vương. Trận quyết chiến Lãng Bạc, đất nước Vạn Xuân và kinh đô Long Biên vẫn sáng chói trong ký ức lịch sử dân tộc.

Sau chiến thắng Bạch Đằng (938), bắt đầu một thời kỳ độc lập và tự chủ lâu dài. Trong thời gian này, các công trình văn hoá nở rộ trên xứ Bắc. Nhân dân, bằng lao động và tài hoa, đã dựng nên những ngôi chùa, ngôi đình nổi tiếng: chùa Dâu, chùa Phật Tích, chùa Đạm, chùa Bút Tháp, chùa Bách Môn, đình Gành, đình Hồi Quán, đình Bảng...

Cảnh quan xứ Bắc trở nên tươi đẹp hơn. Nhiều văn nhân thi sĩ đã ca ngợi vẻ đẹp của vùng non nước này:

Bóng chiều vương tháp, bóng chùa xa
Bốn dịp cầu soi, sóng giát ngà
Sương vén lụa đồng chân mây rộn
Mùa lạnh, chòm phong đỏ sắc hoa.

(Nguyễn Ức, thế kỷ 14)

Thiên Đức là đây cố đế đô
Danh lam thắng cảnh cũng Bồng hồ
Trần gian dấu cũ đâu không có
Cứ hỏi thần tiên chuyện hữu vô

(Nguyễn Phi Khanh, 1355-1428)

Các di tích lịch sử này còn được mô tả sinh động trong thơ văn Chu Văn An, Nguyễn Trãi, Phạm Nhân Khanh, Phạm Sư Mạnh, Lê Quý Đôn, Võ Lãm.v.v..

Sông Cầu, sông Tiêu Tương, ngòi Tào Khê, đồi chè núi Đạm, núi Thiên Thai, núi Phả Lại, đền vua Lý, đền Ỷ Lan, đền Thánh Gióng, chùa Kim, chùa Bách Môn, chùa trăm gian, chùa Phật Tích, truyền thuyết Phù Đổng Thiên Vương, cổ tích Trương Chi, sự tích các ông tổ nghề gốm, nghề đúc đồng... đã khiến Kinh Bắc trở thành một trong những cái nôi của văn hoá dân tộc, quê hương của các cô gái xinh đẹp, đảm đang, đa tình đa cảm trong đó có nguyên phi Ỷ Lan và thân mẫu thi hào Nguyễn Du. Kỷ niệm về những bậc tiền nhân giữ nước các thời Đinh Lê Lý Trần Lê, những anh hùng trong thời cận đại như Nguyễn Cao (Tán Cao), Hoàng Hoa Thám (Đề Thám) vẫn được thể hiện trong hàng nghìn đình chùa đền miếu còn lại trên quê hương. Những sự kiện ấy đã xuất hiện và sẽ còn tiếp tục xuất hiện.

Sau đây chúng tôi xin giới thiệu vài di tích tiêu biểu của miền Kinh Bắc.

CHÙA PHẬT TÍCH

Chùa thuộc xã Phật Tích, huyện Tiên Du. Văn bia (Vạn Phúc đại thiền tự bi) dựng ở chùa năm 1686 có ghi: Vua thứ ba triều Lý, năm Long Thụy Thái Bình thứ tư, cất lên cây tháp quý 1000 trượng, dựng lại pho tượng mình vàng cao 6 thước, cấp cho hơn 100 thửa ruộng xây chùa hơn 100 toà. Khoảng năm 1930-1940, trường Viễn Đông Bác Cổ phát hiện được dưới nền chùa một số viên gạch có in chữ Hán "Lý triều đệ tam đế, Long Thụy Thái Bình đệ tứ niên".

Chùa xây vào năm 1057, dưới triều vua Lý Thánh Tông. Vùng Phật Tích là nơi ra đời và lưu truyền huyền thoại về các vị thần liên quan tới nghề nông như bà Tổ Cô, bà chúa Vĩnh, bà chúa Quốc Hoa, chuyện Vương Chất và Từ Thức.

Trong khuôn viên chùa có nhiều ngôi bảo tháp rất cổ, xây bằng đá hoặc bằng gạch bát tràng nung già. Trước mặt chùa có 10 con giống bằng đá, cao khoảng 2m, tạc nguyên khối vào bệ. Những thạch thú này là voi, ngựa, tê, ngưu, sư tử; mỗi thứ một đôi, trông rất linh động, phô diễn được nghệ thuật điêu khắc tinh tế đời Lý. Tượng thờ trong chùa rất nhiều, tổng cộng 88 pho, trong số có nhiều pho đặc sắc phản ảnh được nghệ thuật phong phú và tế nhị của người xưa.

Từ thời Lý sang thời Trần, đây là trung tâm Phật giáo của đất nước. Dưới thời Trần, trên núi Lạn Kha có lập một thư viện lớn do danh nho Trần Tông trông coi. Trong khoảng những năm 1377-1388, chùa là nơi tổ chức các khoa thi thái học sinh (tiến sĩ).

Là nơi danh thắng, chùa ghi nhận sự thăm viếng của vua Lý Thánh Tông. Năm 1071, tự tay vua đã viết chữ Phật (佛) dài 1 trượng 6 thước và sai khắc để dựng ở chùa. Cũng tại đây, năm 1383, vua Trần Nhân Tông đã sáng tác tập thơ *Bảo Hoa Dư Bút*.

Năm 1686, đời Lê trung hưng, chùa được trùng tu với quy mô lớn và đẹp. Nhưng đến khoảng năm 1946-1947, khu danh thắng này đã bị giặc Pháp phá hủy. Di tích còn lại chỉ là lớp nền bằng đá ong, 5 đôi thạch thú, những ngọn tháp sư, các tảng đá kê chân cột và pho tượng A Di Đà ngồi trên bệ sen, miệng mỉm cười trước cảnh tang thương biến đổi.

CHÙA BÚT THÁP

Chùa tên chính là Ninh Phúc, ở làng Bút Tháp thuộc phủ Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh. Đây là ngôi cổ tự đứng vào hàng quy mô dài lớn nhất hiện nay và nổi tiếng với các tác phẩm điêu khắc và kiến trúc.

Không rõ đích xác chùa được xây vào năm nào, nhưng có lẽ là vào đời Trần, thế kỷ thứ 13, khi sư Huyền Quang đỗ trạng nguyên năm 1297 đến trụ trì ở đấy. Chính ông đã cho dựng ngọn tháp Cửu Phẩm Liên Hoa. Đời Lê trung hưng, hai vị cao tăng đạo đức nổi danh bấy giờ là Chuyết Công và Minh Hành đều tu trì tại chùa này. Công chúa Diệu Tuệ (Lê thị Ngọc Duyên) và hoàng hậu Diệu Viên (Trịnh Thị Ngọc Trúc) cũng quy y tại đây.

Năm 1647, chùa được đại trùng tu. Toàn bộ kiến trúc gồm 10 ngôi nhà với 162 gian, chia làm hai trục chính. Bên phải chùa sừng sững ngọn tháp đá Bảo Nghiêm nổi tiếng, cao 13m; đằng sau chùa có ngọn tháp Tôn Đức cao 10m. Các đợt tu sửa sau đó được ghi trên bia là vào các năm 1739, 1903, 1915, 1921.



Làng Văn 62

Chùa Bút Tháp chứa rất nhiều tác phẩm điêu khắc và kiến trúc tiêu biểu cho nghệ thuật cổ Việt Nam. Trong đó có những tác phẩm nổi tiếng như: Pho tượng thiên thủ thiên nhẫn Quan Thế Âm; tháp gỗ Cửu Phẩm Liên Hoa cao chín tầng, có thể xoay tròn được; tháp bát giác năm tầng bằng đá, chóp nhọn tựa cây bút, do đó mà chùa mang tên Bút Tháp. Ngoài ra phải kể tới 91 bức trạm khắc đá trên nhà thượng điện, ở lan can, trên tường tháp... lấy đề tài trong cuộc sống hiện thực, thấm đượm quan niệm nghệ thuật dân gian.

Vẻ đẹp của chùa đã được ghi khắc qua bài ca dao:

Mênh mông biển lúa xanh rờn
Tháp cao sừng sững trăng vờn bóng cau
Một vùng phong cảnh trước sau
Bức tranh thiên cổ đượm màu nước non.

Hiện nay, trong các di tích còn sót lại của nước nhà, chùa Bút Tháp được kể là một trong những ngôi chùa có qui mô đồ sộ nhất.

CHÙA DÂU

Chùa tên chữ là Diên Ứng hoặc Pháp Vân, thuộc xã Thanh Khương, phủ Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, được xây từ thế kỷ thứ 2, lúc Sĩ Nhiếp sang làm thứ sử Giao Châu (187-226).

Vào thế kỷ thứ 2, Giao Châu và Liên Lâu (nằm bên tả ngạn sông Dâu) thời ấy là nơi tụ hội của người tứ xứ hoặc đến làm ăn buôn bán, hoặc từ phương bắc tìm sang lánh nạn, hoặc là nơi trú vãng của các tăng lữ Tây Trúc trên đường truyền đạo. Do đó vùng này đã trở thành trung tâm Phật giáo sớm nhất của nước ta. Sự kiện này được nhà sư Đàm Thiên đời Tùy, Trung quốc (603-617) ghi nhận: "Xứ Giao Châu có đường thông sang Thiên Trúc. Khi Phật giáo vào Trung quốc nhưng chưa phổ cập tới Giang Đông thì tại vùng Liên Lâu của xứ ấy đã xây được hơn 20 bảo tháp, độ được 800 vị tăng và dịch được 15 bộ kinh rồi. (15 bộ đều là kinh Địa Tạng). Thế là xứ ấy theo đạo Phật trước ta. Bây giờ có các vị sư Ma La Kỳ Vực, Tăng Hội, Chí Cương Lương đến ở đó truyền đạo" (trích *Thiền Uyển Tập Anh Ngữ Lục*, truyện *Thông Biện*).

Lịch sử chùa Dâu gắn liền với lịch sử Phật giáo nước ta và có vị trí nổi bật. Nhiều bậc cao tăng nổi tiếng đã từng trụ trì tại đây: Mâu Bắc (thế kỷ 2), Khương Tăng Hội Chí Cương Lương (thế kỷ 3), Ma La Kỳ Vực (thế kỷ 4), Ti-ni-da-lưu-chi (580-594).

Đến đầu thế kỷ thứ 9, chùa Dâu đổ nát. Sang đời Trần Anh Tông, năm 1313, Mạc Đĩnh Chi dựng lại chùa, cất 100 gian, dựng tháp 9 tầng và cầu 9 nhịp, nền cũ nay vẫn còn. Từ đấy về sau, chùa được tu sửa nhiều lần. Các chi tiết trang trí bệ tượng có niên đại cuối thế kỷ 16 đầu thế kỷ 17 gồm: ngai ghế ở thượng điện làm năm 1727, hình trang trí ngai và rồng đều thuộc thế kỷ 18, điêu khắc cánh gà và kèo vào hậu bán thế kỷ 17, chuông đồng trong tháp Hoà Phong đúc năm 1793, khánh đồng đúc năm 1817, văn bình Hoà Phong dựng năm 1738.

Hệ thống chùa Dâu gồm 5 chùa: chùa Tổ ở làng Hà Mãn thờ Phật Man Nương; chùa Thiền Định Diên Ứng ở làng Dâu thờ Pháp Vân; chùa Thánh Đạo ở làng Đậu thờ Pháp Vũ; chùa Phi Tương ở làng Tương thờ Pháp Lôi, Pháp Điện, tượng Ngọc Nữ Kim Đồng, tượng Mạc Đĩnh Chi. Các chùa vùng Dâu đều lấy ngày 8.4 làm hội tắm Phật.

Trong chùa, các toà sen, bệ đá, ngai ghế được trang trí hoa văn rất đẹp. Tương truyền, ngày xưa khi còn đủ 9 tầng, tháp cao lắm nên dân gian mới có câu:

Dù ai buôn đâu bán đâu
Hễ trông thấy tháp chùa Dâu thì về
Dù ai buôn bán trăm nghề
Nhớ ngày mồng 8 thì về hội Dâu.

Còn cây cầu 9 nhịp có mái ngói gọi là cầu Quán tồn tại mãi đến năm 1930 mới bị bão thổi sập.

Hiện nay bốn trong năm chùa trên còn lại với chúng ta, riêng chùa Dâu bị giặc đốt vào năm 1947. □

---

thơ *nguyên nghĩa*

trong mơ, bạn
vừa gieo một hạt hôm qua
sớm nay cây mọc ra hoa đầy cành
chưa vun gốc, thỏa thuê nhìn
một giây thoắt chợt mùa xanh đã tàn

trò xiếc
sợi dây căng nối hai đầu
đi sang quay lại rào rào vỗ tay
đã ngờ với tới tầng mây
mà chưa, mái thấp giam đời mầm non

ẩn sĩ
khi vào ở ẩn trong hang
rửa tai phủi sạch hồng trần, nhẹ tênh
đêm sương chú dế vô tình
nhắc người nốt nhạc chưa thành khúc ca.



Giấc Mộng Bà Già Trầu

Hồ Trường An

Chèn ơi, dì Chín! Hèn lâu mới được thơ dì. Té ra kỳ hè nầy dì đi nghỉ mát ở miền núi Anh-bờ (Alpes). Thiệt dì sung sướng quá, tiền già lãnh đều đều, chơn cẳng còn dẻo để chạy áp-phe kiếm thêm nên tiền bạc phây-phả, năm nào dì cũng đi nghỉ mát, thiệt tình tui có lời mừng cho dì.

Tui khác dì ở chỗ, một khi ra hải ngoại rồi thì trời, biển, núi, rừng, thị trấn nào cũng là những cái của người dị chủng. Đi đâu tui cũng có cảm tưởng lạc lõng, bởi đó nên tui ưa lúc thúc ở nhà, o bế lau chùi nhà cửa đồ đạc, mỗi ngày hai khoá tụng kinh lai rai, tối tối trước khi đi ngủ tui tụng bảy biến *chú Đại Bi* để cái tâm từ bi chan hoà, kéo thần thức vô giấc ngủ suôn sẻ.

Dì hỏi ở Troyes có gì lạ không. Hình như có lạ chút chút. Số là con út Quế Lan của tui tuần rồi thèm ăn canh chua bạc hà. Tui không biết thứ bạc hà bày bán ở tiệm thực phẩm Á châu có phải là bạc hà thiệt hay không, coi thì thấy bẹ lá cũng giống như bẹ bạc hà nhưng màu đậm hơn, tui liền can gián nó:

— Tao coi bộ thứ bẹ bạc hà nầy hơi giống bẹ môn. Nếu gặp môn ngọt thì không sao, lỡ ăn nhằm môn ngứa, có nước ngậm vôi ăn trầu cũng chưa hết ngứa.

Cỏn ỏn ẻn:

— Bạc hà thiệt đó má. Chèn ơi, bạc hà nầy mà nấu với cá đỏ-rát (dorade) thế cá lóc thì ngon nhức nhối chớ không chơi. Má để đó con. Đêm qua con nằm chiêm bao thấy mình nhích một tô canh chua bự tổ chảng, sáng nay mà con không biến mộng thành thiệt thì con ấm ách, khó chịu lắm.

Miệng nói, tay nó lượm bó bạc hà bỏ vào giỏ xách thì tui còn mồm miệng nào ngăn cản nó nữa, hả dì?

Canh chua sắp dọn ra thì cỏn quay điện thoại mời thằng kép Bắc kỳ và hai con bạn của nó tới ăn. Riêng tui, cũng bởi gởi mua được trầu, cau, vôi, thuốc nhờ bà bạn đi Paris về nên tui nhai miếng trầu để nhớ cố hương. Tui nghiền ngẫm miếng trầu, vị nồng của vôi, của trầu hòa với vị chát của cau, vị cay của thuốc trở nên nồng mặn, thơm tho khó tả. Tui nhai trầu thiệt kỹ, thiệt chậm rãi, cảm thấy hơi thở mình trở nên tinh khiết, máu chảy trong huyết quản mình ấm áp dị kỳ. Như dì biết, năm 58 tuổi tui mới bỏ nước ra đi, đã tập ăn trầu hơn hai năm cho mặn mòi bà già, cho răng cỏ chặt chịa. Bởi đó mà tui ghiền trầu, khác hẳn mấy bà già tân thời ở Sài gòn. Trên đất khách không dễ gì mua được trầu cau nên tui đành nhịn. Nay gặp được trầu, tui dại gì mà không khỉa một miếng cho ấm áp cuộc đời, cho mình sống lại ngày xưa, hén dì?

Miếng trầu coi vậy mà cứu khổ cứu nạn tui đó dì Chín.

Thằng kép độc của con gái tui cùng hai con đào lẳng bạn nó xúm xít quanh mâm cơm, bắt đầu ca tụng món canh chua miền Nam và công kích ông Vũ Bằng. Con Thanh Hoa trề môi dài cả thước:

— Ông Vũ Bằng khi viết cuốn *Món lạ miền Nam* mà quên viết về canh chua. Tuy canh chua phổ thông ở miền Nam nhưng em tin chắc nó là kỳ quan đối với người Bắc, đối với ổng.

Kép Tuấn Phương gốc Bắc kỳ, nói xuôi:

— Người Bắc có món riêu nấu với nhiều loại cá nhưng không phong phú bằng món canh chua miền Nam.

Con Minh Nguyệt ỏn ẻn:

— Người Nam nấu canh chua bằng me nè, bằng lá giấm nè, bằng lá dang nè, bằng cơm mẻ nè, bằng măng chua nè... Nấu với cá cũng được, với tôm cũng xong, với thịt gà càng ngon nữa...

Tui nghe cái giọng kỳ thị Bắc Nam mà phát ghét, liền mắng:

— Tụi bây cứ ăn canh chua cho đã đời, chê chán đi. Hơi đâu mà bây chỏ mỏ ngắt véo người Bắc, xỉa xói ông Vũ Bằng? Người ta có công với văn học, bây mang ơn không hết, có lý đâu đem ổng ra thượng mổ hạ xẻ ổng?

Tụi nó tẽn tò liền nín khe. Thế rồi mạnh thằng thằng chan, mạnh con con húp. Chừng một tiếng đồng hồ sau, mặt ba con đào lẳng kia sưng húp và đỏ ké. Còn thằng kép độc thì nổi mề-đay cùng mình, ngứa gãi thôi tưng bừng... Rốt cuộc tui phải điện thoại kêu con Ba Quế Anh chở tụi nó tới bịnh viện gần tháp nước. Tui sợ điếng, sợ tê dại. Mấy cỏn khóc rấm rứt. Con Minh Nguyệt tấm tức:

— Chu choa ơi, nghĩ tới cái màn rửa, súc ruột mà em mọc ốc cùng mình.

May một điều là bác sĩ trực chích thuốc rồi kê toa cho tụi nó mua thuốc trị cái dị ứng do bạc hà thổ tả đó gây nên.

*
* *

Dì Chín, tui rất mừng là ba đứa con gái cưng của tui có tinh thần dân tộc thiệt vững mạnh. Như con Út Quế Lan của tui đây đời nào mà thèm ăn cơm ở căng-tin buổi trưa lúc đi làm! Mỗi sáng, tui phải dậy sớm nấu cơm canh, kho thịt cá rồi xếp vô mấy ngăn gà-mên cho nó đem theo đến hãng xưởng. Con nầy chê tất cả các món Tây, nó chỉ ăn món Tây do tay nó nấu, tra thêm nhiều gia vị.

Tui coi bộ hồn quê ám ảnh nó hơi nhiều. Hồn quê thường thể hiện bằng món ăn. Cứ vài hôm, nó lăng líu:

— Mèn ơi, hồi hôm tui nằm chiêm bao thấy ăn cá lóc kho tiêu có chan mỡ xắt hột lựu.

Chiều đi làm về, nó lái xe đến tiệm thực phẩm Á châu mua cá lóc đông lạnh về kho tộ. Bữa khác, nó véo von:

— Chèn ơi, tui nằm mộng thấy được về quê ăn canh chua dưa măng nấu với cá bông lau.

Tuần lễ đó ở Troyes không có cá bông lau đông lạnh, nhưng nó vẫn mua dưa măng để nấu với cá hồi.

Tới màn nó nằm mơ thấy ăn sầu riêng là tui bắt đầu nhức đầu rồi đó dì Chín. Hồi ở Việt Nam tui đã sợ thứ trái cây nầy. Hễ tập ăn là nhợn miệng, bợn dạ và choáng váng mặt mày. Con Quế Lan vốn chủ trương biến mộng thành thực, đổi ảo thành chơn nên cuối tuần nó lái xe đi Paris để mua sầu riêng cho bằng được. Khi nó đem hai trái sầu riêng bự tổ chảng về thì con Hai Quế Hương, con Ba Quế Anh từ Ba-suyt-ốp (Bar sur Aube) lái xe đến chực sẵn. Cả ba chị em nó pha cà phê thiệt ngon rồi vừa ăn sầu riêng vừa nhấm nháp cà phê, chót chét chuyện đời lẫnh lót. Tui phải rút lui về buồng, xức dầu Nhị thiên đường lên chót mũi để báng mùi sầu riêng quái ác kia đi.

Như dì rõ đó, con Út tui chỉ thương nhớ cố quán, cố hương, cố quốc qua miếng ăn. Sức mấy mà nó chịu giúp đỡ hội Ái hữu Việt kiều trong các cuộc tổ chức hội chợ hoặc các buổi trình diễn văn nghệ giúp đồng bào vượt biển! Nhưng mà hễ có đêm nhảy nhót nào do kiều bào tổ chức thì nó mừng hùm, mua vé đi nhảy cho tới gần sáng bét, sáng bạch mới chịu về nhà.

Chiêm bao, chiêm bố, chiêm bị! Mèn ơi, tui cũng gặp hoài những hình ảnh cố hương trong chiêm bao như bao người Việt tị nạn khác. Tui thường thấy lại khung cảnh Phú Giáo mà tui đã sống, những cảnh di dân lánh nạn Cộng sản khỏi vùng xôi đậu, những trại định cư giữa các trại lính Địa phương quân và các đồn bót Nghĩa quân. Tui cũng thấy lại quê ngoại tui ở vùng Lái Thiêu đẫm đầy bóng mát những cây dâu miền dưới, cây chôm chôm, cây bòn bon, cây măng cụt, cây mít tố nữ...

Có một đêm tui thấy một chiếc ghe đậu dưới bến chợ Lái Thiêu chở đầy chén dĩa, tô tượng, vịm chậu bằng sành, cái thì tráng men ngà, cái thì tráng men xanh, cái thì tráng men màu da lươn. Tới chừng tỉnh dậy tui bồi hồi xúc động không tài nào dỗ giấc trở lại.

Tui quên kể cho dì biết căn nhà con Út tui thuê giá mỗi tháng 700 quan, nước mưa hay thấm vô tường cho nên hễ mùa mưa là nhà âm ẩm hơi nước. Tui vốn bị bịnh phong thấp, hễ mưa kéo dài hai ngày là tui đau nhức từng khớp, từng lóng xương, mình mẩy tê mê. Một đêm nọ tui lại chiêm bao thấy mình đứng trước một tiệm thuốc bắc gần ngôi chợ miệt vườn hồi chạy tản cư. Làng đìu hiu bên dòng sông nhỏ. Vào lúc xế chiều, nhà lồng chợ trống trơn. Tiệm thuốc bắc có một chú chệt mập ú, tóc thắt đuôi sam, tay nung núc mỡ, đeo chiếc vòng cẩm thạch màu xanh hoa lý, bụng bự chang bang. Chú cởi trần trùng trục, cầm cái dầm khuấy vào chảo gang đựng mật ong đang sôi sùng sục. Còn mụ vợ bó chân nhỏ xíu, đi lẩm đẩm tới quầy hàng, tay gảy vào bàn toán lách cách. Đó là những chú chệt, thím xẩm giàu có, thuở 1945 hãy còn tồn cổ... Vậy mà khi tỉnh dậy tui cảm hoài, cảm khái nghĩ ngợi lan man. Tuổi già nơi đất khách sung sướng thì có, nhưng ấm áp thì còn hỏi lại. Tui vụt thèm một căn bếp có nồi, trách, ơ bằng đất, có mẻ lửa than cháy đỏ. Dì ơi, kho cá bằng trách, bằng ơ đất trên mẻ lửa than chắc

chắn cá sẽ thấm tháp mặn mòi hơn. Nướng cá, nướng thịt trên mẻ lửa than, mỡ cá mỡ thịt nhỏ giọt xuống than, hơi mỡ cháy sẽ ướp khứa cá, miếng thịt thơm hơn. Còn nói gì mình nấu cơm trong chiếc nồi đất! Khi nước cơm cạn, mình phủ một lớp lá chuối trước khi đậy nắp vung lại, hột cơm thấm mùi lá chuối, thơm phưng phức. Tui không thể cắt nghĩa tại sao cơm nấu bằng nồi đất lại ngon hơn cơm nấu bằng nồi đồng, soong nhôm, nhưng sự thiệt là vậy đó dì!

Cứ mỗi cơn đau nhức mình mẩy vào lúc trời mưa, tui lại đâm ra nhớ cảnh đốt hoả lõ để sắc thuốc bắc trong cái siêu bằng đất. Thuốc bắc uống thì đắng, nhưng mùi thuốc sắc thì ấm áp, thơm tho. Hồi tui còn son giá, sống trong sự tưng tiu, đùm bọc của tía má tui, hễ khi tui ẻ mình, ấm đầu sổ mũi là má tui đưa tui tới ông bang trưởng bang Phước Kiến vốn là chủ nhơn tiệm Hạnh Huê Đường ở tỉnh nhà. Ổng sau khi xem mạch hốt thuốc còn cho tui một trái táo tàu và một trái cà na khô, gói chung vô gói thuốc. Má tui khi sắc thuốc xong, rót thuốc ra chiếc tô kiểu tráng men lam đặt trên dĩa sứ trắng. Bên cạnh tô thuốc là trái táo tàu và trái cà na khô tươm mật ướt trĩn. Dì ơi, tuổi già của chị em mình nơi xứ lạ quê người cần có thuốc bắc mới ích khí, bổ thần. Ngặt một nỗi trên các nước Âu châu không có tiệm thuốc bắc.

Thằng rể tui, chồng con Hai Quế Hương, kỳ hè năm ngoái đi viếng thủ đô Hoa Thạnh Đốn, khi về mua cho tui một mớ thuốc bắc gồm thuốc xổ, thuốc trị nhức mỏi, thuốc trị no hơi sình bụng và ba thang thuốc ích khí bổ thần. Tui nài được chiếc siêu đất để sắc thuốc, nhưng sắc bằng lửa lò ga, không đúng điệu lắm. Nhưng mà có còn hơn không, phải không dì?

Dì Chín ơi, chúng ta thiếu cái không khí xứ mình. Ở nhà tui cũng nấu phở, nấu suông, nấu bún bò, đổ bánh bèo, tráng bánh cuốn để cùng ăn với con, rể. Nhưng thỉnh thoảng tụi tui rủ nhau đi Paris ăn tiệm ở quận 13, sau đó đi viếng thăm các nơi để thấy chung quanh mình toàn là đồng hương, để hưởng vài giây phút cố hương trong các tiệm bán bánh mì dồn thịt, trong tiệm sách báo và băng nhạc... Có nhiều lúc tui nghĩ rằng ở khu Paris 13, nếu ông xã trưởng Tây cho phép ai đó đóng bàn ghế bằng gỗ, mà phải là ghế đẩu rồi che mái tôn bán cà phê vào mùa hè, chắc là cái quán cốc đó sẽ đắt khách lắm. Nếu có ai sắm được gióng, gánh để bán cháo lòng, bì bún, bánh canh, bún bò, bánh ướt, chè đậu thì chắc thực khách sẽ chiếu cố nườm nượp. Và nếu ai đó sắm được xe đẩy có gắn mấy miếng kiếng vẽ sự tích truyện Tam Quốc xanh đỏ loè loẹt để bán mì, hủ tiếu, hoành thoánh... tui chắc khách hàng sẽ chen lấn tới mua. Dì ơi, ăn hàng chưa đủ ngon, mà còn phải ăn cả hình ảnh cố hương, có phải?

Bởi đó bánh chưng, bánh tét gói bằng giấy bạc đâu có ngon thua bánh chưng, bánh tét gói bằng lá chuối bao nhiêu, nhưng Tết nhứt mà bày những tấm bánh chưng, những đòn bánh tét bằng giấy bạc coi sao trơ quá, dù trước khi gói, người ta có trộn nước cốt lá dứa vào nếp cho có màu xanh và thơm tho như nếp thấm nước lá chuối khi luộc. Cũng vậy, muốn treo các xâu nem trong bếp, ta vẫn thích nem gói bằng lá chuối, và khi bày nem ra dĩa, phải lót nem trên lớp lá vông hay lá chùm ruột thì dĩa nem mới ngon mắt, đượm tình.

Mình già rồi, dì Chín à, cứ ưa sống trong kỷ niệm, bởi mình có biết làm gì hơn! Tụi nhỏ hay tụi xồn xồn còn bay nhảy được nên tụi nó còn nguôi ngoai nỗi nhớ cố hương để lo việc sắp tới, việc tương lai cho con cái. Nói nào ngay, ba đứa con gái tui đều biết thương mẹ, nên hè rồi con Hai Quế Hương đề nghị:

— Hè nầy má đi tắm biển với tụi con đi. Hay là đi núi Vôi (Vosges) cũng gần đây thôi. Tụi nầy sẽ thuê nhà gỗ để ở chung với má.

Tui lắc đầu lia lịa:

— Đất nước nầy đâu phải đất nước mình. Đi chơi chỗ khác hay là ở Troa (Troyes) nầy thì cũng như xa nhà rồi. Tao đi chơi biển, chơi hồ đâu thể bận may-ô hay bận đồ tắm hai mảnh như mấy mụ đầm già! Tới chỗ có nước, tao bất quá thọc hai bàn chân xuống nước mà cũng gọi là tắm thì đi tắm biển kiểu đó uổng tiền lắm! Còn đi chơi núi, tao đâu còn hơi sức để leo núi nữa. Bây có thương tao thì nhớ mua trầu cau thường cho tao, mua truyện Tàu, tiểu thuyết cụ Hồ Biểu Chánh, mướn phim tập cho tao coi là bây trả hiếu cho mẹ bây rồi. Mà bây có mướn phim tập làm ơn tránh giùm tao loại phim chưởng có kẻ gian ác đánh kẻ hiền lương hộc ra hai ba đấu máu. Tim tao yếu, thấy máu mủ là tao xây xẩm mặt mày.

*
* *

Dì Chín, con Út tui cứ chiêm bao các món ăn lia lịa, nên tui coi bộ nó lúc nầy bắt đầu tròn trịa rồi tròn hoay mấy hồi. Được cái, con gái còn trẻ tuổi, còn son giá, dẫu nó ít nạc nhiều mỡ thì cái bụng nó cũng còn sát rạt. Mỡ chỉ đắp lên mông nó chè bè. Vậy mà thằng kép nó khen nó sét-xi, nịnh sao mà hỗn hào! Tui thấy thằng đó cũng được trai, ăn ở tử tế nên mừng thầm con mình đã chọn mặt gởi vàng, rồi đây tôm cá sẽ lội chung bàu, vịt le sẽ đậu chung bãi. Bởi đó tui ưa nấu món ngon vật lạ cho thằng kép nịnh gốc Bắc đó ăn.

Tui quên nói cho dì hay, gia đình thằng Tuấn Phương hiện giờ ở khu Nhà Thờ Xanh Lục (La Chapelle Saint Luc). Tía nó hồi xưa làm việc ở nhà bưu điện Sài gòn nên dân ở đây kêu là cụ Phán giây thép. Cụ Phán bà khuấy bánh đúc ngon thần sầu. Ngặt bả không ăn trầu nên mỗi khi khuấy bánh đúc là tới xin vôi của tui. Riết rồi dân Bắc kỳ ở Troa trước khi khuấy bánh đúc là điện thoại cho tui để xin vôi. Tui biết ý nên mua vôi mỗi lần hai ba kí, dự trữ trong nhà, hễ ai xin là tui cho. Đôi khi tui gởi bột gạo, đậu phộng, cùi dừa nhờ họ làm bánh đúc giùm.

Mấy bả sẵn lòng khuấy bánh đúc giùm tui, nhưng khi tui nhờ họ chỉ dạy cách làm thì họ tìm cách quẩn quanh để từ chối. Họ làm giùm bánh thiệt ngon, cốt để khoe tài, nhưng dấu kỹ cách làm như tui giữ hột xoàn, như thần tài giữ kho tàng trân bửu.

Tui chắc mẻm con Út Quế Lan của tui sẽ là vợ thằng Bắc kỳ Tuấn Phương nên tui giao du với cụ Phán bà và kiều bào gốc Bắc thường lắm. Tui cho con gái út ít của tui ăn bánh đúc chấm mắm tôm hà rầm, ăn bánh đúc chấm tương Cự Đà lia lịa, để tâm hồn nó thấm tháp phong vị Bắc kỳ, để mai sau nó yêu thương đắm đuối, mặn muối cay gừng với tên kép nịnh kia.

Ai dè một hôm con út mập của tui vừa đi Ba-suyt-Xen (Bar-sur-Seine) về, rít nghe ớn óc:

— Thôi rồi, con gặp thằng tiểu tặc Bắc kỳ đó sánh vai con đầm ở chung cư gần nhà bưu điện Sạt-trơ (Chartreux) đi câu cá. Má biết con đó mà, con đầm sến chiều mát ưa đưa hai đứa con nó lại trước sân chúng cư mình để chơi cầu tuột đó!

Tui giựt mình đồm độp. Thằng Tuấn Phương sanh sứa lấy đầm? Ông bà ông vải ơi! Trai Mít mà lấy mấy con Phiên nữ thì đúng là đuôi chuột vọc hũ mỡ! Con út tui coi vậy chớ trai Pháp trai Việt xun xoe đeo đuổi nó hà rầm. Nhưng bởi nó mê ngón đờn ghi-ta cùng giọng hát giống Chế Linh, Duy Khánh của thằng nên nó cho gie nhiều đám. Thằng dám cho con gái tui đi tàu bay giấy lên chín từng mây xanh rồi đá giò lái ngang xương cho nó té xuống đất, càng lên cao càng té đau là vậy. Tuy vậy tui cũng tìm lời phải quấy khuyên can con Út:

— Thôi con. Ai làm quấy có đất trời chứng giám. Con mà bày đặt trả đũa nó, nay Lao Ái mai Tiết Ngao Tào, sớm đào tối mận thì làm nhơ danh đờn bà con nhà có đạo lý.

Cỏn chui vô buồng, đóng cửa khóc rấm rứt suốt cái cuối tuần. Trọn tuần lễ sau, nó lửng đửng lờ đờ, dật dờ hồn phách, oán trách kẻ bạc tình, bất bình duyên số. Vào cuối tuần kế, hai thị đào lắng Minh Nguyệt, Thanh Hoa có ghé nhà chơi. Tui cũng mừng cho con gái tui có bạn an ủi, nói chuyện tầm ruồng để giải sầu. Tui lật đật đi nấu suông đãi khách. Đứng trong bếp quết nhuyễn tôm, tui lóng tai nghe tụi nó đía dóc. Con Minh Nguyệt vo vảnh:

— Xời ơi, tao tưởng thằng Tuấn Phương của mầy quơ được con đầm nào sạch nước cản, ai dè nó vướng nhằm con Bô-lết (Paulette). Con đó hôi nách, quơ nó thà quơ con chuột xạ còn sướng hơn.

Con Thanh Hoa cười:

— Nó hôi nách với mầy, với người khác, nhưng nó thơm tho với thằng Tuấn Phương thì sao?

— Con đó mỗi tuần mới tắm một lần. Ít khi nó chịu súc miệng. Hễ hôi nách là nó nã dầu thơm vô nách. Mỗi sáng, nó làm biếng súc miệng đánh răng nên cứ nhai sơ-uynh-gôm để báng mùi hôi răng.

Con Út tui chua ngoa:

— Cứt có thúi mới rù quến được chó. Chuột chết sình mới nhử được kên kên, quà quạ, diều hâu.

Tui bước ra, chỉnh tụi nó:

— Tụi bây còn nhỏ mà nói giọng phách, giọng cầu cao, không sợ giảm phước, không sợ mắc khẩu nghiệp hay sao? Thằng kia không thương con Út nữa thì nó tháo lui trước. Nó chưa đến cho con Út cái bụng chình ình là may phước rồi.

Tui nghĩ tui buồn lắm dì Chín à! Con Út tui vì mê thằng kép Bắc kỳ nên nó ăn lìm lịm bánh đúc chấm mắm tôm, bún riêu, bún thang, bún bung, bánh cuốn... Khi rời rã keo sơn với thằng, nó vẫn mê các món Bắc kỳ dài dài. Còn tui ra công làm món Nam, nào suông, nào chạo, nào bánh tằm bì chan nước cốt dừa... cho thằng ăn, vậy mà sao tâm hồn nó không thấm đậm tình ý Nam kỳ, không chịu cưới con gái tui cho rồi! Đẻ con gái là để dành gả cho kẻ xứng lứa vừa đôi, chớ tui không dám giữ lâu, đố khỏi có ngày sanh giặc.

Tui cứ nằm chiêm bao thấy mình ngồi chễm chệ trên "đi-quăng" chơn quỳ. Con Út tui bận áo dài đầu đội khăn vành dây đứng bên thằng đực mặc áo dài gấm, đầu chít khăn đóng, sắp sửa lạy tui trong ngày rước dâu. Tui sung sướng khóc rấm rứt và tỉnh dậy, để rồi trằn trọc khoảng đêm còn lại.

Như dì đã rõ, tui chưa hề được diễm phước làm đám cưới cho con Hai Quế Hương và cho con Ba Quế Anh. Tụi nầy, con chị kéo con em, con em đeo con chị, xách gói êm ru bà rù về nhà trai. Rõ ràng là *gái đâu có gái hỗn hào. Trai chưa làm rể, gái vào làm dâu*! Sau bốn lần cặp xách lung tung lang tang, hết thằng đực nội hoá nầy tới thằng dâm tặc ngoại bang khác, con Hai Quế Hương may mắn được thằng Bắc kỳ tuy cù lần nhưng tử tế làm giá thú đàng hoàng. Đứa con gái đầu lòng của tui giờ đây yên nơi yên chỗ, hư trước nên sau, thôi vậy tui cũng mừng. Còn con Ba Quế Anh thì có xé rào lấy tên Pháp tặc hồi còn ở Lộc Ninh, nhưng dầu sao nó vẫn một chồng một vợ, không có vụ buông rồng bắt rắn, đổi trắng thay đen.

Hai con gái lớn của tui biến tui làm bà ngoại quốc tế đó dì. Tui có cháu ngoại Mỹ, cháu ngoại Pháp, cháu ngoại Việt... nhục nhã để đâu cho hết! Khi con Út tui tò tí với thằng Bắc kỳ, tui cũng vái cho duyên nợ nó vuông tròn, như nước mắm hòn pha nước mắm Phan Thiết. Ai dè tên kép nịnh thích mùi chuột xạ của con đầm Bô-lết nên giết chết tình đồng chủng với con gái tui. Cái hư bắt đầu từ con chị, từ con chim đầu đàn có phải?

Ít tuần sau, con Út vắng nhà hà rầm. Thiên hạ kiều bào ở khu Nhà Đỏ xầm xì xụt xịt chuyện cỏn dan díu với thằng Tây sửa ống nước có nhà ở gần ga xe lửa. Thôi rồi, con nha đầu yêu lỏi nầy muốn trả đũa thằng kép nịnh nên quơ đại tên Pháp tặc xuất thân lao động kia. Bao phen tui gạn hỏi cỏn thì nó mồm năm miệng mười chối leo lẻo: "Làm gì có! Đâu mà có! Đâu có chuyện kỳ cục như vậy! Má mà tin mấy con mụ lẽo lự đó thì có nước bán lúa giống!".

*
* *

Bao nhiêu kỳ vọng nơi cô con gái út của tui đã tan tành theo mây khói rồi đó dì Chín. Bây giờ tui tìm an ủi nơi miếng trầu vào những đêm khó ngủ. Nhai trầu để thấm thía cảnh sống tạm dung hiện tại. Nhai trầu để nhớ lại căn nhà quê quán ở tại xã Bố Lá, quận Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

Như dì rõ, vào năm 1969, ông tướng vùng III thấy xã nầy thuộc vùng xôi đậu nên ra lịnh di dân về trại định cư Bến Cát. Chánh quyền quốc gia phái toán dân sự vụ tiểu khu Bình Dương với Sư đoàn 5 Bộ binh tới lo vụ đó. Trước khi đưa dân rút lui, họ giựt sập tất cả nhà cửa để Việt cộng không chỗ tá túc. Ngôi nhà ngói ba căn hai chái của tui chỉ trong một giờ đồng hồ là thành đống gạch ngói ngổn ngang.

Ba mẹ con tui sống ở trại định cư Bến Cát được hai tháng rồi tìm về Lộc Ninh, nơi đó có con em tui sanh cơ lập nghiệp trên 20 năm qua. Với chút ít vốn liếng, tui mở tiệm bán guốc, dép Nhựt. Tui còn mua hai chiếc bàn bi-da để mở tiệm cho hai đứa con gái lớn trông nom. Cuộc sống ba mẹ con khá sung túc, tui cũng mừng thầm.

Dì Chín biết hôn? Tai hoạ bỗng dưng dến xuống gia đình tui một cái ình như trời giáng. Có một gã kép hát đã giải nghệ về Lộc Ninh mở tiệm bán giấy bút, sách báo và cho mướn tiểu thuyết. Tuy đã giải nghệ mà giọng ca nó còn mùi tận mạng. Rảnh rang là nó tới tiệm bi-da của tui chơi vài bàn. Tối tối nó ôm cây đờn kìm khảy lẳng tẳng rồi mùi sáu câu làm cặp mắt con Hai Quế Hương vốn đã lẳng lại càng thêm ướt rượt. Một đêm nọ, đang lúc tui thao thức khó ngủ thì bỗng nghe ở bên giường hai cỏn, con Hai Quế Hương cất giọng:

— *Suối biếc dãy Nam Sơn cuốn trôi từng bông hoa rụng, như đánh dấu buổi phân ly của Lương Sơn Bá, Chúc Anh...ơ... ơ... Đài...*

Tui liền chạy lại, lớn tiếng la rầy:

— Hai, mầy làm cái gì kỳ cục vậy Hai? Nửa đêm thanh vắng mà mầy còn hát xướng, không sợ hai bên hàng xóm người ta quở hay sao!

Con Hai Quế Hương mắt vẫn nhắm nghiền. Té ra nó đang mớ! Cũng sau đêm đó, tui mới vỡ lẽ là tên kép giải nghệ kia tới đây thụt bi-da giữa thanh thiên bạch nhựt, nhưng nó còn lén lút thụt cho con Hai không biết bao nhiêu hiệp mà cỏn mang bầu ba tháng. Tui sợ tai tiếng, phải nói trớ là cỏn bị chứng đau máu, cần lên Sài gòn châm cứu một thời gian. Lên tới đó, tui gửi nó cho con Hai Kim Khánh, chị con nhà bác nó nuôi để giùm, rồi gởi đứa nhỏ cho vú nuôi. Con Hai Quế Hương sau khi đập bầu trở nên mướt rượt, xinh tốt, nếu không như Tạ Nguyệt Kiều thì cũng Phàn Phụng Cơ trong vở tuồng *San Hậu*. Nó đi bán sờ-nách-ba đâu chừng bảy tháng thì ôm thêm cái bầu nữa. Ủy mẹt mẻ ông bà ông vải đồng đình tí sửu tiên nhơn tổ đường ơi! Thằng Mỹ, tía cái thai trong bụng con Hai, cỡi máy bay về nước, không hề hay biết mình gởi lại trong bụng nó một cục nợ oan gia, trét cứt gà lên mặt con quỉ đó, bôi cứt chó lên mặt con mụ già nầy.

Rồi thời cuộc dập dồn, đẩy miền Nam vô tay Cộng sản. Từ lúc đến nhà con Hai Kim Khánh tá túc cho tới lúc bán sờ-nách-ba, con Hai Quế Hương được vợ chồng con nầy đùm bọc. Tình bà con đổi dần thành tình ruột thịt pha lẫn tình tri kỷ. Sau ngày 30.4.75, thằng chồng con Hai Kim Khánh vì là đại úy nên phải đi học tập. Hai cỏn cùng đùm bọc nhau, bán chợ trời nuôi lũ con. Dè đâu trước khi thằng chồng con Hai Kim Khánh đăng ký học tập, nó còn rán gởi lại trong bụng vợ cái thai ba tháng. Vì quá lao lực, cỏn sảo thai, băng huyết và chết tại nhà thương Từ Dũ. Trước khi chết, nó cầm tay con gái tui trối trăn:

— Em rán nuôi hai đứa con của chị. Và nếu chồng chị về, em liệu cách mà an ủi ảnh.

Tội nghiệp con gái tui! Nó dãi dầu buôn bán để nuôi bốn đứa nhỏ: hai cháu, hai con. Đứa con gái lớn của Hai Kim Khánh tên là Kim Loan mới 13 tuổi, sớm hiểu biết nên giữ hai đứa con của con Hai Quế Hương cho con Hai đi kiếm sống. Nhờ Phật độ, nhờ hồn thiêng con Hai Kim Khánh phù hộ nên con Hai tui buôn bán chợ đỏ chợ đen khá quá. Nó đi thăm nuôi thằng chồng con Hai Kim Khánh hai lần rồi vượt biên với bốn đứa nhỏ.

*
* *

Trong lúc con Hai Quế Hương lên Sài gòn để đẻ lén thì con Ba Quế Anh coi sóc tiệm bi-da.

Tui có tài đẻ con gái bóng sắc tuy chẳng chói sáng hơn ai, nhưng con nào cũng có cặp mắt ướt rượt. Hễ gặp mấy thằng đực là con nào con nấy đưa đẩy cặp mắt, liếc dọc liếc ngang, vàng tan đá lỏng.

Như mà dì Chín à, con Ba Quế Anh tuy mê hoặc biết bao anh hùng hảo hớn, nhưng nó lại không ưng ai. Chỉ có một tên đực tè vô được cặp mắt ướt rượt của nó. Đó là thằng Tây thơ ký đồn điền cao su Lộc Ninh. Thiệt tình tui không sao hiểu nổi nó. Có viên đại úy ban tiếp liệu chi khu xun xoe ve vãn nó mà nó không gật cũng chẳng lắc, để tên kia tương tư như tử. Còn cái thằng thơ ký dị chủng kia chiều chiều lái xe ghé quán bà Tám Thẹo uống la-de xong rồi mới qua quán bi-da Tam Quế của tui để thụt bi-da. Đùng một cái, con Quế Anh thỏ thẻ với tui:

— Má à, thằng Mạc-xen La-ma (Marcel Lamarra) muốn cưới con. Con trót lỡ dại có thai với nó rồi!

Ngộ hén! Tui chưa già cả và vẫn tưởng là mình giữ đám con gái khít khao, con ruồi chui không lọt, con mọt khó tọt vô, vậy mà rồi thằng dâm tặc Phú-lang-sa thả được lăng quăng vô bụng con Ba Quế Anh hồi nào không biết!

Tui đành sang tiệm bi-da, tiệm bán guốc dép cho chị bạn Phật tử để thu xếp về Sài gòn lánh nhục. Kể ra tui cũng may mắn lắm đó. Nếu tui chậm chừng nửa năm là cơ nghiệp sa vào tay Việt cộng rồi, vì hồi năm 72, quận lỵ nầy bị tụi nó

tràn vô chiếm đóng. Thằng Mạc-xen lúc đó chưa đủ vi kiếng để lập nghiệp ở Sài gòn, nhưng vì thấy thời cuộc càng lúc càng găng nên quyết định đưa con Ba về Sài gòn trước, tui và con Út lên sau. Nó giữ chơn cạo giấy cho hãng xuất nhập cảng vỏ xe Michelin đó dì. Còn tui sang một quán bán tạp hoá ở chợ Bà Chiểu.

Con Ba Quế Anh ở trong cư xá đường Bà Huyện Thanh Quan, thỉnh thoảng dắt chồng đi Bà Chiểu ăn bún thịt nướng và thăm mẹ. Nó làm áp-phe dữ lắm, nhưng kiếm chác chẳng được bao nhiêu. Thời cuộc biến chuyển dồn dập, ít ai muốn mua sắm hay khuếch trương cơ sở làm ăn.

Bày ra việc bán buôn, tui không dám mở quán nhậu hoặc quán cà phê vốn là nơi lui tới của đám đờn ông, bởi lúc nầy con Út Quế Lan mới mười lăm mà đã trổ mã. Nó nhứt định không thèm học chữ, quyết ghi tên vô lớp luyện ca tân nhạc của Lê Minh Bằng, ghi lớp ca cổ nhạc của Út Trọng, của Ba Giáo... Nó mơ trở thành cô Tài Lương thứ hai, ca cổ nhạc đã ngọt, mà ca tân nhạc cũng có nét như ai. Chiều tối, tiệm tạp hóa đóng cửa, con Út lên gác lửng, thả dài trên ghế lấy gân cổ rồi gò giọng cho ngọt:

— *Chè bột khoai ngọt ngon thanh mát, xin mời bà con cô bác hãy mua.. ơ..ợ.. ơ... giùm, giúp em qua khỏi cảnh nguy cùng. Đêm nay gió âm u, em đã lê chơn khắp phố phường hoa lệ...*

Tui nghe nó hát mà phát rầu! Tui nhớ tới cảnh con Hai Quế Hương chiêm bao ngủ mớ hát mấy câu vọng cổ mà tui bồn chồn lo lắng, sợ con út tui chưa thành ca sĩ mà đã ôm cái bầu do thầy luyện nhạc hoặc do bạn cùng lớp đúc nên.

Thời cuộc đẩy tới tấp miền Nam gần tầm tay cướp giựt của bọn Cộng sản. Thằng Mạt-xen bỗng được tin tía nó bên Pháp qua đời, tiệm nước của ổng tại Troa không ai coi sóc nên nó phải về Pháp coi sóc công việc. Chừng một tháng sau, ngày 30.4.75 tới, làm tui ngơ ngác không biết tính sao.

*

* *

Con Ba Quế Anh rời Sài gòn năm 77. Con Hai Quế Hương đi chui năm 78, mãi tới năm 80 mới được định cư ở Pháp. Con Ba chạy chọt làm giấy bảo lãnh cho tui và con út qua Pháp năm 81.

Từ năm 82, ba mẹ con tui quây quần ở Troa. Con Hai Quế Hương nuôi con của con Hai Kim Khánh cũng như con ruột của nó. Con Kim Loan, thằng Tường Phụng đều được đi học. Lúc đó thằng Thanh Hùng (con thằng kép cải lương giải nghệ) được 13, con Claudette (đứa lai Mỹ) lên 12, nhổ giò trông thấy. Con Kim Loan trở thành thiếu nữ, xinh đẹp, ăn nói mềm mỏng, cư xử khéo léo. Nó là chị cả trong nhà, phụ giúp con Hai Quế Hương dạy dỗ hai đứa nhỏ. Cảnh nhà đầm ấm lắm.

Nhận thấy hai đứa con nuôi khi tới tuổi thành niên thì con Hai sẽ mất một khoản tiền cấp dưỡng đáng kể nên nó lo lắm. Rồi nó học đòi lũ đờn bà hư thân mất nết, lười biếng, tính quơ bậy thằng đực cà lơ phơ phất nào để đúc cho mình một đứa con, khi đẻ là có tiền trợ cấp. Nó lạng quạng quơ thằng Á Rập mà dân mình kêu là Rệp đó dì Chín. Thằng Ali ăn ở với con Hai Quế Hương nhưng cặp mắt trắng dã của nó cứ xốn xang ngó con Kim Loan, tìm dịp khều móc con nhỏ. Biết được tự sự, con Hai tống cổ thằng Rệp ra khỏi nhà liền.

Mà nào đã hết chuyện, dì Chín? Thằng Rệp lưu manh xách va-ly rời tỉnh Troa còn lén giấu theo sợi dây chuyền vàng của con gái tui. Con Hai thấy của không đáng bao nhiêu nên không thưa gởi, vì nó biết nếu phanh phui ra thì xấu chàng hổ thiếp, nghiệt cái là hổ thiếp thì nhiều chớ thằng kia mà xấu xa bao nhiêu!

Sau vụ đó, con Hai Quế Hương nào có tởn đâu! Nó xoay qua cặp xách với thằng gốc Chí Lợi tị nạn chánh trị, chừng năm sau là đẻ ra thằng con trai dễ thương lắm. Nhưng rồi thằng Chí Lợi kia về nước, thơ từ thăm hỏi tới năm 84 là thưa dần rồi dứt luôn. Nó vốn có vợ cái con cột bên nước nó rồi! Thiệt tình số phận con Hai thiệt truân chiên, bảy nổi ba chìm, thân như tờ giấy bạc hết chuyền tay người này sang qua tay kẻ nọ. Bởi nó dám thiếm xực hết Rệp tới Chí

cảm đề "nguyệt bạch"

Mong — Đêm ở đỉnh mặt trời
Bên tường ô nhục — Hát lời chiêm bao
Gửi người áo trắng — thuở nào
Mười lăm năm ấy — biết bao nhiêu *tình*
Xa — Nghe thơ ở hồn anh
Dâng đêm *Nguyệt vấn* trời thanh sao mờ
Vu Lan — Đã bắt đầu chưa?
Gửi ô giấy trắng chép vừa bài kinh
Gió lên, *Thu khúc* hồn xanh.

cao tiêu

* Những chữ nghiêng là tên những thi đề trong tập *Nguyệt bạch* của Cung Vũ.



nên đờn ông Việt ở Troa dù có đói vợ cũng không dám cầu hôn nó.

Con Hai Quế Hương về sau đi may nửa chánh thức nửa lậu mới có đủ tiền nuôi con. Đều đều, nó gởi tiền về má chồng con Hai Kim Khánh để bả thăm nuôi cha của con Kim Loan. Sau hết, nó còn giúp tiền để thằng nọ vượt biên sau khi được phóng thích.

Rồi dì biết sao không dì Chín? Khi tới Troa, thằng chồng con Hai Kim Khánh xin cưới con Hai Quế Hương. Hai đàng có ân thâm nghĩa trọng với nhau nên cùng làm lại cuộc đời, cố quên dĩ vãng hư hỏng, đau buồn. Vậy mà con gái tui hạnh phúc. Thằng rể Bắc kỳ nầy nhận hết mấy đứa cháu ngoại tui làm con. Năm sau, con Hai đẻ cho chồng một cặp trai song sinh. Con riêng của chồng, con riêng của vợ giờ đây trên giấy tờ là anh em một mẹ một cha. Tụi nó cùng cưng yêu cặp hổ bôn hổ bịch đó.

Nhìn cảnh nhà đầm ấm của con Hai Quế Hương mà tui hạnh phúc quá chừng chừng. Từ khi lấy chồng, con Hai ăn chay một tháng mười ngày. Nó cưng chồng lại được chồng cưng nên chí thú làm ăn. Ai mà dè con gái tui có cái hậu vận tốt dường ấy! Năm nào vợ chồng nó cũng làm đám giỗ chay cho con Hai Kim Khánh rồi cả nhà kéo nhau đi chùa dự lễ cầu siêu cho cỏn. Ai không tin, chớ tui thì luôn nghĩ rằng con Hai Kim Khánh luôn luôn phù hộ con gái tui. Thằng Bắc kỳ rửa mặt rửa mày cho con gái tui. Dân Việt ở Troa lúc trước khinh khi thói đi ngang về tắt của con Hai Quế Hương bao nhiêu thì sau nhờ thằng rể tui kể lể cách đối xử tử tế của nó nên đâm ra có cảm tình với nó.

Còn con Ba Quế Anh thì tâm địa nhỏ mọn hẹp hòi. Hồi nó được thằng Mạt-xen bảo lãnh, nó chạy xuôi chạy ngược làm giấy khai sanh cho hai đứa con người quen làm con của vợ chồng nó, nhận luôn món quà là đôi vòng cẩn hột xoàn. Từ khi định cư ở Troa thì tuy là nó có cho hai đứa nhỏ đi học, nhưng hễ hai đứa nhỏ làm điều gì không vừa ý là nó dùng roi mây áp đảo. Thằng chồng Tây của nó khuyên ngăn hoài mà không được. Hễ đánh hai đứa nhỏ sau lưng chồng xong là nó hăm he: "Bây mà đi học lại với chú Mạt-xen là tao giết hoặc tao bỏ bây vô viện mồ côi". Hễ có món ngọt vật lạ là nó để dành ăn riêng với chồng nó và thằng con bốn tuổi. Thiệt tình, chồng tui họ Đào mà sao tui đẻ đứa con gái ác đức như mụ mẹ ghẻ Tào Thị trong tuồng *Phạm Công Cúc Hoa!*

Cái thói khắc bạc, độc dữ của nó rồi cũng có ngày tiết lộ. Cô giáo trường mẫu giáo một hôm khám phá ra lằn roi ngang dọc trên đít, trên lưng hai đứa nhỏ thì gạn hỏi, nhưng tụi nó không dám hé răng. Thế rồi cổ thưa cò bót để điều tra. Sau hết, con Ba Quế Anh bị ra toà đóng tiền phạt, và hai đứa nhỏ được giao cho một cặp vợ chồng Pháp không con nhận nuôi. Bởi nhục nhã như vậy nên con Tào Thị đó phải bỏ Troa dọn về Ba-suyt-ốp. Tui không biết sau vụ đó nó có tởn hay không, nhưng nó già đi trông thấy. Nó không hài lòng thằng con nó vì đứa nhỏ cứ ốm đau quặt quẹo, học hành biếng nhác, trí khôn chậm lụt. Có lần nó than thở với tui:

— Phải chi con sanh thêm vài đứa. Chồng con yêu thương con lắm, nhưng con lại sanh cho nó thằng con như bún thiu, như mèo ướt thì còn nước non gì!

Nước mắt nó rưng rưng. Tui chẳng biết nó hối hận vì đã khắc bạc với hai đứa con nuôi hay vì đường tử tức bất như ý nên tui làm thinh. Nó thở dài:

— Trong thâm tâm, con đâu có ác độc. Cũng bởi con thấy hai đứa kia xinh đẹp, thông minh, còn con ruột mình thì yếu đuối, chậm lụt nên con đâm ra ghét số phận, mới hành động hơi quá tay như vậy.

Ủa ngộ chưa? Oán ghét số phận sao lại đối xử tàn ác với hai đứa nhỏ vô tội? Tụi nó có đại diện số phận đâu? Tuy bất bình, nhưng thấy nó thiểu não, tui không nỡ dùng lời gay gắt, chỉ khuyên nó nên năng tụng kinh Phổ Môn, và nhứt là thành tâm sám hối thì hoạ may...

Con Ba Quế Anh không nói gì. Kỳ lễ Phật Đản vừa qua nó đi hành hương qua chùa Tây Đức thỉnh tượng A Di Đà Tam Tôn và một mớ kinh về. Bàn thờ Phật của nó trang nghiêm, nhang thắp đều đều. Tui không hiểu nó có thiệt lòng ăn năn sám hối hay không, nhưng mấy bà nào ở khu Nhà Đỏ, nhờ Nhà Thờ Xanh Lục đập bầu tại nhà thương, nó cũng chịu khó đến thăm, tặng quà châu đáo. Có điều là bạn bè lẫn bà con bên chồng nó không còn giao du với nó nữa. Xã hội Tây Đầm đã đóng chặt cửa với nó từ khi vụ hành hạ con nuôi của nó bị lôi ra toà, bị tường thuật trên báo.

Đối với tui, mấy chuyện đó không đáng quan tâm lắm. Tui chỉ mừng là con gái tui biết quay đầu về chính nghĩa, bớt ích kỷ, bớt tính toán nhỏ nhen, bớt cay cú với



những người mà nó tiếp xúc.

Thằng Hăng-ri (Henri) cháu ngoại tui, nhờ đi châm cứu mà trở nên mập mạnh. Tuy trí khôn còn chậm lụt nhưng nó hiền hậu ngoan ngoãn nên cả nhà ai cũng cưng.

Tui khuyên con Ba Quế Anh:

— Con nên tìm dịp thăm hai đứa con gái nuôi cũ của con. Bề gì tụi nó cũng là con của bạn con.

Con Ba đỏ mặt tía tai, lắc đầu:

— Con không có can đảm gặp tía má nuôi hiện giờ của tụi nó. Con cũng không mặt mũi nào ngó tụi nó.

Tui nói:

— Nếu cái khó đó mà con làm được thì ác nghiệp con sẽ tiêu bớt được vài phần.

Con gái tui không nói không rằng. Tui nghĩ rằng không nên ép uổng nó quá. Nó đâu có khí phách, hùng tâm để chuộc lại lỗi lầm, dù nó có ân hận, nhưng cái ân hận đó chưa đủ sức giúp nó giáp mặt hai đứa con nuôi.

*
* *

Hôm đầu hè, con Kim Loan đi chơi hồ về ghé thăm tui. Tuy nó chỉ có chút máu mủ với chồng tui, nhưng tui thương nó như cháu ngoại ruột. Cảnh nhà con Hai Quế Hương nếu không có nó chăm sóc thì chưa chắc đã ấm êm. Nó báo tin:

— Có một anh dược sĩ muốn cưới con, ngoại à.

Tui mừng lắm:

— Hễ con thương nó, nó thương con là được.

Kim Loan nói:

— Nhưng ảnh muốn dắt con ra khỏi tỉnh nầy. Con chỉ ngại chỗ đó.

Tui trổ giọng Khổng Mạnh ra:

— Làm gái, hễ xuất giá thì tùng phu, con quên rồi sao?

Kim Loan hơi bất mãn:

— Ảnh qua Pháp có một mình. Ở đây ảnh có thể kiếm một chân trong nhà thuốc Tây, tại sao ảnh muốn đưa con đi chỗ khác? — Giọng nó như muốn khóc — Ngoại không hiểu con đâu! Khi ba con đi học tập, con đã thấy hoang mang rồi. Khi má ruột con chết đi, con tưởng nửa cuộc đời con theo bả xuống ba thước đất. May nhờ có má Hương ra tay cưu mang. Năm má con đã từng vật lộn với nghèo đói, nguy cơ. Trên đường vượt biên, trừ hai đứa nhỏ, má Hương và hai chị em con chia nhau từng chút nước. Rồi khi định cư ở đây, nếu cả ba không nương tựa lẫn nhau thì chẳng biết sống ra sao! Con thương anh chàng dược sĩ đó, nhưng con cũng không muốn xa má Hương và mấy em con!

Tui bảo nó:

— Con nên mời thằng đó tới đấy chơi, để ngoại liệu lời nói rõ chuyện của con cho nó hiểu.

Rồi tui đem chuyện con Út Quế Lan ra than thở. Con Kim Loan như chợt nhớ, kể:

— À, tối hôm qua con có gặp chú Phương. Chú mời con đi uống cà phê ở tiệm gần ga xe lửa. Té ra dì Út với chú giận nhau nên trả thù nhau cho lợi gan. Rốt cuộc cả hai đều cảm thấy khổ. Chú Tuấn Phương nói rằng dì Út giỏi tài hành hạ đờn ông, nhưng thà chú thua cuộc chớ không muốn muốn mất dì. Sáng nay dì Út gọi điện thoại cho má Hương, báo tin rằng bồ cũ không rủ cũng tới. Má Hương nghe cũng bắt tức cười và mắng dì Út cả dây cả nhợ.

Chèn ơi, tui nghe lời tiết lộ của con Kim Loan mà như trút được gánh nặng ngàn cân ra khỏi ngực. Té ra con Út Quế Lan nhỏ người mà lớn nết, muốn trả đũa cho lợi gan mình nên mới đùa với lửa mấy tuần nay. Nếu thằng Tuấn Phương không thông cảm, không chịu thua thì chắc chắn là keo rã hồ tan, cỏn lang bang theo thằng Phiên tặc, quen thói đi ngang về tắt, cầm sắt sẽ đảo điên.

Thôi vậy tui cũng mừng. Tui vừa nấu bánh canh giò heo vừa chờ con hùm nhai sấu táp đó về để nghe nó tỏ tường trong đục. Khi tui đang chặt giò heo thì chuông điện thoại reo. Vừa cầm ống nghe thì bên kia đầu dây một giọng eo éo vang lên:

— Má đó hả? Con đây, Út đây! Chiều nay có anh Tuấn Phương muốn tới thăm má. Ối, chuyện tuổi trẻ có gì là lạ đâu! Rầu má quá! Anh Tuấn Phương con đi câu cá thì chỉ là chuyện câu cá. Còn con đi coi hát với thằng Bờ-noa (Benoit) thì chỉ là đi giải trí bằng phim ảnh, xong rồi ai về nhà nấy. Con sống trên đất Pháp năm năm rồi, đầu có sạn rồi, con đâu có ngu dại gì! Dạ, dạ má nói phải. Chị Hai con gặp nhiều cảnh lỡ làng thì đời chỉ khác đời con chớ bộ. Nhưng giờ đây chị Hai con có tổ ấm thiệt sự rồi. Thôi nghe, con cúp máy nghe má. Anh Tuấn Phương chở con đi lại trại nuôi cá hương đây. Chiều nay má muốn làm món cá hương lăn bột chiên giòn hay kho tương gì đó tùy ý.

Nước mắt hân hoan của tui trút từng đợt theo cuộc điện đàm với đứa con ương ngạnh của mình. Khi gác ống nghe lên máy, tui cứ ngỡ là mình chiêm bao, dì à.

Đồng thời tui nhớ tới con Kim Loan. Tui rất thông cảm, rất xúc động trước cái tình quyến luyến của nó với con gái tui. Song như dì biết, tụi nhỏ sanh sống ở đây cần phải hướng tới tương lai. Lòng dạ con Hai Quế Hương đâu có hẹp hòi. Nếu nó thấy thằng dược sĩ kia muốn tìm cách tiến thân ở tỉnh khác, tui chắc nó còn khuyến khích nữa là khác. Con Kim Loan vì thương mến mẹ nuôi mà cản ngăn bước tiến thủ của chồng mình thì hơi quá đáng, phải không dì?

Tui đã hài lòng về ba đứa con gái của tui rồi. Giờ đây, tui phải khuyên con cháu ngoại không biết nhìn xa của tui. Nghĩ vậy, khi nhấc nồi bánh canh lên bếp, tui quay điện thoại cho con Hai Quế Hương:

— Hương con, mai con có rảnh kéo rốc cả nhà lại đây ăn cơm. Má có chuyện muốn nói với con. Ủa, con đã gặp thằng dược sĩ đó rồi hả? Ừ, nó nhỏ nhẹ, khiêm tốn thì má mừng. Con tỏ ra thông cảm vậy là tốt. Thôi nghe, mai nhớ tới sớm phụ làm bếp với má. Để má kêu điện thoại cho vợ chồng con Ba. Nhớ bồng hai thằng hổ bôn hổ bịch tới để má hun cho mát mẻ tim gan. □

Gửi Hương Cho Gió

Lê Thị Thấm Vân



—Xin cô hiểu cho và thông cảm hoàn cảnh của tôi trong lúc này. Tuổi tôi giờ đã lớn, không còn nhiều thời gian học để *transfer*. Tôi chỉ cần mảnh bằng học nghề cấp tốc một năm, ra đi làm kiếm tiền nuôi vợ nuôi con. Nếu cô giúp tôi... thêm vài điểm, thì như thế tôi *pass* được mấy lớp Anh văn và học ngay vào nghề. Tôi đã quyết định học nghề thợ tiện, mấy người bạn qua trước bảo tôi nhiều hãng đang cần. Tôi đang kẹt vợ và đứa con gái năm tuổi bên nhà. Ra đi chỉ dắt được thằng con trai lớn. Khổ lắm cô ạ! Qua Mỹ được hơn một năm mà tôi đã vật lộn với đủ thứ nghề, từ cắt cỏ, dọn dẹp nhà hàng, cho tới phụ bán xe *lunch*...

Tiếng người đàn ông thao thao bất tuyệt, tiếp tục nói và tiếp tục năn nỉ. Ông không để ý là cô gái ngồi đối diện đang chăm chú nhìn ông với ánh mắt khó hiểu, quan sát kỹ từ mái tóc ướt dầu lấm tấm những sợi bạc, khuôn mặt với hai đốm nám trên gò má đến đôi mắt trắng đục có những đường gân máu nhỏ đỏ li ti... Thỉnh thoảng người con gái chỉ tỏ vẻ theo dõi câu chuyện bằng những cái gật đầu hoặc nói nhỏ "dạ", "vâng", "tôi hiểu"...

Người đàn ông vẫn tiếp tục:

— Cô cũng hiểu giùm là vì hôm đó tôi đến trễ mất mười phút. Phần kiếm không ra phòng thi, phần nói tiếng Anh không rành nên ngại hỏi mấy người chung quanh. Trước khi đi tôi đã dự trù tới sớm hơn nửa tiếng để ôn lại bài, nhưng tới nơi cứ mải loay hoay kiếm phòng thi. *Building* nào cũng giống *building* nào. Cuối cùng kiếm được phòng thi bị trễ mất mười phút. Nếu như hôm ấy tôi đến đúng giờ thì điểm tôi chắc không thấp như vậy, mà biết đâu còn cao nữa là khác. Cô là người Việt Nam, chắc cô cũng hiểu hoàn cảnh người tị nạn mới sang. Cái gì cũng phải làm lại từ đầu. Tiếng Anh cũng thế, từng này tuổi tôi phải uốn lưỡi tập nói u ơ... Sao mà khó quá! Dù gì trước năm bảy lăm tôi cũng đã xong đại học, có căn bản như thế bây giờ đi học lại sẽ không gặp khó khăn mấy. Từ từ rồi cũng xong, đâu cũng vào đấy, miễn sao mình có chí, kiên nhẫn, chịu khó...

Người đàn ông bỗng ngưng ngang, có lẽ ông ta chợt nhận ra là nãy giờ ông đã kể lể hơi nhiều và năn nỉ hơi kỹ. Cô gái đứng phắt dậy, có vẻ muốn chấm dứt câu chuyện. Nàng trả lời ngắn, gọn và chắc:

— Được rồi, tôi tin những gì ông vừa trình bày. Ông cứ yên tâm. Tôi còn vài việc khác phải làm. Xin ông thông cảm.

Người đàn ông bỗng tươi ngay nét mặt, nụ cười nở rộ trên môi. Bấy giờ người con gái mới thấy lại nụ cười. Ông vừa cám ơn vừa bước lần ra cửa.

*
* *

Đoan ngồi lặng người. Thời gian có thể tàn nhẫn như vậy được sao? Nàng tự hỏi. Hình ảnh người đàn ông khi nãy cứ lẩn quẩn trong tâm trí nàng. Nó lẫn lộn nhập nhoà với hình ảnh người thầy cũ của hơn mười sáu năm về trước, khi nàng còn là một nữ sinh mới lớn của một trường nữ trung học tỉnh lẻ ngoài miền Trung. Năm ấy nàng vừa tròn mười sáu tuổi và đang học lớp mười. Thầy Phong phụ trách môn Sử Địa của lớp nàng. Đời sống êm ả ngày hai buổi cắp sách đến trường, đùa giỡn cùng bạn bè, lắng nghe tiếng reo của hàng thông chạy dài trên con đường từ nhà tới trường hoà lẫn với tiếng sóng ầm ì của biển, êm đềm làm sao! Nhưng từ ngày thầy Phong xuất hiện trong trường, Trần Đình Phong, tên thầy được bao nhiêu cô học trò mới lớn nhắc nhở và bàn tán. Đoan không nhớ rõ thầy bao nhiêu tuổi năm ấy, nàng chỉ nhớ thầy còn trẻ, rất trẻ so với những ông thầy đứng đắn, đạo mạo chung quanh. Nhiều huyền thoại được thêu dệt chung quanh ông thầy trẻ "kỳ bí" đó. Có tin bảo là thầy bị thất tình cô nào ở Sài gòn nên bây giờ ra đây ở ẩn để quên đi mối tình vô vọng. Tin khác cho biết thầy đã có vợ (và hai con?) nhưng vợ thầy gặp tai nạn qua đời, nay thầy muốn quên đi dĩ vãng đau buồn đó bằng cách dọn đi khỏi thành phố. Một tin đồn có "ác ý" khác nữa là thầy đang... trốn lính, và ông hiệu trưởng của trường đồng thời cũng là chú ruột của thầy làm cổ thụ che chở an ninh cho thầy. Không ai biết đâu là sự thật ngoài một điều hiển nhiên là thầy

Phong luôn luôn xuất hiện trước đám đông một mình, không một bóng hồng nào bên cạnh, và chỗ trọ của thầy là căn nhà nhỏ chia cùng ông cai ở phía cuối góc sau sân trường.

Riêng trong lớp Đoan, nàng nghĩ hầu như ai cũng có cảm tình "riêng" với thầy, không ít thì nhiều, bởi dáng dấp thầy mang một vẻ phong sương, mới lạ, vừa trí thức, vừa nghệ sĩ, trông quyến rũ làm sao! Hình ảnh ấy đã làm rung động bao nhiêu con tim của các cô nữ sinh tỉnh lẻ, trong đó có nàng. Đoan đã từng ngóng cổ say đắm ngắm nhìn thầy trên bục gỗ trước bảng đen, để rồi đêm đến, hình ảnh thầy luôn chập chờn trong giấc ngủ dậy thì. Đoan mơ hồ thẹn thùng với chính mình, tự biết là không phải và rồi sẽ chẳng đi đến đâu, nhưng nàng không thể dập tắt được ngọn lửa yêu thương ấy. Nàng đành thì thầm với thầy qua cuốn nhật ký màu tím nhạt dấu kỹ dưới đáy tủ trong phòng, bởi Đoan không thể tâm sự cùng ai.

Đoan nhớ phòng nghỉ giải lao của các giáo sư nằm mé bên phải, đối diện với phòng học của lớp Đoan. Những giờ ra chơi, Đoan hay ngồi lại trong lớp để ngó vu vơ ra cửa, hy vọng được nhìn thấy thầy "thực" và "gần" hơn, không đạo mạo nghiêm trang như trong lớp khi đứng trước bảng đen giảng bài. Thỉnh thoảng nàng bắt gặp thầy đang cười hoặc chuyện trò vui vẻ với các giáo sư khác. Mỗi lần cười, thầy hay lấy tay hất ngược tóc ra đằng sau và nheo một mắt bên trái. Dáng điệu ấy có một sức thu hút mãnh liệt khiến nàng nhớ mãi. Yêu thầy, Đoan yêu luôn những giàn hoa giấy đỏ bên ngoài hàng hiên lớp học. Mùa mưa đến, gió thổi lao xao làm rơi rụng những bông hoa đỏ thắm bay lả tả trong sân trường.

Sau những ngày nghỉ Tết năm ấy, Đoan trở lại trường. Nàng cảm thấy tình hình có vẻ bất ổn, nhưng trường vẫn tiến hành cuộc bầu cử ban chấp hành mới. Có ba liên danh ra ứng cử, nhưng liên danh của chị Hứa Thế Hồng học lớp 11B2 là nổi bật và hứa hẹn nhất. Đoan nhớ hôm ấy Thanh Vân, trưởng lớp nàng, đề nghị nên dán giấy ủng hộ liên danh chị Hồng trong giờ thầy Phong. Đoan đã giơ tay đứng lên ngăn cản việc làm này. Nàng viện lẽ rằng lớp học không nên ủng hộ riêng một liên danh nào. Đấy là lần đầu tiên phát biểu nên nàng đã trình bày không được rõ ràng mạch lạc. Cả lớp nhìn nàng với ánh mắt đầy ngạc nhiên vì ai cũng nghĩ nàng là đứa hiền lành nhút nhát.

Hết giờ học, thầy ngoắc tay gọi nàng lên bàn thầy để hỏi rõ lý do. Hình như thầy cũng biết Đoan hay mắc cỡ thì phải. Đoan nhìn thầy, lại càng ấp úng hơn. Nàng định nói nhưng rồi đổi ý, giữ im lặng. Làm sao diễn tả cho thầy hiểu ý nàng đây! Làm sao thầy hiểu được những gì nàng nghĩ về chị Hồng và nhất là về gia đình chị! Nàng biết chị học trên nàng một lớp. Nhà giàu, siêng học và khá xinh. Chị hay cười chúm chím với đôi má luôn ửng hồng. Nhà chị ở cạnh nhà Đoan thành ra nàng biết rất rõ về gia đình chị. Ở nhà chị dùng ngôn ngữ duy nhất là tiếng Tàu, nhưng bước ra khỏi nhà thì chị nói tiếng Việt, tuy âm hưởng hơi lơ lớ nhưng nghe cũng khá rõ ràng. Gia đình chị là một đại gia đình có cả thảy gần hai mươi người. Ông nội chị rất khó tánh, muốn tất cả mọi người trong nhà phải giữ phong tục tập quán của người Tàu, từ cách ăn uống đến may mặc... Bởi thế mẹ Đoan và những người hàng xóm chung quanh thường gọi gia đình chị là "nhà người Tàu". Điều Đoan thắc mắc là gia đình chị lúc nào cũng tự hào là người Tàu mặc dầu ai cũng sanh ra và lớn lên ở Việt Nam, duy chỉ có ông bà nội chị rời Tàu sang Việt Nam buôn bán cách đây đã hơn năm mươi năm. Vì tự ái dân tộc, Đoan muốn nói, muốn trình bày cho cả lớp hiểu ý nàng là trường Việt thì không nên để cho người Tàu làm "chủ tịch". Đây mới chỉ là một trường trung học tỉnh nhỏ, chứ mai sau ra xã hội, môi trường bao la rộng lớn hơn mà để người Tàu "hướng dẫn" thì... không nên. Nàng băn khoăn muốn nói nhưng đứng gần thầy, tim nàng đập quá mạnh, đôi má đỏ bừng, hai lòng bàn tay đẫm ướt mồ hôi mà nàng cứ vân vê tà áo dài mãi!

Những ước mơ sâu thẳm trong nàng cứ triền miên trải dài trên con đường từ nhà dẫn tới lớp học mỗi ngày. Nàng tự do thả hồn ươm mơ dệt mộng...

Thế rồi biến cố tháng tư năm 1975 ập tới thành phố nàng ở, nó cũng kinh hoàng khốc liệt như bất cứ nơi nào có mặt trên bản đồ Nam Việt Nam.

Cuối tháng tư năm đó, Đoan cùng gia đình theo đoàn người di tản ra nước ngoài, rồi định cư tại San Jose, một thành phố nhỏ đầy cây ăn trái thuộc miền bắc tiểu bang California. Đó là mùa hè 1975.

Đoan nhớ lần đầu tiên khi đặt chân tới Mỹ được mấy tháng, người bảo lãnh trong họ đạo dẫn cả nhà nàng đi San Francisco chơi và ghé lại cầu Golden Gate, chiếc cầu mà cả thế giới xem như là một kỳ công của nhân loại. Hình ảnh thầy Phong trên bục gỗ với giàn hoa giấy đỏ rơi rụng khắp sân trường lại hiện về trong trí nàng. Thầy Phong trong một bài giảng nói về chiếc cầu Golden Gate, đã tả chiếc cầu này với tất cả niềm hăng say và ước muốn... Khi bài giảng kết thúc, thầy nói với đám học trò ngồi dưới với nụ cười chân thật: "Sau này trong số các em, có em nào may mắn được viếng thăm chiếc cầu nổi danh này, nhớ đừng quên gửi cho thầy một tấm *post card*". Nay đứng nhìn chiếc cầu treo trước mặt, Đoan lại nhớ đến lời thầy dặn. Tâm trạng nàng lúc đó rối như mớ bòng bong. Mới mấy tháng tới Mỹ, đời sống Đoan cũng như gia đình bố mẹ nàng chưa được ổn định, không rõ tương lai mình sẽ đi về đâu, thành ra nàng còn tâm trí nào để thấy nét đẹp nét hay của chiếc cầu, ngoại trừ hình ảnh và lời nói của thầy cứ văng

vẳng trong tâm tư nàng. Ngày đầu tiên nàng ghé San Francisco lại là ngày trời sắp mưa, mây mù che khuất nửa chiếc cầu. Đoan trở về nhà với hình ảnh nửa chiếc cầu còn lại treo lơ lửng giữa khung trời mờ xám.

Sau này có nhiều dịp ghé San Francisco chơi, nàng mới bắt đầu để ý thấy cái đẹp, cái hay của chiếc cầu danh tiếng này và thú vị được nghe những mẩu chuyện lẩm cẩm bên lề về nó. Và lần nào cũng vậy, cứ mỗi lần nhìn cầu Golden Gate là hình ảnh thầy Phong với nụ cười năm xưa lại hiện về với Đoan. Rất nhiều lần nàng muốn gửi cho thầy một tấm bưu thiếp nhưng không biết nay thầy ở phương nào! Mãi mấy năm sau, Tố Nga, bạn thân nàng viết thư sang cho hay là thầy đã bị đi tù cải tạo gần năm năm vì trước kia thầy là trung úy biệt phái. Sau khi được thả, thầy Phong tìm đường vượt biên. Chuyến vượt biên bị bể, cả ghe bị bắt, một người đàn bà xa lạ đi cùng chuyến đã lo lắng chăm sóc thầy tận tụy trong những ngày ở tù, và rồi cuối cùng thầy đã chọn cô ta làm vợ. Đó là cuối năm 1982.

Đời sống Đoan vẫn cứ lặng lờ trôi. *Đời sống trôi hoài không nghỉ ngơi.* Đôi khi bình lặng và đôi khi nổi sóng. Có khoảng thời gian cơ hồ nàng tưởng chừng không thể chịu đựng nổi. Từ những đổ vỡ trong gia đình bố mẹ nàng sau mấy năm tới Mỹ. Thằng Hoàng, em kế nàng, bỏ học, bắt chước bạn bè hút xách phải vào tù. Nàng đã phải thay mẹ vào thăm nuôi em mỗi cuối tuần. Nàng hội nhập vào cuộc sống mới lẻ loi, tự lần mò kiếm cho mình một con đường, một ngõ ngách để thoát. Nàng trưởng thành trong nỗi buồn phiền nhiều hơn vui. Nàng phải phấn đấu thật nhiều trong đời sống. Nơi nàng ở, chung quanh có rất nhiều người Việt Nam. Nàng đã nghe, và theo dõi sách báo để biết những tin tức diễn biến nơi quê nhà, nỗi thống khổ mà người dân Việt phải gánh chịu. Nhiều lần Đoan đã rơi nước mắt xúc động trước những hình ảnh thương tâm đó và thấy dầu gì mình cũng còn may mắn hơn rất nhiều người khác. Nàng còn được ôm sách tới trường, tự do quyết định những gì nàng muốn và tin là đúng. Những ý tưởng đó đã đưa nàng tới việc chọn ngành học *counseling*.

Ước mơ của nàng cuối cùng đã trở thành sự thật. Sau khi ra trường, Đoan được một trường đại học cộng đồng của thành phố chọn để hướng dẫn những sinh viên Việt Nam mới đến Mỹ, giúp họ sớm thích nghi và hội nhập vào đời sống học đường một cách mau chóng và đỡ vất vả hơn.

Hoàn cảnh dun dủi nàng gặp lại thầy giáo cũ năm xưa. Thầy Phong đã không nhận ra đứa học trò của thầy ngày trước, cô bé từng lặng ngắm thầy hàng giờ trước bảng đen với ước mơ thầm kín là "được yêu" thầy mà không bao giờ dám mong thầy "yêu lại". Đoan bây giờ là cô giáo vừa bước vào tuổi ba mươi, chưa lập gia đình, tự biết nhan sắc mình mặn mà đằm thắm, trưởng thành với những tư tưởng tự do, phóng khoáng và quan niệm về "đẹp" không dừng lại ở nhan sắc như ngày trước mà còn phải đào sâu ở khía cạnh nhạy cảm của tâm hồn và hiểu biết của tri thức.

Đoan nhớ lại xưa kia, mỗi lần nhận bài của thầy, nàng không bao giờ được thầy cho điểm mười lăm trên hai mươi dù nàng đã cố gắng học thật siêng môn sử địa của thầy để được thầy chú ý tới. Đoan biết, nhan sắc mình lúc đó chỉ ở mức trung bình, từ khuôn mặt đến nhân dáng đều không có gì nổi bật giữa đám con gái trường nữ, thậm chí đến tên nàng cũng rất giản dị: Vũ thị Đoan. Nàng nghĩ phải chi bố mẹ nàng chọn cho nàng một cái tên khác, vừa hay vừa đẹp vừa dễ nhớ thì giờ đây nghe qua có lẽ thầy Phong sẽ mường tượng lại được...

*

* *

Từ phòng làm việc nhìn ra, thỉnh thoảng Đoan bắt gặp thầy Phong một mình lủi thủi băng ngang sân cỏ bên ngoài. Nàng thấy chạnh lòng. "Người tình thần tượng" của một thời con gái hằng ấp ủ nay dần dà đổi thay. Thầy Phong giờ đây là một người đàn ông đang bước qua lứa tuổi trung niên, bụng đầy với nét mặt khắc khổ, ưu tư và an phận. Thầy thường bận chiếc quần jean ống loe, mốt của thập niên trước. Chiếc quần đã không vừa với khổ người thầy, nó vừa rộng lại vừa dài, thầy phải vấn lên mấy lớp gấu nhưng vẫn cứ lệt bệt. Trên vai thầy khoác chiếc cặp màu vàng tươi thắm in hình ca sĩ Madona bận chiếc áo lót bé tí teo, không đủ che hết bộ ngực vĩ đại của nàng. Cô ca sĩ đang nổi tiếng ở Mỹ rất được *teenagers* điên cuồng ái mộ! Đoan chợt nghĩ, chắc chẳng có gì chung quanh khiến thầy màng tới, mặc cho thời thế hoặc thời trang thay đổi!

Đôi khi tình cờ Đoan thấy thầy Phong một mình ngồi lặng lẽ hút thuốc trên băng ghế đá chờ giờ học. Thầy ngó vu vơ những khóm hoa nhỏ đủ màu dưới chân. Những lúc như thế Đoan thắc mắc không biết thầy đang nghĩ gì? Nhớ vợ con? bè bạn? hoặc ngôi trường tỉnh lẻ bên kia bờ Thái Bình Dương? Bỗng Đoan thiết tha muốn được lại ngồi xuống cạnh thầy trò chuyện như một đôi bạn thân tình.

Điều làm Đoan khổ tâm nhất là khi thấy thầy xuất hiện trong câu-lạc-bộ nhà trường, ngồi giữa đám sinh viên nghịch ngợm cười đùa tán dóc những chuyện không đâu... Những lúc như thế, Đoan thầm tiếc phải chi nàng đừng gặp lại thầy Phong, để hình bóng thầy vẫn cao lớn trong tâm tưởng hoa mộng của thời tuổi dại.

Trong bao nhiêu năm nàng nâng niu, ôm ấp kỷ niệm. Nỗi hoài vọng xa vời và những hình ảnh đẹp đẽ một thời đã là một phần của cuộc đời nàng. Kỷ-niệm là hương thơm. Thời gian là gió thoảng. Thôi thì đành gửi hương cho gió... Đoan cố-gắng mỉm cười. Nụ cười méo-mó không thành hình, như một tiếng thở dài chấp nhận... □



ngọc sáng trong hoa sen

John Blofeld
Nguyên Phong
phóng-tác

(tiếp theo)

Tuổi trẻ thường lạc quan, bồng bột và không thực tế, dĩ nhiên tôi không ra ngoài thông lệ đó. Tôi đã mơ về một thời thái bình thịnh trị, một xã hội trật tự mà trong đó mọi người đối xử với nhau bằng nhân nghĩa, bằng thành tín, và bằng tình thương. Qua lăng kính thu hẹp của tôi, nơi đó phải là Trung Hoa, quê hương của Khổng Tử, Mạnh Tử và những bậc thánh hiền khác.

Thời gian tại Cambridge không đến nỗi cô độc như hồi ở Haileyburry. Tôi làm quen được một số sinh viên có sở thích tương tự. Chúng tôi thường họp nhau bàn luận về luật Luân Hồi, Nhân Quả, kinh Vệ Đà, kinh Upanishads.v.v... Luật Luân Hồi đã mở cho tôi một chân trời mới, giải thích được nhiều điều mà từ trước đến nay tôi vẫn thắc mắc. Phải thành thật nói rằng nếu không hiểu biết và nhìn nhận luật này, cuộc đời sẽ không có ý nghĩa gì hết mà chỉ là một bài toán không thể giải đáp. Có nỗi khổ đau nào lớn hơn nỗi khổ không thể giải thích các sự kiện xảy ra trong cuộc đời? Làm sao người ta có thể sống chập chờn giữa các sự kiện mơ hồ, không rõ rệt, cứ nghi nghi ngờ ngờ, lo lo sợ sợ, không biết đâu là đúng đâu là sai, đâu là chân lý và đâu là ảo vọng? Trong đời sống vô thường, đầy hỗn loạn và bất công, người ta có thể hy vọng được gì? Chỉ có luật Luân Hồi mới đem lại cho con người một sự an ủi đứng đắn, hợp lý và giải thích được ý nghĩa của cuộc sống mà thôi.

Luật Luân Hồi giải thích rằng cái mà chúng ta gọi là "kiếp sống" thực ra chỉ là một phần nhỏ của "đời sống" kéo dài vô tận. Nếu có trí tuệ, có thể nhìn thấy toàn thể diễn tiến của đời sống, chúng ta sẽ thấy rằng cuộc đời đã bắt đầu từ lâu lắm rồi, có lẽ từ lúc trái đất vừa thành lập, hay biết đâu lại chẳng bắt nguồn từ những hành tinh, những cõi giới xa xăm nào đó. Chúng ta đã trải qua hàng trăm triệu kiếp, kiếp này nối tiếp kiếp khác như sóng thủy triều, hết làn sóng trước đến làn sóng sau, không bao giờ chấm dứt. Nói một cách khác, luân hồi là sự tái sinh trong một thể xác mới, thích hợp với sự tiến hoá của tâm thức, trong những điều kiện chi phối bởi luật Nhân Quả. Nếu đời sống là một giòng sông trôi chảy thì kiếp sống chỉ là những giọt nước kết hợp thành dòng sông, và tùy theo các điều kiện chi phối mà giọt nước sẽ mang hình thái khác nhau, trong hay đục, có phù sa hay rêu rong.v.v..

Cuộc đời là một trường học vĩ đại mà trong đó mọi người đều phải học hỏi, phát triển tâm thức tùy theo mức độ tiến hoá của mình. Đời sống hiện tại có thể là một bước tiến hay thoái kể từ khi kiếp trước chấm dứt (sự tin tưởng rằng con người có thể đầu thai thành

thần linh hay một con vật, cũng là một cách diễn tả giản dị về quan niệm/tiến hoá hay thoái hoá so với kiếp trước). Hiển nhiên con người có lúc trở nên một vĩ nhân, một thánh hiền nhưng cũng có lúc trở thành một con gà, con chó, hoặc đoạ lạc vào cảnh địa ngục, ngạ quỷ. Khi di chuyển từ kiếp này qua kiếp khác, những điều học hỏi đều được ghi nhận, lưu trữ lại trong tàng thức và ảnh hưởng đến cá tính con người trong kiếp sau.

Tuy nhiên không phải điều gì cũng được lưu trữ. Những điều không cần thiết bị loại bỏ, đó là các điều liên hệ đến giác quan như sờ mó, nghe, nhìn, nói, ngửi. Hiển nhiên nếu mọi sự đều được lưu trữ thì một đứa bé vừa sinh ra đã có khả năng như người lớn rồi, đâu cần tập đi, tập đứng, tập ăn, tập nói.. nữa. Vấn đề quan trọng là người ta đã học hỏi được những gì và biết áp dụng thế nào vào đời sống hiện tại. Nếu kiếp trước họ đã học được bài học về lòng yêu thương thì kiếp này họ sẽ làm gì? Nếu họ biết thương yêu thì lòng yêu thương tiềm ẩn nơi họ sẽ được phát triển hơn lên, giống như một hạt giống được tưới nước, bón phân, sẽ kết hoa, trổ trái. Ngược lại, nếu vì lý do gì họ không yêu thương thì cái mầm thương yêu nơi họ sẽ bị thui chột, không phát triển được, như hạt giống rơi xuống sa mạc, không thể nảy nở. Nói một cách khác, giống như hạt mầm đang mọc, cái mầm chỉ có thể phát triển những gì có sẵn nơi nó. Vì lý do đó con người đều khác nhau, người thông minh, kẻ khù khờ, người giỏi âm nhạc, kẻ thích khoa học. Dĩ nhiên môi trường sinh sống có ảnh hưởng rất lớn đến sự phát triển cá tính con người; người có khả năng về âm nhạc nếu sinh vào môi trường không thích hợp, âm nhạc bị cấm đoán, sẽ không thể phát huy khả năng này bao nhiêu. Tuy nhiên nếu lòng say mê âm nhạc mạnh mẽ, người đó sẽ tìm cách phát triển khả năng của họ bằng cách này hay cách khác, hoặc tìm đến những môi trường thuận tiện hơn để trau dồi khả năng này. Cũng như thế, một người có đầu óc hướng thượng, thích hợp với môi trường tâm linh sẽ không chịu gò bó trong áp lực chật hẹp của môi trường vật chất. Dù hoàn cảnh khó khăn thế nào, trước sau họ cũng sẽ đi theo tiếng gọi thầm lặng của nội tâm.

Đối với tôi, luật Luân Hồi đã giải thích được một số sự kiện mà tôi vẫn thắc mắc. Tại sao một đứa bé chưa đầy mười tuổi lại cứ băn khoăn về câu hỏi phải chăng cuộc đời chỉ là một giấc mộng? Tại sao nó bị ám ảnh bởi những sự kiện như thật và ảo, mộng và thực? Phải chăng đó là những ưu tư xuất phát từ tiền kiếp? Tại sao khi vừa thấy tượng Phật, tôi lại thích ngay? Phải chăng có một cái gì sâu xa trong đáy lòng đã biết nhận ra đó là một vật quen thuộc từ tiền kiếp? Tại sao một đứa bé chưa bao giờ thấy ai thiền định, lại biết đem pho tượng về nhà trang nghiêm thờ kính và yên lặng ngồi tĩnh tâm trước pho tượng? Phải chăng đó là một thói quen từ quá khứ? Phải chăng đã có một sợi dây liên lạc hết sức thân ái nối liền tôi với Phật giáo? Phải chăng tôi đã là một Phật tử trong tiền kiếp? Sau khi xem xong cuốn phim *Ánh đạo phương đông*, tôi không còn nghi ngờ gì nữa, tôi biết đó là con đường mình đã chọn trong quá khứ, từ đó tôi trở lại con đường này một cách tự nhiên...

Trong những năm đầu tại Cambridge, tôi và các bạn đã say mê nghiên cứu, học hỏi những định luật và truyền thống tôn giáo Đông phương. Tuy nhiên khi bước vào cuối năm thứ hai, đa số sinh viên bắt đầu biết lo lắng cho tương lai, số người họp nhau bàn chuyện viển vông dần dần thưa thớt. Người ta nói nhiều về nghề nghiệp, về việc làm, về tình hình chính trị, kinh tế, hay về những vấn đề thiết thực hơn là những lý thuyết về siêu hình, tôn giáo.

Bước vào năm thứ tư, tôi thấy mình là người duy nhất vẫn thiết tha đến những đề tài "không thực tế" này. Năm thứ tư cũng đánh dấu một thay đổi lớn trong phạm vi tình cảm giữa cha tôi và tôi. Cha tôi muốn tôi học về thương mại để nối nghiệp nhưng tôi không thấy thích thú gì khi phải tính toán những con số lời lãi, chi thu. Sự cảm thông giữa cha tôi và tôi dần dần trở nên khô khan, lạnh nhạt, không còn

---

đồng sàng dị mộng

Thương nhau xa mấy cũng gần
Không thương chung một chiếu nằm mà xa
Tình yêu trẻ mãi không già
Răng long đầu bạc vẫn là trẻ thơ

Nên dâu hờn giận vu vơ
Nên tằm đến thác mà tơ vẫn còn
Nên em hờn phấn giận son
Nên tôi ngơ ngẩn thả hồn đi hoang

Vua này từ bỏ ngai vàng
Bởi xưa không tuyển được hoàng hậu kia
Lang thang viết mướn cày thuê
Sớm nhìn cá lội chiều nghe chim cười

Cứ thân làm mãi tội đời
Dường như em chỉ dùng tôi khi cần.

hà huyền chi



như xưa nữa. Cha tôi không thể nói chuyện thoải mái với tôi, và tôi cũng không thể giải thích gì thêm cho cha tôi hiểu. Tôi biết cha tôi rất lo cho đứa con đến lên đến năm thứ tư mà vẫn chưa có một hướng đi rõ rệt, chưa chọn ngành học chuyên môn hay nghề nghiệp thích hợp. Tuy nhiên tôi vẫn không thấy mình thiết tha với ngành học này, chỉ học qua loa lấy lệ, đủ điểm lên lớp, và đầu óc vẫn bận rộn về những điều mà có nói ra cũng không ai hiểu.

Trong khi cha tôi vận động cho tôi khởi sự thực tập tại các cơ sở thương mại thì tôi chỉ nghĩ đến việc viếng thăm Trung Hoa, gặp gỡ các đạo sĩ mặc áo thụng, đầu búi tó củ hành, tay cầm phất trần, ngồi lim dim trước đỉnh trầm thơm nghi ngút. Khi bạn bè cùng lớp nói về những lý thuyết kinh tế mới nhất, đầu óc tôi chỉ nghĩ đến những quan niệm như Tu, Tề, Trị, Bình. Khi giáo sư giảng về việc gia tăng năng xuất công nhân thì tôi chỉ muốn học hỏi thêm về thuyết Kiêm Ái. Càng ngày tôi càng cảm thấy xa lạ với môi trường chung quanh, không thể thích hợp trong đời sống đóng khung, hoạch định sẵn như vậy. Tôi có cảm tưởng như mình là một kẻ bị đày, một kẻ sinh lầm nơi chốn. Cuối cùng, trước áp lực nặng nề của gia đình và nhà trường, tôi quyết định phải bỏ đi thật xa...

CHƯƠNG HAI
TỨ HẢI GIAI HUYNH ĐỆ

Tôi bước chân xuống tàu S.S. Katori Maru đi Hương Cảng mà không có sự chấp thuận của cha tôi. Vì lòng hăng say mạo hiểm hay vì một động năng nào đó không rõ, tôi liều lĩnh lên đường, bất chấp việc học còn dang dở, hành trang chỉ giản dị có mấy bộ quần áo và số tiền nhỏ của cô Jessie giúi cho. Tôi đã tiết kiệm mua vé hạng ba, ăn uống giản dị, sẵn sàng làm thêm mọi việc lặt vặt trên tàu để kiếm thêm tiền. Chiếc tàu cũ kỹ này cũng đã bước vào giai đoạn phế thải, đi đến đâu hư hỏng đến đấy, thủy thủ đoàn phải cố gắng lắm mới lèo lái nó vượt sóng gió đại dương đến được bờ bến an toàn. Càng đến gần Á châu, lòng tôi càng náo nức không yên. Nhiều đêm đứng trên boong tàu nhìn ngắm những vì sao lấp lánh, tôi có cảm giác rộn ràng như đứa con đi hoang đang trở về nhà. Khi tàu ghé Tân Gia Ba, tôi không kiên nhẫn được nữa, ngực tôi như muốn nghẹt thở, cổ họng tôi khô rang, lòng tôi nóng như lửa. Chỉ một thời gian ngắn nữa là tôi có thể đặt chân lên mảnh đất hằng ao ước bấy lâu nay. Khi tàu đến Hương Cảng, tôi không chú ý gì đến những cảnh tượng ồn ào, náo nhiệt trên bến mà chỉ nóng lòng tìm chỗ mua vé xe lửa đi Quảng Đông. Đối với tôi, Hương Cảng chưa phải là Trung Hoa, chưa phải nơi tôi muốn biết. Ngồi trên xe lửa, tôi say sưa nhìn ngắm những ruộng lúa mênh mông, thả hồn theo đàn cò trắng bay lượn về cuối chân trời. Tôi thích thú quan sát những chiếc xe chở rơm, những đứa bé mục đồng, những người nông phu đang cày cấy. Những hình ảnh đó dường như gợi cho tôi một cái gì quen thuộc, một cái gì đầy thương yêu, một mối cảm xúc không thể diễn tả. Tôi lẩm bẩm "Rồi cũng có lúc đứa con đi hoang phải trở về nhà".

Tuy nhiên Trung Hoa lúc đó so với Trung Hoa trong mộng của tôi khác nhau rất xa. Xa như ngày và đêm, như tối và sáng. Thực tế đã dạy cho tôi bài học đầu tiên về sự mơ mộng này. Chỉ một thời gian ngắn, tôi đã biết cha tôi nói đúng, người ta không thể làm gì nếu không có tiền trong túi. Người ta có thể coi thường tiền bạc khi trong túi xu hào rủng rỉnh; người ta có thể khinh rẻ vật chất khi vẫn có một mái nhà ấm cúng che chở, khi bao tử no đầy, nhưng người ta không thể thoải mái lúc trong túi không tiền, không thể ung dung lúc bao tử trống rỗng. Khi những hăng say bồng bột lúc đầu tan biến, khi va chạm với thực tế phũ phàng, tôi mới ý thức được rằng xã hội Trung Hoa còn vất vả, chật vật hơn xã hội Tây phương rất nhiều. Người dân tại đây còn bận rộn về sinh kế hơn cả những thương gia bận rộn nhất Luân Đôn. Không thấy ai nhàn hạ cưỡi trâu, thổi sáo như những bức hoạ cổ mà tôi đã thấy. Không ai ung dung mặc áo gấm thêu rồng thêu phượng như tranh ảnh trên báo chí. Hầu như nhà nào nhà nấy đều cửa đóng then cài chặt chẽ, làm gì có cảnh nhà không đóng cửa, đồ rơi không người nhặt như trong sách tôi thường đọc. Đến lúc đó tôi mới biết mình lầm và lầm rất lớn.

Khi những xúc động bàng hoàng lúc đầu từ từ chìm lắng, khi số tiền khiêm tốn mang theo hao hụt thấy rõ, tôi biết ngay nếu không có biện pháp đối phó thích nghi thì sẽ gặp khó khăn, khốn đốn ngay. Về sau, nghĩ lại việc làm ngây thơ dại dột lúc đó, tôi không khỏi cười thầm cái thói trẻ người non dạ, viển vông, không thực tế của mình.

---

nắng mưa

trời chia
bên nắng
bên mưa
nguyên lòng tôi trọn
xin chừa riêng em
không gian
ướt đẫm một bên
nguyên lòng tôi đẫm
giọt phiền hư hao

nguyễn bá dĩnh

đong đưa nhịp võng

đong đưa võng nắng trưa hè
vườn im tiếng gió nhạc ve gọi buồn
đong đưa ta với cô đơn
âm đời xa vọng qua hồn hoang sơ
đong đưa ngày tháng tình cờ
thân, tâm treo giữa đôi bờ
nhớ, quên.

nguyễn văn ngọc

Một điều may mắn cho tôi là mức sống tại đây so ra vẫn còn thấp hơn Luân Đôn nhiều. Mấy chục anh kim còn sót lại đủ cho tôi sống thêm ít tuần nữa. Lúc đầu, chương trình du lịch của tôi không có mục phải kiếm tiền nuôi thân, nhưng hiển nhiên không cần phải là người thông minh mới biết rằng cái dự định đó hoàn toàn không thực tế.

Biết không thể kiếm được việc làm tại một nơi xa lạ, với khả năng ngôn ngữ bất đồng, tôi đành đáp xe lửa trở về Hương Cảng. Tôi tìm đến các tiệm buôn của người Anh để xin việc nhưng người ta tiếp đãi tôi vô cùng lạnh nhạt. Đa số tỏ ra nghi ngờ, không biết một kẻ "mạo hiểm" như tôi có mưu tính điều gì mờ ám không. Tôi tìm đến tờ báo Anh ngữ địa phương xin việc, nhưng dù có thiện chí, người chủ nhiệm kiêm chủ bút, kiêm ký giả, kiêm luôn cả chức "thày cò" cũng không thể mướn tôi. Ông chỉ hứa sẽ trả tiền theo bài, nếu những bài viết của tôi ăn khách. Phần lớn độc giả người Anh xa xứ thường muốn biết về những việc xảy ra bên quê nhà, kể cả những việc đã mất thời gian tính. Tuy nhiên tôi là kẻ mơ mộng, nào để ý gì đến những việc xảy ra tại Luân Đôn; ngay các biến cố chính trị lớn tôi còn không để ý huống chi các thời trang phụ nữ, các vấn đề xã hội mà độc giả tại đây muốn biết. Tôi chỉ có thể viết về trường Cambridge, về đời sống sinh viên, vốn không hấp dẫn bao nhiêu. Danh từ "đại học Cambridge" khiến ông chủ báo nhíu mắt lại, theo ông đây là một đặc điểm có thể khai thác được. Ông đề nghị tôi nên mở lớp dạy Anh ngữ cho những sinh viên Trung Hoa đang sửa soạn du học tại Anh quốc. Một lớp được dạy bởi người xuất thân từ Cambridge chắc chắn phải đặc biệt rồi. Từ đó tôi trở nên giáo sư Anh ngữ cho các học sinh bản xứ.

Trở ngại đầu tiên của tôi là vấn đề ngôn ngữ bất đồng. Mặc dù người Anh có mặt tại Trung Hoa đã lâu nhưng ngoại trừ các khu phố chính, những nơi giao dịch, buôn bán với người ngoại quốc, có một thiểu số biết nói tiếng Anh, đa số dân chúng địa phương đều sử dụng tiếng Quảng Đông hoặc tiếng Phổ Thông. Ngay trong mấy hôm đầu, tôi đã biết nếu không nói tiếng xứ này, người ta không thể đi đâu hay làm gì được. Tôi tập trung nỗ lực học tiếng Quảng Đông. Với hai cuốn từ điển dầy trong túi, tôi xông xáo khắp nơi, gặp ai cũng cố gắng bắt chuyện, học hỏi. Lúc đầu còn quanh quẩn trong các khu phố có người ngoại quốc nhưng dần dần tôi thích đi xa hơn giới hạn của các khu này. Nhờ thế chỉ vài tuần sau, tôi đã có thể nói chuyện, giao dịch một cách giới hạn, bằng tiếng Quảng Đông.

Để thích hợp với hoàn cảnh mới, tôi thay đổi cách phục sức, ăn mặc như người bản xứ, và chọn một cái tên Trung Hoa: Phùng Minh Đạo, với hy vọng sẽ gặp được một con đường sáng tại đây. Thay vì thuê phòng khách sạn, tôi mướn một căn phòng nhỏ trong khu phố nghèo nàn với giá năm Anh kim một tháng. Với giá hai Anh kim, tôi mướn một đứa nhỏ để sai vặt. A Hùng, đứa nhỏ tôi mướn, còn dọn dẹp, nấu nướng và giặt giũ nữa. Một điều đáng ghi nhận là nhân công tại Trung Hoa lúc đó rất rẻ. Với nạn nhân mãn hoành hành, thêm việc trộm cướp vì tình hình chính trị, kinh tế bất an tại nội địa, số người kéo về Hương Cảng kiếm việc rất đông. Họ sẵn sàng làm bất

---

nụ hồng em kết tương lai

Tôi đang kết hoa sầu trên đất lạ,
Chợt nhớ về người em gái xa xôi
Cơn hồng thủy xoáy tròn dâng lệ đá
Suốt bao mùa cây bật rễ nổi trôi!

Em tự buổi theo người anh vượt biển
Kiếp lênh đênh khi tuổi mới lên mười
Em đâu biết, đâu ngờ cơn quốc biến
Hồn thơ ngây như trái chín rụng rơi!

Em tâm sự giữa bầu trời băng giá
Thường khát thèm tia nắng ấm quê hương.
Đôi mắt mẹ hiền bao dung tất cả,
Tình bao la theo gió lộng ngàn phương.

Ánh sáng văn minh xoay vòng thế hệ
Đẩy đưa em bước vội kịp thời gian
Nhưng vẫn nhủ dù đổi dời dâu bể,
Thì hồn quê luôn mãi vọng trời Nam.

Em đang kết nụ hồng ươm xứ tuyết,
Thành chuỗi dài theo nhịp bước tương lai
Hãy ngẩng cao đầu với lòng cương quyết
Mộng hồi hương xây dựng một ngày mai.

Kể tự buổi theo người anh vượt biển
Đã mười năm em vừa chẵn hai mươi
Lật trang sử với bao niềm hãnh diện,
Của giống nòi, cô gái Việt Nam ơi!



vân nương

Làng Văn 78

cứ việc gì để đổi lấy cơm ngày hai bữa và một chỗ ngủ thoải mái. A Hùng cũng ở trong số người đó. Tuy chưa đầy mười ba tuổi, hắn đã rời nhà lên Hương Cảng kiếm việc nuôi thân và dành dụm để nuôi gia đình tại Phúc Kiến.

Một hôm tôi thấy trong người khó chịu, cổ họng đau nhức, toàn thân nóng ran. Chỉ một lúc, hai mắt tôi đã hoa lên không nhìn thấy gì nữa, tôi choáng váng ngã vật xuống giường rồi thiếp đi luôn. Tôi không biết mình nằm như vậy bao lâu nhưng khi tỉnh dậy, tôi thấy A Hùng đang đứng bên giường, mặt mày lo âu thấy rõ. Tôi thều thào yêu cầu hắn đi gọi bác sĩ nhưng khi hắn đi rồi tôi mới chợt nhớ rằng mình đã hết sạch tiền. Số tiền kèm Anh ngữ đã dùng để trả tiền nhà, lá thư viết cho cô Jessie để xin tiền chưa hoàn tất vẫn nằm trên bàn viết. Tôi lo lắng không biết phải làm sao và hy vọng không bác sĩ nào chịu đến thăm bệnh tại khu phố nghèo nàn, bẩn thỉu như thế này.

Khi A Hùng trở về, tôi ngạc nhiên khi thấy một người Trung Hoa gầy ốm, mặc áo lụa trắng, đầu đội mũ quả dưa, theo hắn vào phòng. Người này thong thả đến bên giường quan sát tôi một lúc rồi nhẹ nhàng đưa tay bắt mạch. Không biết vì lý do gì, vừa thấy người này tôi có cảm giác như đã gặp hắn ở đâu rồi. Tôi cố gắng lục soát trí nhớ nhưng đầu óc mơ hồ, nửa mê nửa tỉnh của tôi không thể tập trung được. Tôi lặng lẽ nhìn ngắm khuôn mặt thư sinh sau cặp kính tròn, một khuôn mặt điềm tĩnh, phảng phất vẻ nghiêm nghị, giống như khuôn mặt của các học giả phương đông thường thấy qua các tranh vẽ. Khi người nọ nắm tay tôi bắt mạch thì tự nhiên đầu óc tự tôn của người Tây phương trong tôi nổi lên. Làm sao một thanh niên Trung Hoa gầy gò, mặt mày tái nhợt kia lại có thể là một y sĩ được? Phải chăng A Hùng lười biếng không tìm đến những bác sĩ được huấn luyện từ đại học Y khoa mà đi mời một thầy lang địa phương? Tuy là người say mê văn hoá Trung Hoa, thán phục các bậc thánh hiền như Lão Tử, Khổng Tử, nhưng tôi không tin tưởng gì về ngành Đông Y cả. Tôi không thể tin những vị thuốc đen xì như hắc ín, những xác rắn, thằn lằn phơi khô treo trước cửa các dược phòng lại có công dụng y lý gì. Người thanh niên hỏi tôi vài câu về bệnh trạng nhưng dường như anh ta hỏi chỉ để hỏi mà thôi, có lẽ anh đã biết trước câu trả lời của tôi như thế nào rồi. Anh rút ra một túi nhỏ đựng cuộn giấy, vài cây bút lông, một thỏi mực và một cái nghiên bằng đá. A Hùng nhanh nhẹn chạy vào bếp lấy ra một bát nước. Người thanh niên thong thả mài mực vào nghiên. Từ giường bệnh tôi cố gắng nhấc đầu lên quan sát nhưng chỉ thấy khuôn mặt hết sức điềm tĩnh của người thanh niên đang chăm chú thảo đơn thuốc. Khi anh trao cho A Hùng, tôi thấy thằng nhỏ có vẻ ngần ngại. Nó biết tôi đã hết sạch tiền từ mấy hôm nay rồi. Tôi bối rối không biết phải làm sao thì thấy A Hùng rút cái ruột tượng của hắn vẫn cất kỹ phía sau tủ ra. Thằng bé đếm đủ mấy quan tiền rồi cầm đơn thuốc cắm đầu chạy ra khỏi nhà. Tự nhiên nước mắt tôi trào ra ràn rụa. A Hùng mới giúp việc cho tôi một thời gian ngắn, chưa lãnh tiền công được bao nhiêu, và đang cố gắng dành dụm để gửi tiền về nhà cho cha mẹ. Tuy nhiên hắn cũng biết tôi đang gặp khó khăn về tài chánh, và sẵn sàng giúp đỡ. Tôi tự nhủ sẽ bồi hoàn cho hắn thật xứng đáng khi có dịp.

Trong khi chờ đợi A Hùng trở về, người thanh niên kéo ghế ngồi xuống cạnh giường nói chuyện. Tôi cho anh biết tuy là người Anh nhưng tôi đã chọn một cái tên Trung Hoa: Phùng Minh Đạo. Thanh niên xưng tên Tạ Hải, một Đông y sĩ cư ngụ tại đường Caine Road, cách đó không xa. Tạ Hải cho biết anh xuất thân trong một gia đình y sĩ, cha anh đã hành nghề tại Bắc Kinh nhiều năm, và ông nội của anh đã có thời làm chức Ngự Y trong triều. Đang nói chuyện, bỗng Tạ Hải nhìn thấy bàn thờ nhỏ của tôi kê ở cạnh tủ sách:

— Ông Phùng, hình như ông cũng là một Phật tử?

— Thưa vâng. Tôi đã là một Phật tử mấy năm nay rồi. Có lẽ ông nhìn thấy bàn thờ Phật của tôi ở góc phòng?

— Chính thế. Tôi rất ngạc nhiên và sung sướng khi được biết giáo lý cao đẹp của đức Thế Tôn đã được truyền bá qua tận bên Anh quốc. Hay quá, hay quá...

Tôi vắn tắt kể cho Tạ Hải nghe việc đã say mê đọc sách vở về Phật giáo tại Haileyburry và Cambridge như thế nào. Tại Hải chăm chú lắng nghe, mặt anh ta sáng lên một vẻ thích thú, bất chợt anh cúi xuống sát giường nói thật chậm:

— Ông Phùng, xin phép ông cho tôi hân hạnh được làm một việc rất nhỏ là chữa bệnh cho ông. Tuy mới quen biết nhưng dường như chúng ta đã quen nhau từ lâu rồi. Hơn nữa, chúng ta đều là anh em, đều là con của đấng cha lành, đức Phật Thích Ca, và tôi không bao giờ tính tiền anh em trong nhà cả.

Nỗi lo lắng phải trả tiền chẩn bệnh của tôi bỗng tiêu tan như mây khói. Tôi cảm động không sao thốt nên lời, chỉ lắp bắp vài câu cám ơn.

Sau khi khỏi bệnh, tôi tìm đến phòng mạch của Tạ Hải để cám ơn. Sau câu chuyện xã giao, chúng tôi chuyển qua đề tài tôn giáo. Tạ Hải cho biết anh là một tín đồ Phật giáo thuần thành, đã có cơ hội học hỏi với nhiều vị cao tăng nổi tiếng. Chúng tôi đàm đạo rất tương đắc. Lúc ra về Tạ Hải thiết tha mời tôi trở lại. Tình bạn của chúng tôi nẩy nở từ đó, cứ vài hôm tôi lại tìm đến phòng mạch của Tạ Hải để đàm đạo, và chỉ vài tháng sau, tôi đã trở thành một người khách quen thuộc, một người ngồi thường trực trong căn phòng chẩn bệnh trần thiết lịch sự với những kệ sách lớn, với những đồ đạc bằng gỗ cẩm lai bóng lộn và những bức tranh vẽ chằng chịt các kinh mạch, huyệt đạo.

(còn tiếp)

xếp al capone IV

TRUYỆN DÀI

Trường Sơn
Lê Xuân Nhị



(tiếp theo)

Tuy là người mang thẻ đảng lâu năm nhưng Unione đâu có làm gì được cho Altis ngoài cái việc bảo vệ mà một caporegime lừng danh với vài trăm tay súng dưới quyền như lão chẳng cần lắm. Tiền bạc cho lão chính là do Al Capone kìa. Làm tư lệnh chiến khu trong lãnh thổ của Al Capone đâu phải dễ, đâu phải ai làm cũng được! Ngoài vấn đề tài năng và sự trung thành tuyệt đối ra, còn một vấn đề khác rất quan trọng mà ai cũng biết nếu không có nó thì khó mà ngoi lên được trong xã hội Bàn Tay Đen này: Tình cảm cá nhân. Phải, tình cảm cá nhân Al Capone xưa nay dành cho Altis không phải là ít. Bao nhiêu cuộc can qua, bao nhiêu trận đánh, Al Capone luôn luôn đứng đằng sau lão. Vậy mà trong cuộc xung khắc vừa rồi với O'Bannon, lão đã về phe Unione để "lạnh lùng" với xếp. Tuy chuyện này chưa ai nói ra miệng, nhưng giang hồ lâu năm với nhau, người ta chỉ cần nhìn phản ứng là biết suy nghĩ của nhau liền. Dân giang hồ đâu cần phải chỉ mặt nhau mà rủa: "Mày là thằng ăn cháo đá bát", một cái bắt tay lạnh lùng, một câu hỏi không thèm nhìn thẳng vào mặt người đối thoại thường làm những kẻ được bắt tay hay được hỏi cảm thấy muốn rụng rời tay chân.

Mang tâm trạng bất an như vậy nên kể từ ngày hôm qua, lúc nghe tin phụ tá Guzick thông báo buổi họp bất ngờ thì Altis là người rét nhất. Rét lắm nên đi họp mới lựa cặp cận vệ tài giỏi nhất của mình đem theo. Hai thằng này chẳng những tài giỏi mà còn là người quen biết từ những ngày xa xưa bên Sicily, có họ hàng dây mơ rễ má với lão.

Nhưng, tài giỏi với ai chứ với cặp hung thần Frank Nitti và Al Capone thì cũng đành chịu! Lúc nghe Capone đuổi tất cả đám cận vệ xuống nhà, hai thằng đệ tử ruột của Altis tướng tá coi ngon lành vậy mà khi nghe giọng lạnh lùng của Al Capone cùng tia mắt như điện xẹt của Frank chiếu tới thì chẳng ai bảo ai, hai đứa cùng... co rúm người lại một lượt. Tuy hai thằng cận vệ đăm đăm nhìn chủ để xin chỉ thị nhưng Altis biết trong tình trạng này thì chủ nó là Frank chứ không phải lão. Đang chới với, Altis chưa kịp gật đầu để biểu hai thằng ăn hại "cút cha mày đi" thì thằng Frank đã trừng mắt thêm một cái. Thế là hai thằng hãi quá, chẳng cần chờ chỉ thị, tự động xoay người bước ra cửa liền. Chúng nó dẫn đầu đoàn cận vệ của bốn ông tư lệnh chiến khu để bỏ đi đầu tiên, đi trước hết, biến mất liền sau cánh cửa.

Khi mấy đứa cận vệ mình đi hết rồi, Altis mới kinh hoảng nhận ra

một điều là mạng sống của mình ngày hôm nay tùy thuộc vào sự rộng lượng của xếp. Trước khi Al Capone mở miệng khai mạc buổi họp, Altis đã đưa mắt nhìn ngang liếc dọc coi thử có cây gậy baseball nào để gần đâu đó không! Hình ảnh thằng Lumbonio bị đập không còn khúc xương nào nguyên vẹn ngày nào vẫn còn in rõ trong trí lão caporegime trải đời.

Liếc tới dòm lui mấy lần không thấy cây gậy kinh hoàng đâu, đã hơi yên tâm được một chút, nhưng bây giờ nghe Al Capone buông tiếng hỏi lạnh lùng lại còn ngoảnh mặt đi chỗ khác như vậy thì trong bụng Altis thấy thất lại, tay chân rụng rời. Lão biết mạng sống của mình tùy thuộc vào câu trả lời này nên vận trí, rán dùng hết bản lãnh của một caporegime để tìm câu trả lời, tuy vậy giọng nói lão vẫn lạc đi:

— Trình với xếp, trong lòng tôi từ bấy lâu nay có một điều muốn trình bày với xếp mà chưa có dịp thổ lộ. Hôm nay, nhân dịp này, tôi xin đem hết tâm tình của một đàn em trung thành dưới trướng ra trình với xếp...

Đù mẹ văn chương mấy thằng sắp chết quả thật là thống thiết. Capone nghĩ vậy và tự nhiên cảm thấy lòng mình dịu lại. Con người của Capone là như vậy. Tiếng súng nổ đạn bay bên tai làm xếp trở nên sắt máu, nhưng giọng nói tràn đầy tình cảm và khiêm nhường của kẻ dưới luôn luôn làm xếp mủi lòng.

Nhìn nét mặt Capone, Altis biết mình đã đi đúng đường, có cơ hội sống rồi, bèn càng trở nên tha thiết:

— Thưa xếp, xếp biết anh em chúng tôi được cất nhắc lên làm caporegime không phải bởi tài năng riêng của mỗi người mà là nhờ ân huệ của xếp. Xếp có thương thì chúng tôi mới được nhờ. Xếp tưởng anh em chúng tôi quên chuyện này nhưng chúng tôi không bao giờ quên. Mà hễ không quên thì chúng tôi phải... nhớ. Xếp thấy đó, tôi đi theo xếp kể từ lúc xếp bắt đầu khởi nghiệp. Xếp cùng tôi và anh em đã vào sinh ra tử bao nhiêu lần, xông pha không biết bao nhiêu trận, xém bị... cảnh sát tóm nhiều đến không thể nhớ, xếp thấy tôi có bỏ xếp hay có dám làm gì trái ý xếp đâu? Xếp biết và chắc các anh em ở đây cũng biết, tôi tuy là người mang thẻ Unione nhưng tôi chưa bao giờ lợi dụng quyền uy, thế lực hay danh nghĩa của Unione để làm chuyện gì bậy hoặc lấn áp anh em. Ngay cả anh em với nhau mà tôi còn chưa dám lấn áp thì làm sao tôi dám làm gì với xếp là một người mà tôi hằng kính trọng, một ân nhân vĩ đại của đời tôi, của cháu Michael ở nhà...

Capone gật gù. Mình là bố đỡ đầu của thằng Michael kháu khỉnh đây mà, quên sao được...

Nãy giờ đứng sau lưng Altis, Frank đã chuẩn bị rút súng kê vào gáy lão bóp cò ngay từ lúc Capone mới bắt đầu mở miệng, nhưng bây giờ thấy ánh mắt Capone dịu đi thì nó biết lão già này chưa tới số chết. Lão sống được rồi. Frank biết chủ mình dứt khoát lắm. Đã đứng yên nghe người ta thao thao bất tuyệt như vậy là không có ý muốn giết rồi!

Capone đột ngột ngắt lời Altis:

— Ông nói vậy tôi nghe cũng được, nhưng câu hỏi của tôi ông chưa trả lời.

Altis thấy như mở cờ trong bụng, mau lẹ sốt sắng đáp:

— Thì xếp thấy đó, thằng O'Bannon này nhiều tội quá. Dù mình chưa có bằng chứng là nó phản bội, nhưng hai người, một ở New York, một ở Chicago, chẳng có quyền lợi gì đụng chạm để tranh giành, Luciano không thể tự nhiên đặt chuyện để hại nó. Là người của Unione, xếp khỏi cần hỏi thì tôi cũng có bổn phận phải trả thù cho chủ. Ý kiến của tôi chỉ đơn giản như thế này: Thằng O'Bannon phải chết! Có vậy thôi. Và tôi xin phép xếp nhường cho tôi cái vinh dự làm việc này. Tôi mong xếp để thằng O'Bannon đó cho tôi...

Tốt. Capone nghe tới đâu thấy sảng khoái tới đó. Vậy là thằng O'Bannon mười phần coi như chết đến chín rồi. Lão già Altis là người cứng cựa nhất trong đám caporegime của Al Capone. Chẳng những cứng cựa, cái sọ khỉ của lão này thường nảy ra nhiều ý tưởng sâu sắc, hơn hẳn mấy thằng tư lệnh chiến khu kia. Lão đã tuyên bố hùng dũng và cương quyết như vậy thì chuyện lớn coi như xong. Hơn nữa, Capone khôn lắm. Xếp biết một con cáo già và nhiều thế lực như Altis không phải là một kẻ... dễ giết. Lão có vây cánh, được nhiều anh em giang hồ trọng vọng và có Unione đứng đằng sau lưng. Trừ những trường hợp phản bội công khai, bình thường ít có ông trùm nào dám đụng đến người của Unione.

Xong được một mối rồi, Capone không thèm trả lời đề nghị thành khẩn của Altis, gã từ từ quay sang nhìn ông caporegime thứ ba, McGurn:

— Ông thấy thế nào?

— Trình với xếp, dù biết rằng chiến tranh là giải pháp cuối cùng, là hao tài tốn của nhưng trong một giai đoạn nào đó, không có chiến tranh không được. Đã đến lúc phải chấp nhận thiệt thòi để đứng lên, phải dùng máu để rửa sạch những chuyện nhơ nhớp. Unione Siciliane mấy trăm năm nay chưa hề xảy ra chuyện nào bẩn thỉu và đau buồn như vậy. Đây là một đại tang cho Unione. Tôi xin xếp cho tôi cũng được cái vinh dự tiếp tay với Altis, lấy máu của thằng O'Bannon để tẩy uế lại Unione.

Capone gật gù, cặp môi thịt bụm lại ra dấu thoả mãn. Kể từ lúc bị chúng nó cuỗm mất mấy chiếc xe rượu ở New York và từ lúc David Yale xuống Chicago, lần đầu tiên anh em mới thấy... cặp môi xếp như vậy.

— Ông nói vậy, Capone xin ghi nhận thiện chí của ông. Lát nữa mình sẽ bàn tiếp vấn đề này.

Caporegime cuối cùng chưa được hỏi tới là Sal, tư lệnh chiến khu North Side kiêm quản lý đại tửu lầu The Red Horse. Hắn im lặng chờ tới phiên mình được hỏi với một vẻ tự tin và bình tĩnh. Sal

chẳng có gì để rét cả vì hắn biết Capone rất có cảm tình với mình. Như mọi caporegime mới nhậm chức khác, Sal phục vụ Capone tận tình, bằng cả đầu óc, cả trái tim. Từ lúc The Red Horse được giao cho hắn, số tiền thâu về hàng tháng vượt hẳn lên. Điều này chứng tỏ thằng caporegime trước đã ăn bớt khá nhiều. Capone càng thích hắn hơn nữa. Thỉnh thoảng Capone tạt ngang đó, lần nào xếp cũng khen là cách tổ chức cùng các món ăn nhà hàng nấu ngon hơn trước nhiều.

— Sal, chú mày nghĩ thế nào?

— Trình với xếp, tôi đã từng nói với xếp nhiều lần là đáng lẽ chúng ta phải dứt thằng Do Thái đó lâu rồi. Xếp có nhiều chuyện lo quá, xếp đâu có nghe lời tôi...

Ít có ông caporegime nào dám trách Capone một cách thẳng thừng và thân mật như vậy ngoại trừ Sal. Nhưng xếp không lấy thế làm buồn. Nó trách phải lắm! Capone gật gù rồi từ từ đứng dậy. Cả phòng họp trở nên im phăng phắc, chờ đợi huấn từ cuối cùng của Capone trước khi xua quân tràn sang lãnh thổ O'Bannon.

Capone cất tiếng:

— Thật ra, anh em biết, tình hình thay đổi nhanh quá. Mới đầu, không phải tôi mời anh em về đây để chuẩn bị kế hoạch làm thịt O'Bannon. Tôi chỉ muốn "sửa sang lại nhà cửa" của mình một chút và tính chuyện trợ giúp ngài chủ tịch. Chẳng ngờ ngài chủ tịch bị chúng nó chơi bạo quá, mau quá, chúng ta trở tay không kịp. Tình hình đã đến nước này rồi thì chúng ta chỉ còn một nước là đánh. Đánh mau và đánh mạnh.

Capone ngừng một lúc rồi ngẩng mặt lên hỏi:

— Anh em nghĩ sao?

Bốn năm cái miệng cùng trả lời một lúc, đầy hào hứng và tin tưởng:

— Xếp nói đúng. Chúng ta chỉ còn một nước là đánh. Đánh! Đánh mạnh! Đánh chết mẹ nó đi.

— Anh em suy nghĩ kỹ chưa?

— Rồi xếp. Mình chỉ còn nước đánh.

— Nếu anh em quyết định như vậy, tôi đồng ý. Vậy chừng nào thì mình bắt đầu được?

Altis góp ý liền để tỏ lòng nhiệt thành của mình:

— Trình với xếp, muốn trải nệm cho có hiệu quả, xưa nay thường mất cả tháng trời để chuẩn bị, nhưng trong trường hợp này thì mình phải làm mau mới được.

— Nghe được. Nhưng mau là bao lâu, nói nghe thử?

— Trình với xếp, mau nhất cũng phải vài tuần lễ. Xếp cho tôi ba tuần.

Ba bốn cái miệng khác lại nhao nhao lên:

— Phải rồi xếp, chuẩn bị kỹ thì tấn công mới chắc ăn được...

— Mình không bung ra thì thôi, bung ra thì chúng nó phải chết...

Capone không nói gì, chỉ kẹp điếu xì gà lên môi, phì phà nhả khói. Chờ cho tiếng ồn ào lắng xuống, gã mới lắc đầu lạnh lùng:

— Tình hình khẩn trương như thế này, ngài chủ tịch bị chúng nó chơi tàn bạo như vậy mà cần vài tuần để chuẩn bị thì làm sao giết chết thằng O'Bannon được? Tôi cho anh em... nói lại.

McGurn mở miệng liền:

— Tôi đồng ý với xếp như vậy nhưng xếp thấy, thiên hạ đang thái bình an lạc, anh em mình đâu có chuẩn bị gì. Gom góp chúng nó lại đầy đủ và huấn luyện một đội cảm tử cũng mất hết mấy ngày. Làm xong một kế hoạch tấn công có chi tiết rồi đưa xuống cho tụi nó cũng mất hết vài ngày nữa. Ấy là chưa nói đến chuyện phải thông báo cho tụi cảnh sát biết để nó chuẩn bị, rồi còn lo lót mấy ông quan toà nữa. Mấy chuyện này xếp thấy đâu phải một sáng một chiều là xong được!

— Vậy ông muốn bao nhiêu lâu?

— Trình với xếp, xin xếp cho tôi 1 tuần. Tôi sẽ cố gắng hết sức. Nội tuần sau chúng ta có thể bắt đầu được. Anh em thấy tôi nói thế nào?

Bốn năm cái miệng lại nhao nhao. Capone nhướng mày chỉ một người, hỏi:

— Ông nghĩ sao?

— Một tuần tuy gấp thật đó nhưng tôi thấy hễ rán hết sức thì được. Lâu lâu mới có một lần mà.

Một người khác:

— Một tuần là hợp lý lắm, thưa xếp.

Lại có một giọng nói kèm theo một cú đập tay xuống bàn để biểu lộ sự quyết tâm:

— Phen này là chết mẹ thằng Do Thái!

Mặc cho ai muốn nói gì thì nói, Capone vẫn đứng yên, mặt nghếch lên phì phà xì gà, ra dáng tư lự, không thèm nói một lời...

Phát biểu hăng say một lúc mà không ai nghe xếp phán lời nào thì mọi người tự động ngưng, nhìn nhau e dè. Tiếng ồn ào trong phòng từ từ lắng xuống. Vậy là xếp chưa nghe được những gì xếp muốn nghe rồi, ai cũng hiểu vậy.

Bầu không khí im lặng bao trùm tất cả. Capone pập pập điếu xì gà, nhả khói mù trời rồi cất giọng:

— Anh em nói lại giùm tôi một lần nữa đi. Một tuần không giết chết thằng Do Thái được.

— Nhưng thưa xếp, chuyện trải nệm đâu phải là chuyện thường. Ngày xưa tụi mình chuẩn bị trước cả tháng, có khi cả năm...

Capone xoay mình nhìn người vừa nói câu đó. Cặp mắt xếp dữ tợn quá chừng làm ông caporegime McGurn vừa mở miệng liền nín khe.

Tư lệnh nhà hàng Con Ngựa Đỏ Sal liền lên tiếng cứu bồ:

— Trình với xếp, xếp nói vậy cũng đúng. Đánh thì mình phải đánh mau đánh mạnh, đánh bất ngờ. Tôi đề nghị xếp cho 3 ngày để chuẩn bị.

Altis lắc đầu tỏ vẻ bất đồng ý kiến với Sal. McGurn cũng nhún vai. Chỉ có mình thằng Frank Rio là ngồi im không ý kiến.

Tuy không nói gì nhưng ai cũng thấy ngán trong lòng. Xếp mà gật đầu đồng ý với đề nghị của thằng Sal thì bỏ mẹ hết cả lũ. Ba ngày chuẩn bị làm sao kịp?

May quá, xếp lắc đầu. Mọi người thở phào nhẹ nhõm... Nhưng chưa

ai mừng được lâu thì Capone rút điếu xì gà ra khỏi miệng, cất giọng lạnh lùng, cương quyết:

— Không phải 3 tuần, chẳng phải 1 tuần, cũng đéo phải 3 ngày nữa. Một buổi tối thôi. Tôi muốn anh em ra quân đập chết mẹ thằng Do Thái liền ngay tối hôm nay...

Nhiều tiếng ồ vang lên cùng một lượt. Al Capone đùa dai với anh em rồi! Xếp xưa nay từng đi bắn giết chắc cũng biết chuyện trải nệm đâu phải là chuyện một ngày mà xếp nói giỡn chơi như vậy!

Capone chậm rãi tiếp:

— Anh em đừng nhìn tôi với cặp mắt đó. Tôi không cần biết ngày xưa anh em trải nệm ra sao, nhưng bây giờ, trong hoàn cảnh này, với một địch thủ như thằng O'Bannon, mình không đánh liền, đánh bất ngờ ngay tối hôm nay thì chẳng bao giờ mình hạ được nó.

Capone ngưng nói, nhìn khắp phòng một lượt. Chẳng ai dám mở miệng.

— Anh em có biết vì sao tôi nói vậy không?

Không có tiếng trả lời.

— Tôi nói vậy bởi vì, nội trong buổi tối hôm nay, thằng O'Bannon sẽ biết tin dữ đến từ New York. Cái chết của ngài chủ tịch Yale và Kabri sẽ làm mất thế quân bình của xã hội Chicago. Là một thằng xưa nay dựa thế của Unione rồi lại trở mặt phản bội Unione, nghe được tin đó, chắc chắn nó phải đề phòng. Anh em biết tính tình thằng Do Thái rồi, tôi khỏi cần nhắc lại. Nó chỉ bằng hoặc hơn tôi chứ không thua. Nó đã từng đánh nhau, đã từng vào sinh ra tử, từng có kinh nghiệm chiến đấu để sinh tồn. Nên nhớ chuyện này. Nếu nó tơ lơ mơ thì đã chết rục xương vì anh em mình từ lâu rồi! Bao nhiêu kinh nghiệm đó, cộng thêm cái đầu óc cáo già của một thằng Do Thái, thì khi nó đã đề phòng, mình khó mà quất sụm nó được. Nếu không dứt được nó trong cú đầu thì anh em biết chuyện gì sẽ xảy ra. Đù mẹ, nó sẽ lặn mất tiêu liền cái rụp và từ đó ở Chicago này cảnh mèo vờn chuột, chuột phục kích mèo sẽ diễn ra hàng ngày, diễn ra dài dài. Máu sẽ đổ bằng thích, đổ ào ào và chiến tranh khó mà chấm dứt được. Dĩ nhiên sẽ chẳng có phe nào làm ăn kiếm chác gì được hết...

Capone mồi điếu xì gà khác, phe phẩy nó trong tay:

— Chẳng có phe nào làm ăn được hết trong khi mình phải chi bạo để lo chiến tranh. Tiền thầy chú tăng, tiền quan toà tăng, tiền gì cũng phải lên hết. Anh em biết phe mình mới bị khốn đốn về thằng chó đẻ Eliot Ness với mấy cái màn hành quân bắt rượu ma của nó, mình khó có thể kéo dài một cuộc chiến nữa...

Capone khom người, chống hai tay lên bàn, gằn giọng:

— Vì những yếu tố đó, tôi mới nói với anh em là mình không thể chờ 3 tuần hay 3 ngày. Mình phải quất nó liền nội ngay tối hôm nay, trước khi nó kịp trở tay hay làm gì cả. Mình chỉ cần quất một quả thôi. Một quả thật mạnh với tất cả lực lượng của mình. Nếu cần phải đốt hết một nửa Chicago, mình vẫn phải đốt. Nếu cần phải bắn bể sọ một trăm hay một ngàn thằng dân vô tội, mình vẫn bắn. Nếu cần phải hy sinh cả mạng mình, mình vẫn làm...

Đám caporegime nghe tới đâu là rung động tới đó. Capone nói như gào lên:

— Tại vì sao anh em biết không? Tại vì, đơn giản lắm, mình phải tồn tại, phải sống còn. Thập niên 30 này không phải là thập niên 20 nữa. Thời thế đã thay đổi. Lệnh cấm rượu sắp sửa bị bãi bỏ. Khủng hoảng kinh tế vừa bắt đầu cách đây mấy năm bây giờ đã thấy có ảnh hưởng. Mình không có thì giờ để ngồi chơi với súng đạn như ngày xưa nữa. Nếu mình không diệt thằng O'Bannon liền nội trong tối hôm nay, dứt khoát là mình sẽ chết. Chết. Anh em hiểu không? Mình sẽ hết tiền. Tiền sắp hết rồi, "ngân khố" gần sạch rồi mà tiền thì không còn kiếm được dễ dàng như xưa nữa. Mình chẳng còn chọn lựa nào hết. Mình phải đánh liền tối hôm nay. Đánh liền và đánh bạo. Không đánh thì mình sẽ chết, chết, chết...

Những tiếng "chết" được Capone lập lại, gầm lên, âm vang kéo dài ghê rợn như tiếng vọng từ dưới đáy nhà mồ.

Tài hùng biện hiếm có của Capone xem ra bắt đầu có kết quả. Mấy ông caporegime vào sanh ra tử gần hết đời mà nghe xếp nói xong

---

màu xanh ngọc



Sớm nay có nắng hồng qua cửa
Con chim xinh lảnh lót sau vườn
Mình nhẹ nhàng chải tóc trong gương
Tóc đã trắng màu hoa mai trắng

Chiều dịu dàng nghe chiều tĩnh lặng
Bài thơ hiền như búp ngọc lan
Màu xanh ngọc dòng sông quá khứ
Nắng tơ vàng... nắng trải thênh thang

Sáng mai, nắng có vào song cửa
Một chút gì chợt nhớ chợt quên
Giọt nến buồn như tiếng gió đêm
Chiều ra biển thả theo triều sóng.

tuệ nga

thì mặt mày trở xanh tái liền. Ai nấy bối rối thấy rõ.

Mà xếp nói đúng thật chứ không phải bịa. Cuộc khủng hoảng kinh tế của Hoa kỳ chẳng thấy giảm đi chút nào sau mấy năm mà hình như bắt đầu bước sang giai đoạn trầm trọng. Cái hàng lãnh cơm miễn phí của dân thất nghiệp mỗi ngày một dài ra. Tiền ăn tiền nhà không có thì tiền đâu mà đi đánh bạc với chơi bời? Lợi tức sòng bạc, ổ điếm chỉ có một năm đã giảm đi đến gần 60%. Xưa nay ai cũng ngờ ngợ cảm thấy chuyện này nhưng mãi đến khi Capone nhắc tới thì lòng người mới thấy chấn động.

Mình không đánh sớm thì chắc chết thật. Chết như lời xếp nói.

Chỉ cần nhìn phớt qua là Capone biết ngay lời mình đã có kết quả. Những vẻ "e lệ" lúc nãy biến mất hết. Xếp biết, bây giờ bảo chúng nó nhảy vào lửa chúng nó cũng nhảy, nói gì đến chuyện thanh toán O'Bannon.

Capone đứng thẳng lên rồi lại khom người xuống, hai tay chống trên mặt bàn, nhìn Frank Rio hỏi:

— Mày thấy tao nói đúng không?

— Thưa xếp đúng, đúng quá đi chớ còn gì nữa.

Xếp nhìn ông già Altis:

— Ông thấy thế nào?

— Trình xếp, xếp nói vậy thì tôi cũng... đồng ý như vậy.

— Những anh em khác, có ai có ý kiến gì khác không?

Mấy cái đầu cùng gục gặc một lúc, biểu lộ sự đồng tình. Capone nhìn Frank Nitti gật đầu một cái. Không hiểu nó chuẩn bị lúc nào mà chỉ chờ có vậy là nó trải ngay trên bàn một tờ giấy bìa lớn vẽ bằng tay một phần bản đồ của thành phố Chicago nơi có những khu vực làm ăn của lãnh thổ O'Bannon. Trên đó, theo lệnh của Capone, Guzick đã cẩn thận vẽ mấy chữ X thật lớn ở những chỗ mà các ông caporegime chỉ cần nhìn phớt qua một cái là biết liền. Đó là những địa điểm quân sự của gia đình O'Bannon.

Capone chỉ vào một chữ X, nhướng mắt nhìn Altis:

— Tối nay ông dẫn chúng nó đột nhập đây cho tôi.

Altis khựng người. Dù lúc nãy tuyên bố hung hăng lắm nhưng khi nhìn theo ngón tay mập tròn của xếp đặt nơi chữ X trên tờ giấy, Altis vẫn thấy tóc gáy mình dựng ngược. Cái chữ X đó nằm... thù lù một đống ngay đại bản doanh của trùm O'Bannon chớ đâu! Thiên hạ ai cũng biết chỗ này là chỗ chết. Một ông trùm Do Thái bị nhiều người ghét hơn là thương như O'Bannon mà còn sống được tới giờ này thì chỗ ăn chỗ ở không phải là nơi dễ dàng ra vào. Nhà lão có tới hai ba lớp hàng rào, có người gác, có chó, không chừng có cả bẫy sập bí hiểm nữa. Mà có vào được thì chắc cũng khó kiếm đường ra. Kẹt hơn nữa, dẫn quân một cách bất ngờ, bất tử, không có được chút thì giờ nào để điều nghiên, chuẩn bị như là tối hôm nay thì càng khó khăn vô

---

lối xưa

Ai chở tôi về những lối xưa
Con đường tình sử, lá thu mưa
Từng đêm hò hẹn, từng đêm nhớ
Lấp lánh ngàn sao phải thẫn thờ

Ở chỗ này đây, cây cúi đau
Mưa còn giăng nhẹ, chẳng vì đâu
Hài chim quang quác lui về tổ
Ghế đá lời ru, khẽ tựa đầu

Từng bước bên nhau, chẳng nói gì
Thì thầm nhủ mãi, giọt từ bi
Chắt chiu gom bóng cho vừa nhớ
Áo mỏng hồ như đợi gió về.

Bóng đêm gian dối toả tầm xa
Tình đã thăng hoa, chẳng kể nhà
Em nhỉ, đêm nay ngày mấy nhỉ?
Xin làm nhân chứng dõi tình ta!

phạm quang ngọc

cảm hoài

Mẹ còn nỗi nhớ cuối trời
Con còn.. trăm tuổi rong chơi xóm làng!
Vợ còn nắng giãi mưa chan,
Quê hương còn nỗi bàng hoàng xót xa.
Trời xứ lạ, còn mình ta
Núi mây sầu dựng, quan hà khói vây.
Ngửa tay còn có gì đây?
Tay chai đời đá, tay gầy nhánh khô.
Giữa phồn hoa, thấy hư vô
Khoanh tay khóc cả cơ đồ ngửa nghiêng.
Trăm năm núi dựng, mây liền
Một giờ lưu xứ, ưu phiền có chi...

nguyễn huy phước



cùng.

Thế này là Al Capone muốn giết mình rồi. Altis còn đang ú ớ chưa biết nói thế nào thì Capone như một con cọp già từng trải, đã ngửi được cái mùi... lo lắng của lão, cười nhẹ;

— Bây giờ thì chắc có lẽ ông hiểu được tại sao tôi muốn mình ra quân ngay tối hôm nay. Trong mọi cuộc chiến, sự bất ngờ là yếu tố quan trọng nhất. Hình ảnh đột nhập vào đại bản doanh của O'Bannon, mới nghĩ thì thấy nó ghê thật, nhưng ông chịu khó dùng đầu óc tưởng tượng của mình một chút đi coi thử. Thằng O'Bannon đang ngồi trong nhà với vợ con, chắc ăn, an toàn và bình thản vì tưởng mình đang được ngài David Yale bảo trợ, cóc có thằng nào dám làm gì mình. Một khi xếp lớn đã nghĩ vậy thì đàn em của nó thế nào cũng nghĩ không khác. Đây là lẽ thường tình. Đùng một cái, có hai thằng từ trong bóng tối nhảy ra kê súng vào người nó bóp cò... Nếu ông là O'Bannon, làm sao ông đỡ nổi...

Có lý lắm. Nghe tới đâu là ông caporegime thấy thấm tới đó. Và càng thấm thì càng phục. Capone tiếp luôn:

— Còn một yếu tố quan trọng này nữa. Ông còn nhớ hồi xưa đã có thời người ta gọi tôi là Capone of Secondary mà. Hà hà.. Tụi mình sở dĩ thành công vì biết phân chia lực lượng ra làm hai. 70 phần trăm công tác thường do toán Secondary thực hiện. Cái cú thứ nhất của mình đã bất ngờ rồi, cú thứ hai lại càng... bất ngờ hơn nữa. Bây giờ cứ theo mửng cũ mà soạn lại. Cho hai toán ập vào hai lần khác nhau, làm sao lão Do Thái đỡ nổi?

Altis nhớ lại những vụ nổ súng hồi còn trẻ. Capone cú thứ hai là Capone kinh hoàng nhất. Toán thứ nhất vừa rút đi, tiếng súng vừa dịu, chiến trường còn đang nồng nặc mùi thuốc súng, ai nấy lo bỏ chạy lấy thân hoặc tìm chỗ giấu súng ống đồ nghề để qua mặt cảnh sát thì bỗng có một nhóm người khác lù lù xuất hiện như quỷ vương từ dưới đất chui lên. Dẫn đầu là Capone. Mọi người chưa ai kịp động thủ thì những họng súng từ trên tay bọn quỷ vương này khạc lửa lia lịa. Ai có ngờ được cú thứ hai này để mà đỡ, súng ống quăng đi hết rồi, đành chịu chết mà thôi!

Cảm nhận được... thần kinh của Altis bắt đầu hoạt động bình thường, Capone nhìn lão hỏi thật chậm:

— Ông làm được không?

Được chắc đi chớ! Hơn nữa, xếp đã nói như vậy rồi thì không được cũng phải được. Máu trùm lại nổi lên ùn ùn trong người Altis. Lão gật đầu sốt sắng, giọng lạnh lùng chắc nịch như thể đang xua quân ra trận vậy:

— Chẳng có gì khó, Altis này sẽ đích thân đi.

Vậy là tốt rồi. Capone hỏi tiếp:

— Ông đã nói vậy thì việc lớn coi như xong. Ông tính đem theo mấy đứa?

— Đợt đầu 8 đứa, toán secondary 4 đứa nữa.

— Ông đi toán nào?

— Tôi sẽ làm Altis of Secondary.

Capone gõ gõ tay lên bàn:

— Tốt lắm, nhưng ông đừng quên một điều là dù sao ông cũng lớn tuổi rồi, không nên cương quá. Ông nhắm làm nổi không, nếu thấy có gì trở ngại thì cho tôi biết, tôi chọn người khác.

Câu nói thọc đúng tự ái của Altis. Con người là một con vật có nhiều... mặc cảm. Tuổi trẻ người ta thường có mặc cảm vì thiếu kinh nghiệm. Tuổi già thì mặc cảm vì thiếu sức khoẻ. Mà hễ càng tự ti thì người ta càng phải cố gắng hơn mức bình thường. Altis nhìn xếp cương quyết nói:

— Trình xếp, tôi biết là tôi lớn tuổi rồi nhưng thấy mình vẫn chẳng khác gì hồi xưa cả. Hơn nữa, chuyện xếp tin cậy giao phó là chuyện lớn, nếu tôi không đích thân làm thì sao xong việc được. Bọn trẻ bây giờ kinh nghiệm không có, chưa thể giao khoán cho chúng việc gì được. Sau trận này thì may ra chúng nó có thể chứ bây giờ không có tôi không xong.

Capone gật gù. Coi như đỡ lo một gánh. Capone đã tính thì ít khi nào trật. Chỉ thị cuối cùng của Capone:

— Tốt, vậy bây giờ ông dọt về liền đi. Đúng 9 giờ tối nay bắt đầu...

Altis chới với. Lão tưởng mình sẽ còn được ngồi lại để bàn chuyện đánh đấm với mấy ông caporegime còn lại, không ngờ bị đuổi cổ về trước. Mình nhận lệnh tấn công rồi còn mấy thằng kia làm gì? Tại sao xếp lại đuổi cổ mình về bất tử vậy? Hay là có âm mưu gì để hại thằng già này? Altis còn đang ngần ngừ, tính mở miệng hỏi thì Capone nói thật chậm như ra lệnh:

— Cái thời phối hợp hành quân của ngày xưa đã hết rồi. Lần này mình làm việc kiểu mới. Mỗi người đều có trách nhiệm riêng. Và ai nhận trách nhiệm thì phải hết sức chu toàn. Những chuyện khác để tôi lo. Nếu cần phối hợp chuyện gì, tôi sẽ cho người gọi ông. Còn bây giờ thì dọt về Chicago liền để lo chuẩn bị.

Capone vừa dứt lời đã thấy thằng Frank lẹ tay mở cánh cửa sau lưng, cặp mắt nó tròn xoe nhìn ông caporegime. Đi đánh đấm bao nhiêu năm, Altis chưa bao giờ bị đối xử tàn tệ như vậy. Bất mãn lắm nhưng nhìn thấy khuôn mặt lầm lì của thằng đệ nhất đao phủ thủ, Altis biết ý đành nhún vai đứng dậy, đội mũ vào. Lão biết không phải tự nhiên mà Frank có cử chỉ như vậy, nhất định nó phải có chỉ thị của Capone.

Capone tiến tới bắt tay lão già, một tay kia vòng ngang lưng, thân mật vỗ về:

— Tôi xin chia buồn với ông về vụ ngài chủ tịch Yale. Thật là một chuyện đáng buồn. Bây giờ ông có cơ hội để trả thù cho ngài rồi đó. Ông nhớ làm cho đẹp.

Altis lí nhí:

— Xin cám ơn xếp. Anh em Unione sẽ không bao giờ quên ơn này của xếp.

Altis lách người ra khỏi phòng. Frank lạnh lùng đóng cửa sau lưng

lão nghe đến rầm một tiếng.

"Bọn trẻ bây giờ mất dạy thật, chẳng còn biết kính nể ai cả..." Altis nghĩ như vậy, bước những bước dài trên hành lang và đưa mắt dáo dác tìm mấy thằng cận vệ của mình.

Trong phòng, Capone lại tiếp tục chỉ ngón tay mập mạp của mình xuống tấm bản đồ, nói với McGurn, ông caporegime giữ vai "vú em" của thằng Sal:

— Phần ông, McGurn, chỗ này này. Một, hai, ba,... tổng cộng là 6 khu thương mại đông khách nhất của thằng O'Bannon. Nội trong tối nay, ông cho chúng nó vây hết 6 khu vực làm ăn này lại rồi cho người tới "bàn giao" hết mấy khu vực này về cho tôi. Nội trong tối hôm nay hoặc trước khi trời sáng, tất cả các sòng bài, các động đĩ, các tiệm rượu phải "bàn giao" cho xong. Thằng nào lịch sự, biết thời thế, chịu "bàn giao" thì cho chúng nó bắt đầu đóng tiền liền kể từ tối nay. Thằng nào phản đối thì tống cổ chúng ra khỏi nhà. Nếu cần thì cho một mồi lửa hay một trái bom, biến nó thành đống gạch vụn. Nếu cần nữa thì thổi luôn mấy cái sọ khỉ bướng bỉnh của nó ra ngoài. Ông nhớ cho, điều quan trọng nhất là kể từ sáng mai, lãnh thổ của Capone sẽ kéo dài ra tới bờ sông Chicago...

Xếp ngừng nói một chút cho tăng phần long trọng rồi tiếp tục:

— Ông nhớ giùm tôi câu này: "Trong khu vực đó, chỉ có... xác chết và gạch vụn là không phải của Capone thôi. Ngoài ra, cái gì cũng thuộc về Capone hết..."

Xếp đã phán vậy thì đâu có gì khó. McGurn biết mình làm được. Tuy không hung dữ bằng Altis nhưng hắn cũng là một tay chơi thiện nghệ, lịch lãm, McGurn gật gù ra vẻ đồng ý. Chợt nghĩ ra một điều, hắn hỏi:

— Trình xếp, nói tới bàn giao thì mấy khu bọn tôi cũng làm được hết. Tôi chỉ sợ đàn em O'Bannon đã chuẩn bị sẵn thì kẹt...

— Lại cái lo cũ của lão Altis nữa. Sao ông và lão đó giống nhau vậy? Tôi đã nói và cắt nghĩa lúc nãy rồi. Mình ăn đứt chúng nó nhờ bởi yếu tố bất ngờ. Ông cứ tin tôi đi, Capone này đã tính thì ít khi nào trật. Có đứa nào ngờ được là bọn mình sẽ chơi bạo vậy? Điều quan trọng là phải làm mau làm mạnh, làm thế nào để chúng không trở tay kịp, không kêu tiếp viện được. Làm thế nào mà chỉ một đêm nay thôi là xong hết.

McGurn nín khe. Ngừng một chút, Capone tiếp:

— Rồi, ông còn có ý kiến gì nữa không?

Khỏi cần chờ Capone mời ra khỏi cửa, McGurn biết ý vừa lắc đầu vừa đứng dậy. Capone cũng khỏi thèm biểu diễn cái màn bắt tay thường lệ.

McGurn đi khỏi, trong phòng chỉ còn lại hai thầy trò Capone và hai thằng caporegime trẻ tuổi và thân tín nhất: Sal và Frank Rio. Capone nhìn Rio, giọng dịu dàng:

— Frankie, tao cám ơn chú mày đã hết sức giúp đỡ tao trong thời gian vừa qua. Chú mày ở nhà lo toan mọi việc rất đẹp, đâu ra đó đàng hoàng. Tao chịu lắm.

— Cám ơn xếp.

— Tình hình ở nhà có gì lạ không?

— Thưa xếp không.

— Bọn thằng Rusky thế nào?

— Bình thường thôi, chẳng thấy gì hết.

— Tốt. Bây giờ tao muốn chú mày giúp tao một việc đặc biệt.

— Thưa xếp tôi sẵn sàng.

— Tốt. Mày đem hết lực lượng của mày đi đập chết mẹ thằng Rusky cho tao. Làm liền ngay tối hôm nay.

Bây giờ đến phiên Frankie chưng hửng như vừa trên trời rớt xuống. Xếp mình quả có nhiều đòn bất ngờ. Thằng O'Bannon phản bội Unione, bị trừng phạt là đáng rồi, tại sao lại phải chơi luôn thằng Rusky? Nó có phạm tội gì đâu?

Capone làm như không để ý đến sự ngạc nhiên trên nét mặt thằng đàn em, từ từ ngồi xuống ghế, hai tay đan vào nhau:

— Nội trong tối nay, Chicago phải được dọn dẹp sạch sẽ một lần. Một lần cuối cùng rồi thôi, anh em mình sẽ chẳng bao giờ phải rớ tới cây súng nữa.

Rồi Capone ngửng mặt, xoay đầu nhìn thẳng vào cặp mắt nó:

— Mà mày nhắm làm được không? Tao thấy mày có vẻ chần chờ. Ra quân mà không dứt khoát tư tưởng thì dễ chết bất tử. Đù mẹ nếu mày không làm được hay không muốn làm thì nói cho tao biết, tao sẽ kiếm người khác lo

---

bởi vì...

tôi đâu muốn quẩn quanh bờ dĩ vãng
...bởi vì tôi còn mơ thấy quê hương
tôi đâu muốn viết dòng thơ khinh bạc
...bởi vì tôi quá lạc lõng bên đường

tôi biết mình ôm hờ đời vay mượn
nơi xứ người chỉ nói được yêu thương
với chính mình trong vô cùng tịch mịch
trong u hoài sâu hun hút ngàn phương

những giọt lệ không vơi niềm khắc khoải
những trận cười không xóa hết trầm buồn
tôi đâu muốn tự mình tôi đày đọa
...bởi vì tôi đang sống kiếp vô thường!

thủy trang



giùm...

Nghe vậy là Frankie Rio giật nẩy mình lên như dẫm phải lửa. Capone ít khi nào thèm nói lẫy. Xếp mà không thèm nhờ nó nữa thì đời nó cũng tàn. Dù biết là công tác chẳng dễ dàng gì, tên đàn em vẫn mau miệng:

— Trình xếp, tôi đâu dám cãi lời xếp. Xếp biểu tôi nhảy khỏi cửa sổ liền bây giờ tôi cũng nhảy, nói gì đến chuyện đi chém giết ai...

Được. Tốt. Tuổi trẻ mở miệng ra thì phải như vậy mới được. Capone gật gù:

— Vậy thì đi về liền mà chuẩn bị kế hoạch, còn chần chờ gì nữa! Thằng Rusky này đánh nó cũng dễ thôi vì có sống đến một ngàn năm nữa, nó cũng chẳng bao giờ ngờ rằng nó sẽ ăn đòn của mình. Nhất là lại ăn đòn vào tối hôm nay.

Frankie Rio đứng dậy chào xếp rồi tự động mở cửa bước ra.

Trong phòng chỉ còn có thầy trò Capone và thằng Sal, caporegime thân tín nhất và có lực lượng đánh đấm yếu nhất. Frankie vừa đóng xong cánh cửa là Capone hỏi thằng Sal, nửa đùa nửa thật:

— Còn lại chú mày. Đù mẹ cũng vang danh là caporegime mà lính tráng mày có được bao nhiêu đứa? Trong lúc anh em xông pha nơi chốn mũi tên hòn đạn, mày nhắm có thể giúp gì cho anh em không?

Sal nhìn xếp vén môi cười hì hì, trả lời tự nhiên:

— Trình với xếp là đàn em tôi có khoảng gần trăm đứa, nhưng xếp biết chúng nó, đứa nào cũng có công tác gác nhà hàng và tiệm ăn hết rồi.

Capone xua tay:

— Tao hiểu, tao hiểu. Mấy cái hàng cơm xã hội lúc này thế nào?

Nụ cười trên môi Sal đột nhiên tắt ngấm. Nó lắc đầu, giọng bi quan:

— Trình xếp, người xếp hàng mỗi ngày mỗi dài thêm ra...

Nghe nói vậy Capone nhăn mặt lại. Nhăn là nhăn vậy thôi vì thật ra trước khi về đây, gã đã được Guzick phúc trình đầy đủ về tình hình tài chánh của mình rồi. Nạn khủng hoảng kinh tế của nước Mỹ đã đến hồi trầm trọng. Cách đây gần năm, Capone cho mở một hàng cơm miễn phí ngay trong khu vực gần The Red Horse, giao cho thằng Sal trông coi. Lúc hàng cơm phước thiện mới mở, mỗi ngày xếp chỉ chi có vài chục bạc. Bây giờ, số tiền đã lên đến vài trăm mỗi ngày. Trong khi đó, theo sự ước tính của Guzick thì nó có thể lên đến vài ngàn trong vòng vài tháng tới vì số người thất nghiệp ngày càng nhiều. Cùng lúc ấy, kinh tế tuột dốc ảnh hưởng rất nhiều đến các dịch vụ làm ăn của xếp. Từ tiệm bán số đề đầu ngõ đến những đại tửu lầu như The Red Horse, các nhà thổ, các sòng bài sòng bạc cỡ lớn, sự làm ăn cứ càng ngày càng sa sút. Nhiều sòng bạc cả ngày không có lấy một người khách. Nhiều em nhà thổ phải bỏ nghề, hoàn lương vì cả tuần lễ không có ông khách nào. Dù đã hạ giá, dù đã quảng cáo kỹ lưỡng, đã làm đủ thứ nhưng khi người ta không còn tiền nữa thì có rẻ đến đâu cũng chẳng ai có tiền mà mua.

Guzick đã có lần đề nghị với xếp hủy bỏ chương trình cơm phước thiện nhưng Capone từ chối. Trước hết, đối với đám dân nghèo Chicago, Capone đã trở thành một vị anh hùng trong trí họ. Tên tuổi cùng hình ảnh Capone đã ăn sâu trong lòng những người dân nghèo khổ kia. Xếp sợ phải mất nó. Thứ hai, điều nhà thờ dạy hồi còn nhỏ dù sao vẫn còn tiềm tàng trong lòng xếp. Xếp không thể nhìn người nghèo khổ một cách dửng dưng được.

— Còn nhà hàng thế nào?

Sal nhún vai:

— Trình xếp, cũng bi đát lắm. Cũng may mà nhà hàng mình sang trọng lại không có đứa nào cạnh tranh...

Capone ngắt lời Sal:

— Tại sao không có đứa nào cạnh tranh? Tối hôm qua tôi nói chuyện với Guzick, hắn báo cho tôi biết là mấy khu vực chung quanh The Red Horse còn có tới bốn năm cái nhà hàng khác kia mà.

Sal sực nhớ ra, gật gù:

— Thưa xếp quả có như vậy, nhưng bọn nó không phải như mình.

— Không phải như mình là sao? Mình mở nhà hàng bán đồ ăn, nó cũng mở nhà hàng bán đồ ăn, vậy là nó như mình rồi.

— Ý tôi muốn nói...

— Chẳng có ý gì cả. Tao muốn mày tối nay dẫn đàn em đi đến mấy cái nhà hàng đó, bảo chúng nó đóng cửa hết giùm tao. Thằng nào bướng bỉnh thì cho nó một mồi lửa. Xử với chúng nó y hệt như thằng McGurn xử với bọn O'Bannon vậy.

Bây giờ đến phiên Sal là người cuối cùng giật nẩy mình lên như ngồi trúng ổ kiến lửa.

— Trình xếp, bọn chúng nó là những người làm ăn lương thiện, có người đã mở nhà hàng mấy chục năm, cha truyền con nối mấy đời rồi, mình có lý nào bắt họ đóng cửa một cách khơi khơi như vậy được...

Sal là người được Capone cưng nhất nên mới dám lý luận với xếp như vậy. Những thằng khác thì không dám như thế.

Capone mồi điếu xì gà, lắc đầu lạnh lùng:

— Nếu không có khủng hoảng kinh tế, mình đã không như vậy. Chú mày nghĩ thử coi, nếu mình không đóng cửa chúng nó thì làm sao mình khá được?

— Nhưng thưa xếp, nhà hàng mình vẫn còn lời mà, đâu đến nỗi...

Capone lắc đầu:

— Lời nhưng không giàu được. Mình không làm ăn để kiếm lời. Mình làm ăn để trở nên giàu có, mày phải nhớ nằm lòng như vậy. Mày thử nghĩ coi tao nói có đúng không? Mình còn bao nhiêu việc phải chi, như lo lót cho thầy chú, lấy tiền nuôi dân thất nghiệp.v.v.. Nếu không có lời nhiều thì chẳng những sẽ không giàu nổi mà mình còn sẽ chết.

Sal biết là một khi Capone đã nói như vậy thì khó mà làm xếp đổi ý nhưng nó vẫn cố gắng:

— Nhưng thưa xếp, cả gia đình họ sống bằng mấy cửa tiệm đó từ bao lâu nay, nếu mình bắt họ đóng cửa, họ lấy gì sinh sống! Hơn nữa, họ đâu phải như mình. Mấy cái cửa hàng của họ là do mồ hôi nước mắt của cả ba bốn đời mới dựng nên được, mình làm sao cho đành...

Capone lạnh lùng trả lời:

— Mình không "đành" với chúng nó thì ai sẽ "đành" với mình? Nếu chúng nó mất tiệm thì đã có hàng cơm phước thiện của tao. Chúng nó chỉ cần chịu khó... xếp hàng chờ lãnh cơm như mọi người là xong, tao có để chúng chết đói đâu mà sợ! Tao đã quyết định như vậy rồi, mày đừng có bàn ra tán vào nữa. Nội trong tối hôm nay, mày dắt mấy thằng đàn em đi hết một vòng thông báo chuyện đó cho tao. Thằng nào cự nự thì cho nó một mồi lửa. Thằng nào làm quá thì cho cái sọ khỉ của nó văng vô tường luôn. Mày nhắm làm được không?

Sal hãi quá, chẳng biết trả lời sao. Ngày xưa nó cũng là một thằng dữ tợn, có thời giết người không gớm tay, nhưng nó giết là giết những thằng có mang súng để bắn lại chúng nó kìa. Cực chẳng đã vì công việc làm ăn hay đòi nợ nó cũng thỉnh thoảng đập sưng mặt hay bẻ què tay một vài đứa con nhà lương thiện, nhưng nó chưa bao giờ đi phá bể nồi cơm của một gia đình nào cả. Xuất thân từ một gia đình nghèo khổ, bố bán cửa hàng chạp phô thu nhặt từng đồng từng cắc, Sal biết nỗi khổ của họ. Biết làm thế nào cho được đây?

Nhưng Sal biết Capone một khi đã quyết thì khó mà từ chối được. Ăn nói lạng quạng có thể bị thất sủng hay bị bắn chết tươi liền không chừng. Mà biểu nó đi làm như vậy thì nó không nỡ.

— Thưa xếp!

— Gì?

— Xếp tính vậy cũng hay thôi, nhưng tôi xin xếp cho tôi thư thả để tôi báo cho họ biết. Dù sao thì cũng nên cho họ một ít thời gian như vài ngày để chuẩn bị đồ đạc...

Capone quắc mắt lườm thằng caporegime mập một phát. May mà nó được Capone yêu mến xưa nay chứ nếu không thì đã nhìn thấy điếu xì gà bay vô mặt rồi. Ánh mắt của Capone chiếu vào người nó như chiếu vào một con quái vật, giọng xếp đầy bất mãn:

— Không có mấy ngày hay thời gian gì hết. Tao muốn tất cả mấy tiệm chung quanh khu vực The Red Horse phải đóng cửa liền ngay tối hôm nay. Thằng nào mở cửa thì thằng đó sẽ chết. Chỉ đơn giản như vậy thôi.

Sal ngồi im một đống, đực mặt ra. Nó biết mình không chịu làm thì sẽ có thằng khác làm. Trong cái đám đàn em mấy trăm đứa của Capone, thiếu gì thằng chỉ mơ ước được nghe một tiếng của xếp gọi tới dạy việc mà không được.

Cũng như các caporegime hồi nãy, sự bối rối của thằng Sal không qua khỏi cặp mắt Capone. Xếp nhìn nó nói chậm rãi, lần này thì có mùi tử khí:

— Sal, mày hôm nay mắc chứng gì vậy? Mày làm quản lý cái nhà hàng The Red Horse đó, chuyên môn tiếp rước bọn quyền quý quen rồi nên trái tim mày đâm ra mềm mại và tính nết thay đổi chăng? Mày quên mày xuất thân thế nào rồi à? Mày quên là để được ngồi thảnh thơi ở cái ghế caporegime đầy quyền lực, mày đã thực sự ngồi lên không biết bao nhiêu cái xác rồi à? Cái xác gần nhất, mới nhất là thằng Lumbonto, thằng caporegime chủ cũ của mày, mày không nhớ sao? Tại sao hôm nay mày lại trở nên mềm yếu như vậy? Mày có biết người ta gọi mình là Mafia không? Mày biết Mafia là gì không hở cái thằng du đãng người Ý... mất gốc kia? Nếu mày quên, để tao lặp lại cho mày nhớ. Mày là một thằng sống ngoài vòng pháp luật. Mày sống bằng cây súng và sẽ chết bằng cây súng. Người ta cạnh tranh bằng mánh lới thương mại, mày phải cạnh tranh bằng cây súng. Chỉ có vậy thôi. Không có vấn đề thương hại hay tội nghiệp ở đây. Chỉ có sống hoặc chết mà thôi...

Sal ngồi im nghe xếp thuyết một hồi. Nghe tới đâu thì mồ hôi lạnh đổ ra tới đó. Cái câu làm Sal hãi nhất là câu: "Cái xác gần nhất, mới nhất là thằng Lumbonio, thằng caporegime chủ cũ của mày, mày không nhớ sao?..." Ôi chao, làm sao Sal quên được buổi tối kinh hoàng đó. Cái âm thanh kinh hoàng nhất ám ảnh nó từ hôm đó không phải là tiếng la hét đau đớn của Lumbonio, cũng không phải là tiếng gậy đập vào xương thịt nạn nhân hay tiếng xương gãy nghe rào rạo, mà là tiếng gió của cây gậy vút trong không khí trước khi đập xuống. Capone quả là có sức mạnh kinh người. Mấy ai vụt nổi cây gậy to như vậy mà còn tạo được tiếng gió trong không khí?

Sal nín khe, tái mặt lại, hết dám có ý kiến, hết dám năn nỉ. Capone biết thằng đàn em đã thấm, liền bồi thêm một cú chót:

— Mà tao nói là nói vậy thôi, tao để tùy mày quyết định lấy. Nếu mày không muốn làm thì cứ nói cho tao biết, tao sẽ kiếm người khác làm giùm mày. Mày biết tính tao mà Sal, xưa nay có bao giờ tao ép uổng ai làm chuyện gì ngoài ý muốn của người ta đâu!

Một lần nữa, ông caporegime mập lại muốn nhảy nhổm lên. Nó lẹ miệng nói liền:

— Trình xếp, tôi nói là chỉ nói... chơi vậy thôi. Xưa nay xếp thấy tôi có bao giờ dám làm gì trái ý xếp đâu!

— Tốt. Vậy thì mày về chuẩn bị liền đi. Về xếp đặt kế hoạch để còn làm liền tối hôm nay. Tao muốn nội tối nay là phải xong hết mọi chuyện...

Sal đứng dậy. Frank mở cửa cho nó. Ông caporegime mập phệ bước từng bước nặng nề trong hành lang, đi xuống nhà.

Ngồi trong phòng nhìn theo, Capone tự hỏi tại sao một thằng chuyên môn bắn giết suốt mấy chục năm lại bỗng dưng có thể trở nên mềm yếu như đàn bà vậy được...

(còn tiếp)



Bản Cáo-Trạng Tây-Tạng

Vanya Kewly
Hoàng Lan
(dịch-thuật)

(tiếp theo)

Chúng tôi đi qua Kham. Sắp tới một trạm gác, Tenzin và một phụ nữ chờ sẵn ở vệ đường gọi tôi xuống xe rồi giấu tôi vào bụi rậm gần đó, bảo chờ, xong họ lên xe đi mất.

Kiến cắn mà tôi không dám gãi, sợ lộ, sợ người trên đường hay xe cộ trông thấy. Trời nắng chói chang, không có gió. Tôi rủa cả trời lẫn đất và tự hỏi bao giờ Tenzin đến cứu tôi khỏi địa ngục này. Ba tiếng đồng hồ sau, có tiếng xe đậu trên đường. Tenzin đứng ở đuôi xe cầm cái bao bố thật to, trùm lấy tôi và cả bọn khiêng tôi thảy lên xe. Họ chồng thêm mấy bao lặt vặt khác lên người tôi, gác cả hai chân lên đó rồi chạy. Lạ lùng quá khiến tôi phì cười. Chạy được vài phút, xe dừng ở trạm gác và có tiếng giày nhà binh bước lại gần đứng ở cửa xe. Tôi sợ đến điếng người. Suma chuyện trò vui vẻ bằng tiếng Hoa rồi xe từ từ chạy vào phố.

Ở Kham, chúng tôi phỏng vấn những người Tây Tạng đã bị Trung cộng cầm tù. Vài cựu tu sĩ ở tu viện Chode Gaden Phendeling của Batang kể lại việc tu viện bị phá hủy. Được xây cách đây hàng trăm năm, tu viện chứa một số bích hoạ và tượng đẹp lạ lùng. Vào lễ tết đầu năm 1956 của người Tây Tạng, Trung cộng dội bom khi chùa đầy khách hành hương, phá tan tu viện, có 2000.tu sĩ và khách hành hương tử nạn.

— Không ai ngờ cả. Một vị sư già ở tù 21 năm bảo tôi. Tất cả bọn tôi, tu sĩ và Phật tử đang dự lễ. Chúng thả hơn 80 quả bom hôm ấy vào tu viện. Dân chúng la hét, có người bị đá, tường đổ đè, xương thịt văng tung toé, máu cùng khắp, y như đi vào lò sát sinh.

— Nhưng không phải Batang — như các vùng khác của Kham — là trung tâm kháng chiến của người Kham trong thập niên 1950 sao? Và đang lúc chiến tranh với Trung cộng, ông có nghĩ là người Tàu có cớ xác đáng để tấn công một sào huyệt nổi loạn của Tây Tạng?

— Phải, dĩ nhiên có kháng chiến Kham ở quanh Batang. Nhưng ngày hôm đó ở tu viện không có kháng chiến quân nào, chỉ có tu sĩ và dân chúng đang hành lễ quan trọng nhất trong năm.

Không có ai mang vũ khí trong tu viện. Bạo động đi ngược với đường lối của tôn giáo chúng tôi. Phật tử không bao giờ mang vũ khí vào chùa hay từ trong chùa bắn ra. Ngay cả nếu kháng chiến quân đến để cầu nguyện, họ cũng để vũ khí bên ngoài. Giản dị, vụ bỏ bom hôm đó là một vụ tàn sát. Hơn 2000 người chết. Ai còn sống thì hoặc đi tù hoặc chết trong nạn đói thảm khốc 1959-1962.

Một tu sĩ khác ở Chamdo cũng phụ hoạ việc tu viện của ông bị phá, chỉ khác vài chi tiết với tu viện ở Batang và với các nơi khác trên Tây Tạng:

— Khi người Tàu phá hủy tu viện chúng tôi, họ phân loại các lạt ma hoá thân, tu sĩ học giả và nhân viên chính quyền để trừng trị đặc biệt. Họ buộc chúng tôi đủ thứ tội không thực. Kế đó là một chuỗi dài tra tấn để khai thác những tin tức mà chúng tôi không biết. Chúng tôi bị đánh đập tàn nhẫn, phải quỳ trên kính vỡ với đầu gối trần. Ai còn sống thì tàn tật, đi khập khễnh vì gân chân bị cắt đứt. Nhiều người bị bắt nằm ngửa trên sân và tám người khác nắm tay chân, xé phanh thây.

— Ông muốn nói là tứ chi bị kéo lìa khỏi thân trong lúc tù nhân còn sống?

Tôi hỏi mà lòng không muốn tin là lối xử tử kiểu trung cổ đó còn tồn tại.

— Phải.

Ông già đáp. Sắc mặt ông trắng bệch, thở khó khăn. Thấy ông có vẻ sắp ngất, tôi nói Thondup đưa ông ly nước vào bảo ông ngưng lại vì thấy rõ là ông quá xúc động, đau đớn khi kể lại những biến cố này.

— Xin cô, ông nhấm nháp nước, tôi cần cho cô rõ, ngày giờ gấp lắm rồi, và chừng nào mới có người tới đây mang chuyện của chúng tôi ra

cho thế giới bên ngoài biết. Bọn Tàu còn cắt mũi và tai tù nhân, thọc tay vào mắt tù, thảy cát vào miệng để họ chết sặc. Chúng cười vào mặt tù và hỏi: "Thế nào, Phật tổ đâu rồi? Nếu có Phật thì kêu ổng tới cứu đi".

Từ 1959 đến cuối cuộc Cách mạng Văn hoá, người Tàu lập nhiều nhà tù trong ba tỉnh Tây Tạng để chứa một số lượng tù nhân khổng lồ. Nhà tù nào cũng chật nghẹt cho nên những chùa còn sót lại mà không hư hại cũng được dùng làm nhà tù. Tu viện của chúng tôi ở Chamdo có lúc chứa hơn 5000 tù. Rất nhiều tù bị xiềng tay và khoá chân nên ai đi gần tu viện có thể nghe tiếng loảng xoảng suốt ngày, y như đang ở trong lò rèn.

Chỗ nào cũng có tiếng xiềng điếc cả tai, có người hoá điên vì tiếng động. Ban đêm không một phút được yên. Ngủ là chuyện bất khả. Khi có kiểm thảo, lính Tàu và cai tù dùng gậy đánh hay đá chọi. Có lúc tù bị đánh đến gẫy xương và chết luôn trên mặt đất. Rồi họ còn bắt tù nhân đánh lẫn nhau. Nghĩ ra được cách nào hành hạ thân xác con người là bọn Tàu áp dụng ngay. Nhiều người chết vì tra tấn, kẻ khác chết vì đói ăn. Tôi thấy tử suất trong tù tăng mau lẹ: từ 4, 5 người một ngày đến 12, 13. Quản tù không chôn kịp nên liệng xác trần truồng ra suối, như ngọn suối ở phía bắc tu viện Chamdo tôi đã chỉ cô. Có tới hơn 1000 xác ở đó. Hố chôn thì được lấp rồi bọn Tàu xây nhà lên trên. Chúng tôi phải đào hố, chất đầy tử thi rồi lấp lại, nhưng khi băng ngang qua đó vẫn còn thấy tay chân lòi ra.

Vị sư đứng dậy khó khăn, cười nhẹ nhàng rồi đi lết ra cửa. Ông đã ngồi với chúng tôi quá lâu, nếu bị bắt gặp nói chuyện với người ngoại quốc là bị tù mọt gông, chưa kể màn bị tra khảo, đánh đập.

Từ Lithang chúng tôi đi tới Dhartsedo. Tôi biết xưa kia trong vùng có nhiều rừng, nhưng tôi kinh ngạc xiết bao trước sự quy mô của việc phá rừng. Suốt đoạn đường không còn một dấu tích gì cho thấy nơi đây trước kia là rừng. Toán hướng dẫn giải thích, đó là vì người Tàu qua bao năm đã lấy sạch cả những gỗ vụn còn sót lại.

Khi đi xuống sâu hơn nữa, tôi thấy dặm này qua dặm kia, đúng ra ngày này sang ngày kia, nguyên sườn núi tơi tả với những gốc cây bị đốn. Đôi khi vài cây thông còn sót lại đứng trơ trọi càng làm lộ rõ sự kinh khủng của việc phá rừng. Chạy qua một cụm nhỏ đầy những cây thông xanh đen, toán thanh niên cho tôi biết trọn vùng phía đông tỉnh Kham hồi xưa là rừng già. Càng đi về phía đông, mức độ phá rừng càng lớn cũng như những xe chở đầy gỗ càng nhiều. Tất cả các xe chở gỗ đều chạy về Tàu và phần lớn mang bảng số tỉnh Tứ Xuyên. Bởi người Tàu phủ nhận việc cướp bóc tài nguyên thiên nhiên của Tây Tạng, mỗi lần dừng xe nghỉ hay gặp một nhóm dân Tây Tạng, chúng tôi giả vờ hư xe (có khi hư thật), để Thondup tới bắt chuyện và hỏi về kinh nghiệm của họ dưới sự cai trị của người Tàu, coi họ sống ra sao, tiền lương là bao nhiêu, có vấn đề gì chăng, đồng thời cũng hỏi luôn về những lời cáo buộc mà chúng tôi đang điều tra. Bằng cách ấy chúng tôi gặp Rapten, một tiều phu đã ở 42 năm trong vùng núi gần Mynak. Tôi thâu hình và hỏi sao có quá nhiều cây bị đốn và ai đốn chúng.

— Người Tàu chặt hết cây, không phải chỉ ở đây mà ở khắp cả Kham. Những chỗ như Drago, Nyaning, Tawen. Có lúc chúng đốn 24 tiếng một ngày, huy động nhiều người làm việc. Bây giờ ở chỗ này không còn mấy ai đốn củi vì không còn cây để chặt.

— Nhưng cây chặt rồi thì họ làm gì?

— Họ bỏ lên xe chở về Tàu, về Tứ Xuyên, Quảng Tây và cả Vân Nam. Có khi chở ra sông như sông Dresho và thả cho trôi về Tàu.

— Làm sao ông biết là gỗ mang về Tàu?

— Vì nhiều người Tây Tạng, trong đó có tôi, làm công việc chặt cây cho người Tàu. Khi những xe chở hàng tới lấy gỗ do người Tàu lái, chúng tôi gợi chuyện và họ cho biết như vậy. Họ than phiền là đường từ đây về Tàu không tốt, dọc đường có nhiều vùng đất lở làm xe chạy chậm. Họ cũng bảo là dùng sông thả trôi gỗ về Tàu rẻ hơn nhiều vì xăng mắc, đường núi dốc khiến xe chạy hao xăng.

Xe gỗ nhiều tới nỗi có một đoạn đường chúng tôi đếm thử, chỉ trong khoảng 2 giờ đồng hồ, số xe gỗ chạy với mức là một xe mỗi ba phút, chở đầy cây lớn, dài từ 7 tới 10 thước và đường kính từ 6 tấc tới 1.3m. Cả đêm hôm ấy, nằm nghỉ trong xe đậu lề đường, cả bọn chúng tôi không ai ngủ được vì xe be chạy rầm rầm suốt đêm.

Choáng váng bởi số lượng xe, tôi dành nguyên ngày để chụp những cảnh khác nhau làm bằng chứng. Một nét chính tiêu biểu những nơi này là hàng mẫu những gốc cây đánh dấu dưới sườn đồi. Gốc cây câm lặng là chứng nhân não nề và không thể chối cãi được việc tàn phá cao nguyên.

Khi chạy vào rồi qua khỏi thị trấn Mynak, tôi thấy dòng sông Nyakchu chứa đầy súc gỗ mà dân địa phương nói là trôi về xưởng cưa ở hạ lưu sông bên Tàu. Đứng đằng sau xe trên bờ sông, tôi quay cảnh gỗ trôi phăng phăng giữa dòng. Tôi hỏi Rapten việc chặt cây đã có từ hồi nào và có chuyện tái tạo rừng không.

— Người Tàu bắt đầu chặt cây từ năm 1963 và chở về Tàu. Hơn hai mươi năm qua không người ngoại quốc nào được phép vào Tây Tạng nên thế giới không biết gì về việc phá rừng này. Cô là người đầu tiên tới đây chứng kiến.

— Nhưng làm sao tôi biết chắc là nó chạy về Tàu?

— Tại vì chỉ có một con đường, ông chỉ về hướng đông, và nó dẫn về Tàu mà thôi. Còn cô hỏi việc trồng cây con để tái tạo rừng ư? Bọn Tàu không trồng một cây mới nào trên núi của chúng tôi cả.

Những cây duy nhất mà họ trồng là ở vùng họ ở, chung quanh công sở cho ai cũng thấy.

— Nhưng còn mấy vùng khác?

— Tôi buôn bán vặt và đã đi từ hồ Kokonor ở phía bắc xuống, qua luôn Gyaltso ở phía nam, đi từ Chamdo qua Lhassa. Nơi nào cũng vậy. Không còn rừng. Núi trụi lủi và đất không giữ lại được gì hết. Không cây gì mọc được. Hồi trước khi còn rừng, cây giữ nước lại cho đất và lá rụng rữa nát sẽ mang lại chất bổ dưỡng cho cây, cỏ mọc đầy và thú rừng có cái ăn. Giờ cỏ không mọc, thú rừng chết đói, nhiều con bị giết, và nhiều con phải trốn sâu vào rừng.

Trước ảnh hưởng khốc hại của việc phá rừng với sự soi mòn đất mầu, môi sinh ở sông Amazon và những nơi khác trên thế giới, người ta đã làm rùm beng. Riêng Tây Tạng bị Trung cộng bóc lột lâm sản không nương tay, không còn bao nhiêu thời gian nữa để cứu rừng và môi sinh mỏng manh. Núi rừng biến mất và trong vài năm qua đã có những trận lụt mà trước đây không có.

Người Tây Tạng ở hải ngoại, sau khi về nước quan sát, gần đây đã xác nhận tầm nguy hại:

— Ngân hàng tiền tệ thế giới, các tài phiệt tìm cách chấm dứt nạn phá rừng ở Ba Tây, đã tái tạo rừng. Thế còn Tây Tạng? Họ đã làm gì cho rừng của chúng tôi? Cần nhớ là đa số những con sông lớn ở Á châu phát nguyên từ Tây Tạng, thành ra nếu có chuyện gì xảy ra ở đây, như sông bị nhiễm rác nguyên tử hay lụt lội vì không còn cây để giữ đất, bất cứ chuyện gì xảy ra cho môi sinh và sông ngòi ở Tây Tạng sẽ không chỉ ảnh hưởng tới 6 triệu người Tây Tạng sống ở đây mà còn liên quan đến sinh mạng của hàng chục triệu người ở vùng Đông Nam Á.

Tới Dhartsedom chúng tôi dừng trên cao cho tôi chụp cảnh. Tu viện lớn nhất ở đây, Shabten, chứa 2000 tăng bị phá hủy vào năm 1955-1956. Tu sĩ bị hành hạ, bị tù đày. Đời sống tù quá tệ khiến hàng trăm người chết, nhưng như vậy là may mắn vì người sống sót phải ăn thịt xác chết đồng loại.

Tsewang Norbu ở tu viện gần đó là một trong những người sống sót. Ông được tha về năm 1978, kể lại:

— Ban đầu có rất đông tù nhân, chừng 20.000 người được Trung cộng dùng làm lao công cho kế hoạch xây đường. Nhưng tới năm 1978-1979 thì chỉ còn 2000 người. Cách họ chết rất khổ. Một số chết vì cực hình, nhưng đa số chết vì đói. Mỗi ngày có từ 15 đến 20 người chết trong tù. Xác liệng vào xe hàng để mang chôn trong hố tập thể hay đốt làm phân bón.

— Ông muốn nói gì?

Tôi hỏi, liên tưởng đến việc xương người Do Thái trong trại giết người của Đức được dùng làm xà-bông.

— Xác đem đốt rồi người Tàu rắc lên đất để làm mùa màng tươi tốt hơn.

Ông nói giản dị, không biết đến việc đã xảy ra cho dân Do Thái trong thế chiến II.

— Một số tù nhân không chịu nổi cái đói, thường lén ra chỗ xác chết và ăn thịt khi lính gác vào nhà ăn cơm. Nếu trời tối và họ biết lính gác còn ở lâu trong phòng, họ sẽ ngồi ăn ngay tại đó. Thường khi tù quá yếu, cắn không nổi, nhưng có lúc họ tìm cách rứt tay hay chân xác chết và mang nó về nhà tù để ăn dần.

Một người khác, Pema Rongbok, cũng ở trong tù và xác nhận câu chuyện.

Trời đã tối và tôi biết mình không đủ thì giờ để tìm hố chôn tập thể ở Ramagang. Ade, con gái một tộc trưởng, bị tù 16 năm, kể là xác tù Tây Tạng được xếp trở đầu đuôi cho đủ chỗ. "Họ bắt tù đào hố chôn, nhất là tù mới bị bắt còn khoẻ mạnh". Bà đã ở nhiều nhà tù và thấy nhiều hố tập thể như thế. Chẳng hạn ở Chasben Tha trên đất Tàu, nơi mà tù Tây Tạng bị đem sang lao động cưỡng bách trong mỏ chì.

Bà nói với phẩm cách cao cả về chuyện bà và nhiều phụ nữ khác trong tù ở Dhartsedo liên tục bị hiếp trong suốt mùa hè năm 1960. Lúc đó có gần 300 nữ tù trong trại, bà cho tên của những bạn đồng tù bị hiếp: Dolka, Namtso, Wnagmo, Yanchen... Tới nay bà vẫn còn nhớ mặt tên cai ngục đã hiếp bà nhiều lần: Tang Tutang. Bà cũng nói là xong việc, bọn Tàu bắt phụ nữ uống thuốc. Tôi hỏi thuốc gì và tại sao, bà trả lời không biết. Phụ nữ phải uống thuốc vì không có cách nào khác, nhưng các bà nghĩ đó là thuốc phá thai nếu lỡ họ thụ thai.

Đối với bà, bà bị khủng hoảng hết sức vì vô tù với hai con nhỏ, một tuổi và ba tuổi. Một hôm lính canh Tàu, có lẽ bực bội vì tiếng khóc của đứa nhỏ, đã đá đứa bé tới chết. Đứa lớn hoá điên và sau đó cũng chết trong tù. Ngồi nghe bà kể chuyện về hố chôn tập thể ở Chaschen Tha và các nơi khác một cách rành rọt chi tiết với giọng đều đều của một người đã sống trong địa ngục khiến tôi rụng rời.

Tới Tashikil, chúng tôi phỏng vấn tu sĩ Wangyal về tu viện Labrang Tashiki. Đây là học viện và tu viện Phật giáo nổi tiếng xây năm 1439, là một trong sáu trường giỏi nhất Tây Tạng (các trường kia là Sera, Drepung, Ganden, Kumbum và Tashi Lumpo) thu hút số đông tu sĩ đến học.

Vào tháng 5.1958, Trung cộng chuyển quân và vũ khí lên đỉnh núi nhìn xuống tu viện, đặt trọng pháo. Mọi đường đi vào Tashikil bị chặn, thị trấn và tu viện bị cô lập. Tu viện là những nhà thấp, vách bùn, có chừng 3700 tu sĩ, không có khí giới và vô phương tự vệ.

— Cô nhớ là, Wangyal bảo tôi, không ai mang vũ khí hay sử dụng vũ khí, được phép vào khuôn viên tu viện hay chùa. Thành ra khi Trung cộng nói chúng tôi có vũ trang và nổ súng bắn chúng là hoàn toàn bịa đặt.

254 người Tàu, vừa lính vừa dân sự, đi vào tu viện, ra lệnh vị sư trưởng tập họp chư tăng ngoài sân. Chúng chia tu sĩ thành 9 nhóm và

viên sĩ quan cầm đầu nạt nộ: "Chùa và dân làng đã cấu kết để chống chính quyền, do đó các ông sẽ bị trừng trị".

Tôi thấy hơi khó tin nên hỏi lại, có thật là các tu sĩ đã nổi loạn và muốn ly khai không.

— Tôi không bịa chuyện gì cả. Tôi có mặt ở đó và là một trong những người bị lựa ra để chịu trừng phạt. Tôi đứng ngay hàng đầu trong khi viên sĩ quan đi tới đi lui trước mặt, gào thét. Chẳng biết vì lẽ gì coi hắn giận dữ lắm.

— Nhưng có tu sĩ nào gây hấn với người Tàu không?

Tôi hỏi gặng.

— Nếu cho việc dạy tín đồ rằng đức Phật giảng bất bạo hãnh là một trọng tội, thì chúng tôi có tội thật. Nhưng buộc tội người Tây Tạng khiêu khích người Tàu thì không đúng.

Người Tàu đã chuẩn bị kỹ càng. Trước tiên các giảng sư và các lạt ma hoá thân bị bắt. Tôi là một trong nhóm đó. Chúng tôi bị xếp vào hạng có tội nặng nhất cùng với quý tộc, tộc trưởng, chủ đất, lạt ma; còn những ai biết đọc biết viết thì thuộc thành phần phản động. Lúc đó tôi mới 18 tuổi và đã ở tù 22 năm.

Kể chuyện phá tu viện, ông cho biết: Chẳng bao lâu sau khi Trung cộng tới, lúc ấy ông đang bị kiểm thảo, đánh đập và tra tấn vì không chịu bỏ đạo, ông thấy lính Tàu vào tất cả các phòng của tu viện, lấy hết tượng cổ và những cây phướn (thanka) quý giá.

— Chúng khởi sự bằng việc kéo sập tượng Phật Thích Ca rồi chất đầy mọi thứ ra sân. Từ tháng 8.1958, xe hàng lớn chở các đồ bằng vàng và bạc về Tàu. Tôi còn nhớ mỗi xe có ba tên lính canh, chĩa súng vào các tu sĩ đe doạ người nào nhào ra van nài, ngăn cản việc mang đi một tấm phướn đặc biệt hay một bức tượng cổ xưa.

Chuyện của tu sĩ Wangyal, trừ một số chi tiết nhỏ, còn thì giống hầu hết chuyện của hầu hết các tu sĩ Tây Tang khác mà tôi đã gặp. Tất cả đều bị kiểm thảo, hành hạ. Và rất nhiều người chết. Ai còn sống được phân tán qua những trại khác. Một số được mang qua những làng xa xôi thuộc Nội Mông, nhưng dù họ đi bất cứ nơi nào, điều kiện sống nghiệt ngã đã giết hầu hết tù Tây Tạng: Thức ăn rất ít, gần như không có; quần áo rách rưới, không được chăm sóc y tế; bị cưỡng bách lao động nặng nhọc như xây cầu, làm đường, đào hầm mỏ...

— Cô phải hiểu rằng, Wangyal vừa nói vừa ho sù sụ vì mắc bệnh lao trong những năm tù tội, đối với bọn Tàu, người Tây Tạng bị xếp thua con người. Vậy tại sao họ phải tốn kém cho tù?

Biết rằng Trung cộng luôn luôn phủ nhận bất cứ sự ngược đãi nào đối với người Tây Tạng, tôi xin ông tên các nhà tù và tù nhân để kiểm chứng. Tu sĩ Wangyal cho biết, một trong các nhà tù tệ nhất là ở tại Anchi, phía tây bắc sa mạc Gobi. Một nhà tù và trại lao động khác ở Mutsong Chen không xa Anchi lắm, cái nữa ở Yumen và cái khác ở Kwichen. Không có cách thoát những nơi này vì chung quanh là sa mạc rộng bất tận. Ông bảo trong vùng không có nước, và ông nhớ ngày trong tuần xe lính chở nước đến, tù đứng chờ sẵn, ùa chạy ra liếm nước đổ hai bên thành xe.

Năm 1958, ông và Gyaltso, một tu sĩ khác ở cùng tu viện, được gửi tới mỏ than ở Maborshen. Cảnh sống ở đó vô cùng cực khổ:

— Mỏ không có điện. Chúng tôi xuống mỏ bằng cách tuột dây, giỏ đeo trên lưng. Khi đẩy than phải dùng dây kéo giỏ lên. Mỏ tối đen, lạnh, nước rỉ làm chân hoá trắng bệch, ủng rồi thối, từng mảng thịt hư tróc ra. Lưng với tay chúng tôi đầy mụn nhọt, phồng nhức vì cọ sát với dây thừng. Bởi không có thuốc để thoa, mụn càng ngày càng lớn rồi hoá đen thành ở viền. Mùi hôi thối kinh khủng. Có nhiều ung nhọt hoá thành sâu quảng, ăn vào tới tận xương.

Mùa hè ở đó là lò lửa và mùa đông mọi vật đóng băng. Nhiều tù được đưa ra khẩn hoang trong vùng, nhiều người khác xây cầu. Gió mạnh đến nỗi thổi chúng tôi ngã sấp và phải nằm sát mặt đất vì nếu không nó sẽ cuốn chúng tôi đi như một chiếc lá trong cơn bão. Khi trở về nhà tù, chúng tôi bị kiểm thảo, đánh đập và nhiều lần bị nhốt vào phòng cô lập tối đen, xiềng xích quấn quanh người chặt đến nỗi ăn sâu vào da thịt gây lở loét. Tình trạng quá sức tồi tệ khiến mấy ngàn người Tây Tạng chết. Ai không chết thì tìm cách tự tử. Cả trăm người tìm cách nhảy sông tự trầm từ trên cây cầu mà chính họ xây, nhưng bọn Tàu vớt chúng tôi lên. Muốn chết cũng khó.

— Nhưng bao nhiêu người chết và ông có chứng cớ gì?

— Ban đầu hơn 2000 tu sĩ thuộc tu viện chúng tôi bị giam. Rất nhiều người chết, vì đói, vì cực hình, bị xử tử vì lời cáo buộc là tổ chức những cuộc nổi loạn trong vùng.

Rồi chúng gửi tôi và các tu sĩ không chịu bỏ đạo khác tới chỗ mà ai nghe cũng khiếp sợ: Rongwan, cách đây 20 km về hướng nam, không xa Tsuk lắm. Hồi trước đó là một tu viện nhỏ, nhưng người Tàu đuổi hết sư ra, biến nó thành nhà tù chuyên về tra tấn. Giữa năm 1959-1960 khi tôi ở đó, mới đầu có 600 tù nhưng khi tôi rời nơi đó chỉ còn 200.

— Chuyện gì xảy ra?

— Họ chết vì cực hình, xác được vứt vào thung lũng nông bên cạnh tu viện. Hố đầy những xác và tới ngày nay cô vẫn còn thấy xương.

— Ông dẫn tôi tới đó quay phim được không?

— Được. Nếu đào sâu một chút khỏi lớp đất trên mặt, cô thấy xương ngay. Người Tàu cũng không cho chúng tôi làm lễ cầu siêu...

— Nhưng tại sao tu sĩ lại bị chọn để trừng phạt riêng như vậy?

— Cô phải hiểu là trước tiên, Phật giáo đóng vai trò gì trong xã hội chúng tôi. Không giống như Tây phương là nơi mà tôn giáo chỉ

là việc mà cô làm mỗi tuần một lần chừng nửa tiếng, đối với người Tây Tạng, tôn giáo không chỉ là vấn đề tín ngưỡng. Nó không phải chỉ là việc chúng tôi tin hay không tin. Đạo Phật với người Tây Tạng là một phần của ngôn ngữ, văn hoá và lịch sử. Nó đóng vai trò đó đã hơn 1000 năm nay, từ khi được du nhập từ Ấn Độ. Trong suốt thời gian đó, chúng tôi hoằng dương Phật pháp, làm cho thích hợp với người Tây Tạng hơn, do đó bây giờ chúng tôi không thể nào tách rời tôn giáo hay đức tin ra khỏi những phần khác của đời sống hàng ngày. Tôn giáo của chúng tôi là phần mật thiết của đời sống, là dây nối kết với văn hoá, lịch sử và dân tộc tính.

Thật khó cho những ai không phải là người Tây Tạng và là Phật tử, hiểu được tầm quan trọng của tôn giáo đối với chúng tôi. Cô xem, dù thế giới có rất nhiều chi phái Phật giáo và cái nào cũng đúng đắn và tốt lành cả, chỉ riêng Tây Tạng, nơi cắt đứt với thế giới bên ngoài bao nhiêu thế kỷ, mới có thể bảo tồn tôn giáo ở dạng tinh khiết nhất. Bởi vậy chúng tôi (tu sĩ) coi mình có đặc ân được làm vệ binh cho một khối tôn giáo nguyên vẹn. Chúng tôi tin bổn phận mình là phải bảo tồn đạo, vun trồng, truyền bá Phật giáo, không phải cho riêng mình mà cho mọi chúng sinh. Muôn vạn kiếp.

Tăng lữ vì vậy có một chỗ đặc biệt trong xã hội Tây Tạng. Người dân coi chúng tôi thuộc hàng lãnh đạo tinh thần, người hướng dẫn, và đó là lý do tại sao người Tàu phải tấn công chúng tôi, loại trừ chúng tôi bằng bất cứ phương tiện nào, để dân chúng không còn người lèo lái, dễ bị chi phối. Cho dù Tây Tạng nghèo và chậm tiến so với nước cô, nhưng trong tu viện, dù nghèo và hèn mọn thế mấy cũng đều được giáo dục và theo kịp trào lưu tư tưởng. Thế nên đó cũng là một lý do nữa giải thích tại sao tu viện đã, đang và vẫn còn là trọng tâm cho sự đàn áp của Trung cộng.

Ông dẫn tôi đi quanh tu viện, chỉ cho tôi quay hình những cửa cái và cửa sổ bị đóng chặn từ bên trong. Nhìn bên ngoài thì tu viện có vẻ còn hoạt động và được chỉnh trang, nhưng dòm kỹ thì thấy rõ sự cẩu thả.

Trước mặt tôi là cảnh hơn 50 tu sĩ thuộc đủ mọi lứa tuổi đang đào cống rãnh, xây cất lại tu viện của mình. Tôi bắt đầu quay phim những tu sĩ áo nâu sậm, dính bùn, đang đào theo cùng một nhịp. Tôi hỏi tại sao có mặt nhiều chú tiểu khi Trung cộng ấn định tuổi vào tu viện phải là 18.

— Dân Tây Tạng rất mộ đạo và những chú nhỏ này, có đứa chỉ mới 8 tuổi, theo đúng luật không được có mặt ở đây. Nhưng chính những đứa trẻ này, sinh ra trong hay sau Cách mạng Văn hoá, lại là những kẻ sùng đạo hơn hết. Lại nữa, cũng vì hệ thống giáo dục dành cho trẻ Tây Tạng quá tồi tệ, tu viện là một trong ít chỗ mà không những chúng được học về tín ngưỡng mà còn học đọc học viết tiếng mẹ đẻ.

Trên đường đi Kumbum, xe đi qua một bình nguyên hoang thổ mênh mông, khung cảnh trơ trọi làm tôi nhớ bài báo *Times* năm 1979, mô tả những trại tù của Tàu trong sa mạc, khuất lấp không bị ai dòm ngó. Hàng trăm ngàn tù bị giam giữ trong điều kiện hãi hùng, rải rác khắp sa mạc. Có 166 trại giam người Tây Tạng, Tàu và Hồi. Riêng người Tây Tạng và nhất là người Kham đã nổi loạn chống Tàu, bị đối xử nghiệt ngã hơn hết. Có báo cáo cho rằng cuối thập niên 50 và 60, một phần mười dân số quá tuổi trưởng thành của Tây Tạng sống trong tù Trung cộng. Hàng trăm người tù chết vì thiếu ăn, đói ăn và bị bỏ mặc. Hiện nay vẫn còn một số tù.

Rời Xining chúng tôi đi tới hồ Kokonor. Bờ phía bắc và phía nam là một phần của đường tải hàng ngày xưa, từ Trung Á sang Tàu, tức phía nam của Đường lụa (Silk Road). Trong hai ngày, chúng tôi đi một quãng đường mà du mục hồi xưa phải đi mất 5 tháng.

Gần đây hơn, những báo cáo lén lút gửi ra ngoài tiết lộ có một cái gì đó ghê gớm đang xảy ra quanh hồ nước. Người Tây Tạng thuật lại là trẻ con sinh ra bất toàn và thú vật cũng như cá trong hồ chết dần. Không ai biết tại sao. Năm 1980-1981, có tin đồn là sau khi Trung cộng cho nổ thử một trong những bom nguyên tử ở Lop Nor phía tây bắc hồ Kokonor gần biên giới Nội Mông, gió đã bất thình lình quay chiều thổi về hướng đông, mang chất phóng xạ rải quanh bờ hồ Kokonor, sau cùng qua Nhật và Mỹ. Cho dù đang thương thảo những trao đổi thương mại có lợi với Trung cộng, cả hai nước cùng phản đối mạnh mẽ khiến chính phủ Trung cộng khi ấy phải quyết định bỏ việc thử bom nguyên tử trên không và từ đó cho nổ ngầm dưới đất.

Báo cáo nói rằng một số lớn du mục đột nhiên bị di tản khỏi vùng quanh hồ Kokonor, mang về Tàu chữa bệnh. Tuy Trung cộng chối việc có tai nạn nguyên tử nhưng họ không thể phủ nhận những bằng cớ mà Viện Khảo cứu Quốc tế cho Hoà bình (Stockholm International Peace Research Institute) đã theo dõi và lập hồ sơ, cùng những tài liệu có thể tìm thấy trong bất cứ viện nghiên cứu chiến lược nào của thế giới Tây phương. Trong khi ở Tây Tạng tôi cũng được nghe một báo cáo là có một đường xe lửa tách từ đường chính đông tây Golmud - Xining quẹo trái về hồ và không ai biết nó dẫn tới đâu. Điều duy nhất họ biết là người Tây Tạng bị cấm chỉ khỏi khu vực, kể cả người ngoại quốc. Du mục đi lạc vào đó kể là cỏ chung quanh bị khô, chết hàng mấy dặm. Vì thông hành gần hết hạn, tôi không thể đi kiểm chứng những lời cáo buộc này, cũng như không thể đi tìm chỗ tin là có lò nguyên tử dưới đất, đồn là nằm giữa Thensong và Gantsa ở bờ phía bắc của hồ.

(còn 1 kỳ nữa)

CHÂN QUANG

Tự Tỉnh

(phóng-tác)



(tiếp theo)

HÔN ƯỚC

Nghe tin Thạch Đạt Lang tìm đến vấn an mà người nhà chẳng ai giữ lại, Điền Xán Quang giận lắm. Nhưng bản tính khoan hoà trầm tĩnh, ông chỉ quở mắng qua loa, tự trách mình sơ xuất không dặn trước kẻ hầu cận. Chẳng ai biết Thạch Đạt Lang ngụ ở đâu. Ông cho gia nhân đi lục soát khắp các lữ quán, nhưng đến trưa, một số trở về, không ai tìm ra tung tích người kiếm sĩ giang hồ ấy.

Điền Xán Quang cau mày lo ngại. Sự quan tâm của ông không phải không có duyên cớ. Trước đó, ông nghe nói một số đệ tử Hoa Sơn cũ đã nuôi ý định mai phục ở gần bến đò trông sang đảo Funashima, chờ Thạch Đạt Lang đến thì dùng hoả khí bắn để trả hận. Ông không tin, vì hắn dễ gì bị rơi vào ổ phục kích như thế. Tuy vậy ông vẫn đứng ngồi không yên, lòng bồn chồn như lửa đốt.

"Hay là hắn bỏ trốn rồi? Có lý nào..." Và Điền Xán Quang vội gạt ngay ý tưởng ấy, cho rằng ông đã đánh giá sai lầm một người mà ông vẫn trọng là có danh dự và nghị lực.

Tối đến, gia nhân ông lục tục về đầy đủ, người ngựa mệt nhoài. Vẫn không có tin tức gì của Thạch Đạt Lang cả. Điền Xán Quang lo lắng hỏi:

— Đã tìm khắp các trà thất, tửu điếm chưa?

— Dạ, không bỏ sót nơi nào. Bọn tiểu nhân không những đã hỏi thăm thực khách mà còn lục soát hết phòng ốc. Tuyệt nhiên chẳng ai biết hoặc trông thấy người có dáng dấp như thế đến trọ!

— Vậy chùa chiền, đền miếu? Hắn thường đến trú ở những nơi đó.

— Cũng đã tìm hết. Ngay cả các võ đường bọn tiểu nhân cũng đã tới nhưng chẳng có tin tức gì.

— Lạ thật!

Trán Điền Xán Quang nhăn lại. Hồi chiều, lòng phiền muộn, ông đã cáo ốm không dự bữa tiệc linh đình do Giảng tập bộ khoản đãi Cát Xuyên Mộc, bây giờ nghe báo cáo những tin thất ý, ông lại càng buồn bực lắm. Mối nghi ngờ mỗi lúc một tăng làm ông trằn trọc suốt đêm không chợp mắt.

Ngày mai đã là 13, ngày ước định, mà tối nay vẫn chưa biết chỗ trú của Thạch Đạt Lang ở đâu. Từ nay đến lúc ấy, nếu chẳng được tin tức gì của gã thì không rõ rồi đây ông phải giải thích ra sao với chủ soái.

Điền Xán Quang cố tự thuyết phục mình rằng Thạch Đạt Lang là kẻ tự trọng, không thể hèn nhát như thế được, nhưng những chuyện đồn đại về hắn, nói hắn thường tìm cách tránh mặt mỗi khi thấy yếu thế khiến ông nửa tin nửa

ngờ. Vạn nhất nếu chuyện đó xảy ra thì ông, người đứng ra bảo trợ và đề bạt Thạch Đạt Lang, không còn cách nào khác hơn là tự sát để tạ tội với lãnh chúa.

Hôm sau, mới tinh sương, Điền Xán Quang đã trở dậy ra vườn đi bách bộ. Tiếng kêu lích chích của đàn chim nhỏ chuyền cành khuấy động bầu không khí mỏng nhẹ như tơ. Vào những lúc khác, có lẽ ông đã chú ý lắng nghe những tiếng xôn xao ấy báo hiệu sự hồi sinh của vạn vật, nhưng hôm nay ông không còn bụng dạ nào mà nghe chúng nữa. Bước chân ông vội vã trên con đường sạn nhỏ, đôi lúc ngập ngừng dừng lại, băn khoăn bên tảng đá xanh rêu.

— Có lý nào ta đã nhận xét lầm kẻ đó? Mà thật ra, ta chỉ mới nghe nói chưa đã trực diện với hắn bao giờ đâu!

Kẻ hầu đến trình với ông, trước sân nhà Cát Xuyên Mộc đã có hàng trăm tân khách tụ tập. Họ dựng cổng chào, trang hoàng rực rỡ, nào cờ xí, nào huy hiệu của tộc Hoà Giả và của Giang Biên Liễu, lại còn đặt bình phong giát vàng treo thiếp mang lời chúc tụng của khách. Nghe đâu còn dự định chia nhau đến những ngôi chùa lớn cầu nguyện cho Cát Xuyên Mộc nữa.

Điền Xán Quang không nói gì, nét mặt đăm chiêu trở vào phòng riêng gây một lư trầm nhỏ. Hàng ngày mỗi buổi sáng ông thường có thói quen như thế, nhưng hôm nay, trông dáng ông mệt mỏi và nghiêm trọng khác thường. Bỏ từng thanh trầm nhỏ vào lư, Điền Xán Quang lặng lẽ nhìn làn khói xanh thong thả bốc cao. Mùi trầm thơm toả nhè nhẹ. Ông gọi gia nhân bảo sửa soạn bồn tắm và mang đến cho ông một bộ kimono trắng cùng đoản kiếm, đoạn vời vệ sĩ thân tín Đàm Phương Nghị vào. Nhìn ông, viên vệ sĩ đã đoán ngay chuyện gì sắp xảy ra. Gã thẳng thốt kêu khẽ:

— Đại nhân!

Điền Xán Quang gật đầu, điềm tĩnh:

— Ta làm việc phải làm. Sáng nay có tin gì mới về Thạch Đạt Lang không?

— Dạ không, nhưng tiểu nhân trộm nghĩ có thể hỏi Hạo Nhiên được. Hôm trước thấy Hạo Nhiên đứng nói chuyện với Thạch Đạt Lang khá lâu tại cổng ngoài.

Điền Xán Quang cau mày:

— Sao không cho ta biết sớm? Gọi nó vào đây!

Lát sau Hạo Nhiên được dẫn vào, nhưng hỏi, nó cũng không biết Thạch Đạt Lang hiện trọ ở đâu, chỉ ước đoán có lẽ tạm trú tại nhà Mạc Vãn Đạt ở Shimonoseki mà thôi.

Như sực tỉnh; Điền Xán Quang tự trách mình sao không sớm nghĩ ra. Bèn viết ngay một phong thư cho Thạch Đạt Lang, nói đại ý Cát Xuyên Mộc sẽ tới Funashima vào giờ thìn. Ông giục hắn đến nhà ông ngay lập tức. Thuyền nhẹ và trạo phu lành nghề sẵn sàng để chở hắn tới chỗ hẹn.

Trao thư cho vệ sĩ xong, ông còn cẩn thận dặn:

— Nếu gặp Thạch đại hiệp, nhớ đưa tận tay và chờ phúc đáp. Chọn ngựa tốt, đi ngay kẻo trễ.

Hạo Nhiên xin theo, Điền Xán Quang cũng gật. Cả hai hối hả xuống tàu ngựa và chỉ một thoáng sau đã nghe tiếng vó ngựa phi lộp cộp ở cổng ngoài.

Đến Shimonoseki, gặp lại ân nhân, Hạo Nhiên vui mừng khôn xiết. Thi lễ xong, hỏi về tin tức sư phụ, được biết Thạch Đạt Lang quả có tá túc tại đó, nó thở phào nhẹ nhõm. Đàm Phương Nghị nói:

— Thật không ngờ! Nếu biết đại hiệp ở đây thì cả ngày hôm qua Điền đại nhân đâu phải lo âu đến thế!

Bèn xin cho được gặp mặt. Mãn Vãn Đạt sai người thông báo, lát sau gia nhân ra, nói:

— Đại hiệp còn ngủ.

Đàm Phương Nghị sửng sốt:

— Còn ngủ? Thế ông không nhớ hôm nay là ngày gì à?

— Chắc ông không quên đâu. Mạc Vãn Đạt nói. Nhưng không sao, để lão phu vào đánh thức...

Một chốc, thấy Thạch Đạt Lang đi ra, thần sắc thư thái lạ lùng như người không hề có điều gì lo lắng. Nhìn Hạo Nhiên quỳ ở góc phòng, hắn gật đầu cười rồi quay sang phía Đàm Phương Nghị:

— Tôn khách muốn gặp tại hạ, chắc có điều chi dạy bảo?

Đàm Phương Nghị tự giới thiệu xong trình thư lên. Thạch Đạt Lang bật niêm mở xem, đoạn vấn tắt:

— Xin đa tạ.

— Vậy đại hiệp đi ngay cho, kẻo trễ.

Nhưng Thạch Đạt Lang lắc đầu:

— Rất tiếc tại hạ không nghe theo được. Để xin phúc đáp, nhờ túc hạ mang về trình Điền đại nhân rõ.

Nói đoạn đến bên kỷ thảo một bức thư trao cho Đàm Phương Nghị:

— Tất cả đã được giải thích trong thư này, phiền túc hạ chuyển giúp và nói với đại nhân, tại hạ rất cảm kích.

Trong suốt thời gian gặp gỡ, Thạch Đạt Lang và Hạo Nhiên không trao đổi với nhau một lời, nhưng đến khi chia tay, nhìn mắt học trò rưng rưng lệ, Thạch Đạt Lang nghiêm mặt:

— Hạo Nhiên, nếu thực lòng ngươi muốn theo kiếm đạo thì phải giữ tâm đừng để dao động, dù trước cái chết!

Thấy vệ sĩ mang tin tức Thạch Đạt Lang về, Điền Xán Quang mừng như người vừa trút được gánh nặng lớn. Ông mở vội thư ra đọc: "Đa tạ đại nhân đã lân ái dành cho thuyền riêng để sử dụng. Nhưng rất tiếc, tiểu nhân buộc lòng phải từ khước. Thứ nhất vì tự xét không đáng được hưởng danh dự ấy, thứ hai vì tiểu nhân là đối thủ của Giang Biên Liễu, nếu nhận lời dùng thuyền của đại nhân cấp cho thì e sẽ gây ngộ nhận giữa đại nhân và lãnh chúa tộc Hoà Giả. Cũng vì lý do ấy mà tiểu nhân đã đến tạm trú tại tư gia Mạc Vãn Đạt tiên sinh. Vậy xin đừng quan tâm gì đến kẻ lãng tử này. Tiểu nhân hứa sẽ có mặt ở nơi hẹn vào lúc thích hợp".

Đọc xong, Điền Xán Quang mơ

mộng nhìn ra xa. Lời thư thắng thắn, ý tứ ân cần mà khiêm tốn biết bao! Chẳng biết rồi đây ông có cơ hội nào được tiếp xúc với con người ấy nữa không! Bất giác Điền Xán Quang cảm thấy hối hận đã nghi ngờ hắn.

— Trình đại nhân, sắp đến giờ rồi, xin đại nhân sửa soạn. Cao Mục Lân và toán nhân chứng đã lên đường từ lúc nãy.

Lời nhắc của thuộc hạ chợt kéo ông về thực tại.

— Ờ... mặc họ, vội gì... Đã lấy gì làm trễ!

Rồi gọi Hạo Nhiên đến, ông hỏi:

— Hạo Nhiên! Ngươi là đứa trẻ tháo vát nhưng liệu có giữ được bình tĩnh khi gặp chuyện chẳng lành không?

— Dạ, thưa.. chắc được!

— Vậy tốt, ta sẽ cho ngươi theo đến Funashima. Nhưng ta bảo trước: nếu phải thu nhặt thi hài của sư phụ ngươi thì ngươi phải làm cho đĩnh đạt. Ta không muốn thấy kẻ hầu cận ta khóc lóc hay có thái độ hèn yếu.

— Dạ, tiểu nhân xin tuân lệnh.

— Hay lắm! Vậy bây giờ hãy vào sửa soạn đi rồi chờ Đàm Phương Nghị đến đón.

Ngoài bãi, bến đò vắng hoe. Vệ binh đã bắt đầu tuần tiễu từ nửa đêm. Thuyền đánh cá cùng những đò xuôi ngược đều bị giam, neo lại một rạch nhỏ ăn thông ra biển và được canh chừng nghiêm mật. Trừ những kẻ có phận sự ra, tuyệt đối không ai được lai vãng trên bãi. Tuy thế, ở các ghềnh đá cao trông sang Funashima, nếu chú ý, người ta cũng vẫn thấy có nhiều bóng đen đứng, ngồi lố nhố chờ đợi.

Bên kia là đảo. Khán đài lộ thiên đã dựng xong ở ven một khu rừng gồm toàn những cây bạch tùng cằn cỗi, cành khẳng khiu bị gió vùi dập lâu ngày đã giạt hẳn về một phía. Lá cờ lệnh thêu nhật nguyệt của tộc Hoà Giả được cắm chính giữa khán đài, gió đánh bay phần phật. Xung quanh là tám lá cờ ngũ sắc tượng trưng cho tám vì tinh tú và cũng là huy hiệu của tám kiếm sĩ trụ cột hộ vệ cho tộc ấy.

Trước khán đài, bãi cát mênh mông. Thủy triều rút đi để trơ lại những tảng đá đen rải rác, nước đọng xung quanh như những hòn đảo nhỏ, chim hải âu bay lượn kêu quang quác.

Xa xa ở phía chân trời, lẫn sau những vạt khói lam chưa tan hết, lâu đài Hoà Giả hiện ra mờ nhạt. Dưới chân lâu đài, tân khách đứng chật khu vườn nhỏ. Con thuyền Đạo Uẩn dành riêng cho Cát Xuyên Mộc trong chuyến đi định mệnh này đã sẵn sàng với hai trạo phu thiện nghệ, mũi thuyền cắm cờ lệnh mang huy hiệu của Giang Biên Liễu.

Thấy Cát Xuyên Mộc tới, tân khách giãn ra hai bên. Nghiêm trang đi giữa hai hàng tân khách, hắn thỉnh thoảng cúi đầu đáp lễ những lời chúc tụng ồn ào của họ, rồi bước đến bên thuyền đợi sẵn, theo sau là Ôn Chấn Lâm, người đệ tử thân tín với con chim ưng hộ mệnh đậu trên cườm tay.

Hôm nay, Cát Xuyên Mộc mặc kimono lụa tay chẽn, thêu hoa chìm, quần ống rộng bó sát vào bắp chân bằng xà-cạp da, bên ngoài khoác áo choàng vóc tía. Dép vừa đủ ấm để giữ cho quai mềm dễ đi. Trên lưng đeo cây trường kiếm dài đặc biệt cố hữu, tuy từ khi vào nhận chức vụ giảng viên trong giảng tập bộ, hắn chẳng mấy khi dùng đến. Cát Xuyên Mộc đẫy đà hơn trước, gương mặt tròn hơn, phong cách cao ngạo, rõ ra là một kiếm sĩ danh vọng.

Hắn bước lên thuyền, Ôn Chấn Lâm ngồi phía sau. Lái đò đẩy mạnh thuyền khỏi bến rồi rướn người đưa những mái chèo nhanh và gọn. Con thuyền phăng phăng lướt sóng ra khơi giữa những tiếng hoan hô vang dậy của đám đông đi tiễn trên bãi.

Tân khách lục tục ra về. Cạnh gốc thông, nàng Mộng Hoa nhìn theo, mắt mờ lệ. Bên cuộc đời công, ai cũng có một đời tư. Sau những cuộc tiễn đưa linh đình và những lời chúc tụng hoa mỹ ấy, có ai biết người thiếu nữ kia đã khóc hết nước mắt?

Trên thuyền, Cát Xuyên Mộc vuốt ve con chim ưng hắn ưa thích. Trời xanh biển rộng, nước trong veo, nhưng hôm nay sóng hơi lớn. Mỗi khi con thuyền chòng chành, bọt nước văng trắng xóa lên mạn thuyền, con chim lại hung hăng xù lông, nghiêng đầu, vỗ cánh.

Cát Xuyên Mộc gỡ chiếc mũ trùm mắt, tháo dây buộc chân chim ra, tung nó lên cao và nói:

— Trả ngươi về trời!

Như mọi lần, con chim xoải rộng cánh, rồi như tên bắn, rượt theo

---

chiều ở cảng woolloo

Trên triền dốc đá chơ vơ,
Âm thầm nghe sóng vỗ bờ quanh đây.
Thuyền ai về đỗ bến này
Quên tình biển mặn mà thay lời nguyền!
Nhạn bay về núi muộn phiền
Mỏn mòn đôi cánh tìm miền trú thân.
Mười năm, đâu phải là gần
Biết bao giờ mới dừng chân sông hồ?
Một mình với trái tim khô,
Lang thang giữa cuộc đời vô tình này.



nguyễn tư

chụp một con mồi bay ngang. Chỉ nghe tiếng quác, lông con mồi đã rơi xuống lả tả. Nhưng không thấy chủ gọi lại, nó vút lên cao mất hút trong những tầng mây bạc.

Sau khi đã phóng thích con chim, Cát Xuyên Mộc mang bùa và các vật dụng linh tinh khác do thân hữu tặng để cầu may, kể cả chiếc áo lót dì hắn cho, thả từng cái một xuống biển rồi ngả lưng vào mạn thuyền nhìn trời mơ mộng. Những thứ ấy bây giờ đối với hắn là gánh nặng và những lời chúc tụng của họ, dù thành thực đến đâu, cũng chỉ bó buộc, phiền toái chứ chẳng giúp ích được gì.

Trước giờ giao đấu, Cát Xuyên Mộc tin vào hắn và chỉ mình hắn thôi, mọi thứ khác đều hão huyền cả.

Gió biển mặn mơn trên má. Cát Xuyên Mộc chăm chú nhìn rặng bạch tùng trên đảo Funashima hiện rõ dần trước mặt.

*

* *

Ở Shimonoseki , Mạc Vãn Đạt gọi gia nhân vào hỏi:

— Ngươi đã sửa soạn thuyền bè đầy đủ như ta dặn chưa?

— Dạ, đã sẵn sàng. Nô tài chọn chiếc thuyền nhanh nhất, kỳ cọ sạch sẽ và đã rắc muối tẩy uế, hiện neo ở sau nhà cùng với các thuyền khác.

Ông gật đầu bằng lòng, nhưng lát sau, nghĩ sao lại đổi ý:

— Thôi đừng để nó ở đấy nữa. Chèo ra chỗ ghềnh đá, gần gốc cây tùng lá bạc vẫn được gọi là ngân tùng ấy, ngồi đợi.

— Sao phải thế, thưa chủ nhân?

— Thạch đại hiệp ở đây, bây giờ chắc đã nhiều người biết, ta không muốn họ đến làm phiền đại hiệp.

Dự đoán của Mạc Vãn Đạt quả đúng. Sáng nay, sự sinh hoạt trong trấn Shimonoseki rộn rịp khác thường. Xung quanh biệt thất của ông dường như có nhiều người qua lại dòm ngó. Có thể là quân do thám của phái Hoa Sơn cũ, nhưng cũng có thể là những người thân thuộc hoặc kẻ đồng hương với Thạch Đạt Lang, chẳng ai biết chắc.

Đầu giờ thìn đã qua mà chẳng thấy động tĩnh gì trong phòng Thạch Đạt Lang, Mạc Vãn Đạt thắc mắc gọi người hầu đến hỏi:

— Thạch đại hiệp còn trong phòng không?

— Dạ còn.

— Ông hiện làm gì trong đó.

— Thưa, ông vẽ tranh.

— Vẽ tranh?

Mạc Vãn Đạt cau mặt. Hừ... Tối qua ta có đàm đạo với ông về hội hoạ và ngỏ ý xin một bức tranh. Có lẽ vì thế chăng? Khẽ thở dài, ông bảo người hầu:

— Bây giờ không phải lúc vẽ. Ngươi vào nhắc đại hiệp đã đến giờ để đại hiệp chuẩn bị. Nói cho khéo...

Người hầu lui ra, nhưng nghĩ sao ông lại gọi lại bảo thôi, để ông đích thân vào nhắc.

Trong phòng, Thạch Đạt Lang quỳ trên chiếu, yên lặng như người tĩnh toạ, mắt đăm đăm nhìn tờ giấy trải ngay ngắn trước mặt, xung quanh la liệt những ống bút, mực và màu nước.

Tờ giấy còn trắng nguyên. Hắn không biết vẽ gì, hay đúng hơn, có lẽ đang đắm mình trong những suy tư tìm cảm hứng cho bức tranh. Tờ giấy trắng là vũ trụ chưa thành hình. Một nét bút đặt đúng chỗ sẽ như tia lửa khởi đầu để phát huy sức sống mãnh liệt trong vũ trụ ấy. Chủ đề có thể là mưa, là gió, là sấm sét hay dông bão mà cũng có thể là những vật tầm thường, một búp non, một con kiến, nhưng phải thể hiện sức sống dạt dào trong trời đất từ vạn kỷ trước cho đến nay và sau này, mãi mãi. Dù diễn tả cái gì, tâm hắn cũng sẽ được phơi trải trên giấy. Tâm hắn xao động, tranh sẽ cuồng loạn; tâm hắn yên bình, tranh sẽ thuần hậu ôn nhu, thông điệp ấy người xem không thể không cảm thấy. Đó là cái hồn của tranh và nó sẽ còn mãi, lưu lại trên giấy dù sau khi thể xác hắn đã mai một. Cho nên hắn cố giữ cho lòng thư thái, để tâm tư hoà hợp trong một trạng thái đồng nhất. Phải đó là chân như của nhà Phật hay không, hắn không dám xác quyết nhưng hắn tin trạng thái ấy sẽ gây cho hắn một nguồn cảm hứng chân thật và sẽ là cái hồn của bức tranh hắn muốn lưu lại sau này.

Tiếng động ngoài cửa khiến Thạch Đạt Lang quay nhìn ra. Thấy chủ nhân, hắn cúi đầu chào rồi cung kính mời vào.

— Lão phu đến làm gián đoạn cảm hứng của tráng sĩ, thật ân hận, nhưng buộc lòng phải nhắc để tráng sĩ rõ đã đến giờ hẹn.

— Văn sinh biết.

— Tất cả mọi thứ đã chuẩn bị xong, chỉ còn chờ tráng sĩ.

— Xin đa tạ hảo ý.

— Tráng sĩ đừng quan tâm đến tranh làm gì nữa. Để khi ở Funashima về, vẽ sau cũng được.

Thạch Đạt Lang mỉm cười. Chủ nhân lại tiếp:

— Khi nào chuẩn bị xong, xin cứ gọi. Lão phu đợi ở phòng ngoài.

Cảm động về sự ân cần ấy, Thạch Đạt Lang không biết nói sao, chỉ nhắc lại lời cảm ơn và hỏi:

— Thưa tiên sinh, bao giờ thì nước triều dâng?

— Mùa này, từ giờ mão đến giờ thìn là lúc thủy triều thấp nhất. Bây giờ nước triều sắp dâng đấy.

— Xin đa tạ.

Thấy không còn gì để nói nữa, Mạc Vãn Đạt quay ra, giơ tay khép cửa. Nhưng ngồi trong phòng khách chưa được bao lâu, ông thấy bồn chồn trong dạ, đứng dậy ra hiên đi đi lại lại.

Nước triều đã lên. Ngoài xa, những đợt sóng bạc đầu liên tiếp dồn tới, tiếng vọng rì rào, thúc giục.

Trên bãi cát, một người phi ngựa như bay tới. Đến gần thì ra là Đàm Phương Nghị:

— Thạch đại hiệp đã đi chưa, thưa tiên sinh?

Mạc Vãn Đạt lắc đầu.

— Xin tiên sinh nói với đại hiệp đã trễ giờ rồi, phải lên đường ngay mới kịp. Cát Xuyên Mộc khởi hành từ lâu, chắc bây giờ đã ở Funashima. Điền đại nhân cũng vừa rời khỏi Kokura.

— Được, để lão phu thông báo.

— Xin tiên sinh thứ lỗi, nhưng Điền đại nhân sợ Thạch đại hiệp trễ hẹn.

Chưa dứt câu, gã đã giật cương cho ngựa phóng đi mất. Gia nhân nhà Mạc Văn Đạt túc trực quanh hiên. Chủ cũng như tớ, sốt ruột nhìn nhau. Sau cùng không thể chịu đựng sự chờ đợi khắc khoải hơn được nữa, chủ nhân lại vào mở cửa phòng Thạch Đạt Lang.

Hắn không còn đấy. Trên chiếu, đè dưới hai tập sách dầy, bức tranh mới vẽ còn ướt mực. Trong phần lạc khoản ở đầu bức tranh ghi rõ lời đề tặng của người vẽ cho chủ nhân Mạc Văn Đạt.

— Thạch tráng sĩ!

Từ phòng thay áo, Thạch Đạt Lang bước ra, gọn gàng trong bộ y phục chẽn bằng vải gai hắn vẫn thường mặc, lưng đeo song kiếm. Hắn nhoẻn miệng cười, vô tư lạ lùng. Hình như những eo xèo của thế cuộc không còn làm bận tâm con người ấy nữa. Thạch Đạt Lang nói mấy lời cảm tạ và từ biệt người bạn vong niên, đáp lời chúc tụng của số gia nhân đi theo đưa tiễn, đoạn mở tấm cửa gỗ hẹp bước ra, cúi đầu lần chót.

— Xin bảo trọng...

Rồi bước nhanh khỏi cửa, hắn không hề quay đầu nhìn lại.

Cây ngân tùng mọc đơn độc bên ghềnh đá cách đường giáp nước khoảng chừng ba chục trượng. Chỗ ấy vắng vẻ vì là bãi cụt, không có đường lối thông sang bên kia nên chẳng ai lai vãng.

Đã được dặn trước, Thạch Đạt Lang cứ thẳng phía ấy mà tiến tới, lòng bình thản như không. Buổi vẽ tranh lúc nãy đã gột sạch hết mọi ưu tư hay háo hức trong lòng hắn. Và bây giờ đến Funashima dự cuộc đấu quyết định trong đời, có trở lại hay không hắn cũng chẳng quan tâm nữa. Sống, chết không còn là điều để phải suy nghĩ, Thạch Đạt Lang thản nhiên như sắp bắt đầu một cuộc du ngoạn.

Hồi tưởng lại tám năm về trước, lúc còn 24, 25, ở chân đồi Sinh Minh khi tiến đến bên gốc cổ tùng, tinh thần hắn căng thẳng, lòng lo lắng khi nghĩ đến phải đương đầu với cái chết gần kề. Thanh kiếm đơn độc tuốt trần trong tay, hắn mang nặng tâm trạng sợ hãi, đôi khi tuyệt vọng của con thú bị dồn đến bước đường cùng. Bây giờ thì không, hắn chẳng cảm thấy gì hết!

Chẳng phải vì Cát Xuyên Mộc không ghê gớm bằng đồ chúng Hoa Sơn, trái lại thế, nhưng có lẽ bây giờ hắn đã tự tin hơn. Hay có lẽ tâm tư hắn đã được giải thoát khỏi nỗi lo âu về sự sống, chết?

— Thạch huynh!

— Thạch Kinh Tử!

Tiếng gọi cùng hai bóng người theo chân nhau chạy về phía hắn làm Thạch Đạt Lang sửng sốt:

— Kìa Lâm Bằng! Bà Hồ Điểu! Hai người làm gì ở đây vậy?

Cả hai, áo quần lem luốc, đến quỳ dưới chân Thạch Đạt Lang. Hắn tránh sang bên rồi cũng vội vã quỳ xuống đỡ bà Hồ Điểu dậy.

— Bà Hồ Điểu! Bà sao thế? Con đây mà!

— Nghe tin ngươi sắp giao tranh với Cát Xuyên Mộc, ta đến tiễn ngươi. Chỉ sợ không kịp.

— Thạch huynh, đệ cũng thế, không ngờ may mắn còn gặp đại huynh.

— Trước khi ngươi đi, ta có lời xin lỗi.

Vừa nói, bà Hồ Điểu vừa cúi đầu chấm nước mắt.

— Có chuyện gì vậy bà? Sao bà phải xin lỗi?

— Ta xin lỗi vì đã tàn ác với ngươi trong bao nhiêu năm nay. Ta hiểu lầm, tình mẫu tử đã làm ta mờ mắt. Bây giờ biết ra thì đã muộn, ta thành tâm xin lỗi. Thạch Kinh Tử,



con tha lỗi cho ta!

Thạch Đạt Lang nhìn bà Hồ Điểu. Hắn không tin những lời hắn vừa nghe được, nhưng trông bà già bé nhỏ, đầu cúi vì hối hận, ngập ngừng nói những lời cầu khẩn trong nước mắt rưng rưng, hắn bỗng thấy lòng tràn ngập thương cảm. Xúc động, Thạch Đạt Lang nắm tay bà, tay bà run run và tay hắn cũng không vững. Phải một lát sau mới trấn tĩnh, hắn nói:

— Con cảm ơn bà đã cho biết như thế. Bây giờ con yên tâm. Trong cuộc chiến, dù có chết, lòng con cũng thanh thản không còn hối tiếc gì nữa.

— Vậy con tha lỗi cho ta chứ?

— Dĩ nhiên rồi! Con cũng xin bà bỏ qua cho tất cả những điều con đã gây ra khiến bà phải đau lòng từ khi con bỏ làng ra đi.

Bà Hồ Điểu gật.

— Còn chuyện này nữa. Oa Tử kia kìa! Nó cũng đến đấy!

Bà hất hàm chỉ về phía cây tùng. Thạch Đạt Lang trông theo và chỉ mấy bước đã chạy đến gốc cổ tùng:

— Oa Tử! Nàng đấy ư?

Oa Tử nhìn Thạch Đạt Lang, không nói được câu nào. Nàng như người nghẹn họng, nước mắt chỉ chực trào ra. Chao ôi! Nói gì đây? Lời nào đủ để lấp cho đầy khoảng trống bao năm xa cách?

Oa Tử cúi đầu, hai tay bưng mặt. Sự xúc động khiến sắc mặt nàng tái nhợt.

— Oa Tử! Nàng sao thế? Nàng không được khoẻ phải không?

Lời hỏi thăm của Thạch Đạt Lang xa xôi, nghe như một câu thơ lạc vận. Oa Tử bậm môi cố giữ cho khỏi khóc. Giờ khắc này đứng đây với người yêu, biết đâu không phải là những giờ khắc cuối cùng chẳng bao giờ có lại được nữa. Nàng không thể làm hư nó được. Nàng phải can đảm. Bình tĩnh! Bình tĩnh!

— Vâng, thiếp chẳng được khoẻ.

— Mấy năm nay nàng ở đâu?

— Thiếp đã trở về chùa Tiểu Sơn mùa thu năm ngoái.

— Trở về chùa Tiểu Sơn ư?

— Vâng, về chùa Tiểu Sơn.

Oa Tử ngẩng nhìn Thạch Đạt Lang. Hai giọt lệ bắt đầu long lanh nơi khoé mắt:

— Nhưng không có nơi nào là quê hương thật sự cho một kẻ mồ côi như thiếp cả. Quê hương thật sự chỉ có trong lòng thiếp mà thôi!

— Nàng đừng nói vậy! Bà Hồ Điểu cũng thương yêu nàng thật tình chứ?

Oa Tử gật.

— Vậy nàng hãy cố gắng giữ sức khoẻ, cố khỏi bệnh để giữ lấy hạnh phúc.

— Lúc này thiếp đang có hạnh phúc.

— Vậy ư? Nếu nàng có hạnh phúc thì ta cũng có hạnh phúc. Rán giữ lấy, vì ta mà giữ lấy... Oa Tử...

Thạch Đạt Lang ôm Oa Tử vào lòng, quên cả sự có mặt của Lâm Bằng và bà Hồ Điểu gần đó, áp má hắn vào má người yêu:

— Nàng gầy quá!

Trên má hắn, hơi thở của Oa Tử nóng như lửa đốt.

— Nóng như thế này không phải là điều tốt! Oa Tử, tha lỗi cho ta, tha lỗi cho ta nhé. Có lẽ nàng cho là ta vô tình nhưng thật ra không phải thế!

— Thiếp biết chứ!

— Nàng biết ư? Thật không?

— Thật! Nhưng xin chàng hãy nói với thiếp một điều, một điều thôi. Hãy nhận thiếp là vợ chàng!

— Nói gì điều thừa ấy? Nàng vừa bảo nàng đã rõ lòng ta rồi mà!

— Không! Không! Chàng cứ nói! Nói đi, Thạch Đạt Lang...

Không dằn được, Oa Tử bật khóc nức nở.

— Hãy nói cho thiếp biết thiếp là vợ chàng trong suốt kiếp này nhé... nhé! Thạch Đạt Lang, chồng yêu quý của thiếp!

Thạch Đạt Lang ôm đầu Oa Tử, nhìn thẳng vào đôi mắt đẫm lệ của nàng, khẽ gật.

Hai người đứng yên như thế, quên hết mọi sự xung quanh. Không gian và thời gian không còn nữa. Lát sau, nhè nhẹ gỡ tay Oa Tử ra, Thạch Đạt Lang bảo:

— Vợ kiếm sĩ thấy chồng ra trận không được khóc. Oa Tử! Nàng hãy cười đi! Đây có lẽ là lần cuối cùng trượng phu của nàng dự vào một cuộc tranh phong như thế này. Hãy tiễn ta bằng một nụ cười cho ta yên bụng.

Oa Tử biết giờ chia tay đã điểm. Thạch Đạt Lang nhìn nàng lúc lâu rồi mỉm cười khẽ nói:

— Tạm biệt Oa Tử! Tạm biệt người vợ yêu quý của ta!

— Vâng, xin tạm biệt.

Oa Tử muốn mỉm cười đáp lại, nhưng môi vừa hé, nước mắt đã trào ra ướt đẫm má. Nàng không còn nhìn thấy gì nữa.

Thạch Đạt Lang bước vội đến bên ghềnh đá. Gió biển thổi tạt tóc râu hắn, bộ áo vải gai hắn mặc kêu phần phật.

Thấy Thạch Đạt Lang, người trạo phu lành nghề và lực lưỡng được lệnh ở đó từ sáng, chèo thuyền lại gần. Hắn nhảy lên thuyền, nhẹ nhàng như én đậu. Trong khoảnh khắc, con thuyền đã ra xa, nhấp nhô ẩn hiện sau những đợt sóng bạc đầu, nhằm đảo Funashima thẳng tiến.

Oa Tử chạy theo ra ghềnh đá.

— Cô Oa Tử! Cô định làm gì thế?

Giang đuổi theo nàng. Cùng với bà Hồ Điểu, nó vừa bắt kịp và giữ Oa Tử lại ở chỗ giáp nước.

— Oa Tử! Ngươi nghĩ quẩn rồi!

— Không, không! Bà không hiểu! Bà để mặc con!

Tìm một chỗ khoáng đãng, Oa Tử ngồi xuống nhìn về phía hướng thuyền vừa đi, sửa lại y phục tề chỉnh, vuốt mớ tóc rối, rồi hai tay đặt lên cát, nàng khấu đầu làm lễ:

— Thạch Đạt Lang! Chàng đi may mắn!

Bà Hồ Điểu, Lâm Bằng và cả Giang cũng quỳ xuống bên Oa Tử, cầu nguyện cho Thạch Đạt Lang thành công. Mặc dầu hết sức ao ước được nói với sư phụ những lời giã biệt, Giang đã không có được cơ hội. Nhưng nó không hối hận đã nhường những khắc cuối cùng ấy cho Oa Tử.

(còn 1 kỳ nữa)



BÚT CHÌ phụ-trách

Mục "Độc Giả Thắc Mắc" được mở để bạn đọc nêu ra những nghi vấn về mọi lãnh vực: văn học, nghệ thuật, khoa học, xã hội, chính trị.v.v..

Vì khuôn khổ hạn hẹp của một tiểu mục, xin vui lòng hạn chế mỗi lần hỏi tối đa 3 câu. Đa tạ.

"VIỆT MINH QUỐC GIA" VÀ "VIỆT MINH CS"

Hỏi: Gần đây cháu nghe các cô bác trong cộng-đồng bàn-tán về việc có người phân-biệt hai loại Việt Minh: Việt Minh quốc-gia và Việt Minh cộng-sản.

Cháu tuy học tiếng Việt ít, nhưng có nghe ba má nói Việt Minh viết tắt là VM, mà đọc vê-em thành Vẹm, nghĩa là ba xạo, là xấu lắm. Vậy có thật là có Vẹm quốc-gia và Vẹm cộng-sản không, và cả hai Vẹm cùng xấu phải không?

Jeff Nguyễn
Mississauga

Đáp: Việt-Minh là tên tắt sau này của Việt-Nam Độc-Lập Đồng-Minh Hội, thành-lập tại Nam-kinh (Trung-hoa) năm 1934, tập-hợp các tổ-chức cách-mạng lưu-vong, gồm Việt-Nam Quốc Dân Đảng cùng các ông Nguyễn Hải Thần, Hồ Học Lãm.

Ban Chấp-hành Trung-ương đầu-tiên của Việt-Nam Độc-Lập Đồng-Minh Hội gồm có: Vi Chính Nam (chủ-nhiệm, Vũ Hồng Khanh, Nghiêm Kế Tổ, Hồ Học Lãm, Nguyễn Văn Lai, Lý Quang Hoa, Trần Minh (Lai, Hoa và Minh là cán-bộ cộng-sản từ Mạc-tư-khoa về).

Sau khi vừa thành-lập xong, bộ ba Lai-Hoa-Minh tìm cách loại trừ Việt-Nam Quốc-Dân Đảng, nhưng mưu sự không thành. Cuối năm 1935, nhận thấy phe cộng-sản đệ tam lộ-diện và luôn luôn tìm cách loại trừ các đảng-phái quốc-gia trong đồng-minh hội, các đại-biểu Việt-Nam Quốc Dân Đảng bỏ phiếu giải-tán Việt-Nam Độc-Lập Đồng-Minh Hội.

Sau khi giải-tán, VN Quốc Dân Đảng trở lại hoạt-động riêng-rẽ, và cán-bộ cộng-sản âm-thầm tái-lập VN Độc-lập Đồng-Minh Hội.

Từ khi CS tái-lập VM Độc-Lập Đồng-Minh Hội, tổ-chức này mới có tên tắt là "Việt Minh." Như vậy, Việt-Minh là tổ-chức CS, không dính-dáng gì với VN Quốc-Dân Đảng và các nhà cách-mạng quốc-gia khác trong VN Độc-Lập Đồng-Minh Hội cũ.

Năm 1940, Trần Phúc An (một sinh-viên Việt-nam tham-gia phong-trào đông-du trước đây, làm tới cấp tướng trong quân-đội Nhật) thành-lập Việt-Nam Phục-Quốc Đồng-Minh Hội. Do sự trung-gian của Quốc Dân Đảng Trung-Hoa, Quốc Dân Đảng VN liên-minh với VN Phục-Quốc Đồng-Minh Hội thành tổ-chức mới: Việt-Nam Cách-Mạng Đồng Minh Hội. Tới 1942, tổ-chức này chính-thức hoạt-động, gọi tắt là "Việt Cách" gồm 4 thành-phần:

- Không đảng-phái: Nguyễn Hải Thần, Trương Bội Công, Trần Báo, Trương Trung Phụng.
- VN Quốc Dân Đảng: Vũ Hồng Khanh, Nghiêm Kế Tổ.
- VN Phục-Quốc Đồng-Minh Hội: Bồ Xuân Luật, Nguyễn Văn Phúc, Lê Duy Thịnh, Trần Đình Xuyên.
- Việt-Nam Độc-Lập Đồng-Minh Hội (tức cộng-sản Việt Minh): Hồ Đức Thành.

Từ 1943, Hồ Chí Minh từ hải-ngoại trở về, xâm-nhập vào ban chấp-hành VN Cách-Mạng Đồng-Minh Hội (làm ủy-viên dự khuyết). Dần dà, Hồ và các cán-bộ cộng-sản củng-cố thế-lực riêng bằng cách phát-triển VN Độc-Lập Đồng-Minh Hội.

Tóm tắt, Việt Minh là VN Độc-Lập Đồng-Minh Hội (tái-lập), tức lực-lượng cộng-sản. Việt Minh tuy nằm trong Việt Cách, nhưng đã ám-sát rất nhiều cán-bộ quốc-gia của Việt Cách.

PHẬT-HỌC VÀ SIÊU HÌNH HỌC

Hỏi: 1.—Phật-giáo có đề-cập các vấn-đề Siêu-hình hay không? Quan-niệm con người gồm ba thể: xác, vía, trí là của Phật-giáo hay của Thông-thiên học?

2.—Xin cho biết địa-chỉ của tổ-chức Thông-thiên học (Theosophical Society).

3.—Nghe nói có chuyện bồ-tát xuất-hiện ở Tây-ban-nha, xin cho biết rõ việc này.

Hoàng Đình Nguyên
Montréal

Đáp: 1.—Theo chỗ chúng tôi được biết, kinh-điển Phật-giáo không đề cập các vấn đề siêu hình. Tuy-nhiên, truyền-thống huyền-môn Tây-tạng lại đề-cập rất nhiều các vấn-đề siêu-hình và các cõi giới vô-hình.

Quan-điểm về các thể của con người như xác, vía, trí được nhiều tôn-giáo, hệ-thống triết-học đề-cập, không nhất-thiết của một tôn-giáo nào.

2.—Trụ-sở hội Thông-thiên-học Hoa-kỳ:

The Theosophical Society in America
1926 N. Main St.
P.O. Box 270
Wheton, IL 60189-0270
U.S.A.

Gia-nã-đại:

Mr. S. Treloar
General Secretary
R.R. No 3
Burk's Falls, Ontario
P0A 1C0

3.—Chuyện đấng Hóa-thân xuất-hiện tại Tây-ban-nha đã được viết thành sách dưới luận-đề *The Boy Lama* của Vicki Mackenzie, nhà xuất-bản Harper & Row.

Đây là câu chuyện của cậu bé Osel Hita Torres, được đức Đạt Lai Lạt Ma chứng-nhận là hóa-thân

của Lama Yeshe, một đạo-sư nổi tiếng đã có công truyền-bá Phật-giáo Tây-tạng qua Tây-phương, qua đời năm 1984 tại California. *(Nguyên Phong)*

MÔNG LỆ AN

Trả lời chung cho các bạn hỏi về cách phiên tên thành phố *Montréal* (Gia-nã-đại) ra âm Hán Việt:

Có một vài bạn phiên-âm Montréal thành Mộng Lệ An, hay dí-dỏm hơn, Mông Lệ An (xin lỗi các cô trùng tên Lệ An!). Đây chỉ là một cách đùa nghịch.

Người Trung-hoa có bốn cách phiên-âm *Montréal:*

Tại các vùng nói tiếng Quảng-đông (Quảng-đông, Hương-cảng), người Quảng-đông gọi Montréal là Mãn-địa-khả (chỗ nào cũng khá-giả, sung-túc) hay Mãn-thành (thành-phố sung-túc):

- 滿地可 âm Hán Việt đọc là Mãn-địa-khả, âm Quảng-đông là /*Mũn-tì-hở*/, âm quan-thoại là /*Màn-tì-khở*/.

- 滿城 âm Hán Việt đọc là Mãn-thành, âm Quảng-đông là /Mũn-chình/, âm quan-thoại là /Màn-tchửng/.

Tại các địa-phương dùng quốc-ngữ (quan-thoại) như Bắc-kinh, Đài-loan, họ gọi Montréal là Mông-đặc-lâu hoặc Mông-đặc-lợi-di (phiên-âm, không có nghĩa):

- 蒙特婁 âm Hán Việt đọc là Mông-đặc-lâu, âm Quảng-đông là /Mùng-tắc-lầu/, âm quan-thoại là /Mung-tơ-lũ/.

- 蒙特利爾 âm Hán Việt đọc là Mông-đặc-lợi-di, âm Quảng-đông là /Mùng-tắc-lầy-dì/, âm quan-thoại là /Mung-tơ-li-di/.

GS Lê Hữu Mục không phiên-âm, mà dịch nghĩa, từ chữ gốc của *Montréal* là *Mont-Royal:* Vương sơn, hay Núi Vua.

Cũng từ cách dịch nghĩa này, BS Trần Văn Dũng gọi vùng Trois Rivière là Ba Ngòi (để gợi nhớ vùng Ba Ngòi, VN), và bạn Cung Vũ gọi là Tam giang (để nhắc tới phá Tam-giang, cũng ở Việt-nam). *(Võ Kỳ Điền)*

LÍNH LÊ-DƯƠNG

Hỏi: Cháu đọc truyện, thấy hay nói tới lính Lê Dương có Tây mặt gạch, không hiểu là lính gì, Lê Dương là danh nhân VN nào, có công với Pháp như thế nào mà được Pháp dùng đặt tên cho sắc lính của họ (tra tự-điển không thấy), và Tây mặt gạch là người Pháp mặt bằng gạch (vô-lý!) hay là người Pháp lấy dao rạch vào mặt?

Trần Thị Hà
Brampton

Đáp: "Lê-dương" là phiên-âm (đọc theo âm trại ra) từ chữ *légion étrangère.*

Légion là quân-đoàn, binh-đoàn; *légion étrangère* là binh-đoàn ngoại-quốc.

Trong thời chiến-tranh Việt-Pháp, ngoài quân-đội chính-qui, Pháp còn lấy quân từ các nước thuộc-địa như Maroc, Algérie sang tham-chiến. Lính Maroc, Algérie là thổ-dân Phi-châu, da đen, nhiều người còn dùng phấn trắng vạch lên mặt nên đồng-bào miền Nam gọi họ là "Tây đen gạch mặt". *Gạch* hay *vạch* là vẽ một đường thẳng (như *gạch hàng, gạch dưới).*

CHÀ-VÀ MA-RỐC CỐC-KENG

Hỏi: 1.—Hồi ở Việt-nam, tôi vẫn nghe con nít hát *Chà-và Ma-rốc Cốc-keng* hay *Chà-và, Ma-ní,* không hiểu có phải để chỉ chung người Ấn-độ bán vải (anh Bảy chà) không?

2.—Ngôi chùa Ấn-độ gần chợ Bến-thành, có tượng người đàn bà hở bụng nhiều tay, thuộc về đạo nào? Ấn-độ giáo hay Hồi-giáo?

Lê Thị Thanh
Verdun

Đáp: 1.—*Chà-và* tức thổ-dân Java (Djawa, Jawa) là thổ-dân Nam-dương.

Người Việt-nam có thói quen gọi chung những người da đen Nam-dương, Ấn-độ là "chà-và", vì từ thế-kỷ 19, người Java ở Nam-dương đã sang định-cư buôn-bán tại miền Nam, sau đó mới tới người Ấn, Hồi, Tamil, v.v.

Ma-rốc là người Maroc (Phi-châu), dùng gọi chung những người da đen theo chân quân viễn-chinh Pháp đến Việt-nam, đa số là người Maroc, Algérie, Guyna, Martinique, v.v.

Cốc-keng là tiếng đệm, nói thêm cho "có vần có vè", không chỉ giống dân nào.

2.—Ngôi chùa bà hỏi là chùa Bà, thờ nữ-thần Mariamman của người Tamil ở miền Nam Ấn-độ, xây từ thế-kỷ 19; sau 1975 bị VC trưng thu làm xưởng biến-chế thực-phẩm, nóc chùa phơi đầy cá khô xuất-cảng.

CẦU ĐÔNG Ở ĐÂU?

Hỏi: 1.—Hôm trước đọc mục điểm sách thấy nhà báo vạch ra cái dốt của ông (...), chép bừa câu ca-dao miền Bắc *Bà già đi chợ cầu Đông* thành *Bà già đi chợ cầu... Bông* rồi bảo đó là ca-dao miền Nam.

Tôi biết chắc rằng cầu Đông ở ngoài Bắc, khác với cầu Bông ở trong Nam, nhưng không rõ lắm về vị-trí của nó, bác BC chỉ-dẫn cho nhé.

2.—Trong câu *Thứ nhất Cổ Bị, thứ nhì Cổ Loa, thứ ba Cổ Pháp,* tôi chỉ biết "Cổ-loa" là thành Cổ-loa, còn Cổ Bị và Cổ Pháp là những nơi nào?

Trần Văn Hồ
Charlotteville

Đáp: 1.—Cầu Đông là chiếc cầu bắc qua dòng sông Tô-lịch, ở khu-vực ngã tư phố Ngõ Gạch và phố Hàng Đường ngày nay, là một trong hai công-trình kiến-trúc nổi tiếng ở Thăng-long thời nhà Lê *(Phật đá Cầu Đông, tượng đồng Trấn Võ).*

Sông Tô-lịch ngày nay chỉ còn là một đường cống; chiếc cầu Đông và pho tượng Phật tạc bằng đá trắng cũng không còn.

2.—Cổ Bị là nơi chúa Trịnh Cương xây phủ-đệ từ thế-kỷ 18, nay thuộc huyện Gia-lâm.

Cổ Loa đúng là thành Cổ-loa,

kinh-đô của nước ta vào đời nhà Thục, thế-kỷ thứ 3 trước Tây-lịch, nay thuộc huyện Đông-anh, ngoại-thành Hà-nội.

Cổ Pháp là quê của Lý Công Uẩn, nay là Đình-bảng, huyện Tiên-sơn tỉnh Hà-bắc, nơi nhà Lý xây-dựng lăng-miếu.

THÀNH NÀO CỔ NHẤT

Hỏi: 1.—Đọc sử thấy vào đời An dương vương, nước ta đã có Loa-thành, như vậy là cổ lắm. Loa-thành ngày này hãy còn dấu-tích (tôi biết: giếng Ngọc và gò Ngự-xạ). Không biết các nước trong vùng Đông Nam Á như Chiêm-thành, Chân-lạp có thành cổ nào còn lưu dấu không?

2.—Nhắc tới kinh-đô Thăng-long, *Chính khí ca* dùng chữ "núi Nùng, sông Nhị." Sông Nhị là sông Nhị-hà, tôi biết, nhưng tại sao lại núi Nùng, có phải là núi của người người Nùng?

3.—Tại sao đền Trấn-võ (nghe nói đã 600 năm?) còn gọi là đền Trấn-bắc?

Trang Văn Viên
Paris

Đáp: 1.—Thành Cổ-loa được xây dựng trước nhất, 3 thế-kỷ trước Tây-lịch; ngày nay còn di-tích ba vòng thành, hai cái miếu, 4 gò (gò Cột cờ, gò Ngự xạ-đài nơi nhà vua bắn nỏ thần, gò Pháo-đài và gò Đồng Bắn), giếng Ngọc nơi Trọng-thủy tự tử, am thờ Mị-châu (có tượng Mỵ Châu cụt đầu vì bị vua Thục chém).

Các thành cổ khác, có:

- Vyadhapura, kinh-đô nước Phù-nam, xây vào thế-kỷ thứ 1, tồn-tại tới thế-kỷ thứ 7, di-tích nằm ở vùng Prei Veng (Cao-miên).

- Vijaya, Indrapura, kinh-đô nước Chiêm-thành (Champa), xây vào thế-kỷ thứ 4, dấu-vết lưu lại ở miền Nam Trung-phần.

- Angkor, kinh-đô nước Chân-lạp (Cao-miên cổ), xây vào thế-kỷ thứ 7, hiện còn một phần đứng vững.

- Paga, kinh-đô Miến-điện cổ, xây vào thế-kỷ thứ 9, hiện còn lại một phần.

Riêng nước ta, ngoài Cổ-loa thành, còn có các cổ thành nhỏ khác như:

- Thành Luy-lâu, di-tích ở phía tây-nam huyện Thuận-thành tỉnh Hà-bắc, kéo dài tới phía đông-bắc huyện Gia-lâm, ngoại-thành Hà-nội.

- Thành Long-biên ở ven sông Thiếp (tức sông Ngũ Huyện Khê), chảy từ sông Hồng sang sông Cầu, ở các huyện Đông-anh (ngoại-thành Hà-nội) và Tiên-sơn, Yên-phong (Bắc-ninh).

Các thành này do quân-đội Trung-hoa xây-dựng, làm căn-cứ đồn binh cai-trị nước ta.

2.—Núi Nùng là một hòn núi giả (giả sơn), được đắp bằng sức người vào đời nhà Lý, thành một gò đất rất lớn, cao ngất, trên đó xây điện Kính-thiên.

Sông Nhị, đúng là sông Nhị-hà (tức Hồng hà). Tên cổ của sông này là Nhĩ-hà, vì hình-thể chạy vòng quanh như một cái khoen đeo tai; Chữ *nhĩ* này viết là 珥, khác với *nhĩ* 耳 là cái tai. Sau viết thành 洱 đọc trại Nhĩ hà thành Nhị hà.

Riêng núi Nùng, chưa tra-cứu được ý-nghĩa tên gọi. Chỉ biết, theo tiếng cổ *nùng* hay *nông*, có nghĩa là đồi núi, gò cao. Tiếng */nùng/* hay */nông/* này âm rất gần (và đồng-nghĩa) với */phnom/* của Cao-miên và */b'nâm/* của tiếng Tày.

3.—Đền Trấn-võ, còn gọi là đền Trấn-bắc, vì theo địa-lý, nằm án-ngữ ở phương bắc thành Thăng-long.

Chung quanh Thăng-long có bốn đền trấn, gọi là Thăng-long tứ trấn, được xây-dựng vào đời nhà Lý, gồm:

- Trấn Bắc: đền Trấn-võ.
- Trấn Tây: đền Linh-lang (Voi Phục).
- Trấn Nam: đền Cao-sơn.
- Trấn Đông: đền Bạch-mã.

NGÂM SA-MẠC, BỒNG-MẠC

Hỏi: 1.—Lúc còn ở trong nước, tôi thường nghe ngâm sa-mạc và bồng-mạc, nhưng không phân-biệt thì khi nào thì gọi là sa-mạc và khi nào thì gọi là bồng-mạc.

2.—Trong bài *Âm-nhạc cổ-truyền VN* đăng trên một tờ báo ở Toronto gần đây, tác-giả viết rằng:

"Trung-hoa có bảy nốt nhạc tương-ứng với 7 dây đàn là cung, thương, giác, vũ, chủy, thiếu dương và thiếu dương, còn 7 nốt nhạc VN là hò xự xừ xang xê cống phàng. Theo nhận-xét của các nhà khảo-cứu Tây-phương thì 7 nốt nhạc VN gần giống 7 nốt nhạc Tây-phương do, re, mi, fa, sol, la, si.

"Tuy-nhiên, 7 nốt nhạc VN không tương-ứng với 7 dây đàn Trung-hoa. Nốt nhạc VN chuyển biến theo từng nhạc-cụ, nhưng tựu-trung chủ-yếu căn-bản dựa vào dấu giọng phong-phú của tiếng Việt: chẳng hạn, với một số nhạc-cụ có giây như đàn bầu, đàn gáo, người Việt dùng âm-điệu: tính, tỉnh, tinh, tĩnh, tình; với nhạc-cụ sử-dụng hơi như sáo, kèn, chúng ta lại dùng tí, tỉ, ti, tị, tĩ."

Về nhạc-cụ VN, tác-giả bài báo kể ra: *"đàn bầu, đàn nhị (hình 1), đàn độc huyền (hình 2), v.v."*

Tôi thấy bài này sai nhiều chỗ, nên xin góp ý; nhưng vì còn có vài chỗ tôi cũng không hiểu rõ, nên xin góp ý với bác BC để học-hỏi thêm, thay vì góp ý với tờ báo đó.

Thứ nhất, âm-nhạc Trung-hoa nằm trong hệ-thống ngũ cung (5 cung) chứ không phải thất cung (7 nốt) như Tây-phương. Tôi không hiểu hai nốt "thiếu dương" và "thiếu dương" từ đâu ra, vì trong sách chỉ ghi năm nốt: cung, thương, giốc, chủy, vũ.

Thứ hai, nói "7 nốt nhạc tương ứng với 7 giây đàn", thì đối với những cây đàn chỉ có 2 giây (như đàn nhị), 3 giây (như đàn tam), 4 giây (như đàn nguyệt, đàn tì) thì chơi làm sao (vì thiếu nốt)?

Thứ ba, tên gọi các nốt nhạc Việt-nam không phải là hò xự xang xê cống, vì các tên này đọc theo âm Trung-hoa (trong khi cung, thương, giốc, chủy, vũ đọc theo âm Hán Việt). Xin bác Bút Chì cho biết

tên gọi các nốt nhạc VN đọc bằng tiếng VN.

Thứ tư, bảo "nốt nhạc VN chuyển biến theo từng nhạc-cụ", chắc là chuyển biến về tên gọi, không phải chuyển biến về cao-độ. Nếu mỗi nhạc-cụ chuyển-biến nốt nhạc theo cao-độ khác nhau, đàn chung một ban, làm sao hòa-hợp?

Thứ năm, trong nhạc-cụ VN, tác-giả kể đàn bầu và đàn độc huyền. Theo tôi biết, đàn bầu chính là đàn độc huyền. Xem hình thì biết, tác-giả nhầm đàn bầu và đàn nhị là một cây. Không hiểu sao có sự nhầm-lẫn tai-hại này, vì đàn bầu chỉ có 1 giây, thuộc về loại đàn khảy; còn đàn nhị (tức nhị-hồ hay đờn cò) có hai giây thuộc về loại đàn kéo bằng cung.

Tôi cắt bài báo ấy kèm theo đây xin bác BC phân xử cho.

Trương Văn Thêm
Toronto

Đáp: 1.—Cả sa-mạc lẫn bồng-mạc đều là các điệu dùng diễn thơ lục-bát và song-thất lục-bát. Cả hai đều nằm trong hệ-thống ngũ-cung, nhưng khác nhau một âm (một nốt nhạc).

Điệu sa-mạc dùng hệ-thống *Re, Fa, Sol, La , Do.*

Điệu bồng-mạc dùng hệ-thống *Re, Mi, Fa, La, Do* (khác ở âm thứ nhì).

2.—Phần góp ý của ông đúng gần hết. Nhạc Trung-hoa chỉ có ngũ âm (cung, thương, giốc, chủy, vũ); khi chuyển cung, có thêm các biến âm, nhưng không phải là nốt chính trong hệ-thống.

Đọc theo âm Trung-hoa, 5 âm chính và 2 âm phụ là hò, xự, xang, xê, xống, phạn, liu.

Tên 5 nốt chính và 2 nốt phụ của âm-nhạc Việt-nam là tính, tỉnh, tình, tinh, tung, tàng, tang, phát-xuất từ cây đàn đáy mà ra. Hệ-thống này lưu dấu trong các giai-điệu dân-gian ở đồng-bằng miền Bắc, hát ru con, ăn xin và ảnh-hưởng vào các điệu tụng kinh ở miền Bắc.

Trong bài quan-họ *Qua cầu gió bay*, các chữ "*tình tình tình* gió bay" là tên một trong các nốt nhạc VN, dùng để hát đệm (như dân Tây hay hát *là lá la*, lấy từ tên nốt *la*), chứ "tình tình tình" ở đây không phải là *tình*-yêu ...cà-lăm.

Nhại theo tiếng kêu của các nhạc-cụ, người xưa còn đặt nhiều tên khác như hồ, hợi, hu, ha, hí và hồ-hà, hồ-hợi (kèn) hoặc tí, um, bo, tịch, tót và tò, te (kèn); tính, vôn (trống cơm); rụp, trắc, tổng, ron, toong, tàng, táng (trống).

Thứ hai, bảo "bảy nốt nhạc tương-ứng với 7 dây đàn", có lẽ tác-giả chỉ liên-tưởng tới đàn tranh (mỗi giây là một nốt nhạc), quên rằng đối với các cây đàn khác, mỗi giây có một tên riêng, và dùng ngón tay nhấn vào cần đàn để chặn giây cho ngắn lại, tạo thành nhiều nốt nhạc cao thấp khác nhau.

Thí-dụ, nguyệt-cầm (đàn kìm) có 2 giây (giây tiếu và dây chinh), và 8 phím.

TRÀ

Hỏi: 1.—Trung-quốc có phải là nước đầu-tiên khám-phá ra trà không? Tại sao gọi là trà Bạch Mao Hầu, trà Trảm Mã? Trà ngon do sản-xuất hay còn do cách pha?

2.—Xin cho biết qua về cách pha và uống trà Huế.

Ngọc Hà
Saskatchewan

Đáp: 1.—Đúng, người Trung-hoa đã biết dùng trà 28 thế-kỷ trước Tây-lịch, thịnh nhất ở các vùng Tứ-xuyên và Giang-tây ngày nay, mãi đến thế-kỷ 12 mới truyền-bá sang các nước khác tại Á châu, và thế kỷ 16, tại Âu châu.

Gọi là Bạch Mao Hầu trà, vì loại trà này mọc trong các khe đá trên 36 đỉnh cao ngất ở dãy Vũ-di sơn (huyện Sùng-an, Phúc-kiến) hầu như tuyết phủ quanh năm. Loại trà này chịu được lạnh, búp trà săn chắc rất ngon. Con người không đủ sức leo lên các đỉnh núi chênh-vênh hiểm-trở để hái trà, phải nuôi một loài vượn lông trắng (bạch mao hầu), dạy chúng cách hái trà. Các nhà sản-xuất trà cho vượn ngửi khói thuốc phiện thành nghiện để dễ sai-khiến. Vào đầu mùa xuân khi trà ra búp, các bầy khỉ đeo giỏ trà bên hông, hăng hái leo-trèo để hái búp trà, càng hái được nhiều khi về càng được ngửi nhiều khói để thưởng công.

Các búp trà hái trên núi Vũ-di còn phải sao tẩm chế-biến với sen, lài, ngâu, quế theo sở-thích khách hàng.

Gọi là Trảm Mã Trà, vì cách sản-xuất của loại trà Tứ-xuyên. Loại trà này sống nơi ấm-áp dọc theo các triền núi lởm-chởm vùng Ba-thục. Trước khi trà ra búp, các nhà sản-xuất cho ngựa nhịn đói từ hai ngày trước rồi dắt ngựa lên núi, thả ra cho ăn cho no căng bụng. Khi ngựa đã thật no, các mã phu tập-trung cả bầy lại suối Ô-long uống nước. Con suối này chạy quanh chân núi, hàng năm lá trà rụng xuống, mủn nát ra khiến nước suối đặc quánh, đen nhánh màu trà, trông như một con rồng đen khổng-lồ cuộn quanh chân núi, nên được đặt tên là Ô-long (con rồng đen).

Bầy ngựa uống nước ở suối trà xong, các mã-phu lùa ngựa trở về. Họ giữ cho ngựa đi chầm chậm đúng một ngày đường để búp trà trong bụng ngựa bị bóp nát ra, hoà với nước suối, thấm với trấp dịch nhuyễn hơn được con người dùng tay vò nát ra.

Vừa về đến trại, các mã-phu lập tức chém cổ cả bầy ngựa, rạch bụng moi trà ra giao cho thợ trà sao tẩm. Trà ủ trong bao-tử ngựa, vừa nhuyễn nhừ, vừa hòa với nước suối làm giảm độ chát, hòa với trấp dịch trong bao tử ngựa làm tăng dược-tính giúp tiêu-hóa.

Đây là loại trà đặc-biệt, ít chát, mát giọng, giúp tiêu-thực, giá rất đắt, chỉ có hàng vua chúa, quý-tộc và cự phú mới có.

2.—Cách pha trà Huế, lấy lá trà khô bỏ vào om (một loại nồi đất không có quai), đun sôi nhiều dạo, lấy nước cốt để pha với nước mà uống.

Trà Huế uống bằng bát, cốt để giải khát hơn là nhấm-nháp kiểu trà tàu.

điểm sách



100 GIỜ HỌC MICRO-COMPUTER

Sách tự học cách sử-dụng máy vi-tính *(micro-cpomputer)* của Tôn-thất Hiền, ABC xuất-bản tại Toronto, Gia-nã-đại.

Sách bao gồm những khái-niệm tổng-quát về máy vi-tính như nhu-liệu, cương-liệu, dữ-kiện, hệ-thống chuyển-vận và các chương-trình: *Lotus 1,2, 3, dBase III Plus,* và *Word Processing.*

Soạn giả Tôn Thất Hiền nguyên là đạo diễn của đài Truyền Hình VN, tốt nghiệp điện toán tại Gia nã đại, giảng viên huấn luyện điện toán của hãng Pegasus EDP tại Toronto.

Sách dày 458 trang khổ lớn, in đẹp, đóng chắc, hình vẽ và chỉ dẫn rõ ràng, giá 59 mỹ kim (76 gia kim). Liên lạc: *Làng Văn.*

TÌNH NGƯỜI BÊN KIA CHIẾN-TUYẾN

Truyện dài của Đỗ Quốc Anh Thư, Nguyễn Dũng xuất-bản tại San Jose, CA, Hoa-kỳ năm 1992.

Truyện dựa trên bối-cảnh xã-hội Việt-nam thời-kỳ kháng-chiến chống Pháp, giai-đoạn Việt-Minh 1946, đưa ra một bài học lịch-sử của những thanh-niên yêu nước lầm đường, hợp-tác với cộng-sản, dẫn đến hậu-quả thương-tâm trong những "gia-đình cách-mạng" sau ngày kháng-chiến thành-công.

Sách dày 288 trang, giá 8 mỹ-kim, liên lạc: *Làng Văn*

VẦNG TRĂNG LỆ BẠN

Tập truyện ngắn của Hoàng Thị Đáo Tiệp, Mõ Làng xuất-bản tại San Jose, CA, Hoa-kỳ năm 1992.

Sách gồm 14 truyện ngắn xã-hội, dày 224 trang, giá 12 mỹ-kim, liên-lạc: Mõ Làng, 774 Geary St., San Fancisco, CA 94109, USA.

THÀNH-ĐÔ GIÓ BỤI

Tập truyện ngắn của Nguyễn Văn Ba, phụ-bản ảnh của Lê Quang Xuân, tranh của Vũ Thái Hòa, Bình-Minh xuất-bản tại Texas, Hoa-kỳ.

Sách gồm 12 truyện ngắn chơn-chất, hồn-hậu, mang nhiều dấu-tích ruộng-vườn của một nhà văn ra đời và lớn lên tại miền Nam.

Sách dày 248 trang giá 12 mỹ-kim (16 gia-kim). Liên-lạc: Làng Văn.

TUYỂN-TẬP THƠ VĂN CÁC CÂY VIẾT QUỐC-GIA HÀNH-CHÁNH

Đóng-góp của 19 cây bút xuất-thân trường Quốc-gia Hành-chánh, do tập-san *Hoài-Bão Quê-Hương*, Tổng Hội Cựu Sinh-viên Quốc-gia Hành-chánh xuất-bản tại Hoa-kỳ.

Sách gồm 9 truyện ngắn của Đỗ Tiến Đức, Lôi Tam, Đào Văn Bình, Chu Tất Tiến, Tâm Triều, Thu Đình, Xuân Đỗ và Lê Minh Văn; 30 bài thơ của Nguyễn Bá Trạc, Hoàng Liên, Đào Văn Bình, Bửu Thoại, Mây Cao-Nguyên, Lê Ngọc Hồ, Nguyễn Ngọc Liên, Lan Đàm, Nguyễn Văn Mão, Chu Tất Tiến, Lưu Nguyễn; tranh của Dã Châu (Mung).

Giá sách 10 mỹ-kim, liên-lạc: Hoài Bão Quê-Hương, P.O. Box 5851, Springfield, VA 22150, USA.

DỐC KÉ

Truyện ngắn và thơ của Vũ Đình Kh., bạt của Nguyễn Văn Ba, tác-giả xuất-bản tại Vancouver, BC, Gia-nã-đại.

Tác-giả ra đời năm 1959, sinh trưởng tại Khánh-hòa. Lớn lên dưới chế-độ cộng-sản, Vũ-đình Kh. từng là chi-đoàn trưởng đoàn Thanh-niên Cộng-sản Hồ Chí Minh, sau gia-nhập Công-an Biên-phòng, cướp tàu của CS để vượt biên, hiện định-cư tại Vancouver.

Trưởng thành trong chế-độ và nằm trong guồng máy chính-quyền, Vũ-đình Kh. có nhiều cơ hội để tiếp cận và hiểu rõ cơ-sở hạ-tầng của CSVN. Ông đưa ra một so-sánh mới về những người cộng-sản: chúng giống hệt như loài bọ ngựa cái, lúc chưa xong việc thì ỉ-eo, dụ-hoặc đồng loại vào cuộc mây mưa, khi thoả mãn cuồng vọng thì lạnh lùng vươn càng chém chết, xé xác, ăn thịt luôn người bạn đồng hành.

Sách dày 242 trang giá 10 mỹ-kim (12 gia-kim), liên-lạc: Nguyễn Thị Nhất Diệp, #102 830 E., 6th Ave., Vancouver, BC V5T 1M1, Canada.

NIỀM VUI UNG-THƯ

Tập truyện ngắn của Trần Long Hồ, Minh Văn xuất-bản tại Hoa-kỳ.

Trần Long Hồ (Trần Trúc Quang) quê ở Vĩnh-long, hiện hành nghề y-sĩ tại Hoa-kỳ, chủ-tịch Trung-tâm Văn Bút Miền Đông.

Niềm vui ung-thư là ấn-phẩm thứ hai, và là một bước tiến khá quan-trọng của ông.

Sách dày 196 trang giá 10 mỹ-kim (13 gia-kim), liên-lạc: Làng Văn.

CÕI SA-MÙ

Truyện dài của Trần Long Hồ, Minh Văn xuất-bản tại Hoa-kỳ.

Sách dày 456 trang giá 18 mỹ-kim (23.50 gia-kim), liên-lạc: Làng Văn.

NHỮNG NGÀY Ở VIRGINIA

Tập truyện ngắn của Vi Khuê, Đại-Nam xuất-bản tại Hoa-kỳ.

Vi Khuê (Trần Trinh-Thuận), quê ở Thừa-thiên, tác-giả các thi-tập *Giọt Lệ* (1971), *Cát vàng* (1985) và *Tặng phẩm của tình-yêu* (1990) cùng tập truyện *Ngựa hồng trên đồi cỏ* (1986). *Những ngày ở Virginia* là ấn-phẩm thứ năm của bà, gồm 15 truyện ngắn xã-hội, bút-pháp linh-động, văn-cách hồn-nhiên và chân-tình.

Sách dày 272 trang giá 12 mỹ-kim (16 gia-kim), liên-lạc: Làng Văn.

MUA XANH (BLUE RAIN)

Mưa xanh tức *Blue Rain*, tập thơ tình song ngữ Anh-Việt của Minh Viên, Moonlight Garden tái-bản lần thứ nhất tại Hoa-kỳ, 1992 (lần in đầu năm 1988 cũng tại Hoa-kỳ).

Minh Viên (Nguyễn Minh Viên) sinh năm 1940 tại Bắc-ninh, di-cư vào Nam năm 1954 và di-tản sang Hoa-kỳ năm 1975.

Mưa xanh là tập thơ thứ tư trong số 5 tập thơ song ngữ của ông.

Sách dày 160 trang giá 8 mỹ-kim, liên-lạc: Moonlight Garden, 1267 - 15th Ave., San Francisco, CA 94122, USA.

PULAU BIDONG MIỀN ĐẤT LẠ

Truyện dài của Võ Kỳ Điền, tranh bìa của Phi-Lộc, Xuân Thu xuất-bản tại Hoa-kỳ năm 1992.

Võ Kỳ Điền (Võ Tấn Phước) sinh năm 1941 tại Dương-đông, Phú-quốc, lớn lên ở quê ngoại Bình-dương, bắt đầu có sách in từ 1986 *(Kẻ đưa đường*, Viet Pub.—Làng Văn).

Mạch văn Võ Kỳ Điền trôi chảy, tâm-tình hiền-hòa, khung truyện của ông giản dị nhưng có chiều sâu.

Pulau Bidong miền đất lạ nghiêng về tự truyện, nhưng người đọc có thể nhìn thấy một phần cuộc đời của chính mình trong đó.

Sách dày 420 trang in đẹp, liên-lạc: Võ Tấn Phước, 834 Place de Chaumont, Laval, PQ H7N 5V8. Canada.

làm giàu tiếng việt

LÀM GIÀU TIẾNG VIỆT

Mục này được mở ra với mục-đích tạo thêm, hoặc nhắc lại, một số ngữ-vựng mới mà tiếng Việt chưa có, hoặc đã có những chưa thông-dụng đối với các bạn trẻ, nhất là ngữ-vựng chuyên-môn.

Phần lớn ngữ-vựng đưa ra trong mục này đều có tính-cách đề-nghị, dùng để dịch một số ngữ-vựng ngoại-quốc.

Mỗi ngữ-vựng mới kèm chú-thích bằng Anh, Pháp hoặc ngoại-văn khác để dễ phân-biệt.

Trong trường-hợp có nhiều cách dịch khác nhau, tòa-soạn sẽ đăng hết, đúc-kết các ý-kiến và đề-nghị chọn lấy một để dùng trên báo. (Lưu-ý: có nhiều chữ không nhất-thiết phải dùng tới, nhưng nên biết).

Các ngữ-vựng mới này sẽ được xếp lại theo thứ-tự mẫu-tự, sơ-kết mỗi năm một lần, và sẽ in thành "sổ tay ngữ-vựng mới".

Mong được sự tham-gia đông-đảo của quí vị và các bạn.

HIỆU CHỈNH:

Trong mục này, *Làng Văn* số 92, trang 10 có một chữ sai, xin quí độc-giả vui lòng sửa lại:

BỒ-ĐÀO-NHA: Nước *Portugal* (chữ đúng), thay vì *Espagnol* (sai). *Espagnol*, tiếng Pháp, có nghĩa là thuộc về nước Tây-ban-nha, người Tây-ban-nha, tiếng Tây-ban-nha).

PHẦN LAN: Nước Findland (*Làng Văn* số 92, trang 11, cột 1, chữ *Finland* in thiếu chữ *d*).

Ngoài ra, xin bổ-túc các chữ sau:

ĐÀI-BẮC: Taipei, thủ-đô của Đài-loan.

HÀN-QUỐC (CAO-LY): Korea, xin thêm vào một tên nữa là Triều tiên, gồm North Korea (Bắc Hàn) và South Korea (Nam-Hàn hay Đại-Hàn).

BÌNH-NHƯỠNG: Pyongyang, thủ-đô Bắc-Hàn.

HÁN THÀNH: Seoul, thủ đô Nam Hàn (Đại Hàn).

VẠN-TUỢNG: Vientiane, thủ đô Lào quốc.

Các chữ đề nghị kỳ này:

AMPLIFIER: máy phóng-thanh, máy khuếch-đại âm-thanh.

SHOCK: sự tổn-thương, sửng-sốt, sự va-chạm, đột biến, sự khích-động.

MONOCHROME: bức họa (hay màn ảnh máy vi-tính) một màu.

IOU (I owe you): giấy nợ.

INITIAL: ký tên tắt.

X RAY: quang tuyến X, tia X.

OUST: đuổi ra, trục-xuất, hất cẳng, tước bỏ.

TRUNK (xe): hòm xe, thùng xe.

đối

Về đối kỳ trước:

— *Thế Lữ mừng xuân hai thứ lễ, một quả lê tây một quả lê ta.*

Bạn Ngọc Duy ở N.C. (Hoa-kỳ) đối:

— *Tố Nga đãi khách bốn tá ngô, hai chục bắp nướng, hai chục bắp luộc.*

Câu này vui, nhưng chưa chỉnh về dụng ý chơi chữ *lê ta*, tức *lê ngã* (lễ).

Bạn Nguyễn Văn Ngọc (CT) đối:

— *Dân ngu trị nước bằng ngu dân, nuôi triệu tay sai, xây vạn nhà tù.*

Câu này nói lên thực-trạng Việt-nam, nhưng không theo sát lối chơi chữ của Thế Lữ.

Ngoài ra, còn có sự đóng góp của một số quí vị khác (ở Kingston và PA), nhưng không "đạt", xin miễn phổ-biến.

Câu *đố của ông Đại Ngu (Ottawa):*

— *Càng già càng dẻo càng dai, giai ai hơn lão.*

Một độc giả ở Ottawa đã đối lại, nhưng không chỉnh, xin miễn đăng. Xin cảm ơn quí vị.

diễn đàn



TỪ HOÀ HỢP HOÀ GIẢI TỚI PHONG TRÀO DÂN CHỦ ĐA NGUYÊN

Đặt bút viết bài này, tôi rất đắn đo sau cả hơn một tuần suy nghĩ. Sở dĩ tôi dè dặt vì vấn đề chúng tôi nêu ra sau đây có thể đưa đến sự hoang mang, tạo thêm chia rẽ và nhất là làm mất đi niềm tin của giới trẻ vào công cuộc tranh đấu giải phóng quê hương khỏi ách cộng sản. Thế nhưng sau khi tham khảo ý kiến của một số nhân vật sống lâu năm ở Pháp, những người biết rất rõ về cá nhân và việc làm của nhóm này, cũng như đối chiếu các tài liệu thu thập được; chúng tôi mạnh dạn vạch trần trước dư luận đồng bào Việt hải ngoại về trò lừa bịp của một đám trí thức, cánh tay nối dài của bạo quyền Cộng sản tại hải ngoại.

Kể từ khi nguyệt sang mang tên TL ra số đầu tiên vào tháng 1.1988, đây được coi là cơ quan ngôn luận của nhóm. Xuyên qua những bài viết, gồm tham luận, biên khảo, tin tức, thời sự và các bài phóng sự về các buổi họp hành của họ, ta nhận thấy nhóm này rất ba hoa, nhận định nông cạn và thiếu chính xác. Để chứng minh, chúng tôi xin trích dẫn:

Trong bài "vấn đề trong tháng" tức bài nhận định ký tên TL đăng nơi trang 1 số 42, tháng 10.91 về vấn đề bang giao giữa CSVN và Trung quốc, họ viết: *"...sẽ không thể có tình hữu nghị Việt Trung. Bắc Kinh và Hà Nội đã lâm chiến với nhau, đã mạt sát nhau đủ điều thậm tệ trong nhiều năm. Bát nước đã đổ xuống đất làm sao hốt lại được? ... Chúng ta không có gì sợ thế liên minh Bắc Kinh Hà Nội. Liên minh đó chắc chắn sẽ không có, và nếu có cũng không cứu được Hà Nội".*

Cho tới nay, xuyên qua tin tức báo chí đăng tải, mối quan hệ giữa CSVN và Trung quốc thế nào thì chúng ta đã rõ. Các cuộc họp thượng đỉnh Việt Trung, các hiệp ước và thương ước được ký kết, biên giới giữa hai nước được bỏ ngỏ, dân chúng qua lại không cần xin giấy tờ gì cả. Là những người tự nhận trí thức, hiểu mọi vấn đề nhưng trong chính trị, nhóm TL đã không hiểu: chẳng có kẻ thù truyền kiếp và cũng không có bạn muôn đời.

Cũng trong số TL trên, ở phần tin tức, N.G.K., linh hồn của nhóm này, đã nhận định trên đài R.F.I vào ngày 1.9.91: *"...Phong trào CS đã chết hẳn và chủ nghĩa CS cũng chết hẳn... Không ai còn có quyền nghi ngờ gì về điểm này nữa... Nhận định thứ hai, các lực lượng CS bảo thủ không đáng ngại như người ta tưởng. Những thành phần CS thủ cựu là một chủng loại đã tới cuối tiến trình đào thải và không thể có phản ứng đáng kể nào... Về giải pháp Kampuchea, Kampuchea sẽ là một chế độ kiểu phương Tây..."*

Đọc qua các nhận định trên, chúng ta thấy N.G.K. đã ăn ốc nói mò. Cho tới nay, điều chúng ta thấy là tuy một số chính quyền CS Đông Âu đã bị lật đổ, nhưng đảng CS vẫn còn, và đang cố tìm cách nối dậy. Những cuộc biểu tình có cả trăm ngàn người tham dự trương cờ búa liềm, hình Lénin, Stalin trên đường phố Mạc Tư Khoa; cũng như các đảng viên CS quấy phá tại Ba Lan, đang làm chính quyền Walesa chới với. Đám tướng lãnh CS ở Nam Tư, nhân danh quân đội liên bang, đang tạo nội chiến đẫm máu ở xứ này. Phong trào CS ở đây đã ngoi dậy và vẫn là một đe dọa cho hoà bình ở vùng bán đảo Balkan. Gần đây, với tình trạng kinh tế suy sụp nhanh lẹ ở các xứ trong cựu liên bang Sô Viết, người ta đang lo ngại rằng, các chính quyền dân chủ sẽ có thể bị nhân dân các xứ này chối từ. Đói, lạnh và sự bất ổn đã trở thành một vấn đề được đem ra cân nhắc với tự do dân chủ.

Cho tới nay, tại các nước Đông Âu và Liên Sô, các lực lượng CS bảo thủ vẫn là một đe dọa đáng ngại cho các chính quyền dân cử non trẻ ở các xứ này. Liệu Walesa của Ba Lan, Havel của Tiệp Khắc... có lèo lái nổi con thuyền quốc gia qua cơn sóng gió không? Mặt khác, nhiều dân biểu trong quốc hội Ba Lan cũng đã lên tiếng báo động: "Đảng CS như một tổ chức Mafia. Chúng giết người, ăn cướp, phản quốc... hầu hết dân Ba Lan đều biết. Nếu không trừ khử chúng, một cuộc cách mạng thứ hai sẽ xảy ra, và chắc chắn sẽ có nhiều máu đổ thịt rơi..." Ở khắp các nước Đông Âu, những khẩu hiệu kêu gọi: "Hãy coi chừng những tên Đỏ dưới gầm giường chúng ta" được treo nhan nhản.

Qua những lời tuyên bố hoặc cảnh giác trên, cũng như cảnh quấy phá khắp Đông Âu của cán bộ CS, chúng ta thấy rằng các lực lượng CS bảo thủ vẫn là mối bận tâm lớn, chứ không đơn giản như N.G.K nhận định. Tuy nhiên theo thiển ý, N.G.K. không đến nỗi quá nông cạn như vậy. Ông ta có chủ ý, muốn gây cho phe quốc gia chống cộng một sự lạc quan hão, rằng: giờ làm gì còn CS nữa mà chống, hãy hoà hợp hoà giải với nhau đi.

Về vấn đề Kampuchea, N.G.K cũng đưa ra những nhận định thiếu cơ sở. Như chúng ta biết, dù hiệp định Paris 23.10.91 được ký kết về

vấn đề tái hồi hoà bình ở Miên, nhưng thực tế cho thấy còn rất nhiều khó khăn trong việc thi hành nó. Trung quốc vẫn yểm trợ vũ khí cho phe Khmer Đỏ. CSVN bị ép buộc phải chấp nhận giải pháp hoà bình trên nên ngấm ngầm tìm mọi cách gây rối. Từ vụ đánh Khieu Samphan ở Nam Vang tới những hành động ve vãn kéo Sihanouk về phe Hunsen, cố tình tạo bất ổn trong vai trò của thượng hội đồng tối cao mà hiện thời Sihanouk làm chủ tịch. Ngoài ra, CSVN cùng chính phủ bù nhìn Nam Vang cố tạo những bất ổn chính trị để trì hoãn cuộc tổng tuyển cử. Mặt khác, muốn tạo ổn định ở Miên, Liên Hiệp Quốc phải đổ vào nước này một số tiền khổng lồ, ước tính vào khoảng trên 10 tỉ Mỹ kim. Số tiền này, trên nguyên tắc, phần lớn do Mỹ và Nhật trang trải. Thế nhưng mới đây, khi Liên Hiệp Quốc tính gởi 20.000 lính mũ xanh tới Miên, chi phí mất khoảng 1 tỉ 9 Mỹ kim, quốc hội Mỹ đã lên tiếng ngăn cản chính quyền Bush thực hiện lời hứa trả 30% tổn phí. Lý do: ngân sách Mỹ đang thâm thủng quá nhiều và tình trạng suy thoái của kinh tế Mỹ. Còn phía Nhật, kinh tế họ đang bắt đầu một thời kỳ khủng hoảng, do đó cũng khó thể bao hết được. Những dấu hiệu đó cho thấy vấn đề hoà bình ở Miên còn rất nhiều trắc trở. Dù có cuộc bầu cử do quốc tế kiểm soát, chắc chắn quyền tự do đầu phiếu cũng khó có được với người dân Miên, vì họ đã từng là nạn nhân của bạo lực, sự khủng bố luôn luôn ám ảnh họ. Nhìn sâu hơn một chút, nếu có một chính phủ đại diện chính thức cho dân Kampuchea sau cuộc tổng tuyển cử, sự xung độc chủng tộc Miên, Việt chắc chắn khó tránh khỏi. Như thế, vấn đề hoà bình ở Kampuchea chẳng thể trong sáng như N.G.K. đã viết trong TL tháng 11.91: *"Chúng ta mừng cho dân tộc Kampuchea và chúc họ đoạn tuyệt vĩnh viễn với lịch sử đẫm máu của họ..."*

Về vấn đề Trung Đông, trong bài nhận định đăng ở trang 1 số 44 tháng 12.91 dưới tựa đề "Hội nghị Madrid mở đầu tiến trình hoà bình tại Cận Đông", có đoạn: *"...Điều chắc chắn là 'tinh thần Madrid' sẽ tiếp tục. Hoà bình tuy chưa đạt tới nhưng viễn ảnh chiến tranh đã bị đẩy xa. Và người ta đã có thể bắt đầu làm một tổng kết tạm thời của cuộc xung đột Cận Đông..."*

Nếu chịu khó để mắt theo dõi các xung đột ở Trung Đông, cũng như tìm hiểu sự hình thành của các quốc gia thuộc vùng này và tôn giáo của họ, thì chắc chắn chẳng ai ngây thơ viết ra những nhận định nông cạn trên.

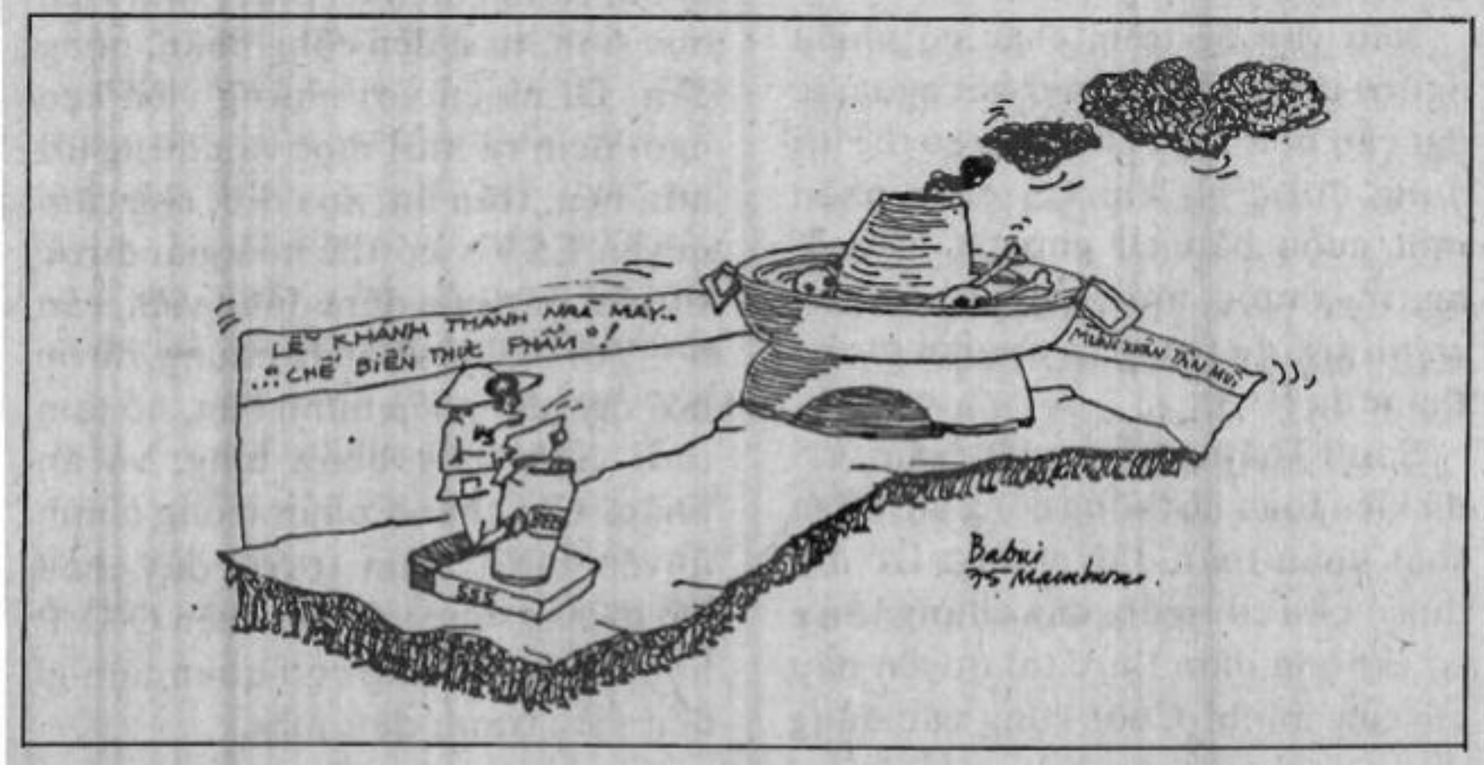
Thực sự, vấn đề Trung Đông rất phức tạp. Mối thù truyền kiếp giữa dân Do Thái và khối Ả Rập láng giềng đã tích tụ từ nhiều thập kỷ. Vùng đất Tây ngạn, giải Gaza, mà Do Thái chiếm được sau trận chiến 7 ngày năm 1967 nay đã trở thành vùng đất chiến lược tối quan trọng cho sự sống còn của Do Thái. Hơn nữa, trong mấy năm qua, Do Thái đã bỏ hàng chục tỉ đô-la để mở mang, phát triển và nó đã trở thành vùng đất hứa cho dân Nga và Ethiopie gốc Do Thái về an cư lạc nghiệp. Nay dễ gì Do Thái chịu bỏ vùng này để chỉ đổi lấy vài tờ văn kiện làm vừa lòng Mỹ và chứng tỏ thiện chí hoà giải? Khi hội nghị Madrid diễn ra, hầu hết giới bình luận chính trị thế giới và báo chí đều tin rằng hội nghị sẽ chẳng đi tới đâu cả. Chỉ có các "chiến lược gia" của nhóm TL là đưa ra những nhận định lạc quan tếu kiểu trên.

Trong tờ TL gần nhất, số 47 tháng 3.92, bài nhận định "Những nền dân chủ non trẻ gặp khó khăn tại nhiều nơi", có đoạn: *"Liên sô và phần lớn các nước Đông Âu là những quốc gia lục địa không có cửa mở ra biển, khí hậu lại rất khắc nghiệt nên từ ngàn xưa sự giao lưu vốn đã rất giới hạn. Các dân tộc này đã được địa lý thiên nhiên nhào nặn để trở thành những dân tộc quen sống cô đơn, không có truyền thống kinh doanh, buôn bán..."*

Chúng tôi xin các nhà "trí thức" TL từng vỗ ngực khoe khoang trình độ nên mở lại bản đồ thế giới ra xem. Ở Đông Âu chỉ có hai nước Hung gia lợi và Tiệp Khắc là không có cửa ra biển. Các nước Ba Lan, Bulgari, Albani, Đông Đức cũ, Nam Tư đều có cửa ra Bắc hải, Hắc hải và Địa trung hải. Riêng Liên sô có cả vùng biển Bắc và vùng biển Nhật Bản.

Qua các phần trích dẫn những bài nhận định về thời sự và tình hình chính trị thế giới kể trên, hẳn bạn đọc đã thấy rõ trình độ và kiến thức của các nhà "đại trí thức" thuộc nhóm TL. Vấn đề chúng tôi thắc mắc là, tại sao vẫn có một số cá nhân và đoàn thể hùa theo nhóm này? Họ có biết là N.G.K đã lăng mạ họ thế nào không?

Xin đọc: *"...Một con chó muốn chụp bắt một đối tượng (một đồ chơi chẳng hạn), chó nhắm thẳng đối tượng và phóng tới. Nhưng đối tượng không đứng yên một chỗ mà*



chuyển động trên một quỹ đạo cho nên chó vừa khởi hành, đối tượng đã đổi vị trí và chó lại phải đổi hướng chạy. Cứ như thế chó vừa chạy vừa phải thích nghi hướng chạy của mình theo vị trí mới của đối tượng... Chống cộng đã chỉ là một chính sách giai đoạn của các cường quốc phương Tây. Nó chưa bao giờ là một lý tưởng. Nhưng nhiều người VN đã lấy nó làm lý tưởng để rồi phải chật vật với những thay đổi chính sách của quan thầy và bị dìu dắt từ thất vọng này đến thất vọng khác. Chống hiệp định Genève rồi sau đó lại phải tôn trọng hiệp định Genève mà không được. Chống hiệp định Paris rồi cũng phải ký, rồi lại cố đòi tôn trọng hiệp định Paris mà cũng không được. Dàn cảnh kháng chiến võ trang, ồn ào kêu gọi lập chiến khu để rồi phải biện bạch lúc đó vì... nhưng ngày nay vì....." ("Quĩ đạo của chó", TL số 44 tháng 12.91).

Sau khi miệt thị người chống cộng là chó, NGK còn lên giọng dạy đời: *"...Tiên liệu là yếu tố cốt lõi của chính trị..."* Và khả năng tiên liệu, phán đoán chính trị của NGK ra sao thì qua các đoạn trích dẫn trên, bạn đọc hẳn đã thấy, chúng tôi xin miễn phê bình!

Nhân đây, chúng tôi cũng xin góp ý về hành động thiếu suy xét của một số cá nhân, đoàn thể, tổ chức trong việc giao tiếp với nhóm TL. Chúng tôi có thể đoan quyết với quý vị rằng: quý vị sẽ chỉ là những viên gạch lót đường để nhóm TL hoàn tất sứ mạng đối lập cuội do CSVN vạch ra. Một ngày không xa, nhóm TL sẽ được CSVN đẩy ra đóng vai đối lập màu mè, các thành viên của nhóm này sẽ là dân biểu trong quốc hội cùng với những khuôn mặt "phản kháng" như Bùi Tín, Dương Thu Hương, Nguyễn Khắc Viện, Dương Minh Chính, Phan Đình Diệu...

Để độc tôn nắm giữ quyền lực, CSVN theo đuổi một sách lược rõ ràng mà nhóm TL đang thực hiện: Tạo nên sự có mặt với bất cứ giá nào. Sự có mặt ấy càng bị phản đối bao nhiêu càng lợi cho chúng bấy nhiêu. Khi tung ra giải pháp hoà hợp hoà giải, nhóm TL đã gây nên những cuộc tranh cãi ồn ào ở hải ngoại. Người chê, kẻ khen, nhóm TL đã tạo được dư luận. Nếu dư luận ủng hộ thì họ nắm chắc thành công. Nếu dư luận chống đối thì họ chỉ cần mềm dẻo, làm vài cử chỉ có vẻ nhượng bộ là, theo họ, sẽ hoá giải dần được áp lực này. Khởi đầu, nhóm TL tung ra giải pháp hoà giải hoà hợp và bị dư luận lên án gắt gao. Để giải toả bớt áp lực chống đối, họ tung ra phong trào dân chủ đa nguyên. Đòi hỏi này, xét về lý thuyết, là mục tiêu mà bất cứ tổ chức tranh đấu nào cũng coi là quan trọng hàng đầu. Thấy có vẻ thuận lợi, nhóm TL bồi thêm trò "xuống đường" tại Ba Đình, bến Bạch Đằng, Phú Văn Lâu... Nếu dân chúng tham dự đông đảo, họ đạt được mục đích. Nếu không ai ủng hộ, CS sẽ cho tổ chức biểu tình giả để hải ngoại đoàn TL lấy đó làm "chiến tích" lừa bịp tiếp. Chung cuộc, các thành viên của nhóm này sẽ được CSVN gọi về đóng vai đối lập cuội. Một cuộc bầu cử sẽ diễn ra, dĩ nhiên sẽ có vài ghế trả công cho đám hoạt đầu này. Đảng CS vẫn nắm quyền sinh sát, nhưng bộ mặt hung ác đã được ngụy trang với vài đoàn thể, đảng phái "đối lập". Lúc đó bộ máy tuyên truyền CS sẽ hoạt động mạnh, những từ ngữ hoà hợp hoà giải, dân chủ đa nguyên, chính phủ hỗn hợp,..v.v. sẽ được trưng dẫn hẳn hoi. Nhóm gia nô mới ra đời.

Nêu vấn đề trên, chắc có nhiều người trong chúng ta ở hải ngoại sẽ đặt câu hỏi: Liệu chúng ta có thể lợi dụng được gì, khi CS chấp nhận một cuộc bầu cử cho tất cả mọi người thuộc mọi khuynh hướng chính trị, dù trong hay ngoài nước, tham dự?

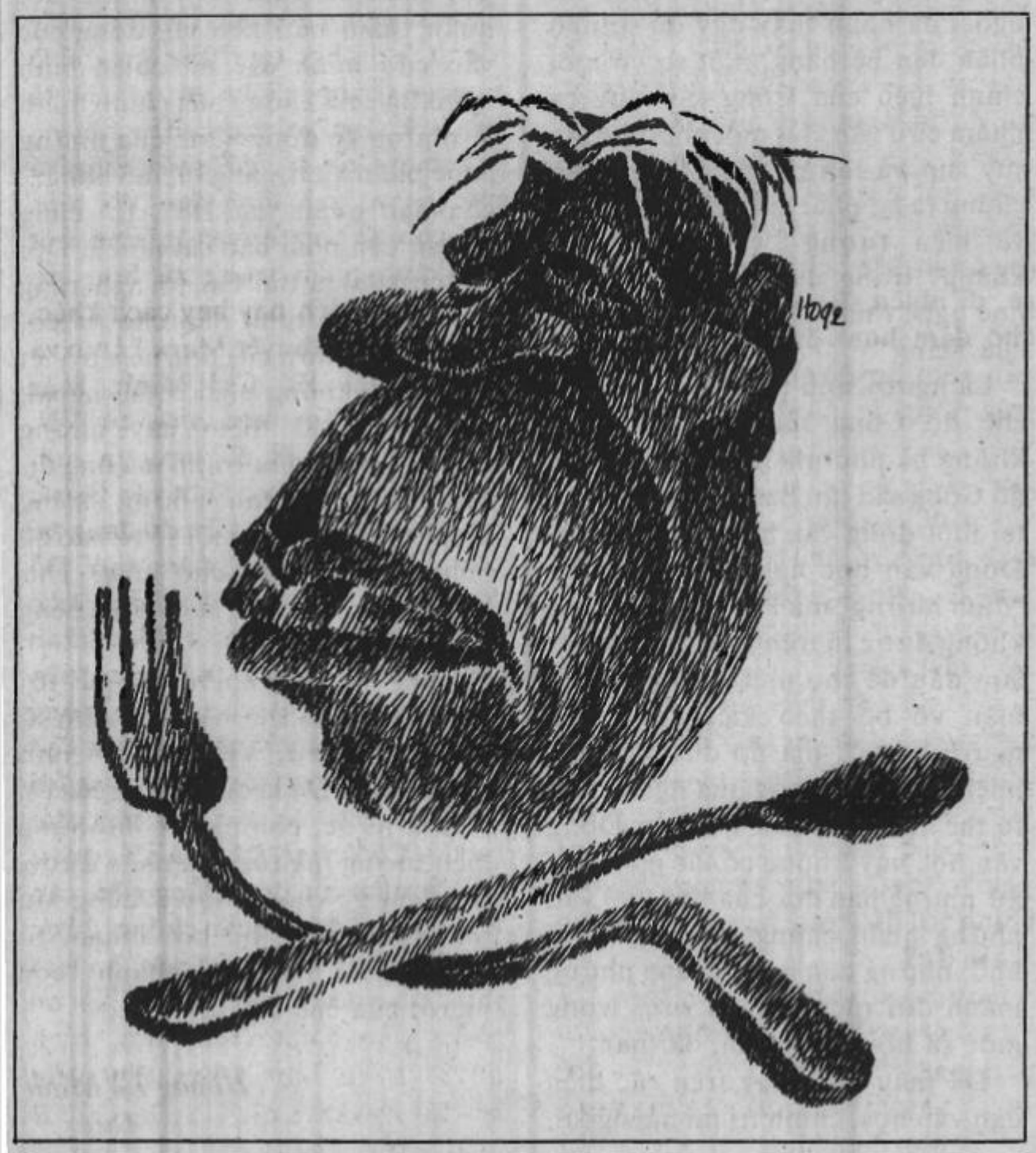
Sau 17 năm chiếm miền Nam, CS đã kiện toàn hệ thống công an, kiểm soát hoàn toàn dân chúng. Do đó, dù có bầu cử tự do, dân chúng vẫn e sợ, không dám thực thi quyền bầu cử của mình. Cuối cùng các đảng viên CS sẽ toàn thắng, hợp thức hoá chế độ.

Thế tại sao chúng ta không rút tỉa bài học từ các nước Đông Âu? Xin thưa: Tại các nước Đông Âu, các phong trào tranh đấu cho tự do dân chủ đã có thế đứng ngay từ xứ họ. Còn phe quốc gia chống cộng chúng ta tại quốc nội, cho tới nay chưa có gì cả; hoặc nếu có thì cũng còn trong vòng bí mật, chưa có thực lực đáng kể để dân chúng tin tưởng.

Một số người tại hải ngoại tin rằng, chính những người CS sẽ giết đảng CS như tại các nước Đông Âu và Liên Xô. Họ quên rằng tại Việt Nam, vấn đề có những khác biệt. Xuyên qua các kiến nghị, tâm thư.. của những đảng viên cao cấp như Nguyễn Khắc Viện, Hoàng Minh Chính, Bùi Tín,.v.v. và qua báo chí, ấn loát phẩm của các cán bộ, đảng viên CS du học tại Đông Âu vốn là những thành phần được coi là "phản kháng", chúng ta đều thấy họ chỉ muốn cải tổ, đổi mới đảng và mong ước giới lãnh đạo VN hiện nay chia sẻ chút quyền lợi cho một số thành phần trong xã hội. Họ vẫn, bằng cách này hay cách khác, tán dương lý thuyết Marx Lénin và "tư tưởng" Hồ Chí Minh. Mặc khác, theo tin mới nhất từ VN, chính quyền CS đã tung ra một chiến dịch mới, ve vuốt các thành phần cán bộ, đảng viên dù đang tại chức hay đã về hưu; đồng thời Đỗ Mười, Võ Văn Kiệt mở hàng loạt các cuộc gặp gỡ, tiếp xúc mọi thành phần, từ đại diện trí thức, sinh viên học sinh, tu sĩ đến công nhân, nông dân. Dĩ nhiên với những viên kẹo ngọt đem ra mời mọc và những lời hứa hẹn, trấn an, xoa dịu, nhà cầm quyền CSVN có thể hoá giải được sự bất mãn của đám đảng viên, cán bộ. Với đại đa số quần chúng, được nới tay cho phép buôn bán, họ tạm thời cảm thấy bằng lòng, và an phận. Các thành phần trong chính quyền miền Nam trước đây, hầu hết đã hay sắp ra đi theo diện O.D.P hoặc H.O., không còn quan tâm gì đến việc tranh đấu nữa.

Nhìn vào thực tế vấn đề, tuy phe tranh đấu chúng ta gặp thật nhiều khó khăn, nhưng chế độ CSVN cũng không phải là con quái vật bất khả xâm phạm. Thực sự nó đang dẫy chết.

Sau khi Liên Sô từ bỏ chủ nghĩa CS, CSVN bị hụt hẫng, vội vàng chấp nhận mọi điều kiện để chạy lại bám chân Trung quốc hầu mong kéo dài thêm sự tồn tại của chế độ. Nhưng theo tin tức mới nhất, Đặng Tiểu Bình gần đây đã tuyên bố, Trung quốc sẽ trở lại với cộng đồng quốc tế và sẽ xa lìa dần con đường CS. Để tự cứu, Hà Nội liền xoay chiều, mang nhiều nguồn tài nguyên quốc gia như dầu hoả, gỗ quí, hải sản ra làm quà để xin quan hệ với các nước không CS quanh vùng. Mặt khác, khi bản dự thảo hiến pháp mới được thông qua, một quốc hội mới dự trù sẽ được bầu vào mùa thu 1992 này. Nhân vật thứ hai trong bộ Chính trị là tướng Lê Đức Anh sẽ được đẩy ra nắm chức tổng thống, một chính quyền do quân đội điều khiển kiểu Ba Lan trước đây với tướng Jaruzelski. Theo báo chí quốc tế, danh từ "tổng thống" đã được nhiều đảng viên cao cấp đồng ý và tướng Lê Đức Anh cũng đã chuẩn bị để đảm nhận vai trò này. Ngoài ra, Vũ Oanh, người đứng hàng thứ sáu trong bộ Chính trị cũng được sửa soạn để nắm chức chủ tịch quốc hội mới (tin *Far Eastern Economic Review* 26.3.92). Song song với sự chuẩn bị thay đổi trên hình thức cơ chế lãnh đạo nhà nước, chính quyền CSVN đã ráo riết cho ra đời các tổ chức chính trị cả trong và ngoài nước, bao gồm nhiều cá nhân, đoàn thể mang danh nghĩa đấu tranh cho tự do dân chủ, đa nguyên đa đảng, v.v..



Ngoài những toan tính lừa bịp trên, đám lãnh tụ, đảng viên cao cấp CSVN còn chuẩn bị cả việc tẩu tán tài sản cho đảng cũng như cho cá nhân. Thời gian gần đây, nhiều cán bộ CS hoạt động ở hải ngoại, nhất là Pháp, đã mua, tậu rất nhiều bất động sản gồm nhà cửa, hãng xưởng... Đám cò mồi chính trị ở Paris đã được trả công rất hậu cho các dịch vụ sang, mua này.

Trước những dấu hiệu dẫy chết của bạo quyền CSVN, chúng ta cần phải làm gì?

Trước hết, chúng ta cần phải luôn luôn sáng suốt, can đảm và cương quyết vạch mặt những cá nhân, tổ chức gia nô mới của bạo quyền CS cả trong và ngoài nước, giúp nhân dân nhận diện chúng, không để chúng lừa bịp.

Các đảng phái, đoàn thể quốc gia chân chính có quá trình tranh đấu cần phải gấp rút thanh lọc và đoàn ngũ hoá để kiện toàn lực lượng, sẵn sàng giành lấy thời cơ. Các tôn giáo phải nhanh lẹ đoàn ngũ hoá để chuẩn bị cho mặt trận đấu tranh chính trị trong những ngày tới. Tôn giáo sẽ nắm vai chủ chốt trong việc lật đổ bạo quyền.

Tại hải ngoại, các đoàn thể, tổ chức phải tiếp tục vận động các nước tự do, nhất là Mỹ, áp lực bắt CSVN phải trao trả mọi quyền tự do căn bản cho dân Việt, trước khi có những quan hệ buôn bán, viện trợ...

Thành lập mô thức chính phủ dân chủ do quốc tế giám sát.

Chỉ với tiến trình tranh đấu như trên, chúng ta mới có thể đưa dân tộc Việt đạt được chế độ dân chủ thực sự, do dân, vì dân và bởi dân. Giờ lịch sử sắp điểm, đây là lúc người dân cần phải sáng suốt và dứt khoát hơn bao giờ hết, không để những tên gia nô mới của bạo quyền múa may, kéo dài thêm sự thương đau của dân tộc Việt.

Vũ Ngọc Long
Đức

THU ĐÔNG ĐỨC

Tôi đã nhận được một số báo chí do các anh, chị gửi tặng. Tôi vô cùng cảm động và cám ơn sự quan tâm của các anh, chị. (...) Đọc *Làng Văn* tôi hiểu và khám phá ra nhiều điều mới lạ mà thế hệ chúng tôi chưa bao giờ biết được nếu cứ sống trong một xã hội bị Cộng sản đày đọa, bưng bít.

Tôi sinh ra tại miền Bắc Xã hội Chủ nghĩa. Tuổi thơ của chúng tôi cũng như hàng triệu người dân miền Bắc bị đày ải bởi bom đạn chiến tranh, bởi tuyên truyền Cộng sản. Không nơi đâu trên trái đất này mà sự giáo dục chủ nghĩa Cộng sản lại "nặng nợ" như ở đất nước chúng tôi: "Yêu nước là yêu Xã hội Chủ nghĩa". Những cái gì tốt đẹp đều thuộc về Bác, về Đảng. Không ai trong chúng tôi khi chưa thoát khỏi vòng tay mẹ mà không phải học thuộc lòng câu hát: *"Có sách mới áo hoa ấy là nhờ ơn Đảng ta, vui tung tăng vang ca, có Đảng cuộc đời nở hoa"*. Tự do của chúng tôi là tự do ca ngợi Bác, Đảng. Thế hệ chúng tôi được Bác và Đảng ưu ái gọi là những mầm non, những mầm non suy dinh dưỡng bị đẩy vào cuộc chiến tranh "giải phóng" miền Nam như những con thiêu thân để sớm chết yểu thành mầm non nghĩa địa. Số sống sót hoặc tàn phế suốt đời hoặc lụi tàn trong nghèo đói, cơ cực, không tương lai của "thiên đường" Cộng sản.

Chiến tranh đã kết thúc được gần 20 năm, hoà bình không mang lại những điều mọi người trông đợi. Một thứ hoà bình kiểu Mác-xít, hoà bình của đói nghèo, thù hận; hoà bình của hàng triệu người dân phải bỏ nước ra đi bằng những con thuyền ọp ẹp trên biển cả, của đạo quân thất nghiệp đông đảo phải cắm mặt làm thuê dưới con mắt ghẻ lạnh, kỳ thị của người dân bản xứ. Hoà bình của những ông "quan cách mạng", những kẻ "đày tớ" hết lòng phụng sự cho một chủ nghĩa ngoại lai phi nhân bản mà quyền con người được đánh giá từ ý thức "trung với Đảng".

Tôi được đọc báo *Làng Văn* từ tháng 6.90 do một người bạn gửi tặng. Lần đầu tiên trong đời tiếp xúc với báo chí hải ngoại, bản thân tôi không khỏi bồi hồi đến lo sợ. Ở Việt Nam, những sách báo như thế này mơ cũng không có và có thì cũng không dám đọc bởi một lẽ giản đơn là chúng tôi đã phải sống trong một xã hội mà "bạo lực xã hội chủ nghĩa" ngay lập tức sẽ giáng xuống đầu bất kỳ ai một khi nhà nước đã chụp cho cái mũ "phản động"! Tự do và tính ưu việt của Chủ nghĩa Xã hội là như vậy đó. Sự giả dối, lọc lừa là đặc trưng của "đạo đức xã hội chủ nghĩa".

Có lẽ cho đến hôm nay, từ những người dân bình thường nhất ở Việt Nam cho đến những kẻ thường cổ xuý cho cái gọi là "đổi mới" của đảng Cộng sản Việt Nam tại hải ngoại đã nhận thấy đầy đủ sự ngộ nhận đến bẽ bàng, một sự cò mồi chính hiệu của Cộng sản đưa ra nhằm cứu vãn cho một chế độ đang suy sụp và tan rã. Vậy thì tại sao chúng ta lại phải mất thì giờ bàn cãi về hiện tượng "văn học phản kháng" trong nước một khi "văn học nghệ thuật là công cụ Đổi Mới của Đảng"?

Là người sinh ra và lớn lên dưới chế độ Cộng sản, bản thân tôi không hề phủ nhận rằng dưới chế độ Cộng sản tàn bạo, luôn luôn tồn tại một dòng văn học phản kháng. Dòng văn học này nằm ngoài sự "định hướng" mà Đảng vạch ra. Nó không được in trên báo chí sách vở làm đầu đề cho những cuộc tranh luận vô bổ theo kiểu "kẻ tung, người hứng", mà nó được truyền miệng từ người này qua người kia, từ thế hệ này đến thế hệ khác. Dòng văn học này không có tác giả, xuất xứ nhưng bạn đọc của nó là vô vàn những quần chúng cần lao, khốn khổ, những con người cùng những mảnh đời rách nát, rũ rượi trong một xã hội nghèo đói, dã man.

Đã mấy năm nay trên các diễn đàn văn học, chính trị tại hải ngoại, người ta làm ồn ào về hiện tượng Dương Thu Hương, Nguyễn Huy Thiệp, Bùi Tín... Khen có, chê có. Theo tôi, đó cũng là một hiện tượng bình thường trong một xã hội dân chủ. Sự thực là đối với những tác giả này, người trong nước ít quan tâm. Nếu cho rằng tiếng nói của họ có tác dụng thức tỉnh hàng triệu con người thì theo tôi, nó đồng nghĩa với việc coi thường sự suy nghĩ của người dân trong nước. Những điều họ nói và viết không có gì mới lạ, một cách âm thầm ai cũng hiểu. Tôi chưa đi đến kết luận họ có phải là thứ cò mồi của Cộng sản hay không, nhưng nếu một Nguyễn Huy Thiệp xem "văn chương của những người Việt di cư là không đáng chú ý", hay một Dương Thu Hương "quả cảm" và "dấn thân" đến như vậy mà mới chỉ biết đến con vi trùng lậu Đại Hàn, đến chất độc màu da cam hay những đội quân thám báo xẻo vú, đóng cọc vào cửa mình các nữ chiến binh miền Bắc mà không biết chính mình là những kẻ đồng hành của những cuộc pháo kích, cắt gân, mổ bụng... của đạo quân "cụ Hồ", thì cũng không cần phải bàn cãi nhiều. Đối với cựu đại tá Bùi Tín, tôi nghĩ rằng môi trường tranh đấu cho tự do, dân chủ tốt hơn của ông ta là ở Việt Nam chứ không phải ở hải ngoại. Kiến nghị 12 điểm hay những chương trình đấu tranh mà ông dự tính sẽ trở thành những "tiếng bom" thực sự như một số tờ báo đã nhanh nhảu đặt cho ông, chứ không phải nó chỉ là những tiếng pháo xịt.

Kính thưa toà soạn! Tôi gửi tới các anh, chị lá thư này như tâm sự của một người Việt nói với một người Việt. Đó là quan điểm của tôi về đất nước, con người và những hiện tượng mà tôi cảm nhận được. Có điều gì không hợp ý cũng xin toà soạn lượng thứ bởi lẽ ngay từ nhỏ tôi đã phải trở thành "con người của chế độ"....

(....)

Hoàng Lê Minh
Đức

MUA BÁO DÀI HẠN

nhanh. rẻ . nhiều quyền-lợi khác

1.—Mua báo dài hạn:

Độc-giả mua báo dài hạn nhận được báo gửi về tận nhà, được bớt 10% khi mua sách do *Làng Văn* phát-hành.

Xin điền phiếu mua báo, gửi kèm ngân, bưu, chi-phiếu về tòa-soạn.

Độc-giả tại Gia-nã-đại trả bằng gia-kim.

Độc-giả tại Hoa-kỳ trả bằng mỹ-kim.

Độc-giả ở các nước khác xin gửi bằng bưu-phiếu (mandat; postal money order mua tại bưu-điện, trả bằng gia-kim) hoặc ngân-phiếu quốc-tế (international money-order, trả bằng mỹ-kim). Muốn trả bằng chi-phiếu tiền địa-phương, xin đề tên người đại-diện *Làng Văn* tại địa-phương và gửi về địa-chỉ liên-hệ. Trong trường-hợp này, xin theo giá báo đã tính ra tiền địa-phương.

GIÁ BÁO DÀI HẠN

(một năm 12 số, kể cả số Xuân)

Báo gửi trong nội-địa Gia-nã-đại.... 40 gia-kim, thêm $2.8 GST
Hoa-kỳ:.....đường bộ 45 mỹ-kim/ máy bay 55 mỹ-kim
Các nước khác:.....đường thủy 45 mỹ-kim (hoặc 54 gia-kim)
máy bay: 75 mỹ-kim (hoặc 90 gia-kim)

Nếu trả bằng tiền địa-phương, gửi về các văn-phòng Làng Văn tại địa-phương, xin theo giá sau (số đầu là giá báo đường thủy, số sau là giá báo máy bay): Đức 80/130 đức mã; Hòa-lan 90/150 gulden; Nhật 7 000/12 000 yen; Pháp 270/450 quan; Úc 65/110 úc kim.

Quí vị sẽ nhận được số báo đầu-tiên khoảng từ 4 tuần (nếu mua báo gửi bằng máy bay) tới 8 tuần (đường thuỷ, bộ) sau ngày đặt mua. Sau thời-hạn này, nếu không nhận được báo, xin cho tòa-soạn biết để xem lại.

Mỗi độc-giả dài hạn sẽ có một mã-số riêng, in ở hàng đầu nhãn địa-chỉ ngoài phong bì gửi báo, xin quí vị cắt nhãn này để dành, khi cần giao-dịch với tòa-soạn (khiếu-nại, gia-hạn báo, mua sách, đổi địa-chỉ, v.v.) xin gửi kèm để tránh nhầm-lẫn. Mã-số này gồm hai nhóm số: nhóm số thứ nhất là mã-số độc-giả, không bao giờ thay-đổi; nhóm số thứ hai là hạn báo của quí vị. Thí-dụ: 4536-100. Quí Độc-giả mới, hoặc độc-giả cũ vừa tái hạn, xin vui lòng kiểm-soát nhóm số này và **thông-báo ngay** cho tòa-soạn mọi sự sai sót, nếu có.

2.—Đổi địa-chỉ:

Mỗi khi đổi địa-chỉ, xin báo ngay cho tòa-soạn để tránh mất báo. Tòa-soạn không gửi bù các số bị trả về. Khi báo địa-chỉ mới, xin cho biết mã-số độc-giả, hoặc ít nhất, phải có địa-chỉ cũ.

3.—Mua báo cũ:

Giá báo cũ bằng giá báo hiện hành.

Bạn đọc muốn mua từ số 1, xin gửi tiền cho 8 năm báo. Tòa-soạn sẽ gửi một lúc từ số 1 cho tới số mới nhất, sau đó sẽ gửi hàng tháng cho đến khi hết hạn.

4.—Bài đăng báo:

Bài gửi cho *Làng Văn* xin đừng gửi cho báo khác và ngược lại. Ngoại trừ tin-tức và một số vấn-đề có tính-cách khẩn-cấp hay đấu-tranh, tòa-soạn không đăng bài trùng. Bài gửi đăng xin đánh máy, hoặc chép tay thật rõ-ràng. Bài không đăng không trả lại dù có kèm tem. Quí vị có bài đăng báo sẽ nhận được báo biếu, nhuận bút hay quà văn-nghệ, tùy mức độ đóng-góp.

5.—Quảng-cáo:

Có hai loại quảng-cáo trên *Làng Văn:* quảng-cáo quốc-tế (đi khắp nơi, kể cả Toronto) và quảng-cáo địa-phương (Toronto). Giá biểu áp-dụng chung cho quảng-cáo và chúc tụng cá nhân (chúc mừng, chia buồn, cáo-phó,...) trên ấn-bản quốc-tế như sau: 1 trang 200$; 1/2 trang 110$; 1/4 trang (tối-thiểu): 60$. Các cơ-sở ngoài Toronto, xin gửi chi-phiếu kèm theo mẫu quảng-cáo. Tòa-soạn sẽ gửi tặng tờ báo có đăng mẫu quảng-cáo hay chúc tụng.

6.—Bản quyền:

Tất cả bài vở, tranh ảnh, quảng-cáo đăng trên *Làng Văn* thuộc quyền sở-hữu của Langvan of Canada Inc. Quyền này đã được đăng bạ đương nhiên tại Thư-Viện Quốc-Gia Gia-nã-đại, Hội Bảo-Vệ Tác-Quyền Hoa-Kỳ và Tổ-Chức Đặng-Bộ Tác-Quyền Quốc-Tế (ICPA). Muốn trích đăng, xin liên-lạc trước với tòa-soạn *Làng Văn* và phải được thỏa-thuận bằng thư.

PHIẾU MUA BÁO DÀI HẠN

Họ, chữ lót, tên:.....

Địa-chỉ:.....

.....

.....

Mua.....năm, từ số.....kèm chi-phiếu.....

Chi-phiếu xin đề: "Làng Văn", địa-chỉ ở trang 1

(Dùng chi-phiếu: gửi thư thường. Tiền mặt: xin gửi bảo-đảm).

PHIẾU TẶNG BÁO

Tôi muốn mua.....năm báo, kể từ số:.....

để tặng cho:.....

Địa-chỉ:.....

.....

.....

Xin ghi: *"Do.....tặng"*

Kèm theo đây là chi-phiếu:.....$, đề và gửi: "Làng Văn"

VĂN-PHÒNG "LÀNG VĂN" ĐỊA-PHƯƠNG:

VP "LÀNG VĂN" ÂU CHÂU:

Association Culturelle Loi 1901 Làng Văn (Village Littéraire):
Bạch Thái Hà
7 B-1 rue de Rethondes
95100 Argenteuil, France
ĐT: 34-10-26-46

Đại-diện tại Đức-quốc:
Ngô Việt Dũng
Postfach 104122
4600 Dortmund 1
Germany
ĐT: 656-949

Đại-diện tại Hòa-lan:
Hồ Thị Chiến
Lijister 77
1628 Am-Hoorn-NH
Holland
ĐT: 02290-31666

Đại-diện tại Anh-quốc:
Hoài Châu
19 Abdale Rd.
London W12 7ER
England

VP "LÀNG VĂN" ÚC-CHÂU:

Phạm Quang Ngọc
P.O. Box 198
Lakemba, NSW 2195
Australia
ĐT: (02) 758-2331

VP LÀNG VĂN Á CHÂU:

Đỗ Thông Minh
T 140 Tokyo-To
Shinagawa-Ku
Yashio 5-12-69-115
Japan
ĐT: (03) 799-1763

GIÁ BIỂU QUẢNG-CÁO

TRÊN ẤN-BẢN CANADA:

Bìa sau (hai màu):	300.00 gia-kim
Bìa trong (trước, hoặc sau):	200.00 gia-kim
Trang-trong:	120.00 gia-kim
Nửa trang:	80.00 gia-kim
1/3 trang:	60.00 gia-kim
1/4 trang:	40.00 gia-kim
1/8 trang:	25.00 gia-kim

ĐĂNG DÀI HẠN CÓ GIÁ ĐẶC-BIỆT

TRÊN ẤN BẢN QUỐC-TẾ (GỒM CẢ CANADA)

Nguyên trang trong:	200 mỹ-kim
Nửa trang:	110 mỹ-kim
1/4 trang (tối-thiểu):	60 mỹ-kim

nhắn tin tị-nạn

(lệ-phí: 10 mỹ kim; miễn-phí cho đồng-bào tại các trại)

LÂM HỮU QUỚI, con ông Lâm Văn Chót ở Châu-đốc, trước ở Panat Nikhom, đi định cư năm 1989, xin liên lạc **NGUYỄN VĂN THA,** PST 7512, House 83-B7, Sikiew Camp, P.O. Box 1302, Thai Red Cross Society, Bangkok 10501, Thailand.

NGUYỄN MẠNH TUẤN trước ở Đà-nẵng, đi năm 1975, cùng mẹ là Trịnh Thị Kim Cúc và các em Tú, Hùng, Mai, định-cư tại Montréal, Gia-nã-đại, xin liên-lạc bạn cũ là **VÕ HỮU TÌNH,** 119 Oak St., Red Deer, Alberta T4P 1S2, Canada.

NGUYỄN KHÁNH ĐỨC, tức Hậu, trước 75 làm RMK & BRJ cùng Đỗ Văn Liêm, sau làm thợ máy cho Aslask Barger và Transporytinc tại Đà-nẵng, cuối cùng làm chủ đồn-điền cà-phê tại cây số 65, Lâm-đồng, vượt biên qua Thái-lan năm 1978, định-cư tại Gia-nã-đại. **NGUYỄN MINH KHẢI,** trước 75 làm RMK; BRJ tại Đà-nẵng và Vũng-tàu, hiện định cư tại Gia-nã-đại. Xin hai bạn Đức và Khải liên lạc gấp với **ĐỖ VĂN LIÊM,** No 91114, VRD 738/89, Hut 8A, Section 10, Whitehead Detention Centre, Shatin, Hongkong.

NGUYỄN HẢI HẬU, cựu học-sinh Võ Tánh (Nha-trang) năm 55-61, cựu sinh-viên Luật cư-trú tại Đại-học-xá Minh Mạng (62-66), cựu sĩ-quan Quân-pháp tại Tòa Án Mặt Trận vùng 4 (67-75), nghe nói định-cư tại Bắc Âu, xin liên-lạc bạn cũ là **TRẦN VĂN CHÍNH** và **VƯƠNG ĐĂNG TƯỜNG** mới sang Mỹ, Địa-chỉ: c/o Nguyễn Đình Cường, 11245 Jerry Place, Cerritos CA 90701, USA.

Tìm bạn **DƯƠNG THỊ KIM LAN,** trước ở cư-xá Hỏa-xa Lý Thái Tổ, sau dời về Lê Văn Duyệt, du-học tại Kyoto, Nhật-bản năm 1972, nay ở đâu, xin liên-lạc về **TRỊNH GIA MỸ,** 7540 Katella Ave., Stanton, CA 90680, USA — quí bạn nào biết, xin vui lòng mách giúp, đa tạ.

Tìm bạn là **Bác-sĩ NGUYỄN TRỌNG THỦY,** trước học Trung-học Hồ Ngọc Cẩn, cư-ngụ tại đường Lê Quang Định, sau dọn sang Pháp ở 7 rue de Champs Elysée, 94250 Gentilly, nay ở đâu xin cho **TRẦN THANH TỊNH** (tên cũ **NGUYỄN THANH TỊNH**) biết, địa-chỉ: R.R. No 1, Dunrobin, Ontario K0A 1T0, Canada.

TRẦN THỊ THU THỦY, trước ở Nguyễn Trãi, quận 5, dạy học ở quận 8, đã được bảo-lãnh đi Toronto, Canada, liên-lạc gấp với **HOÀNG THIỆN LƯƠNG,** MC: 360891, ID: 24191, Camp Sungei Besi, MRCS/TMS, P.O. Box 12468-50778, Kuala Lumpur, Malaysia.

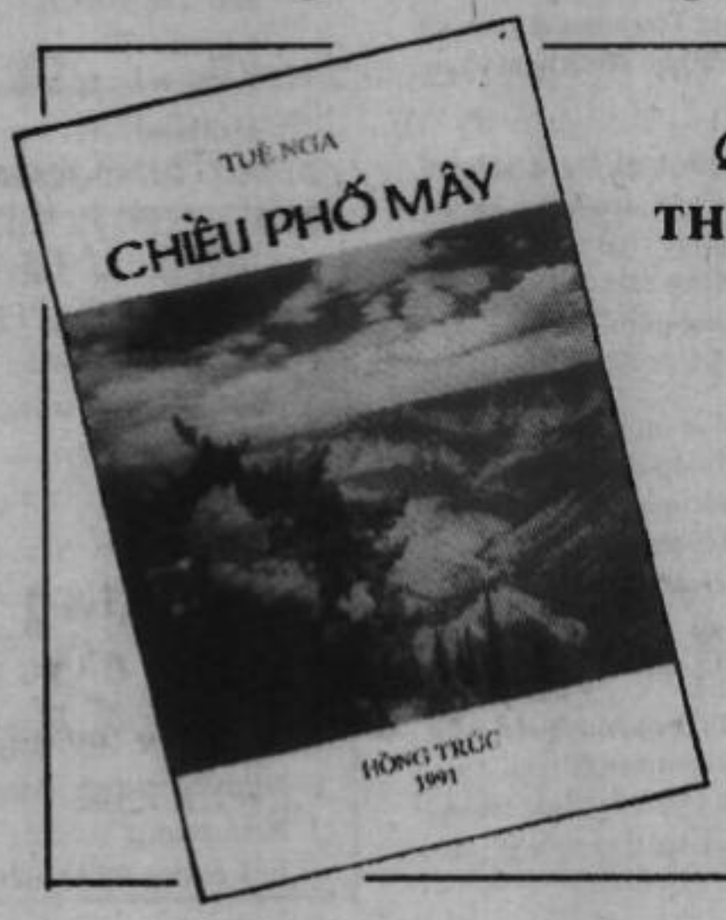
Các cậu TOÀN, HOẠT, CƯỜNG, trước 75 ở tiệm vàng Hải Khoát, đường Phan Đình Phùng, chợ Vườn Chuối, sang Mỹ ở đâu, xin liên-lạc cháu **HOÀNG QUỐC CƯƠNG,** con ông Hoàng Đạo Quang, trước 75 ở Phú-nhuận, nay ở Boat No PA 1018 / 43 Galang II, P.O. Box 19, Tangjung Pinang, Riau 29101, Indonesia.

NGUYỄN VĂN KHÁI, con ông Nguyễn Văn Oánh (Tiêu), tìm bác là **NGUYỄN VĂN TIẾU** (Nguyễn Văn Quý), sống ở Úc. Xin liên-lạc về: Nguyễn Văn Khái, L/M 2761/31 AO7498, Block 16, Flat 15, Pillar Point Refugee Centre, Tuen Mun, Hongkong; hoặc Nguyễn Văn Oánh (Tiêu) khu Vĩnh-thông, Thị-trấn Mạo-khê, huyện Đông-triều, tỉnh Quảng-ninh, Việt-nam.

kết bạn

(chi-phí đăng báo: 20$ một kỳ)

MỘT PHỤ NỮ sở-thích thương-mại, du-lịch, hai lần dang-dở vì tình đời gian-dối nên rất đau-khổ và cô-đơn, vì hồng-nhan đa truân, ước mong đón nhận những cánh thư xanh từ bốn phương cùng hoàn-cảnh, tuổi 35-45, những ai không có sự thành-thật xin đừng làm lãng-phí thì giờ của cả hai bên. Thư đầu nếu có ảnh hứa sẽ tặng lại. Xin liên-lạc: **NGỌC HOA DƯƠNG,** 15 Havelock Dr., Brampton, Ontario L6W 4A5.



Quí bạn yêu thơ không thể thiếu:

THI-TẬP THỨ TƯ của TUỆ NGA

Giá 12 mỹ-kim.

Thư-từ giao-dịch xin liên-lạc:

NGỌC PHƯỢNG
1727 - 24th Ave.,
Oakland, CA 94601

Who says Canada is the best country in the world?

The United Nations.

The Human Development Report (1992) is published by the United Nations Development Programme. The Human Development Index (HDI) used in this report is based on an evaluation of the life expectancy, education levels and purchasing power in 160 countries.

Canada

125 years to celebrate

thư đi tin lại

• Nguyên Hương phụ-trách



Anh HOÀNG LÊ MINH, Đức — Quí độc giả *Làng Văn* có đóng góp một số tem thư để tặng báo cho đồng bào tị nạn. Hoàn cảnh của các anh chị em lao-động và sinh viên ở vùng Đông Đức cũ, hiện sống tập-trung trong các trại cũng đáng được hưởng sự giúp đỡ tinh thần này. Xin đừng băn khoăn về món "nợ"; nếu có, xin tìm cách truyền bá tờ báo thật rộng, và đó là cách "trả nợ" tốt nhất.

Rất hoan nghênh sự hợp tác của anh trong tinh thần giải trừ chủ nghĩa và chế độ cộng sản để canh tân xứ sở.

EM BÉ BAY, Never Land — Cảm ơn Em Bé nhắc cho biết, hai buổi sinh hoạt của Bếp tại Paris và Hòa Lan rơi đúng vào ngày tranh giải túc cầu thế giới tại Âu châu, trận bán kết và chung kết! Bếp không mê bất cứ một môn thể thao nào, nên lạc quan cho rằng thiên hạ không đến nỗi mê bóng mà quên sách. NH thì hi vọng rằng giới đọc sách đa số là các cụ, do đó sẽ không ảnh hưởng lắm! Tháng 6 gặp nhau sẽ có nhiều chuyện bàn.

Sẽ tìm cuốn tự điển tiếng lóng Gia Nã Đại cho em bé. Toronto có tiệm sách to nhất thế giới mà tìm gì cũng không có. Không biết chủ tiệm quảng cáo láo, hay dân làng toàn tìm những thứ độc địa mà mua! Thân.

Ông PHAN NGAT, Đức — Đã nhận được tiền báo cho ông Phan Túy do bà Nguyễn Thị Hiệp trả. Phần ông vẫn chưa nhận được chi phiếu tái hạn. Kính.

Thi sĩ VI KHUÊ, Hoa Kỳ — Cảm ơn bà chị về sự chu đáo trong công việc. Sẽ có chút quà văn nghệ gửi biếu để tỏ lòng cảm tạ. Kính.

Thi sĩ TRẦN THIỆN HIỆP, Seattle — "Bệnh" làm thơ than mây khóc gió đã lậm vào máu một số các ông các bà thi sĩ, kể cả thi sĩ Bếp Mập. Sư huynh đừng thấy chàng tự răn đe trong bài *Gửi Cung Vũ* mà vội tin. Xạo đó! Bài điểm thơ sẽ đăng. Thân kính.

Thi sĩ XUÂN TƯỚC, Colorado — Kính chúc mừng hai họ Phạm — Phùng và lão sư ca. Tiếc vì bận công tác xa, không dự tiệc cưới của hai bạn Song Định, Minh Nguyệt được. Thân chúc hai bạn trẻ sắt cầm hòa hợp, sớm cho ông nội có cháu bồng. Kính.

LÊ MINH HIỂN, BC — Đã gửi cho cô 8 năm báo (gần một tuần lương!). Cảm ơn về các truyện ngắn Xóm Măng, xin tiếp tục. Ý kiến về các mục cho trẻ em có thể thực hiện được. Bắt đầu ngay đi, nhé. Thân mến.

LÊ NGUYÊN, tác giả bài *Đường về quê Nội* đăng trên *Làng Văn* trước đây, xin liên lạc với thân nhân là An Hickey, điện thoại (703) 354-0132 (sau 5 giờ chiều).

THANH VÂN, Cali — Đã nhận được tài liệu cô gửi. Đọc mà buồn. Giữa lúc nước non nghiêng ngửa, thì giờ đâu, trí óc đâu để quí vị sát phạt nhau vì những chuyện riêng tây. Cả ba đều là kiện tướng, có tài, có tầm ảnh hưởng riêng. Ước chi quí vị gác được chuyện nhà, dồn hết sức để khâu vá, băng bó vết thương chung của dân tộc thì cả nước (và Nguyên Hương) cũng được nhờ. Mong thay!

HƯƠU CAO CỔ, CA — Hươu khen thơ Bếp *"hay và đọc dễ hiểu"* làm chàng sướng quá, yên tâm vì như thế là có thể tạo được mối tương giao với giới trẻ lớn lên bên này. Bao giờ có dịp đi Toronto, nhớ ghé tòa soạn. Cổng làng cao lắm, Hươu không sợ đụng đầu. Thân.

Thi sĩ HUỆ THU, CA — Cảm ơn về cuốn băng thơ. Thấy thơ Huệ Thu đăng trên một tờ báo cộng sản ở Montréal, đọc kỹ lại, đúng là thơ Huệ Thu Cali. Ngạc nhiên về thái độ hợp tác này. Trong một cuộc chiến đang tiếp diễn giữa ánh sáng và bóng tối, giữa thiện và ác, giữa chính và tà, không ai có quyền chọn đứng ở ...cả hai bên. Nguyên Hương trọng tư cách của những người làm thơ, vì cho rằng họ có trái tim biết rung động trước nỗi khổ của đồng loại, đồng bào. Mong rằng quan niệm này không quá cổ hủ, lỗi thời!.

Thi sĩ HOÀI VIỆT, Pháp — Sẽ xin quấy rầy Việt Bình thanh trang một buổi. Mong gặp được nhiều người, nghe được nhiều chuyện. Bếp có thư riêng về chuyện họp mặt, sách vở. Kính.

Nhà văn XUÂN VŨ, TX — Cảm ơn ông về sự khích lệ. Đã nhận được cái truyện, xin đa tạ.

Ông LÊ NGỌC MINH, Ivory Coast — Tiền sách in trong thư mục bao gồm cả cước phí đường thủy. Nếu muốn gửi bằng đường hàng không, xin gửi thêm tiền cước tương đương với giá sách. Kính.

TRƯƠNG THỊ KIM ANH, Na Uy — Cảm ơn về món tem tị nạn tiếp theo. Ngọa thiền mà dễ à? NH chưa bao giờ thiền được phút nào cả. Thế mới biết nghiệp căn mình nặng quá! Bao giờ cùng đức lang quân sang Montréal thăm cụ nhà, trên đường thăm thác Niagara, nhớ dành một vài ngày cho Toronto nhé. Thân.

Anh LÊ QUỐC, Nhật Bản — Cảm ơn anh về các tranh tự họa của Cung Bản Vũ Tàng, sẽ in vào phần

phụ lục của *Thạch kiếm* tập 4, sắp in. Nếu có thể, anh cho xin bản chính.

Đang tìm mua hộ anh hai cuốn *The Ending of Time* và *The Future of Humanity* của Krishnamurti và David Bohm.

Ông Minh Tâm tại Sài-gòn trước 1975, dịch giả cuốn *Thời gian, đau khổ và sự chết* của Krishnamurti, không phải là cư-sĩ Minh Tâm, tác giả cuốn *Tìm Phật ở đâu* (Văn Nghệ xuất bản). Ông Minh Tâm ở hải ngoại là thân phụ nhà văn Nguyên Phong.

Ông ĐINH HUỲNH, CA — Đã nhận được 10 mỹ kim lệ phí nhắn tin. Cảm ơn ông.

VIỆT KIILI, Estonia — Vẫn tiếp tục gửi báo cho anh. Chưa nghĩ ra cách nào để giúp đỡ cụ thể hơn cho anh em bên đó, ngoại trừ số sách báo có tính cách thông tin. Chúc Việt và các bạn vượt được mọi khó khăn.

Ông TRẦN NGÂN TIÊU, FL — Bài nào gửi riêng cho *Làng Văn*, xin ông ghi cho một chữ "riêng" trên đầu bài, để phân biệt với loại bài gửi tới với tính cách tài liệu, thông tin gửi chung cho nhiều báo. Về truyện, tùy bút, biên khảo,..*Làng* không đăng trùng. Cảm ơn ông.

Ô. PHẠM VĂN THANH, Văn Bút Tự-Nạn, Hương Cảng — Nếu trại cấm không nhận chuyển băng nhạc ra ngoài, quí anh chị có thể nhờ thân nhân từ các trại tự do tới thăm hoặc các nhân viên thông dịch, thiện nguyện gửi hộ. *Làng Văn* vẫn đăng sáng-tác-phẩm của đồng-bào tại các trại ở Hương Cảng, chẳng những đã không *kỳ thị* (tại sao lại kỳ thị?) mà còn quan tâm nâng đỡ hết sức là đàng khác! Kính.

Ông Bà CHIẾN THẮNG, Hòa Lan — Sẽ gửi thêm thiệp mời và thư riêng, dặn ông bà thêm vài chuyện. Lấy xe ở Paris. Đồng ý vụ sách vở, sẽ trình bày mẫu quảng cáo và gửi qua. Thân.

BÙI TĨNH, Bỉ — Gửi tặng anh một năm báo. Đã gửi thư riêng về việc xuất bản. Cái truyện mới nhất anh gửi, hình như thiếu trang (trang chót tòa soạn nhận được số 11), xin anh xem lại. Nếu lo được tranh bìa, anh sẽ tiết kiệm 50 mỹ kim. Có thể đi ngang Bruxelles một lúc nào đó. Đã giữ số điện thoại, sẽ gọi anh. Nếu thu-xếp được, gắng qua Amsterdam ngày 28.6, sẽ gặp đông anh em trong làng hơn; xin liên-lạc VP Làng Văn Hòa Lan (trang 111) để hỏi đường.

Bà MINH TÂM, CA — Bà cho biết, sau khi biết CV và Bếp Mập là một người, chắc nhiều cô thất vọng vì "đã là thi sĩ thì phải thanh mảnh, gió thổi cũng bay chứ ai lại..." Thực ra trong giới làm thơ cũng có nhiều tay "nặng ký" lắm chứ, như Nguyên Sa, Vũ Kiện, Hà Huyền Chi, Thái Tú Hạp,.. chẳng hạn (danh sách này không phải của NH đâu; NH chưa đủ cân lượng để phải lập một danh sách để khi cần đưa ra... chống đỡ!) Thân.

Bà DƯƠNG KIM PHƯỢNG — Nguyên tác của *Lá thư cho con gái* là *Letter to Lisa* của Ruth Stafford Peale, đăng trên tạp-chí *Reader's Digest* khoảng cuối thập-niên 70. Hiện nay dịch-giả không còn giữ được bản chính, xin cáo lỗi cùng bà.

BS NGUYỄN TRI PHƯƠNG, St. Louis — Muốn hưởng 30% tiền bớt, phải mua trên 500MK *(net)* tiền sách; 500$ này là tổng-số tiền trả cho tòa soạn (sau khi đã trừ 30%). Cảm ơn ông về việc đóng góp tem thư chuyển lửa. Kính.

Ông ĐẠI NGU, Ottawa — Khi gửi bài, xin ông vui lòng theo dõi cột "bài nhận được" và "bài sẽ đăng." Kính.

Thi sĩ PHAN THỊNH, Monterey — Đọc hết xấp thư của anh, NH đề nghị anh nên viết tạp bút. Bốn cái thư góp lại, ngắt đầu xén đuôi, tỉa ngọn trau cành (như anh chơi *bonsai* vậy mà), thêm các đoạn nối, bỏ bớt lý luận, nhìn và hiểu cái tận cùng của sự việc bằng cảm quan,.. là có được một bài coi được. Anh bảo rằng anh "tập" viết văn, nên NH nhanh nhẩu đoảng, chỉ trỏ huyên thiên vậy đó. Phân bua trước để mai kia mốt nọ, anh thành nhà văn nổi tiếng, NH có bằng chứng để... kể công "khám phá nhân tài."

Này, anh có định viết "tân lục súc tranh công" không đấy? đã có bò vàng, chó trắng, heo đen rồi, đợi ba con nữa là đủ bộ, sẽ trình làng luôn thể.

Không nghe ông cụ nói gì về cách hãm trúc của anh, nhưng ông Bếp thì khoái lắm. Bếp vẫn ao ước có một mảnh vườn chừng vài mẫu trồng trúc, và cất một thảo am đủ rộng để đón-tiếp bạn bè.

Bếp gửi lời cảm ơn anh đã đón nhận *Nguyệt bạch* rất ấm áp. *Khói huyền bay thuốc nhuộm môi cong* mà nghe ra cô Linda Trang Đài hở rốn thì thú vị lắm! Đến câu "Tôi không mấy ái ngại cho những bạn bè thấm mệt, vì cũng có lúc họ sẽ lấy lại phong độ. Tôi chỉ ngại cho những bạn bè đổi lòng", NH thực sự bùi ngùi. Thấm thía lắm! Nhưng không nên bi quan quá, anh Phan Thịnh ạ. Số người đổi lòng ấy không đông, và thực sự họ cũng không đáng gọi là bạn.

Kể cho NH nghe tiếp chuyện cô bạn mới, *em hiền như ma... fi-a* của anh. Các cô Ý nhỏ tuổi thường xinh lắm, phải cái tội rất khó giữ eo sau này. Anh nên tập cho người đẹp ăn cơm hến, bánh bột lọc, bún bò..., mai kia mốt nọ anh có dọn về quê cha đất tổ, em bé cũng sẽ hăng hái xuất giá tòng phu.

Hôm nào đẹp trời, ba bố con chụp một cái ảnh gửi về cho NH lưu vào bộ ảnh làng; nhé. Bảo Trâm và Mây Ngàn chơi đàn giỏi như vậy rồi thì anh nên tập... hát. Nên lắm chứ!

Về tập thơ của anh, ông Bếp đang tìm cách thực hiện. Rất muốn được hân hạnh in tác phẩm đầu tay cho các bạn văn, nhưng phải chầm chậm một chút. Làng nghèo, có đồng nào dôi ra là viện-trợ cả cho

ông bưu-điện, đổi lấy tem chuyển lửa về quê, chuyển báo sang trại.

Về bài vở tồn đọng, không phải NH quên đâu, mà vì cố san sẻ cơ hội góp mặt đồng đều cho vui vẻ cả làng đấy thôi.

Mong có dịp gặp anh và các cháu. *Arrivederci!*

Ông VĨNH THAO, London, On — Cảm ơn sự khích lệ của ông, và các bài thơ. *Làng Văn* có bán tại tiệm Hồng Hoa. Nếu muốn nhận báo hàng tháng, ông có thể gửi chi phiếu cá nhân về thẳng toà soạn. Kính.

PHÙ-LƯU LÃO THÁI, Pháp — Đã nhận được bảng điểm, cảm ơn lão thái. Tháng 6 này gặp nhau, tha hồ bàn thiên hạ sự. Thân

NGUYỄN VĂN LỢI, Hương Cảng — NH đã xé trang báo có bài *Bùn lầy* gửi vào trại cho anh. Trại cấm chỉ nhận thư mỏng. Thư dày (và báo) không gửi vào được, rất tiếc. Thông tín viên của làng sẽ tìm cách chuyển nguyên tờ báo tới anh sau. Đã nhận được các bài thơ.

Anh viết, *"anh chị em cầm bút trong trại có nói rằng, nếu tác-phẩm của em mà được in trên báo Làng Văn là vận hên lắm đó"* và anh hỏi NH có đúng như vậy không? Quả thực, khó thì cũng có đấy, làng đất hẹp người đông, nhưng không vì thế mà không có chỗ cho các bạn mới, vấn đề là mỗi tác-phẩm phải chuyên chở được một điều gì đó.

Chúc anh khoẻ mạnh, viết đều và may mắn.

Anh PHẠM VĂN CƯƠNG, Mã Lai — Sẽ gửi thêm một gói báo mỗi kỳ theo cách anh chỉ dẫn. Sẽ gia tăng số báo gửi trong gói. Xin anh vui lòng phân phối cho những người có tên nhận báo (trong danh sách tặng báo), nếu hội Hồng Cung Mã Lai ngưng phát các phong bì báo cá nhân. Đa tạ.

Rất thông cảm nỗi hoang mang, dao động của đồng bào tị nạn. Chỉ còn cách kiên trì chịu đựng và cầu nguyện. Vụ mổ bướu não của anh thế nào, có nguy hiểm lắm không?

Ông HOÀNG QUỐC MINH, London — NH đồng ý với quan niệm gạn đục khơi trong của ông, cốt giúp cộng đồng nhìn thấy những khuyết điểm chung để tránh, trong tinh thần xây dựng. Tòa soạn hiếm khi trả lời thư riêng, vì điều kiện nhân sự, mong ông hiểu cho. Kính.

NGUYỄN THU KHÔNG, CA — Đã đi tới Michigan họp, sao không bay qua Toronto chơi? Bài toán thiên di về phương Nam phải tính lại. Nắng ấm thì thích, nhưng động đất (Cali) và mưa bão (Florida) khiến NH hơi ...lạnh cẳng. Thân.

Thi-sĩ BĂNG ĐÌNH, KS — Cảm ơn ông đã giới thiệu đại lý mới. Giá báo lẻ bán ra cho độc giả hiện nay là 4 mỹ kim, đại lý hưởng 20%, trừ vào tiền báo. Sẽ gửi gói báo đầu tiên tới ông. Kính.

Ông THIÊN LONG, BC — Khi viết tin trên báo, gọi nguyên cấp bậc cũ của một người (thí dụ: Đại tá Võ Đại Tôn) tuy không hợp về lý (vì ông Tôn không còn là đại tá nữa) nhưng gợi nhớ tới trách nhiệm của các chiến sĩ đối với quốc gia. Cấp bậc đó ngày nay không đi đôi với quyền hành và lợi lộc, mà gắn liền với bổn phận và nghĩa vụ công dân. Cũng như quốc ca, quốc kỳ và một số các ngày lễ, cho đến nay vẫn được người Việt và các cộng đồng bạn tôn trọng, mặc dù xét về mặt công pháp quốc tế, không còn hiệu lực nữa.

Trong một vài trường hợp, được báo chí gọi bằng cấp bậc cũ là một vinh dự; những nhân vật hư hèn không được hưởng vinh dự ấy.

Dù sao đó cũng là quan niệm và thói quen của tờ báo, mong không gây phiền hà cho ông lắm.

QUÁCH PHƯƠNG HẢO, TX — Xin ông (bà?) vui lòng ghi cho mã số độc giả, hoặc ít nhất, địa chỉ cũ để tiện theo dõi hồ sơ chuyển báo về địa chỉ mới. Đa tạ.

Ông ĐỒ MÂY GIÓ, CA — Đã nhận được lá thư than thở thê thảm của ông, lần này gửi từ Milpitas. Phiêu bạc về tới vườn *bonsai* là hạnh phúc rồi, đừng chơi trò thả thơ nữa mà làm phiền lòng người đang "cưu mang" mình. Và cũng đừng đãng trí lạc bước vào "vườn hồng" của người khác mà bị phang tơi tả như năm ngoái. Nhất là nhớ đừng khoe nhặng lên là bà nọ, cô kia mê mình, nghe... dị òm!

Nhà văn AN KHÊ, Pháp — Đã nhận được loạt bài mới, cảm ơn ông. Bấy lâu vắng tin, hóa ra vì ông đi "bụi đời" bên Bỉ. Kính.

Thi-sĩ NGUYỄN VĂN TẠ, Thái Lan — Tòa soạn cảm thông sâu xa với tâm trạng não nề của đồng bào tị nạn bị xua đuổi ở khắp nơi, do sự hí hởn trở về du lịch của những người cùng mang danh tị nạn, và may mắn hơn, đi trước. Đồng bào tị nạn đã bị giải giao về nước sẽ có dịp đặt vấn đề thẳng với những "Việt kiều yêu nước" này, ngay tại quê nhà.

Đã nhận các bài thơ. Kỳ này NH cũng gửi riêng bằng thư các trang báo có thơ và thắc mắc ông hỏi. Kính.

Anh TRẦN THÌN, Hương Cảng — Sẽ gửi thêm sách báo làm phần thưởng cho giải VHNT bên trại. Hoan hô thiện tâm của các anh chị em bên đó. Chúc anh đầy đủ sức khoẻ. Trông tin.

Ông TRẦN VĂN TƯ, Thái Lan — Đã nhận được bài *Hỏa hồng Nhựt tảo*. Lần sau ông gửi bằng thư thường được rồi, đỡ cước phí. Hết sức chú ý việc gửi báo cho Sikiew để tránh bị tịch thu. Kính.

NGUYỄN PHƯỚC BẢO QUÝ, NSW — Người anh hỏi thăm không phải là ông Kiều Phong (Lê Tất Điều), mà là một kẻ khác, tư cách kém hơn nhiều.

Việc mua sách, lệ *bớt 30% nếu mua quá 500 mỹ-kim trên tổng giá đã trừ huê hồng*, có nghĩa là, để được hưởng 30% tiền bớt, tổng giá sách mua cộng lại phải trên 714$ (trừ 30% còn 500$ trả cho tòa soạn).

Cô CAO THỊ NGỌC LAN, Na Uy — Đối với đồng bào cư ngụ ở các nước xa, đời sống kinh tế khó khăn, việc lập một "nhóm đọc báo" (những người trong nhóm hùn tiền lại, mua dài hạn nhiều tờ báo rồi chuyền nhau đọc), kể cũng tốt, ít nhất là về mặt thông tin. Tuy nhiên, khi đời sống đã ổn định, mỗi người tự mua báo riêng cho mình để được đọc báo sớm, đỡ hỏng rách và giúp toà soạn có thêm phương tiện cải tiến, càng quí hơn. Cứ đếm số độc giả dài hạn ở Na-uy tăng đều mỗi tháng, NH cũng mừng mà đoán rằng đời sống đồng bào bên đó ngày càng thoải mái hơn. Kính.

KIM ANH, Minesota — Đã nhận được thư thứ hai và phiếu mua sách. Sẽ tính lại. Tuy trễ nhưng trái phiếu vẫn có hiệu lực. Sau VX III, toà soạn đã gửi phiếu tham khảo ý kiến độc giả dài hạn về số tiền còn dư. Không tìm ra mã số của cô, xin cho biết. Kính.

NGUYỄN VIỆT, London — Đã nhận được cái truyện, tiến bộ thấy rõ, mừng cho em. Thân.

Thi sĩ CAO TIÊU, Cam thành — Cảm ơn ông đã vì làng mà vất vả. Tòa soạn có chút quà văn nghệ để bày tỏ sự tri ân. Kính.

Ông TÔ GIANG, BC — Sẽ có thư riêng về việc in thơ. Chúc ông dễ chịu hơn ở vùng ấm (nhưng ẩm). Kính.

Anh NGUYỄN MẠNH AN DÂN, Sungei Besi — Tòa soạn hết sức quan tâm tới tình hình sách báo bên đó. Xin anh vui lòng liên lạc hộ với những người có tên nhận báo, giúp tòa soạn nắm vững số báo tới tay người nhận để sắp xếp cách gửi nhanh và chắc chắn nhất. Chúc anh mau vượt qua cửa ải thanh lọc. Kính.

KIM VÂN, WA — Đã nhận được quỹ tiếp sức tem thư gửi báo cho trại đồng bào tị nạn, cảm ơn Kim Vân. Sẽ gửi danh sách các chùa và nhà thờ tại các trại cho KV.

Cảm ơn về các cuốn băng, ông Bếp vẫn chú ý nghe. Thân mến.

Anh HOÀNG LINH SƠN, Whitehead — Điều khổ tâm nhất cho tòa soạn là bưu điện Hương Cảng không nhận chuyển báo vào các trại cấm (bưu điện Mã Lai và Thái Lan cũng đang giở quẻ!) Vẫn có cách chuyển báo vào trại bằng nhiều ngả, kể cả ngả "a Xề", nhưng khó mà trao tận tay từng người. Mong anh tìm đọc "chui" với đồng bào trong trại.

"Lộn nhào" sẽ đăng, xin gửi tiếp. Từ nay, NH sẽ xé rời các bài được đăng báo, gửi riêng bằng phong bì thường (không in tên và địa chỉ *Làng Văn*) cho tác giả, mong sẽ tới nơi an toàn. Chúc anh may mắn.

Ông TÂM TRIỀU, CA — Vừa nhận được cuốn *Quê hương hoài*

THUỐC ĐẶC CHẾ

An-Tịnh Cư-Sĩ
Dr. PHẠM VĂN TRÍ

TIẾN-SĨ DINH-DƯỠNG
Giáo-sư Thuốc Bắc và Châm Cứu Đại-học San Francisco
Bằng hành nghề Châm cứu và Đông-y Liên-bang và Tiểu-bang Cali
Phụ-tá phòng mạch và thí-nghiệm: Wu Ji Huang

Các loại thuốc dặc-chế này đều:
- *Dựa theo công-thức cổ-truyền*
- *Phối-hợp với phương-pháp khoa-học hiện-đại để:*
  - *tăng-cường sinh-lực*
  - *trị đau nhức, đau gan, đái đường, cao máu*
- *Đã được thí-nghiệm tại các trường Đại-học Trung-quốc như Bắc-kinh, Thành-đô, Thượng-hải*

1. Sinh-lực-tố A chữa liệt-dương
2. Sinh-lực-tố B chữa xuất-tinh sớm
3. Tân-tân-tố chữa suy-nhược
4. Bổ-cốt-tố chữa đau-nhức
5. Thuốc trị đái đường
7. Thuốc trị ung-thư

Những người có thể uống rượu được, thuốc pha rượu uống thơm ngon. Các loại thuốc trên đều được nhập-cảng tinh-chất từ Trung-quốc

CÁC LOẠI THUỐC ĐẶC-CHẾ dùng 1 tháng đã thấy hiệu-quả

ACUPUNCTURE & NUTRITION CLINIC
496 S. 2nd St, San Jose, CA 95113
(gần chợ Đại Thành, góc đường William)
Tel: (408) 971-2320

GIỜ LÀM VIỆC:
Thứ Ba đến chủ-nhật
10 giờ sáng – 6 giờ chiều
(nghỉ ngày Thứ Hai)

CHÂM CỨU:
(nhận Medical và bảo-hiểm)
CỐ-VẤN DINH-DƯỠNG
(nhận Medical và bảo-hiểm)

Văn-phòng BẢO-HIỂM
NGUYỄN BÁ DĨNH
BA-DINH ASSURANCES INC.
5402 VAN HORNE (gần Décarie)
MONTREAL, PQ H3X 1G1
(Métro Plamondon, Bus 161 Ouest)
Tel: 342-6706

. Đầy đủ tất cả các loại BẢO-HIỂM
. Có thị-trường đặc-biệt cho người bị nhiều tai-nạn, hãng cũ từ-chối
. Nhận thị-thực chữ ký & sao y bản chánh (Commissaire à l'Assermentation)

NGUYỄN BÁ DĨNH
Courtier d'Assurances Agrée

bão, cảm ơn ông. Ông than, bị báo nhà quan (QGHC) của các bạn đồng liêu cũ giới thiệu là "cây bút có bài đăng trên các báo Cali, Oklahoma và Canada" trong khi thực tình chưa có "duyên nợ" với báo Canada.

Có sao đâu! *chưa* có duyên, nào phải *vô duyên!* Gửi bài một lần, chưa được đón nhận thì gửi nhiều lần, viết về nhiều loại, nhiều đề tài khác nhau. NH nghiệm thấy, những truyện đầu của đa số mọi người đều kém hơn các bài sau, cho nên, đừng vội nản. Kính.

Anh NGUYỄN VĂN THÔNG, Ma — Cảm ơn anh đã sốt sắng quảng cáo, giới thiệu. Nếu ở địa phương nào cũng có một đại lý như anh thì chẳng mấy chốc *Làng Văn* sẽ hiện diện khắp mọi nhà.

Rất thích những bài viết ngắn, giản dị mà thấm thía của anh về các vấn đề cộng đồng. Xin tiếp tục. Kính.

Ông NGUYỄN TRUNG THOẠI, Montreal — Sẽ gửi tặng Cơ Sở Khuyến Học một số sách Việt ngữ. Ngoài ra, toà soạn đặc biệt bớt 30% cho những sách mua làm giải thưởng. Xin ông theo dõi thư mục mới nhất trên *Làng Văn* 92 hoặc *Tự Do* 39. Kính.

BÁO TRẢ VỀ

Xin quí độc-giả có tên sau đây liên-lạc với tòa-soạn để cập-nhật địa-chỉ mới; tòa-soạn không gửi bù các số báo bị trả về:

Châu Tuyết Quỳnh (Montreal).

BÀI NHẬN ĐƯỢC

Văn: Phan Thịnh (2), Băng Đình, Nguyễn Việt, Lê Minh Hiển (2), Nguyễn Văn Thông, Nguyễn Thị Vinh, Phạm Văn Cương, Cao Nguyên Phong, Dũng Văn, Bùi Tĩnh, Đoàn Văn Thông, Đông Nghi, Lã Mộng Thường, Ngô Nguyên Dũng, Phan Long Yên, Xuân Vũ, Hồ Trường An, Vi An, Nguyễn Song An, Phan Văn Minh, Trần La Bình, Hoàng Linh Sơn (2), Lê Thao Chuyên.

Thơ: Trần Thị Lai Hồng (4), Đặng Văn Giai (3), Vạn Giả, Cao Xuân Tứ (3), Phan Long Yên, Cao Hoàng Nhân, Nguyễn Ngọc Bản Mường (4), Vĩnh Thảo (4), Triều Hoa Đại, Phạm Tiến Khởi, M.C.B. (2), Đức Nguyễn (4), T.N. (2), Tuệ Nga (2), Thúy Sơn, Nguyễn Văn Ngọc (2), Trần Mộng Tú, Phan Thịnh (6), Cao Tiêu (3), Tô Giang (3), Lê Thụy Vi, Băng Đình, Lê Đức Dũng (2), Minh Tuấn (2), Trần Vấn Lệ (12), Nguyễn Thái Bình (2), Nguyễn Văn Nội (4), Tùng Hải (2), Đỗ Văn Quang (3), Phạm Công Dũng, Hoàng Linh Sơn (10), Vũ Chí Hùng, Trần Duy Lân (2), Nguyễn Công Chính (2), Anh Tâm (4).

Tranh, ảnh: Vẹt, Lê Quang Xuân.

BÀI SẼ ĐĂNG

Văn: Cửa đạo của kiếm (VA), Lộn nhào (HLS), Tình đầu tình cuối (NND), Lương Văn Chánh (PLY), Cõi thơ lưu vong (HTA), Cầu tre lắc lẻo (ĐN), Bên lề một chuyến đi (NTV), Sự đột kích của lòng nhân (NVT), Chiếc áo len đồng phục, Ban C (LMH), Bên kia đường (NV), Kẻ hành hương... (DV), Hoả hồng Nhựt Tảo (TLB), Cánh chim trời vỗ cánh (CNP), Bi kịch về quê (XV).

Thơ: Tình xóm cũ (AT), Cơn mưa sẽ tạt, Nghe tiếng thu quyên (TVL), Mầm sống (VCH), Tình thương mệt mỏi, Nhịp cầu quê hương (MT), Trở lại (LĐD), Gởi mộng về quê, Phai màu (ĐVG), Chiều thu (LTV), Phẫn nộ (TG), Cổ độ (TS), Như trời quê hương, Đêm thanh (TN), Hãy chuyển lửa (ĐN), Thập giá (TMT), Rượu mừng, Hỏi trăng đất khách (NVN), Cảm đề, Quỉ thi, Qua cửa Thần Phù (CT), Mưa qua xóm Vỹ (CXT), Ngũ ngôn, Quỳnh hoa, Nguyệt bạch, Nỗi buồn lam (PT), Chuyện hoa vàng (THĐ), Bài ca tháng sáu (TTLH), Niềm đau thăng hoa (VG).

Tranh: Vẹt.

CÁO PHÓ

Đau đớn báo tin cùng thân bằng quyến thuộc,

Cụ LÊ ĐỨC PHỔ

là Cha, Ông, cụ cố chúng tôi đã từ trần ngày 27.3.1992 (nhằm ngày 24 tháng hai năm Nhâm Thân) tại Montréal, hưởng thọ 74 tuổi.

Lễ an táng đã được cử-hành tại Montréal ngày 31.3.1992.

Tang gia đồng khấp báo:

Lê Thị Chút, chồng và các con cháu
Lê Đức Hồng, vợ và các con cháu
Lê Thị Hồng Hải, chồng và các con
Lê Đức Sâm, vợ và các con
Lê Thị Hòa

CHIA BUỒN

Được tin buồn,

Cụ Bà PHẠM VĂN THỨC
khuê danh LÊ THỊ HẢI
pháp danh TÂM NGOẠI

nhạc-mẫu nhà thơ Triều Hoa Đại, đã từ trần ngày 9.4.92 (mùng 7 tháng ba năm Nhâm Thân) tại Santa Barbara, California, Hoa-kỳ, hưởng thọ 80 tuổi,

Xin thành kính phân ưu cùng tang quyến, kính chúc hương linh cụ bà sớm về nơi an nghỉ đời đời.

ÓB. Lê Quang Xuân
Tòa-soạn Làng Văn

GÓP VUI

Nhận được tin vui, nhà văn và bà ĐỖ KHÁNH HOAN, Scarborough sẽ làm lễ thành-hôn cho thứ nữ

ĐỖ NHƯ HẰNG

se duyên cùng cậu

TRẦN VĂN ĐỨC

trưởng nam của ông bà TRẦN VĂN ĐÁO, Mississauga,

Hôn lễ sẽ cử-hành ngày 4 tháng 7 năm 1992 tại Toronto,

Xin góp vui cùng hai họ; thân-ái chúc các cháu Đức & Hằng hạnh-phúc trăm năm.

ÔB Trần Trung Lương
ÔB Nguyễn Ngọc Ngạn
ÔB Đào Trường Phúc
Nguyên Hương & Nguyễn Hữu Nghĩa

GÓP VUI

Nhận được tin vui, Ông Bà Henry Phạm Văn Tước, tức thi-sĩ Xuân Tước, Colorado, Hoa-kỳ, sẽ làm lễ thành-hôn cho thứ nam là

PHẠM SONG ĐỊNH

se duyên cùng cô

PHÙNG THỊ MINH NGUYỆT

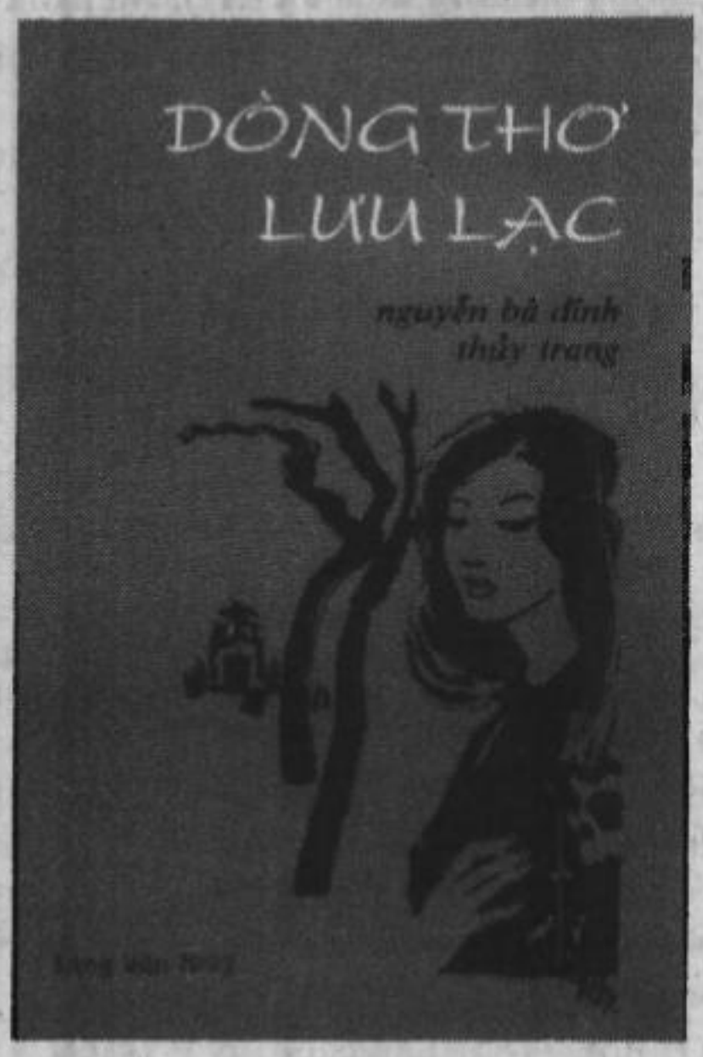
thứ nữ của Ông Bà Phùng An Khang, Colorado.

Hôn-lễ sẽ cử-hành tại Thánh-đường Nữ Vương Tử Đạo Việt-nam, Colorado ngày 27.6.1992.

Hân hạnh chúc mừng hai họ Phạm & Phùng. Thân chúc cô dâu chú rể hạnh-phúc đời đời.

Ô Hồ Trường An
ÔB. Nguyễn Ngọc Ngạn
ÔB. Trần Trung Lương
ÔB. Nguyên Nghĩa
Nguyên Hương & Nguyễn Hữu Nghĩa

Bạn đã có chưa, những tập thơ xinh đẹp phát-hành trong tháng:



Gía 8MK
(10 GK)
←

Giá 7MK
(8.5 GK)
→

Đã phát-hành
khắp nơi

Hỏi tại
các nhà sách
hoặc
gửi chi-phiếu
về
Làng Văn



tin... sách

Quí độc-giả dài hạn Làng Văn đặt mua sách trong thời-hạn:

từ 25.3.92 đến 3.7.92 được bớt 20%

Độc-giả dài hạn mua trên 500 mỹ-kim (hoặc gia-kim — giá đã trừ phần trăm), được bớt 30%.

Các đại-lý đặt mua trên 1000 mỹ-kim (hoặc gia-kim — giá đã trừ phần trăm), kèm chi-phiếu thanh-toán, được bớt 40%.

Tiền sách (đã bớt) bao gồm cước-phí và thuế.

Thư-từ, tiền-bạc, chi-phiếu xin đề và gửi về:

LÀNG VĂN
P.O. Box 310, Station "W"
Toronto, Ontario M6M 5B9
Canada

XIN XEM THƯ-MỤC ĐĂNG TRÊN LÀNG VĂN Số 92 VÀ PHẦN BỔ-TÚC DƯỚI ĐÂY

BÊN KIA ĐƯỜNG
Truyện ngắn, Võ Hồng
6.50MK—9GK

BÊN LỞ BÊN BỜI
Truyện ngắn, Nguyễn Thị Hoàng Bắc
10MK—13GK

BIỂN ĐIÊN
Truyện dài, Túy Hồng
12MK—16GK

CHUÔNG ĐÊM
Truyện ngắn, Ngô Nguyên Dũng
10MK—13GK

CÕI SA-MÙ
Truyện dài, Trần Long Hồ
18MK—23.50GK

COMMON MISTAKES IN ENGLISH
Sách học Anh-văn, T.J. Fitikides
11.50MK—15GK

DƯỚI MÁI TRĂNG NON
Tùy-bút, Mộng Tuyết Thất Tiểu Muội
6.50MK—9GK

LINH-MỤC NGƯỜI LÀ AI
Lã Mộng Thường
17MK—22GK

HÀNH-TRÌNH VỀ PHƯƠNG ĐÔNG
Nguyên Phong
10MK—13GK

MƯA THU NHỚ TẮM
Truyện dài, Bình Nguyên Lộc
6.50—9GK

NGÀY QUANH QUẤN
Truyện ngắn, Trần Long Hồ
10MK—13GK

NHỮNG BÍ-ẨN TRÊN DÃY HI-MÃ-LẠP-SƠN.
12MK—16GK

NIỀM VUI UNG-THƯ
Truyện ngắn, Trần Long Hồ
10MK—13GK

NỮ CHÚA HỒ BA BỂ
Truyện dài, Hoàng Ly
7MK—10GK

PHƯƠNG-PHÁP DƯỠNG-DỤC TRẺ CON THÀNH NGƯỜI
11MK—14.50GK

QUAN-NIỆM GIẢI-THOÁT TRONG PHẬT-GIÁO
Sách Phật-học, Thiện Cẩm
7MK—10GK

SÔNG MỸ, SÔNG VIỆT
Truyện ngắn, Huỳnh Hữu Cửu
6.50MK—9GK

SỐNG ĐỜI VƯƠN LÊN
Sách học làm người, Phạm Côn Sơn
7MK—10GK

SỬ CƯƠNG TRIẾT-HỌC ẤN-ĐỘ
Biên-khảo, TT Quảng Liên
8MK—11GK

THẨM-MỸ-HỌC THÔNG-KHẢO
Biên-khảo, Nguyễn Văn Xung
11MK—14.50GK

THẾ-GIỚI BÙA NGẢI
Truyện dài, Hùng Sơn
14MK—18.50GK

THU GỬI NGƯỜI ĐÀN BÀ KHÔNG QUEN
Truyện dài, André Maurois, Nguyễn Hiến Lê dịch
7MK—10

TIẾNG NÚI
Truyện ngắn, Ngô Nguyên Dũng
14MK—17GK

TIỂU TRUYỆN DANH NHÂN
Biên-khảo, Cố Nhi Tân
6MK—8.50GK

TỪ KHOA-HỌC ĐẾN TÍN-NGƯỠNG
Biên-khảo, Nguyễn Hữu Trọng
7MK—10GK

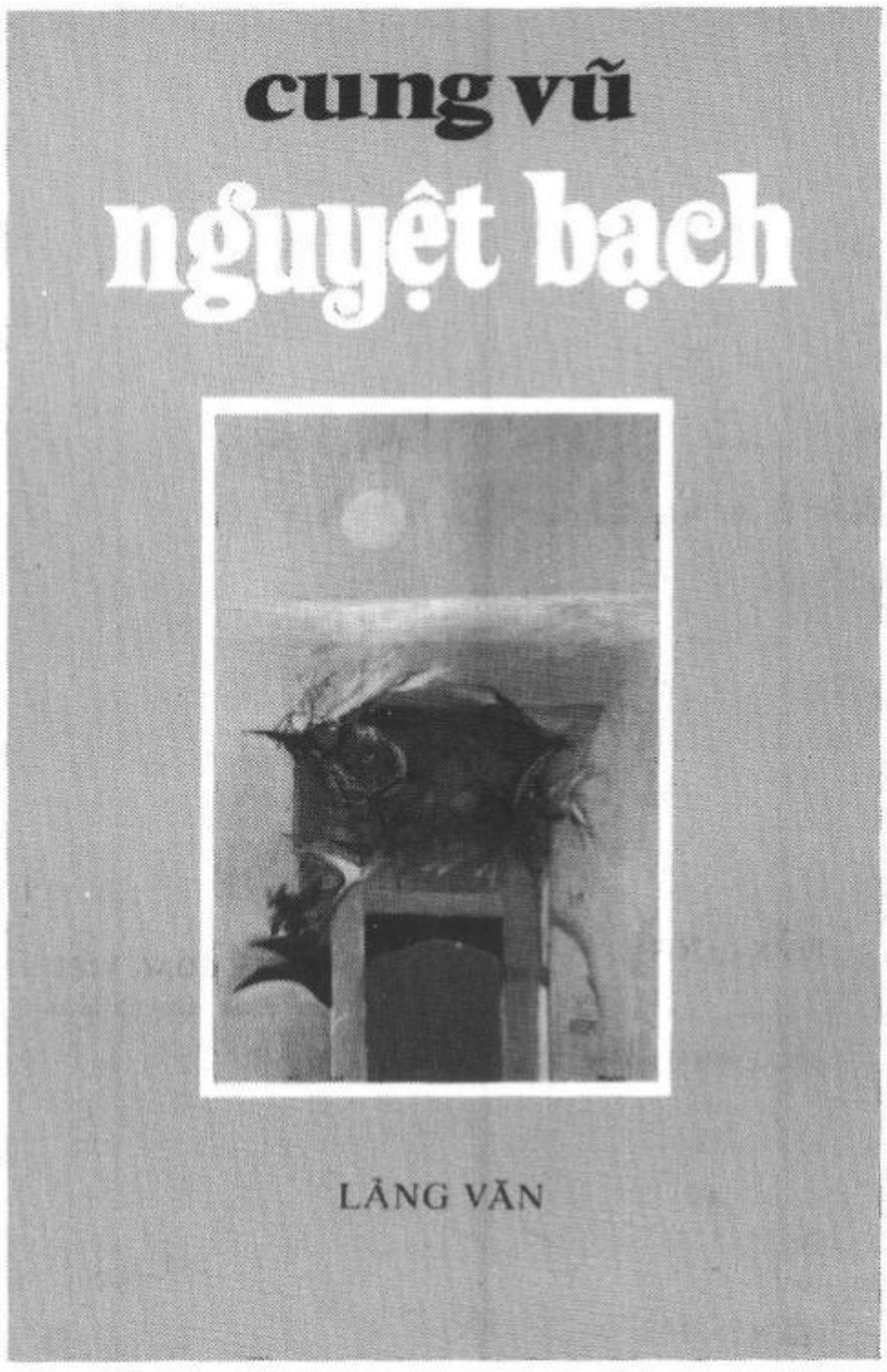
TÌNH NGƯỜI BÊN KIA CHIẾN-TUYẾN
Truyện dài, Đỗ Quốc Anh-Thư
15MK—19.50GK

VẺ VANG DÂN VIỆT
Gương thành-công của người Việt hải-ngoại
32MK—41.50GK

VIỆT-NAM QUÊ-HƯƠNG TÔI
LM Dominico Đỗ Minh Trí
10MK—13GK

LANG VAN is published monthly. Application to mail at Second class postage rates is pending at Lewiston, New York Postmaster, send address changes to P.O. Box 1185, Lewiston, NY 14092

Đã phát-hành khắp nơi,
tập thơ thứ ba của Cung Vũ



Giá 10 mỹ-kim (10 gia-kim - 70 quan Pháp - 15 úc kim)

HỎI TẠI CÁC NHÀ SÁCH, HOẶC GỬI CHI-PHIẾU VỀ:

LÀNG VĂN
P.O. Box 310, Station "W"
Toronto, Ontario M6M 5B9 Canada
Tel. (416) 249-4195) - Fax: (416) 240-0342

Đã phát-hành khắp nơi,



Giá 10 mỹ-kim (12 gia-kim - 80 quan Pháp - 15 úc kim)

HỎI TẠI CÁC NHÀ SÁCH, HOẶC GỬI CHI-PHIẾU VỀ:

LÀNG VĂN

P.O. Box 310, Station "W"
Toronto, Ontario M6M 5B9 Canada
Tel. (416) 249-4195 - Fax: (416) 240-0342